NĂM THỨ MƯỜI CHÍN • # 218 • JUNE 2007

THẾ KỶ 21

14771 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: tapchitheky21@yahoo.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 139
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

Thiền Sư Thích Nhất Hạnh và Đàn Tràng Giải Oan

NHIỀU TÁC GIẢ

Ngày Giỗ Thứ 22 của Nhà Văn Thanh Nam

NHIỀU TÁC GIẢ

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

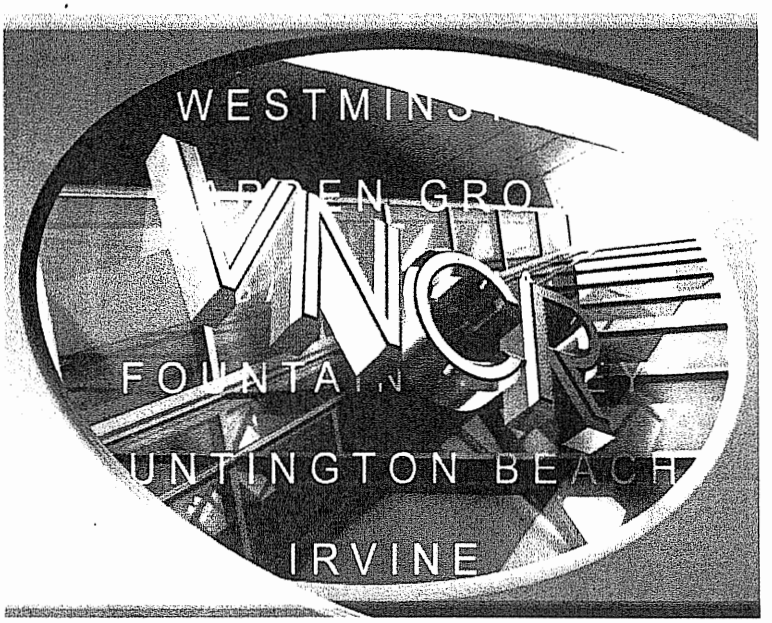

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO*
phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động.
Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn,
thu hút người xem trên khắp thế giới.

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!
QUẢNG CÁO NGAY TRÊN
WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

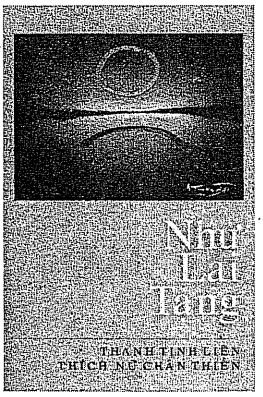

NHƯ LAI TẠNG
THANH TỊNH LIÊN, THÍCH NỮ CHÂN THIỀN
Các bài giảng trong sách đều nhằm giúp cho người đọc hiểu giáo lý căn bản của Phật pháp qua luật Nhân Quả, Nghiệp Báo, và chỉ ra con đường Giác Ngộ để giải thoát chính mình và chúng sinh. Lại có cả một đề tài trọng đại: "Chết đi về đâu? Chết còn hay mất?" giải đáp một cách thuyết phục cái thắc mắc muôn đời của con người theo cái nhìn của đạo Phật. Tất cả đều nhằm hướng mọi người vào con đường duy nhất phải theo: con đường tu tập. Giá 12 Mỹ kim.

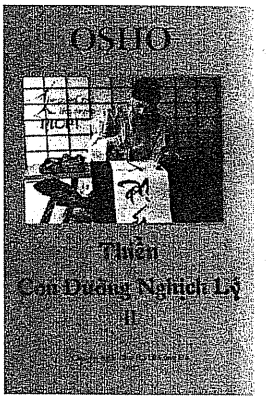

THIỀN, CON ĐƯỜNG NGHỊCH LÝ - OSHO.
Bản dịch: Tâm Hà LÊ CÔNG ĐA
Osho là một đại sư về Đạo học của thời nay. Sách này ông dạy về Thiền: "Thiền không phải là tôn giáo, không phải một hệ thống tín điều, không phải tín ngưỡng. Thiền cũng không phải là sự tìm kiếm, không phải suy tư, không phải triết lý. Phương pháp cơ bản của Thiền là chấp nhận tất cả, không có gì bị loại bỏ. Ngay tại khoảnh khắc này tất cả đều toàn hảo." Giá 15 Mỹ kim.

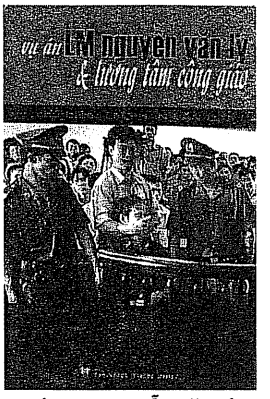

VỤ ÁN LM. NGUYỄN VĂN LÝ
VÀ LƯƠNG TÂM CÔNG GIÁO
Nhiều Tác Giả
Vụ án LM Nguyễn Văn Lý đã và đang trở thành biến cố xoay vần lịch sử và văn hóa trong Giáo hội Công Giáo và đất nước Việt Nam. Chưa bao giờ một biến cố đã thu hút số lượng bài vở phong phú và đa dạng của nhiều cây bút, đa số là giáo dân, đề cập đến sự kiện nóng bỏng này. Nhiều bài vở, nhân dịp này, cũng đặt lại vấn đề thái độ của Giáo hội Công giáo Việt Nam hiện nay đối với hành vi chà đạp nhân quyền của chính quyền cộng sản. Giá 15 Mỹ kim.

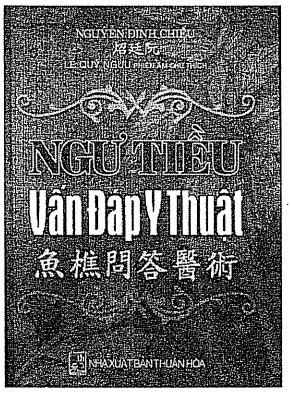

NGƯ TIỀU VẤN ĐÁP Y THUẬT
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
Phần lớn chúng ta biết đến Nguyễn Đình Chiểu qua truyện Lục Vân Tiên, một tác phẩm văn vần được phổ biến sâu rộng trong mọi tầng lớp dân chúng miền Nam hơn một thế kỷ qua. Nhưng Ngư Tiều Vấn Đáp Y Thuật cũng là một tác phẩm quan trọng của ông, qua một câu chuyện tiểu thuyết với thể thơ nôm lục bát, đã trình bày nhiều vấn đề y lý, được đối đáp giữa một người đánh cá và một người tiều phu đi tìm học thuốc. Giá 23 Mỹ kim.

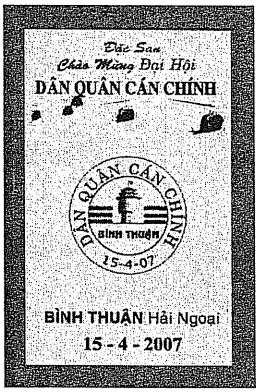

Đặc san chào mừng Đại Hội
DÂN QUÂN CÁN CHÍNH BÌNH THUẬN
Thời Việt Nam Cộng Hòa, tỉnh Bình Thuận là một tỉnh quan trọng ở cực nam miền Trung, thuộc quân khu II, với tỉnh lỵ là Phan Thiết. Sau biến cố 1975, dân, quân, cán, chính của tỉnh này lần lượt đi tị nạn ở nước ngoài khá đông, năm nào cũng tổ chức họp mặt để gặp gỡ nhau. Đặc san này gồm những bài viết nhắc lại các kỷ niệm của dân chúng và chính quyền Bình Thuận ngày xưa, nhân ngày họp mặt 15 tháng 4, 2007. Giá 5 Mỹ kim.

SIÊU VI B & C KẺ THÙ VÔ HÌNH
Các Bác Sĩ: BÙI XUÂN DƯƠNG,
TRỊNH NGỌC HUY, EMMET B. KEEFFE
Theo thống kê y khoa, hiện nay hơn 10 triệu người Việt Nam bị viêm gan B mãn tính, và khoảng 5 triệu bị viêm gan C mãn tính. Đây cũng là lý do đưa đến tỉ lệ ung thư gan rất cao trong tập thể người Việt tại quốc nội cũng như hải ngoại. Cuốn sách này chứa đựng nhiều kiến thức về siêu vi B và C và bệnh đau gan, rất có ích lợi cho người Việt Nam để biết về chứng bệnh rất thường bị mắc phải này. Giá 18 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

Ghi chú: ***Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)***

Tìm đọc:

NHỮNG MÙA XUÂN TRỞ LẠI

Tuyển Tập

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Tác giả sinh năm 1921, vào làng báo từ năm 1948. Đến nay tuổi đời đã 86, tuổi nghề đã ngót 60.

Thời VNCH có thời gian ông làm Tổng thư ký Việt Nam Thông Tấn Xã. Ông đã từng là Giáo sư dạy môn Báo chí tại các trường Đại học Vạn Hạnh và Đà Lạt. Sau khi miền Nam sụp đổ, ông đi tù trong 12 năm.

Cư ngụ tại San Jose từ năm 1992, ông vẫn tiếp tục viết báo và viết những biên khảo về khoa học. Đây là Tuyển Tập đầu tiên của ông. Giá $20.00

Như Mai xuất bản

Liên lạc:

P.O. Box 3342

Santa Clara, CA 95055 3342, USA

E-mail: nttguyen@gmail.com

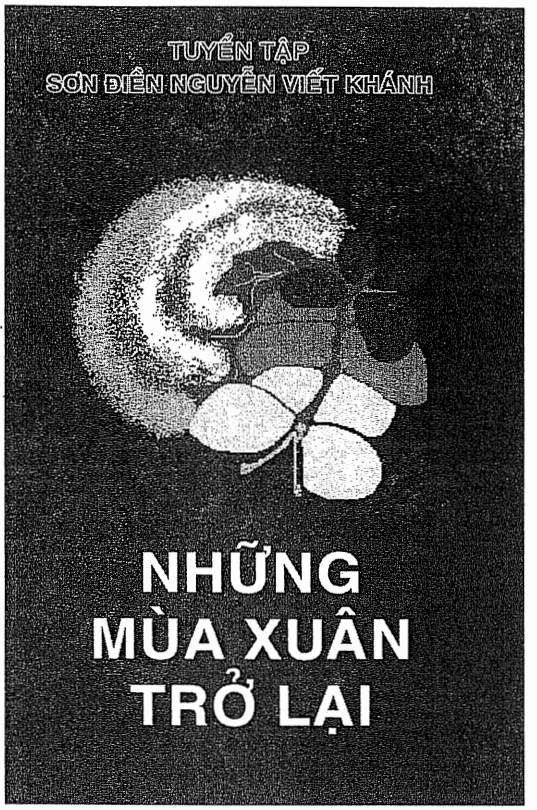

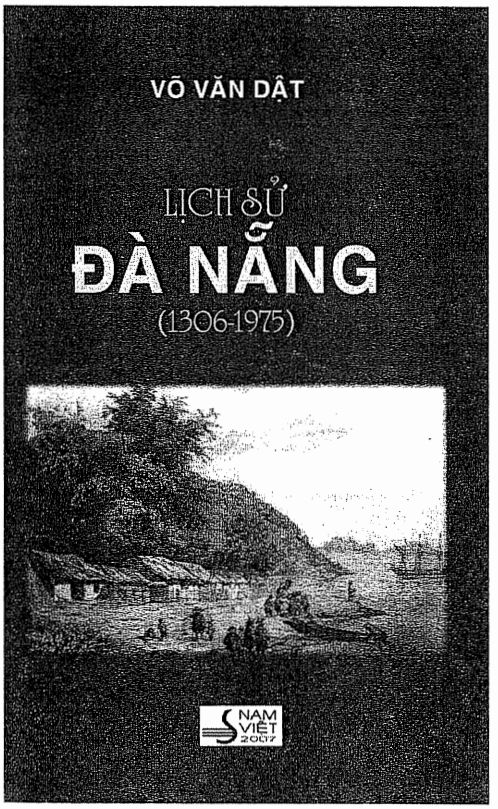

Tìm đọc:

LỊCH SỬ ĐÀ NẴNG (1306-1975)

VÕ VĂN DẬT

Một tài liệu khảo cứu công phu về thành phố Đà Nẵng một thành phố hải cảng không những quan trọng đối với miền Trung mà còn đối với cả Việt Nam -- từ thời vùng đất này mới từ tay người Chàm chuyển sang cho người Việt Nam đầu thế kỷ 14 cho đến năm 1975. Giá $18.00

Nam Việt xuất bản.

Liên lạc với tác giả:

huonganvo@yahoo.com

Chi phiếu xin đề: **Kathy Vo**

1464 Sunbeam Circle

San Jose, CA 95122 - USA

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **tapchitheky21@yahoo.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Liên lạc với Ban Trị Sự
(714) 892-9414 Ext. 141
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khải Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: tranh của họa sĩ **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Uyển Nghi**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 218 – Tháng Sáu 2007

CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
12. Vươn lên trong bão táp – **Nguyễn Minh Cần**
19. Một vận hội mới cho Âu châu và nước Pháp? - **Nguyễn Anh Tuấn**
25. Đi vào Tổng tuyển cử cuối 2008 – **Cổ Lũy**

THIỀN SƯ NHẤT HẠNH VÀ ĐÀN TRÀNG GIẢI OAN
06. Đạo Phật sống giữa đời – **Ngô Nhân Dụng**
09. Hành trình trên ba miền Việt Nam – Tổng hợp
34. Đàn tràng Giải oan nhìn dưới khía cạnh tâm lý dân tộc và tâm lý trị liệu – **Trần Kiêm Đoàn**
39. Có một đạo Phật như thế! – **Bùi Tín**
92. Nghĩ về đàn tế chiến sĩ trận vong của tướng Nguyễn Phúc Hiệp – **Tâm Khai**
95. Một vị thầy sống hạnh nghèo nàn – **Cổ San**
98. Điểm tựa tâm linh hiện đại và dư luận – **Trần Tiến Dũng**
100. Tường thuật pháp thoại "Quyền lực và Hạnh phúc" – **Tâm Nguyên Khương**
105. Từ ngoại cảm tới trai đàn giải oan – **Cam Vũ**
111. Tường thuật của học trò người Mỹ... – **David Nelson, Victoria Emerson**
113. Cây trên sườn núi – **Tiểu Huyền**

TƯỞNG NIỆM THANH NAM
61. Thanh Nam – **Võ Phiến**
63. Bài hành đón tuổi bốn mươi – thơ **Thanh Nam**
64. Nghìn trùng Thanh Nam – **Túy Hồng**
70. Hồn xưa tiếng xưa – **Trần Thị Lai Hồng**
75. Đất khách, thương nhớ Thanh Nam – **Đặng Tiến**
77. Nhớ Thanh Nam – thơ **Đặng Tiến**
78. Ba Sơn Dạ Vũ – **Nguyễn Hưng Quốc**
96. Đêm cuối năm uống rượu một mình – thơ **Thanh Nam**
99. Sài Gòn – thơ **Thanh Nam**
115. Hà Nội – thơ **Thanh Nam**
116. Buồn ga nhỏ – **Thanh Nam**
119. Ký ức về Hồ Dzếnh: kỷ niệm còn tươi – **Thanh Nam**

NHỮNG BÀI KHÁC
85. Những cánh hoa trắng trên cây khô – **Thảo Trường**
103. Du mộng – thơ **Tô Thùy Yên**
107. Mai sau em về – thơ **Bùi Giáng**
109. Bình minh – thơ **Tuệ Sĩ**

MỤC THƯỜNG LỆ
5. Bạn đọc viết, Tòa soạn và Bạn đọc, Hộp thư Trị sự
48. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
54. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Du học để lấy bằng... lái xe

Bài "Căn nguyên suy thoái của nền giáo dục Việt Nam hiện tại" của Trần Gia Phụng đăng trên Thế Kỷ 21 số 217 vừa rồi là một tổng kết khá công phu và xác thực tình hình học vấn dưới chế độ cộng sản trong nước. Ý nghĩa quan trọng nhất của bài là cho thấy sự suy thoái là con đẻ của độc tài. Phương thuốc duy nhất để thoát khỏi suy thoái giáo dục là chấm dứt độc tài.

Nhưng chế độ trong nước ngày càng tỏ ra độc tài hơn, bóp nghẹt không thương tiếc những vận động dân chủ cho đất nước. Như vậy không lý do gì có thể lạc quan về một nền giáo dục khai phóng. Đã suy thoái, chỉ có thể ngày càng suy thoái hơn.

Tôi may mắn có cơ hội quan sát các sinh viên Việt Nam ngày nay du học tại Mỹ. Có thể nói 95 phần trăm trong số họ không đạt phẩm chất học vấn. Việt Nam Cộng Hòa trước đây, mà hầu hết các nước trên thế giới cũng vậy, phải thật giỏi mới được đi du học. Ngày nay việc du học tại Việt Nam rất bừa bãi, dựa trên tiền bạc và quyền thế chứ không trên trình độ học. Vì vậy cứ một trăm người thì có đến 95 người qua Mỹ chẳng học hành gì được cho đến ngày về nước, ngay cả môn tiếng Anh sau mấy năm vẫn ú a ú ớ. Nếu thời Pháp thuộc có những công tử đi Pháp du học cuối cùng chỉ mang về được cái bằng nhảy đầm, thì các cậu ấm cô chiêu thời nay sang Mỹ mấy năm chỉ mang về cái... bằng lái xe. Trong khi đó có biết bao người giỏi mà nghèo và không thân thế thì vẫn ì ạch với nền đào tạo ngày càng suy thoái ở trong nước. Lãng phí quá. Đáng tiếc thật.

H. Tr. Nguyen *(UCLA)*

Kính thưa quý độc giả,

Số báo tháng Sáu mà quý vị đang cầm trên tay có đến hai chủ đề: thiền sư Nhất Hạnh và tăng đoàn Làng Mai về Việt Nam tổ chức Đàn tràng Giải oan, và kỷ niệm ngày giỗ thứ 22 của nhà văn Thanh Nam. Một số bài vở khác vì thế phải hoãn lại, mong các văn hữu và độc giả thông cảm.

Việc một vị sư Việt Nam nổi tiếng thế giới vận động thành công để làm một công tác tâm linh quan trọng trong một xứ sở đang cai trị bởi chế độ cộng sản hẳn nhiên là một sự kiện đáng chú ý về thời sự lẫn văn hóa. Ảnh hưởng của những bài pháp thoại lẫn nội dung của những Đàn tràng rất truyền thống của dân tộc Việt Nam chắc chắn sẽ có một tác động nhất định vào sự "giải oan" cho tâm thức bế tắc của một Việt Nam bấy lâu nhùng nhằng giữa chế độ chính trị duy vật và một đời sống tâm linh vô cùng sâu thẳm của một dân tộc đã sống hàng ngàn năm trong ánh sáng của đạo Phật. Mặt khác, các chuyến trở về của thiền sư Nhất Hạnh có thể sẽ mở ra sự giao thoa giữa một đạo Phật mới mẻ thích hợp với thế giới của ngày hôm nay, với một đạo Phật nặng truyền thống dưới các mái chùa cổ kính trong nước.

Thế Kỷ 21 số 219, tháng 7, 2007 sẽ có chủ đề về **Sông Mekong và Đồng bằng sông Cửu Long**. Với sự cộng tác chặt chẽ của nhà văn Ngô Thế Vinh, số đặc biệt này sẽ gồm bài viết của các tác giả hằng quan tâm đến chủ đề: Phạm Phan Long, Nguyễn Đức Hiệp, Võ Tòng Xuân, Trần Ngươn Phiêu, Huỳnh Văn Lang, Nguyễn Hữu Chung-Ánh Nguyệt, Dohamide. Tâm Bình, Nguyễn Đạt v.v... Chúng tôi mong đợi quý văn hữu và bạn đọc đóng góp ý kiến và bài vở về chủ đề này.

Độc Giả Mới

Phan Hữu Chí – CA.

Độc Giả Gia Hạn

Tô Cao Hoan – CA; Trung Quy Tran MD – CA; Nguyen Van Dinh – CA; Trần Thị Anh Đào – CA; Tran Quoc Thai – CA; Trần Văn Tiền – CA; Luong Phan – CA; Ninh Đức Thuận – CA; Trần Tử Huyền – CA; Dương Đình Nghiệp – CA; Nguyễn Khắc Tôn – CA; David & Tina Doan – CA; Lại Quốc Trang – CA; Hieu X Nguyen – CA; Nguyen Thu Nga – CA; Tài Triệu – CA; Thanh T Tran – CA; Trần Tấn Việt – CA; Tay Trinh – CA; Triều Ngọc Quách – VA; Hương Sen – WA; Odense Central Bibliotek – Denmark; Svendborg Bibliotek – Denmark; Lê Đăng Hạc – TX; An Phạm Nguyễn – MD; Ngô Thị Bạch Tuyết – Australia; Phan Diêu Hồng – IL; Nguyễn Văn Thành – VA; Hương Trần – MA; Vinh-De – Canada; Lê Thị Thu Nga – Canada; Nguyễn Đức Cung – NJ; Nguyễn Văn Hy – IL; Swets Information Services Inc – NJ; SBS Radio Melbourne – Australia; Do Van Nhan – IL; Vu An Thanh – VA; Nguyen Van Trung – Canada; Hue Pham – VA; Tuong Luu – TX; Phieu N Tran – TX; Bửu Hoan – VA; Lan Nguyen – VA.

Độc giả thay đổi địa chỉ:

Nguyễn Tường Thạch – TX.

Đạo Phật sống giữa đời

NGÔ NHÂN DỤNG

Những đệ tử ở gần thấy ông mang một hạnh nguyện vững như núi đá. Đối với hàng trăm ngàn người đã tìm ông như nơi an trú tâm linh, ông là một bóng cây tươi mát. Hàng chục triệu người trong thế giới gặp ông qua những cuốn sách, lắng nghe ông nói thứ ngôn ngữ từ ái như nước suối "trong nguồn chẩy ra."

Nhưng nhiều người ở xa lại chỉ nhìn thấy trong những lời nói và hành động của ông những hệ quả hoặc ý nghĩa chính trị làm họ bất bình. Ông được nhiều người khắp nơi ngưỡng mộ, nhưng cũng nhiều ngườiViệt Nam chống đối. Nhất Hạnh trở thành một tiêu điểm cho nhiều người nhìn vào và nổi lòng hâm mộ hoặc oán giận. Nhiều người muốn giữ thái độ bình thản trung dung, không yêu không ghét đối với ông, nhưng vẫn để tâm quan sát, theo dõi, phân tích và bầy tỏ ý kiến về ông, phê phán những cử chỉ, lời nói của ông, từ một bộ áo ông mặc khi hành lễ đến cách ông viết một bức thư gửi chung mọi người. Người ta nhìn ông như thể ông là một cô dâu mới về nhà chồng hay một ứng cử viên vào một chức vụ chính trị. Rất ít người nhìn ông với con mắt vô ý, vô tư, bình tâm bất động. Cái nghiệp đó, ông tạo ra và thời thế đất nước tạo ra. Nghiệp chung của dân tộc Việt Nam và nghiệp riêng một một nhà tu dấn thân không thể tách rời nhau được. Có lẽ phải chờ một vài thế hệ nữa, người ta mới tạm đồng ý với nhau về hành trạng của Thích Nhất Hạnh và những đóng góp của ông cho đạo Phật ở nước ta và trong nhân loại.

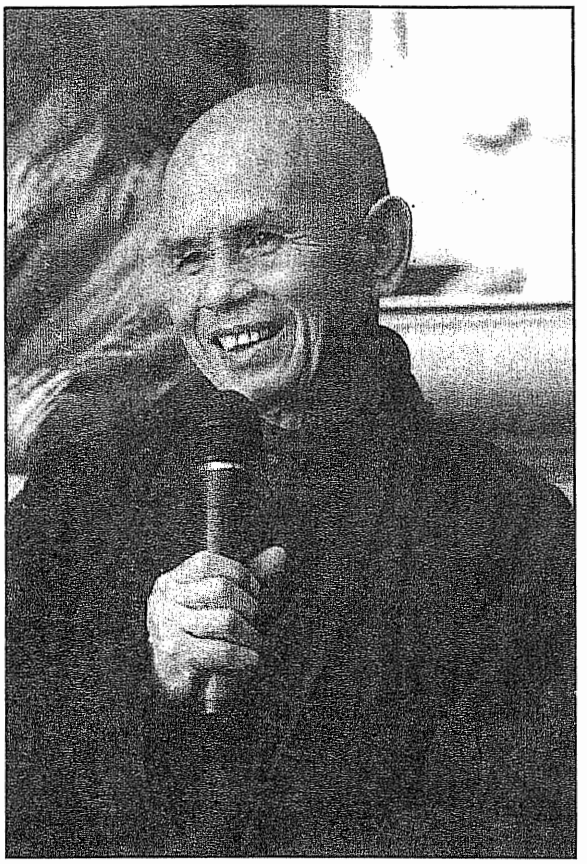

Thiền Sư Thích Nhất Hạnh

Thích Nhất Hạnh được nhiều người nước ngoài hâm mộ, sách của ông được dịch ra dăm chục thứ tiếng nói, những khoá giảng của ông thu hút năm, mười ngàn người ở Âu châu, Mỹ châu, trước khi ông được hàng chục ngàn đồng bào tiếp đón khi trở về Việt Nam trong những năm 2005 và 2007, sau khi phải sống xa quê hương 40 năm. Những năm trước đó, nhiều triệu người Việt ở trong nước chỉ biết ông qua sách vở. Trong những thập niên 1970, 80 những tác phẩm của ông mới xuất bản ở nước ngoài đã được gửi ngay về trong nước, nhiều Phật tử đã chụp lại cả cuốn sách hoặc chép tay những bài thi kệ để truyền tay nhau đọc. Họ sống hạnh phúc hơn trong một xã hội đang thay đổi.

Thích Nhất Hạnh thể nghiệm và trình bầy phương cách tu tập giáo lý của Đức Phật sao cho thích hợp cho những người sống ở đời nay, những phép tu được coi là canh tân, có khi gọi là cách mạng. Nhiều hành động của ông mới quá, nhiều người không thể theo. Tại một khoá tu quán niệm với các Phật tử ở Mỹ châu trong thập niên 1960, một đệ tử đã xin phép được "hugging" với ông, đó là lối chào hỏi bằng cách vòng tay ôm nhẹ vai nhau, khi

gặp gỡ hay khi từ giã. Nhất Hạnh đã đồng ý cho người phụ nữ này *hug* thầy, nhân đó bầy cho các thiền sinh ngoại quốc phương pháp *hugging* trong chánh niệm như thế nào. Mấy tháng sau, ông đang đi cùng các tăng sĩ Nam Tông ở thành phố Vientiane tình cờ gặp lại người nữ đệ tử Mỹ đó; bà ta hớn hở tiến tới "hug" thầy, trước những đôi mắt ngạc nhiên của chư tôn đức người Lào, và chính ông thầy người Việt cũng lúng túng, bỡ ngỡ.

Ông không ngần ngại khuyến khích các ni sư người Thái Lan sau khi tu tập ở Làng Mai trở về nước tái lập những tu viện cho nữ giới, sau khi những định chế này đã mai một trong xứ Phật giáo truyền thống phương Nam này. Không biết quý vị lãnh đạo Phật giáo ở các nước Nam Tông sẽ phản ứng ra sao trong vòng nửa thế kỷ sắp tới. Nhất Hạnh cũng làm nhiều người ngạc nhiên vì ngôn ngữ của ông.

Là một người làm thơ, Nhất Hạnh làm sống lại những bài kệ để người Phật tử tâm niệm như một phương pháp tu tập nền tảng. Ông có thể chuyển sang tiếng Việt Nam những bản dịch nhuần nhã các kinh căn bản Bắc tông như kinh Bát Đại Nhân Giác, Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, Kinh A Di Đà, và những kinh thường phổ biến trong Nam tông như kinh Người Biết Đời Sống Một Mình, kinh Quán Niệm Hơi Thở. Nhờ làm chủ ngôn ngữ Việt Nam và thấu hiểu ý bản gốc chữ Phạn và Pali hay bản dịch chữ Hán, lời kinh do ông dịch dễ tụng, dễ ghi nhớ. Cũng vì yêu tiếng Việt, ông phục hồi chữ Bụt, là tên gọi danh hiệu Phật trước khi người Việt Nam học chữ Hán. Nhiều người tưởng đó là một việc làm cách mạng, không biết rằng đó là do một thái độ phục cổ. Cũng vậy, khi ông dùng những câu chú phiên âm từ chữ Phạn, "Ga tê, Ga tê, Para Gatê, ..." cho gần với bản gốc hơn, thay vì theo bản phiên âm của Huyền Trang đọc theo lối Hán Việt, "Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế ..." nhiều người bảo rằng Nhất Hạnh đã cho học trò tụng kinh bằng "tiếng Tây."

Một người không ngần ngại nói và làm ngược với thói tục, ngay từ thời thanh niên đã bị coi là muốn làm cách mạng trong phương pháp tu hành, nhưng Nhất Hạnh cũng là một người muốn phục hồi lại những truyền thống trong quy củ của thiền môn. Các đệ tử tại các tự viện ở Làng Mai (Pháp), Rừng Phong (Mỹ) hay Bát Nhã (Việt Nam) đều phải theo những thanh quy, giới luật nghiêm ngặt mà Nhất Hạnh đã được các thầy dậy cho từ khi xuất gia năm 15 tuổi. Nhiều quy luật đó bắt đầu thành hình từ các tăng đoàn đầu tiên quy tụ chung quanh Đức Thích Ca. Ngay trong việc gìn giữ thanh quy này, nhiều người coi ông là cách mạng, cũng có người thấy ông rất bảo thủ.

Các tăng ni ở Việt Nam hay các nơi khác trên thế giới đã có thói quen làm chủ nhân một chiếc xe, đứng tên các tài khoản ngân hàng, hoặc dùng điện thoại riêng, dùng email riêng, đã thấy họ không thể tự thay đổi mà chấp nhận lối sống không tư hữu, không ràng buộc vào của cải. Nhưng đó cũng là những thanh quy cổ truyền mà Thích Nhất Hạnh muốn phục hồi. Ông trở thành một người mang hình ảnh bảo thủ, đi ngược với "xu thế" của thời đại mới!

Có lẽ trong vài thế hệ nữa người ta có thể đồng ý về một đóng góp đáng kể của Nhất Hạnh cho Phật giáo và cho thế giới là việc tái lập những quy củ thiền môn, nối tiếp bước chân của các ngài Bách Trượng, Lâm Tế, Liễu Quán, vân vân. Nhưng trong lúc ông còn sống, có những quy tắc ông thực hành trong tự viện bị coi là mới quá. Nhiều người thấy các thanh quy này quá tân tiến khi giảm bớt uy quyền của những vị lãnh đạo trong tập thể tăng ni. Vì ông đề cao quy tắc bình đẳng giữa mọi người trong tăng đoàn, dùng những thủ tục quyết định tập thể dân chủ, thực hiện hoà hợp tăng bằng luật lệ chứ không chỉ bằng tình cảm. Nhiều người lại thấy ông bảo vệ nhiều quy tắc bảo thủ quá, khi nghiêm cấm các tăng ni không được sống như những cá nhân độc lập tách rời khỏi tăng thân. Nhưng tất cả các quy luật "mới" hay "cũ" mà Thích Nhất Hạnh áp dụng đều bắt nguồn từ tinh thần giáo luật có từ thời đức Thích Ca tại thế.

Khi người Ấn Độ soạn bản hiến pháp đầu tiên sau quyết định lập quốc năm 1947, người đứng đầu uỷ ban soạn thảo hiến pháp đã nhấn mạnh rằng dân Ấn Độ không cần tìm học tinh thần dân chủ từ các triết gia và các chế độ dân chủ đã thực hiện ở Tây phương. Tập thể đông người đầu tiên trên thế giới sống chung với nhau theo tinh thần dân chủ là tăng đoàn chung quanh đức Phật. Sau khi Phật Thích Ca qua đời, các giáo đoàn họp nhau lại xác định những quy củ, giáo luật, nhiều quy tắc rất tỷ mỉ, tạo thành những tập hợp sống chung theo quy tắc dân chủ sớm nhất của loài người, cũng là những tập thể giữ kỷ luật nghiêm cẩn nhất. Chính trong những tăng đoàn đó, họp lại nhiều lần trong mấy trăm năm, người ta đã đặt ra các "quy tắc nghị sự" sớm nhất, như quốc hội các nước đã áp dụng

trong mấy thế kỷ gần đây.

Ngày nay khi đem áp dụng tinh thần dân chủ đó trong nếp sống tự viện, cùng một lúc vẫn muốn tái lập những kỷ luật mà người tu hành phải theo để thể nhập giáo lý đạo Phật, Thích Nhất Hạnh được nhiều người nhìn là quá cách mạng, đồng thời cũng có người thấy là quá bảo thủ.

Bên cạnh việc hiện đại hoá nếp sống người tu, Thích Nhất Hạnh cũng mang Đạo Phật vào cuộc sống hiện đại cho các Phật tử tại gia. Một tờ báo Phật giáo ở Mỹ nhận xét rằng có mấy đợt những làn sóng đạo Phật truyền vào nước Mỹ. Có những đợt sóng tâm linh Phương Đông đến rất sớm như từ thời Đạo sư Vivekananda. Rồi tới lượt các thiền sư Nhật Bản, các đạo sĩ Ấn Độ, rồi các thầy Tây Tạng. Một đặc điểm của phương pháp tu tập mà Thích Nhất Hạnh đem tới trong đợt sóng mới nhất là ông dậy một đạo Phật để sống giữa cuộc đời, chứ không chỉ dành cho những người sống trong tu viện. Có hai điều thường được ông nhấn mạnh, một là tu tập trong cuộc sống chung, bắt đầu từ đời sống gia đình. Hai là vai trò bình đẳng của nữ giới đối với nam giới, một truyền thống của người Việt Nam không giống các nước khác.

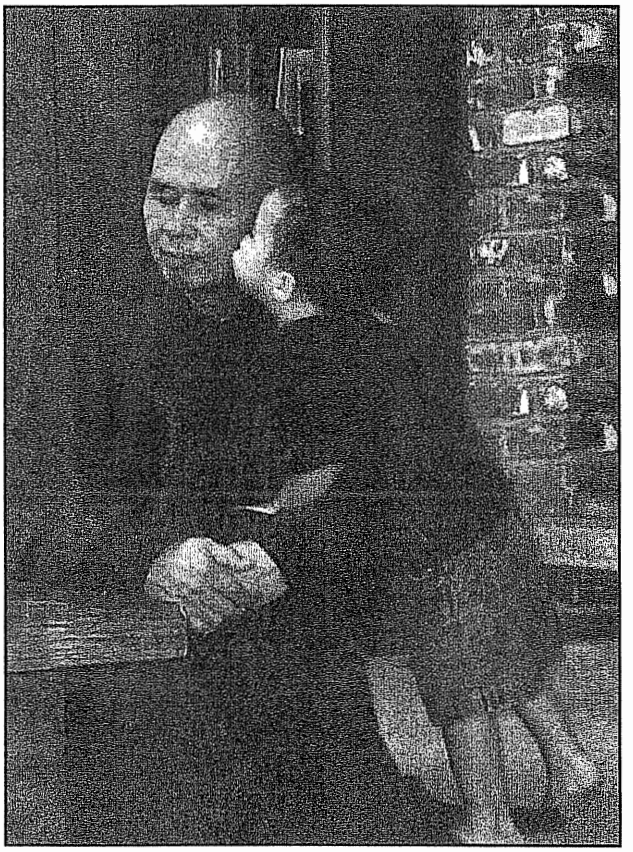

Cho nên nhiều người ngoại quốc coi ông là một đại biểu của truyền thống Phật giáo Việt Nam, mang đạo giải thoát cứu khổ đến với thế giới trong một thời đại với nhiều đau khổ mới. Hình thái của khổ đế thay đổi với lịch sử loài người, Nhất Hạnh đối chứng với những cái khổ mới để tìm trong Phật pháp những phương cách diệt khổ mới. Đó là một đóng góp của ông cho thế giới bây giờ.

Nếu Thiền sư Nhất Hạnh chỉ ngồi yên trong thiền thất và truyền dậy những đệ tử cầu học về cách sống theo Đạo Phật Ngày Nay, thì chắc chỉ có những người yêu mến và kính trọng ông mà không có những dư luận phức tạp về ông. Nhưng ông muốn đưa Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời, đạo Phật là đạo nhập thế, sống ở giữa thế gian. Trong một thế gian phức tạp, đi, đứng giữa cuộc đời sẽ được mọi người nhìn dưới những con mắt phức tạp. Nhiều người yêu mến, kính trọng ông và họ lại muốn những hành động và lời nói của ông phải phù hợp với hình ảnh mà họ đã tạo nên trong đầu. Nhiều người vốn không đồng ý với các việc ông làm cho nên hễ nghe và tin ngay rồi đem loan truyền những lời đồn đãi xấu về ông mà không thấy cần kiểm chứng. Không ai nghe ông thốt một lời nói nào không ái ngữ đối với những người đó. Nhưng cái nghiệp dĩ phiền tạp này sẽ còn theo ông suốt đời. Khi ông trở về Việt Nam gần đây, ông cũng gây nên sóng gió trong dư luận, cũng vì cái nghiệp chung của dân tộc và nghiệp riêng của từng người, trong đó có ông. Trong mươi năm nữa thôi, chắc mọi người sẽ quên các cơn gió bụi mới thổi qua, thế hệ sắp tới sẽ nhìn lại để thấy vào lúc tuổi đã gần 80, một nhà sư người Việt đã cố gắng trở về góp phần của mình nuôi sống lại cuộc sống tâm linh của dân tộc đã bị hao mòn và khô héo từ mấy thế kỷ vừa qua. Sẽ cần vài thế hệ tăng ni và Phật tử tiếp nối công trình đó ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Người ta sẽ nhớ đến ông như một người có đóng góp vào giòng sống tâm linh của nhân loại, nhờ ông đã lớn lên được nuôi dưỡng trong truyền thống Phật giáo Việt Nam.

Hành trình trên ba miền Việt Nam của Thiền sư Nhất Hạnh và Tăng đoàn Làng Mai

Dòng dã gần ba tháng trời, từ ngày 20/2/07 (Mùng 4 Tết Đinh Hợi) cho tới ngày 9/5/07, thiền sư Nhất Hạnh cùng 50 tăng ni Làng Mai và khoảng vài trăm cư sĩ đệ tử đã từ nhiều quốc gia về hoằng pháp tại Việt Nam. Cũng như năm 2005, chuyến đi được chia ra làm ba khóa tu tập cho các cư sĩ tháp tùng, mỗi khóa dài gần ba tuần lễ. Ngoài số 50 tăng ni quốc tế từ ngoại quốc về, tăng đoàn còn có thêm mấy chục tăng ni của tu viện Bát Nhã (Bảo Lộc) tháp tùng. Việc tổ chức chỗ ăn ở, phương tiện di chuyển khá phức tạp của tăng đoàn kỳ này do phái đoàn tiền trạm của Làng Mai cùng một số Tiếp Hiện địa phương tự lo liệu. Quý thầy Pháp Ấn, Pháp Khâm, sư cô Thoại Nghiêm, Hương Nghiêm Bích Nghiêm v.v... làm việc rất tích cực từ mấy tháng trước.

Chương trình hoằng pháp của tăng đoàn Làng

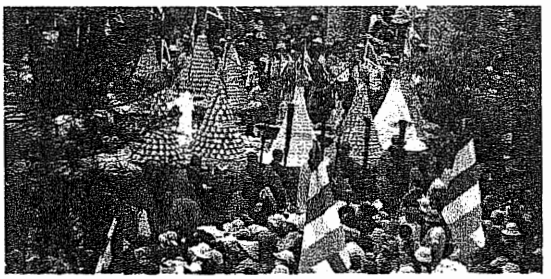

Trai Đàn tại chùa Vĩnh Nghiêm Sài Gòn

Đêm Thở và Cười với sự tham dự của giới doanh nhân Sài Gòn

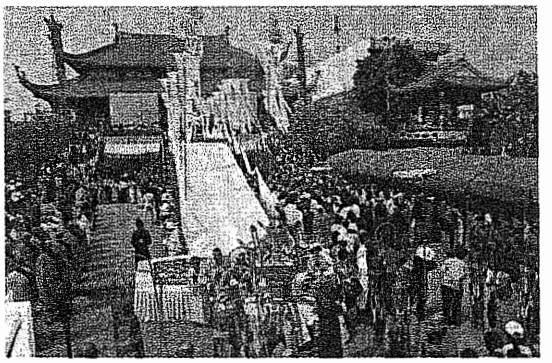

Cầu giải oan và Trai Đàn tại chùa Vĩnh Nghiêm Sài Gòn

Khóa tu cư sĩ tại chùa Bát Nhã, Bảo Lộc

Pháp thoại Festival Huế

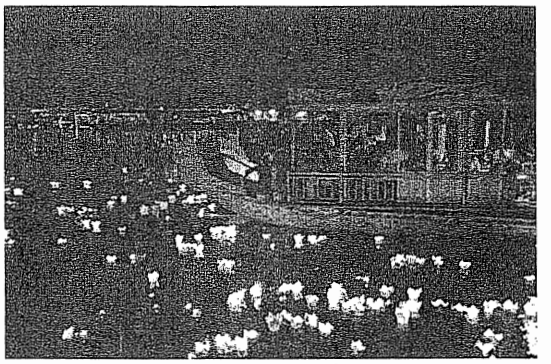

Phóng đăng trên sông Hương, Huế

Thiền hành tại Đà Nẵng

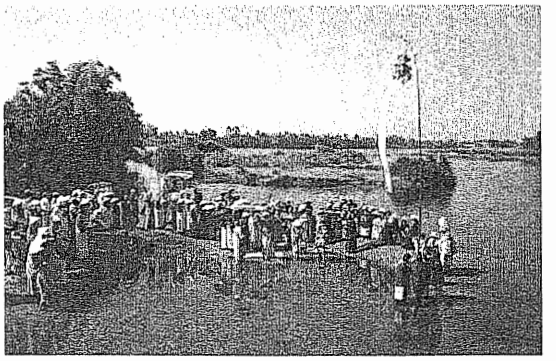

Thỉnh linh - Trai Đàn tại Huế

Mai tại miền Nam kéo dài từ 20 tháng 2 tới 22 tháng 3. Tại tu viện Bát Nhã (Bảo Lộc), trung tâm tu học theo pháp môn Làng Mai, có lễ bông hồng cài áo trong lễ khánh thành công trường MẸ rất đẹp. Đại giới đàn Phương Bối tại Bát Nhã có lễ truyền giới Sa di cho 77 người (xuất gia) và giới Tiếp Hiện cho khoảng sáu mươi người. Mấy trăm người thọ trì Ngũ giới. Tại miền Trung, từ 23 tháng 3 tới 15 tháng 4; ngoài các buổi thuyết giảng và các khóa tu, cùng ba ngày đại trai đàn tại Huế, tăng đoàn còn hoằng pháp tại Đà-Nẵng, Hội An, Nha Trang. Dân chúng Đà Nẵng và Nha Trang tham dự nhiệt thành và yêu cầu thiền sư Nhất Hạnh lập trung tâm tu học cho họ tại địa phương. Tại miền Bắc, chương trình kéo dài từ 16 tháng 4 tới 9 tháng 5. Dân chúng miền Bắc được coi là những Phật tử khao khát và nhiệt thành với các sinh hoạt Phật giáo nhất. Nhiều ông bà cụ lưng còng cũng cố chống gậy leo lên chùa Non Nước để tham dự Trai đàn giải oan, dù đường rất dốc và xa. Nhiều người dân quê đi xe bò hay xe đạp từ miền quê xa xôi lặn lội về chùa dự lễ hay nghe pháp, leo bộ lên núi, ban đêm ngủ gần cổng chùa dù thời tiết khá lạnh.

Nổi bật trong chuyến về du giảng tại quê hương kỳ hai này, là ba đại Bình Đẳng Bạt Độ Trai Đàn Chẩn Tế Giải Oan tại ba miền Nam, Trung, Bắc, mà tăng thân Làng Mai đã thiết lập cùng một số chư tăng trong nước. Ba Đại trai đàn được diễn ra tại:

- Chùa Vĩnh Nghiêm, Sài Gòn từ ngày 16 tới 18/3/07
- Chùa Diệu Đức, Huế, ngày 2 tới 4/4/07
- Chùa Non Nước, Sóc Sơn – Hà Nội, ngày 22 tới 24/4/07

Về việc tổ chức các lễ cầu siêu, giáo hội PGVN hỗ trợ hết lòng trong trai đàn Vĩnh Nghiêm (Sài Gòn); tại Huế và Hà Nội, chính phủ cũng như giáo hội PG nhà nước hầu như không hỗ trợ chi cả, nhưng tăng đoàn Làng Mai hợp sức cùng các Phật tử, đã vượt qua được mọi trở ngại.

Tại các trai đàn, mỗi ngày Thiền sư Nhất Hạnh (82 tuổi) đều giảng Pháp Thoại – và ngồi chứng minh khoảng 6-7 giờ suốt buổi cúng lễ. Số người địa phương tham dự từ vài ngàn (Huế), tới trong ngoài mười ngàn (Hà Nội và Sài Gòn). Trai đàn cả ba miền đều đem lại những trận mưa cam lộ, sau một ngày cầu nguyện của chư tăng và Phật tử. Mưa trái mùa mang lại khí hậu dễ chịu, như một đáp ứng của trời đất và chư thiên dành cho những tấm lòng thành của ban tổ chức, của bao người tham dự.

Tổng cộng Thiền sư Nhất Hạnh đã thuyết giảng 40 bài pháp thoại (mỗi bài thường dài khoảng 1 giờ 30 phút); hướng dẫn chừng 10 khóa tu tập thiền quán (ngắn nhất là nửa ngày – dài

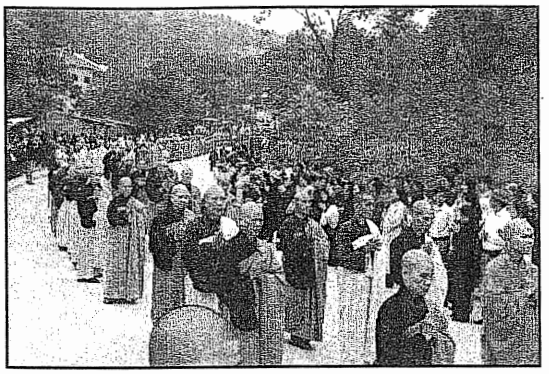

Trai đàn chẩn tế chùa Non Nước

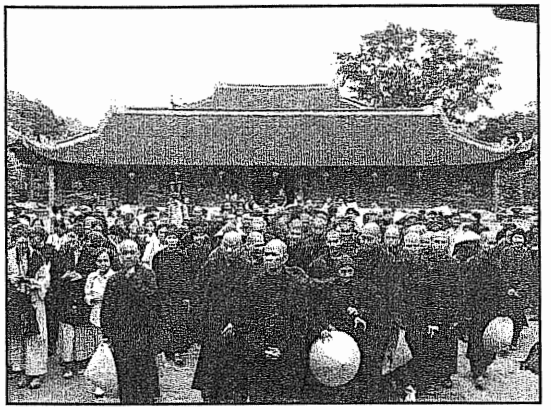

Thăm Văn Miếu Hà Nội

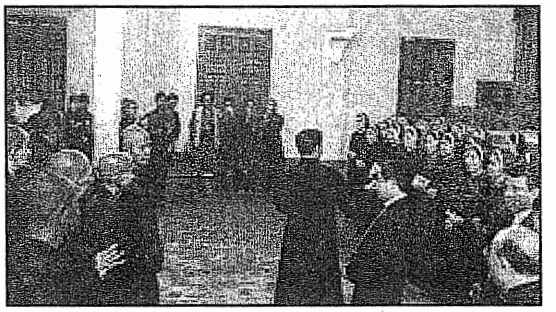

Thăm Tu sĩ Thiên Chúa Giáo tại Phát Diệm

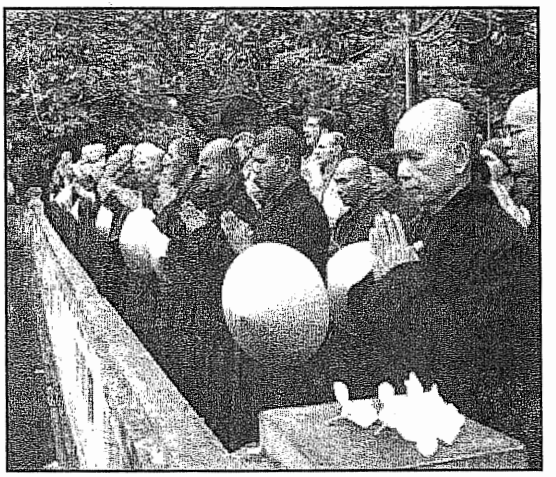

Tại Chùa Một Cột Hà Nội

nhất bốn ngày) trong chuyến đi dài 11 tuần lễ. Các thiền sinh Việt và Âu Mỹ tháp tùng theo tăng đoàn Làng Mai đều kinh ngạc trước sức mạnh của ông Thầy. Họ chỉ đi theo, nghe pháp và tham dự giới hạn các trai đàn trong một thời gian ngắn thôi, mà nhiều người ngã bệnh vì quá nóng, quá mệt... Ông Thầy già ngày nào cũng giảng dạy hoặc di chuyển bằng xe Bus hay máy bay. Ông cũng chứng minh đủ chín ngày dài của ba đại trai đàn, tiếp bao nhiêu khách khứa, thăm viếng mọi nơi v.v...

Sự kiện nổi bật không kém tại miền Nam là buổi chiều "Chia sẻ với doanh nhân" tại Sài Gòn ngày 15/3/07. Tuy chỉ có giấy phép trước một tuần lễ, và lệ phí tham dự rất cao (300 ngàn VN), ban tổ chức gồm các doanh nhân và một tăng sĩ trẻ, đã phải ngưng không cho ghi danh vì hết chỗ. Gần 600 doanh nhân tham dự, kết quả và âm hưởng sau đó tốt đẹp một cách bất ngờ. Giới trẻ thành công trong doanh thương đã tự ý kết hợp với nhau để tổ chức buổi thiền tập này cho các bạn đồng nghiệp.

Buổi Thiền sư thăm viếng thiền sư Thanh Từ tại tu viện Trúc Lâm Đàlạt là một thời điểm đặc biệt cảm động. DVD ghi lại hình ảnh "đoàn tụ bên nhau" của hai đại lão hòa thượng, hai người bạn tu từ thời trẻ tuổi, đồng tâm, đồng chí hướng từ khi còn là Giáo thọ tại Phật học viện Ấn Quang Sài Gòn (thập niên 1950). Nghe nói hai vị hòa thượng, nửa thế kỷ trước đã từng hẹn ước với nhau sẽ làm sống lại pháp môn tu thiền cho Phật tử Việt Nam. Ngày nay, pháp môn thiền của hai ngài đang rất sinh động không chỉ trong nước mà còn lan rộng ra khắp nơi trên thế giới.

Tại Huế, trong ngày thứ ba của Đại Trai Đàn tại chùa Diệu Đế (4/4/07), thiền sư Nhất Hạnh đã công bố lá thư ông viết cho thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, đề nghị chính phủ thiết lập một tượng đài tưởng niệm thuyền nhân đã vượt biển sau tháng 4/1975. Một đề nghị có lẽ không ai dám nói ngay tại trong xứ; và dù có nhiều người có muốn, cũng chưa ai dám nêu lên một cách công khai!

Tại miền Bắc, tăng đoàn Làng Mai có cơ hội thăm nhà thờ Phát Diệm và gặp gỡ các tu sĩ Thiên chúa giáo tại đây để trao đổi. Trong phái đoàn cư sĩ và tăng sĩ Làng Mai, có nhiều người đạo gốc là Thiên Chúa Giáo hay Tin Lành. Một số vốn là người theo đạo Do Thái. Chùa Một Cột, Văn Miếu cũng là những địa điểm thăm viếng của tăng đoàn Làng Mai trước khi họ rời Việt Nam tiếp tục qua Hồng Kông và Thái Lan hoằng pháp.

Vươn Lên Trong Bão Táp

NGUYỄN MINH CẦN

Đầu năm nay, trong bài viết "*Mùa Xuân Dân Tộc Ló Hiện Xa Xa*," khi nhận định rằng "phong trào đấu tranh ôn hoà, bất bạo động cho tự do dân chủ ở nước ta trong năm 2006 đã chuyển lên một cấp độ mới, có tính quần chúng, tính tổ chức, tính tích cực tiến công hơn trước, đang tạo nên một viễn cảnh đầy hứa hẹn", chúng tôi cũng đã cảnh báo "***những người dân chủ cần chuẩn bị cho những cuộc chiến đấu mới vô cùng gian nan***."

Và quả đúng như vậy. Ngay từ đầu tháng 2.2007, Bộ chính trị ĐCSVN đã huy động cả bộ máy đàn áp hung ác đánh phá dữ dội phong trào dân chủ trong nước nhằm đè bẹp phong trào đang lên, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc biểu diễn trò hề "bầu cử" quốc hội. Theo nhận định của tổ chức Quan Sát Nhân Quyền (Human Right Watch) thì "đây là đợt đàn áp nhân quyền tệ hại nhất từ nhiều năm nay ở Việt Nam."

Đương đầu với cả một bộ máy đàn áp đồ sộ và hung hãn đó của ĐCS, được vũ trang đầy đủ, lại được trang bị đủ loại "luật pháp" rừng rú, với "công lý" lộn ngược và những "toà án" bất công, các chiến sĩ dân chủ không có một tí gì hết trong tay, một tấc sắt cũng không, thậm chí ngòi bút, máy vi tính, điện thoại cầm tay đều bị tước ngay từ phút đầu. Họ chỉ có một trái tim nồng nàn yêu nước thương dân, một ý chí kiên cường và lòng tin sắt đá ở chính nghĩa cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ mà thôi. Trong cuộc chiến đấu hoàn toàn không cân sức này, các chiến sĩ dân chủ chỉ có thể dựa vào tinh thần của mình để giành thắng lợi. Và... chúng ta hãy dõi xem sự thể đã diễn ra như thế nào trong thời gian qua?

Trận chiến đấu đầu tiên

ĐCS nhắm mục tiêu tấn công trước tiên vào Khối 8406 là Khối đã tung lên bản "*Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ Cho Việt Nam 2006*," một bản tuyên ngôn lịch sử, vô tiền khoáng hậu, có tiếng vang lớn trong và ngoài nước, được dư luận quốc tế đặc biệt quan tâm. Cũng chính Khối 8406 là những người đầu tiên dũng cảm đưa ra khẩu hiệu "Tẩy chay cuộc bầu cử độc đảng," vì đây là một trò hề giả dối, bỉ ổi, tiến hành theo lối "đảng cử dân bầu" cực kỳ phản dân chủ.

Linh mục Nguyễn Văn Lý là một trong những người soạn thảo "*Tuyên Ngôn 2006*," một trong những người cổ vũ và lãnh đạo năng nổ nhất của Khối 8406 và Liên Minh Dân Chủ Nhân Quyền Việt Nam (LMDCNQVN), một trong những người giúp đỡ cho sự ra đời của Đảng Thăng Tiến Việt Nam, một trong những người đã cho ra mắt tờ bán nguyệt san *Tự Do Ngôn Luận*, tờ báo không xin phép đầu tiên dưới chế độ độc tài toàn trị. Linh mục Lý cũng là một trong những người đầu tiên xướng xuất việc tẩy chay trò hề bầu cử Quốc hội. Chính vì thế, kẻ cầm quyền Hà Nội hướng mũi nhọn khủng bố trước tiên vào ông.

Đúng vào dịp Tết Nguyên đán (18.2.07), họ đã tung một lực lượng công an đông đảo xông vào chỗ ở của Linh mục ngay trong Nhà chung Tòa Tổng giám mục Huế, khám xét, lùng sục, tịch thu máy vi tính, giấy tờ tài liệu, điện thoại cầm tay, rồi sau đó bắt ông giam ở Bến Củi chờ ngày xử án. Cũng trong thời gian đó, công an đã bắt bốn người cộng sự của ông là các thành viên Khối 8406, đảng viên Đảng Thăng Tiến Việt Nam, như Nguyễn Phong, Nguyễn Bình Thành, Lê Thị Lệ Hằng và Hoàng Thị Anh Đào. Bằng dung doạ, cưỡng ép, họ đã bắt Nguyễn Phong viết tuyên bố giải tán Đảng Thăng Tiến Việt Nam và viết thư cho ông Nguyễn Công Bằng, chủ tịch Đảng Vì Dân, để giải tán Liên Đảng Lạc Hồng.

Kẻ cầm quyền tin chắc rằng sau khi đã khuất phục được Nguyễn Phong thì tại phiên toà, Nguyễn Phong cùng với những người cộng sự của anh ta sẽ là nhân chứng để dễ dàng trị tội Linh mục Lý, nên họ đã vội vã lập phiên toà để xử ông cùng các chiến hữu của ông. Thế nhưng, họ đã lầm to! Tại phiên toà ở Huế (30.3.07), Linh mục Lý đã biểu lộ dũng khí của một chiến sĩ dân chủ kiên cường và bất khuất: dù ở trong vị thế "bị cáo nhân," nhưng Linh mục đã luôn luôn thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất, thái độ quyết liệt phản đối toà án

bất công, bộc lộ rõ sự phủ nhận "công lý" cộng sản, "toà án" cộng sản khoác tấm áo mỹ miều "toà án nhân dân" mà thực chất mang chức năng gọi là "chuyên chính vô sản" cực kỳ ác độc.

Theo dõi kỹ phiên toà qua đoạn phim (video clip) mà một nhà báo ngoại quốc đã ghi được và bài tường thuật cuộc xử án tại Huế của phóng viên FNA, chúng ta thấy rõ ngay từ đầu cái tinh thần của Linh mục Lý là phủ định "công lý" lộn ngược của ĐCS, "toà án" giả hiệu của ĐCS, và nói rộng hơn, phủ định tính chính thống của chính quyền và chế độ hiện tồn ở Việt Nam trong bàn tay của ĐCS. (1)

Xin đơn cử vài điều để thấy được cái tinh thần đó của Linh mục Lý ngay tại phiên xử: khi đến toà án ông không tự đi mà cố ghì mình lại để cho công an phải xốc nách lôi vào phòng xử; khi chủ toạ phiên toà (chánh án) đọc lời khai mạc thì ông đọc to bài thơ "toà án cộng sản Việt Nam..." của ông mà ông đã cố ý cho công bố từ trước trên mạng Internet, nên bị công an bịt miệng kéo ra khỏi phòng xử; khi bị công an đưa vào phòng xử lần thứ hai để nghe đọc và xác nhận lý lịch thì ông lại vùng vẫy, dùng chân đá nhào vành móng ngựa, miệng phẫn nộ tố cáo, công an lại bịt miệng và lôi ông ra khỏi phòng; khi chủ toạ phiên toà lấy lời khai từng bị cáo thì ông lại bị lôi vào phòng xử lần thứ ba và lần này ông hô to "đả đảo toà án cộng sản Việt Nam!" và công an lại bị bịt miệng lần thứ ba và lôi ông ra khỏi phòng xử... Chính cái tinh thần mãnh liệt đó của ông đã giáng một đòn mạnh vào cái gọi là "công lý" cộng sản Việt Nam làm cho nó bị động, phải tự phơi bày chân tướng độc tài của nó trước công luận toàn thế giới: toà án của ĐCSVN đã công nhiên ba lần bịt miệng bị cáo ngay tại phiên toà! Và tấm hình "bịt miệng" Linh mục Lý đã nhanh chóng loan truyền khắp toàn cầu tố cáo tính chất độc tài toàn trị của chế độ "xã hội chủ nghĩa" Việt Nam, một chế độ có tính phát xít còn đậm nét hơn cả chế độ Hitler, vì ngay dưới chế độ Hitler, khi xử án G. Dimitrov thì ông này vẫn được phát biểu rất lâu mà không một ai "bịt miệng" ông ta cả!

Có người cho rằng hành động của Linh mục Lý tại phiên toà là quá đáng. Nhưng chúng tôi lại thấy hoàn toàn khác! Sự biểu thị tinh thần phản đối "luật pháp" bất công, phi nhân và thái độ quyết liệt phủ nhận "toà án" giả hiệu của ĐCS là một hành động đúng đắn, cần thiết, miễn là hành động đó không vượt ra ngoài những phương thức bất bạo động. Không có tinh thần và thái độ phủ định đó thì làm sao có ý chí để chuyển hoá xã hội được? làm sao biến đổi tâm lý và ý thức xã hội được? Trong những cuộc "cách mạng nhung" ở Đông Âu, các chiến sĩ dân chủ cũng đã từng có tinh thần và thái độ phủ định mạnh lắm đối với chế độ toàn trị của ĐCS và đã phải hành động quyết liệt lắm mới giành được tự do, mới thoát khỏi cường quyền cộng sản, và chính từ cuộc "cách mạng nhung" đó mới nảy sinh ra những vị anh hùng, như Lech Walesa ở Ba Lan, Vaclav Havel ở Tiệp Khắc! Ngay như vị tổ sư của "chủ thuyết bất bạo động" là cụ Gandhi (1869-1948) ở Ấn Độ mà dân châu Á ta thường coi là bậc thánh, cụ cũng đã từng có tinh thần và thái độ phủ định mãnh liệt lắm đối với chế độ thực dân Anh và phải hành động quyết liệt, dữ dội lắm thì mới giành được một cách hoà bình nền độc lập cho nước Ấn Độ. Còn Linh mục Lý, một tù nhân chính trị và lương tâm từng bị đoạ đày khốn khổ hàng mấy chục năm trời trong ngục tù cộng sản, lần này lại bị lôi ra toà lần nữa, tay bị còng, miệng bị bịt, chỉ còn có chân chưa bị cùm thì ông bực bội dùng chân đá nhào vành móng ngựa — vật biểu trưng cho cái "công lý" lộn ngược của ĐCS, thế thì thử hỏi: có gì là quá đáng? Trước toà án của chế độ độc tài toàn trị, mà người dân chủ cứ "nhũn như con chi chi," "gọi dạ bảo vâng" thì còn gì là dũng khí, còn gì là khí thế của một chiến sĩ đấu tranh vì chính nghĩa tự do dân chủ và nhân quyền?

Cũng trái với sự mong đợi của kẻ cầm quyền, mấy ngày trước phiên toà, Nguyễn Phong đã phát ra trên mạng Internet lời tuyên bố ghi âm và viết tay của anh để tỏ rõ thái độ cương quyết tiếp tục đấu tranh vì tự do dân chủ và nhân quyền; còn tại toà án, tất cả bốn người thuộc Đảng Thăng Tiến đều đồng loạt phản cung, Nguyễn Phong và Nguyễn Bình Thành đều nói chúng tôi không có tội gì khi đấu tranh cho tự do và nhân quyền.

Chủ toạ phiên toà đã đọc bản án định sẵn từ trước cho các bị cáo: Linh mục Lý — tám năm tù giam, năm năm "tù" quản chế, Nguyễn Phong — sáu năm tù giam, ba năm "tù" quản chế, Nguyễn Bình Thành — năm năm tù giam, hai năm "tù" quản chế, Hoàng Thị Anh Đào — hai năm tù treo, Lê Thị Lệ Hằng — một năm rưỡi tù treo. Một mức án rất nặng và cực kỳ vô nhân đạo, nhất là đối với một người cao niên, 60 tuổi, đang bị lao nặng.

Phân tích kỹ mọi hệ quả của phiên toà tại Huế, chúng ta có thể khẳng định là những người chiến thắng trong trận chiến đấu đầu tiên này không phải là ĐCSVN mà chính là các chiến sĩ dân chủ, đứng đầu là Linh mục Lý. Họ đã thắng lớn, trước tiên là về mặt tinh thần và sau đó là về mặt chính trị. Chính nhờ tinh thần anh hùng bất khuất của Linh mục Lý và các chiến hữu của ông mà chế độ độc tài toàn trị của ĐCS bị bêu xấu trên khắp thế giới, bộ mặt chính trị của chế độ đó bị phỉ nhổ tả tơi trước công luận toàn cầu. Đây là một thực tế, chứ không phải là điều suy luận viễn vông.

Những chiến trận tiếp theo

Cũng vào đầu tháng Ba, kẻ cầm quyền đã ra lệnh cho công an bắt giữ Luật sư Nguyễn Văn Đài và Luật sư Lê Thị Công Nhân, hai thành viên Khối 8406, riêng cô Công Nhân còn là phát ngôn viên của Đảng Thăng Tiến Việt Nam. Đây là hai nhà dân chủ trẻ tuổi hoạt động năng nổ cho dân chủ và nhân quyền. Ngay trước ngày bị bắt, Luật sư Công Nhân đã biểu lộ hào khí của một chiến sĩ dân chủ bất khuất khi cô chân thành tuyên bố trên Diễn đàn Dân chủ lúc 3 giờ 40 phút sáng ngày 26.2.07: "*... thật sự tôi cũng không đoán trước được cụ thể những việc gì sẽ xảy ra với tôi. Nhưng tôi xin khẳng định bằng tất cả lương tâm, trách nhiệm và tình cảm của mình đối với đất nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam là tôi sẽ chiến đấu tới cùng cho dù chỉ còn một mình tôi để đấu tranh, trước hết là để giành lấy nhân quyền cho chính mình, và giành lấy nhân quyền, dân chủ và tự do cho người Việt Nam. Và Cộng sản Việt Nam đừng có mong chờ bất kỳ một điều gì là thoả hiệp, chứ đừng nói là đầu hàng từ phía tôi... Gia đình tôi đã chuẩn bị cho trường hợp xấu nhất, đó là tôi sẽ bị khởi tố và có thể bị đi tù, nhưng tôi xin khẳng định một lần nữa đó vẫn chưa phải là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra...*"

Và tại phiên toà xử vội vàng và chiếu lệ ở Hà Nội vào cuối thượng tuần tháng Năm, kéo dài khoảng bốn tiếng đồng hồ, Luật sư Đài và Luật sư Công Nhân đã biểu lộ khí phách hào hùng của mình. Luật sư Đài dõng dạc nói tại toà là ông không vi phạm bất cứ luật nào mà chỉ đơn thuần thực hiện quyền tự do ngôn luận và tự do lập hội. Còn Luật sư Công Nhân cũng khẳng định là cô không phạm tội gì hết. Theo lời tường thuật của hãng thông tấn Associated Press (AP), khi công tố viên (trong nước gọi là kiểm sát viên) hỏi Luật sư Công Nhân: "Các hành vi này của cô có phải là một tội hình sự hay không? ", Công Nhân khẳng khái đáp: "*Hẳn nhiên là không!*", còn trước khi kết thúc phiên xử, cô phát biểu ngắn gọn rằng: "*Phiên toà hôm nay không hợp lệ. Tôi phản đối phiên toà này.*"

Xem lại đoạn video clip (http://youtube.com/watch?v=p-szTITbIY), sau lời giới thiệu (có lẽ là của công an) nói rằng: "trong trại tạm giam, Nhân vẫn giữ thái độ bất hợp tác và không hề tỏ ra ăn năn hối hận đối với những việc làm của mình" là lời khai khẳng khái của Luật sư Lê Thị Công Nhân: "*... dù tôi có tham gia vào những việc làm này nọ, có viết những bài và có trả lời này nọ cho các đài, tôi cảm thấy thoả mãn cái lý tưởng của mình, sự hiểu biết của mình và tổ chức của mình...*" Thật là khí phách của một nữ anh hùng của thời đại ngày nay!

Những việc làm của hai luật sư trẻ thực ra hoàn toàn vô tội, họ chỉ sử dụng quyền hiến định của công dân là phát biểu ý kiến của mình, thế nhưng toà án của ĐCS cũng kết án Luật sư Đài năm năm tù giam, bốn năm "tù" quản chế, và Luật sư Công Nhân bốn năm tù giam, ba năm "tù" quản chế! Khách nước ngoài được đến theo dõi phiên xử án ở phòng bên cạnh đều nói lên sự bất công của toà án Hà Nội. Còn nhà ngoại giao của Liên Hiệp Châu Âu, ông Alexis Andres, thì bảo rằng: "Bằng chứng buộc tội ông Đài và cô Nhân rất yếu và bản án như thế thật là quá đáng."

Trong trận chiến đấu thứ hai này, người thắng vẫn là hai chiến sĩ dân chủ dũng cảm — Luật sư Nguyễn Văn Đài và Luật sư Lê Thị Công Nhân. Họ đã tỏ rõ khí phách hào hùng của những bậc hào kiệt trẻ trung, xứng đáng là những kẻ sĩ của đất Thăng Long thời đại mới.

Cũng vào cuối thượng tuần tháng Năm, ở miền Nam, tại Sài Gòn, toà án của ĐCS đã mở phiên xử ba nhà hoạt động dân chủ bất đồng chính kiến, thành viên Đảng Dân Chủ Nhân Dân, là Bác sĩ Lê Nguyên Sang, Luật sư Nguyễn Bắc Truyển và ký giả Huỳnh Nguyên Đạo. Cũng giống như những người khác bị đưa ra xử tại Huế và Hà Nội, họ đều bị buộc tội vi phạm điều 88 bộ luật hình sự, tức là tuyên truyền chống nhà nước xã hội chủ nghĩa. Họ bị kết án nặng nề - ông Sang năm năm tù giam, ông Truyển bốn năm tù giam và ông Đạo ba năm tù giam. Qua tấm hình do hãng Reuters đưa ra, người ta dễ nhận thấy cái nhìn khinh mạn của Bác sĩ Sang và thái độ bình tĩnh, đàng

hoàng của hai bị cáo khác.

Cũng tại Sài Gòn, ngày 15.5, toà án của ĐCS đã vội vã xử Luật sư Trần Quốc Hiền, Giám đốc Công ty Tư vấn luật Sài Gòn, thành viên Khối 8406, phát ngôn viên của Hiệp Hội Đoàn Kết Công Nông Việt Nam, một trong những người giúp đỡ cho "dân oan". Ông cũng bị ghép tội tuyên truyền chống nhà nước xã hội chủ nghĩa và bị kết án năm năm tù giam, bốn năm "tù" quản chế.

Như vậy là cả trong mấy trận chiến đấu tiếp theo ở Hà Nội và Sài Gòn, ĐCS đã không thể đè bẹp được ý chí kiên cường của các chiến sĩ dân chủ, và người chiến thắng về mặt tinh thần và chính trị vẫn là các chiến sĩ dân chủ.

ĐCS ở trong thế yếu của kẻ đuối lý, đang bị mất mặt

Những cuộc xử án vội vã từ Bắc Trung Nam vừa qua không hề chứng tỏ là ĐCS và chế độ độc tài toàn trị mạnh, vì một nhà nước mạnh không bao giờ làm những chuyện trắng trợn và thô bỉ đến mức côn đồ như vậy. Những cuộc xử án đó bộc lộ sự hốt hoảng, run sợ của ĐCS trước phong trào dân chủ đang lên, bộc lộ thế yếu và sự lúng túng của họ, của những kẻ đuối lý đâm ra... cắn càn. Sau những vụ xử án này, chế độ độc tài của ĐCS càng thêm bị cô lập trên trường thế giới, công luận càng thấy rõ tính xảo trá của đám lãnh đạo mới lên, huênh hoang tuyên bố này nọ để đánh lừa thế giới, như Nguyễn Tấn Dũng chẳng hạn, kỳ thật trước sau họ vẫn là những kẻ độc tài cực kỳ hung ác.

Chính vì thế, ngay sau khi phiên toà ở Huế, Hà Nội và Sài Gòn vừa kết thúc, Quốc Hội Hoa Kỳ, Nghị Viện Liên Hiệp Châu Âu (EU), chính phủ Đức... đã ra tuyên bố phản đối Hà Nội và đòi Hà Nội phải trả tự do ngay cho các tù nhân chính trị, 141 tổ chức nhân quyền quốc gia họp tại Đại Hội Nhân Quyền Thế Giới ở Lisbon (25.4.2007), Nhóm Hiến Chương 77 (Tiệp Khắc), Tổ chức Phóng viên không biên giới (RSF), hàng nghìn người dân ở Warszawa, Praha, Australia, Canada, Hoa Kỳ, Pháp... đã lên tiếng tố cáo Hà Nội đàn áp các nhà dân chủ. Đây là những bằng chứng để suy ngẫm về sự "ai thắng ai" trong các trận chiến đấu không cân sức này!

"Lửa thử vàng!"

Người ta thường nói "lửa thử vàng, gian nan thử đức." Chính trong lúc nguy nan, trong cuộc đọ sức vô cùng quyết liệt với đối phương thì mới dễ dàng bộc lộ - một mặt, tính hèn yếu của một số người nhút nhát, và mặt khác, tinh thần anh hùng, bất khuất của những chiến sĩ gan dạ. Nhìn lại những trận chiến đấu vừa qua, chúng ta vui mừng nhận thấy rằng **cho đến ngày hôm nay, chưa có một ai trong số các chiến sĩ dân chủ của chúng ta khi giáp trận đã chịu "bó gối quy hàng", trái lại trong cơn bão táp bạo tàn mà ĐCS gây ra, đã xuất hiện nhiều vị anh hùng đáng kính của Tổ Quốc và Dân Tộc Việt Nam!**

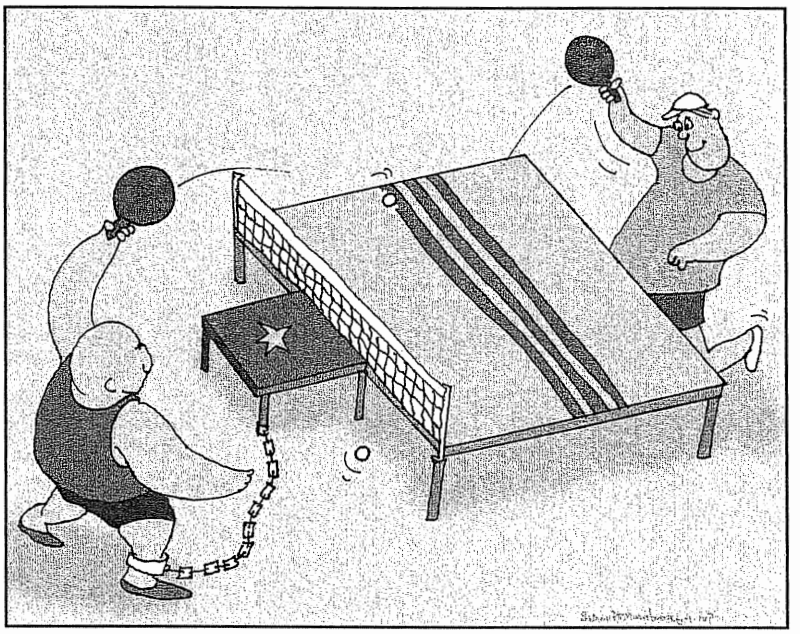

Không anh hùng sao được, khi các chiến sĩ dân chủ của chúng ta dám từ bỏ hạnh phúc riêng tư đang có của mình để lao vào con đường đấu tranh đầy chông gai, dấn thân vào "chốn dầu sôi lửa bỏng" hòng cứu nguy cho Tổ Quốc và Dân Tộc đang bị khốn khổ trong "bàn tay lông lá" của bọn độc tài toàn trị, trong lúc đó thì nhiều trí thức, thanh niên... hoàn toàn thờ ơ với số phận đất nước, cam phận nô lệ, thậm chí có

kẻ còn cam tâm uốn mình làm thân tôi tớ cho "lũ giặc nội xâm"? Không anh hùng sao được, khi trước nanh vuốt của công an, toà án, bạo quyền độc ác, các chiến sĩ dân chủ của chúng ta vẫn hiên ngang, khẳng khái kiên định lý tưởng tự do dân chủ và ý chí đấu tranh đến cùng cho lý tưởng đó? Không anh hùng sao được, khi trước cả một bộ máy đàn áp khủng bố đồ sộ của ĐCS, các chiến sĩ dân chủ của chúng ta tỏ rõ thái độ khinh mạn, chấp nhận cảnh tù đày với muôn vàn thiếu thốn, khó khăn để khẳng định niềm tin vào lý tưởng cao đẹp của mình, khẳng định tinh thần hiến thân vì tự do dân chủ cho dân tộc? Tin chắc rằng sử sách chân chính của Tổ Quốc rồi đây sẽ muôn đời ghi tên của những anh hùng mới trong phong trào dân chủ nước ta! Cũng xin nói thêm, chẳng những các chiến sĩ dân chủ đã bộc lộ lòng dũng cảm, bất khuất, mà ngay cả nhiều người thân, như mẹ và vợ của họ cũng tỏ thái độ kiên cường không kém, chẳng những họ không biết sợ mà lại hết lòng bênh vực lẽ phải, ủng hộ lý tưởng của các chiến sĩ dân chủ thân yêu. Chúng tôi muốn nhắc đến bà Trần Thị Lệ, thân mẫu của nữ Luật sư Lê Thị Công Nhân, bà Bùi Thị Kim Ngân — vợ ông Nguyễn Vũ Bình, bà Vũ Thúy Hà — vợ ông Phạm Hồng Sơn, bà Vũ Thị Minh Khánh — vợ ông Nguyễn Văn Đài, và nhiều người khác.

Cuộc chiến vẫn còn tiếp diễn

Trong cơn hoảng loạn, vừa qua ĐCS đã xua công an bắt bớ hàng mấy chục người dân chủ trong cả nước. Ngày 16.3.07, họ đã bắt giữ Phương Nam Đỗ Nam Hải và dùng sức ép của tình cảm gia đình, cụ thể là người cha già đang bệnh, chị gái và con gái của anh để buộc anh phải viết "lời thú tội" nên anh đành phải chấp nhận để bảo vệ sinh mạng cho cha già. Nhưng khi công an ép anh phải tuyên bố giải tán Khối 8406 và LMDCNQVN thì anh cương quyết từ chối. Và đến ngày 4.5.07, Đỗ Nam Hải đã tuyên bố: "lời thú tội" mà anh buộc lòng phải viết và đọc hôm 16.3.07 là hoàn toàn vô giá trị, và anh "sẽ tiếp tục cùng dân tộc đấu tranh giành lại tự do dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam cho tới khi thắng lợi hoàn toàn." Người viết bài này biết rõ Đỗ Nam Hải từ thời kỳ anh còn là sinh viên du học ở Úc. Anh là một thanh niên dũng cảm, có chí khí, cho nên chúng tôi cho rằng việc Nam Hải phải viết "lời thú tội" chỉ là một bước lùi để đối phó với tình thế ngặt nghèo của gia đình, chứ không phải là sự khuất phục, càng không phải là sự đầu hàng, như có người lầm tưởng. Chính vì thế, trong thông báo ngày 11.5.07, LMDCNQVN đã nhiệt liệt chào mừng Đỗ Nam Hải quay trở lại phong trào và bổ sung anh trở lại vào Ban Điều hành LMDCNQVN.

Ngày 21.4.07, công an đã bắt giam nhà văn Trần Khải Thanh Thuỷ, mặc dù chị đang điều trị bệnh lao phổi và bệnh tiểu đường. Họ dự định sẽ đưa chị ra toà vào tháng Sáu sắp tới. Thanh Thuỷ đã tiên đoán được cái kết cục đó từ lâu và cũng từ lâu chị đã chuẩn bị tinh thần cho cuộc chiến đấu sắp tới. Xin nhắc lại bài tuyệt bút chị viết từ tháng 10.2002:

Thay lời tiễn biệt

Khi tôi chết, hãy ghi trên huyệt mộ
"Đây là người yêu nước thương dân
Dùng cán bút làm đòn xoay chế độ
Đưa nhân dân ra khỏi kiếp bần hàn."
Tuổi bốn mươi khi nghĩa đời đã tỏ
Thì cùm gông xiềng xích sá kể gì
Theo gương bậc tiền bối tôi đi
Vá lại mảnh trời xanh Tổ Quốc
Vạch mặt lũ đê hèn, quân bán nước
Nhân danh đảng, Tổ Quốc lộng hành
Chúng cấu kết, chúng ăn chia
Còn chúng nó, dân ta còn phải khổ.
Nếu tôi chết, xin nuôi bầy con nhỏ
Chúng nó đáng thương nào có tội tình gì
Khi cha mẹ đứng lên đòi sự sống
Cho giống nòi và cả cho mai sau.
Nếu tôi chết...

Và không lâu trước ngày bị bắt, nhà văn Trần Khải Thanh Thuỷ đã tự ghi sau tên mình một danh xưng là "tù nhân dự khuyết của ĐCS." Với tinh thần khẳng khái, quyết liệt vốn có của Trần Khải Thanh Thuỷ, chúng ta tin chắc rằng chị sẽ vượt qua trận chiến này một cách vẻ vang.

Ngay từ tháng 11.2006, hoảng sợ trước sự trỗi dậy của phong trào công nông với sự ra đời của Hiệp Hội Đoàn Kết Công Nông Việt Nam do người công nhân Nguyễn Tấn Hoành, 22 tuổi, sáng lập và lãnh đạo, ĐCS đã cho bắt hàng loạt người sáng lập Hiệp Hội. Ngoài Nguyễn Tấn Hoành, họ đã bắt Trần Thị Lệ Hằng, tức Trần Thị Lê Hồng, Đoàn Huy Chương, tức Hoàng Huy Chương, Đoàn Văn Diên, cha của Đoàn Huy Chương, Lê Văn Sỹ, Nguyễn Thị Tuyết, Lê Bá Triết, Nguyễn Tuấn. Hai thiếu niên Đoàn Triệu Hải, tức Hảo, 16 tuổi và Đoàn Triệu Kinh Kha, 14 tuổi, con của Đoàn Văn Diên cũng bị bắt để làm áp lực bắt

cha, sau một thời gian giam giữ hai em đã được thả ra. Còn Luật sư Trần Quốc Hiền, phát ngôn viên của Hiệp Hội Đoàn Kết Công Nông, đã bị bắt tháng 1.2007 và đã bị đưa ra xử tại Sài Gòn, như đã nói trên.

Thêm nữa, đầu tháng 5.2007, kẻ cầm quyền cũng đã tổ chức phiên toà tại tỉnh Đồng Tháp để xử bốn tín đồ Phật Giáo Hoà Hảo Thuần Tuý (PGHHTT) là ông Nguyễn Văn Thơ, Hội trưởng Giáo Hội PGHHTT tỉnh Đồng Tháp, bà Dương Thị Trân, Hội trưởng Phụ Nữ Từ Thiện PGHHTT và là vợ ông Thơ, ông Lê Văn Sóc, Phó Hội trưởng Giáo Hội PGHHTT tỉnh Vĩnh Long, ông Nguyễn Văn Thuỳ, Tổng Vụ Thanh Niên PGHHTT tỉnh Vĩnh Long chỉ vì họ đấu tranh đòi quyền tự do tín ngưỡng. Họ đều bị kết án rất nặng: ông Thơ sáu năm tù giam, bà Trân bốn năm tù giam, ông Sóc sáu năm tù giam, ông Thuỳ năm năm tù giam. Cũng như tại mọi phiên toà của chế độ độc tài toàn trị ở Việt Nam, các bị cáo không được quyền bào chữa, không có luật sư biện hộ, thân nhân bị cáo không được có mặt và phiên toà không có giới báo chí tham dự.

Vẫn chưa hết, công an còn bắt giam nhiều nhà trí thức dân chủ khác, như Luật sư Nguyễn Thị Thuỳ Trang, Luật sư Lê Quốc Quân (được Quỹ Quốc gia Yểm trợ Dân chủ Mỹ - National Endowment for Democracy - cấp học bổng du học năm tháng tại Hoa Kỳ và được Hà Nội đồng ý cho đi, thế mà khi ông vừa về đến nhà ở Nghệ An thì bị bắt ngay), doanh gia Trương Quốc Huy, ông Hồng Trung, bà Hồ Thị Bích Khương ("dân oan" ở Nghệ An, thành viên Khối 8406), hai Thượng toạ Thích Thiện Tâm và Thích Huệ Lâm thuộc Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất ở Bình Thuận, chín tín đồ Đạo Cao Đài, mười tín đồ Phật Giáo Hoà Hảo, và hơn 350 đồng bào Thượng theo đạo Tin Lành ở Cao nguyên miền Trung... Độc ác nhất là công an đã bắt Luật sư Bùi Thị Kim Thành (người tích cực giúp đỡ, bênh vực cho "dân oan" miền Tây) nhốt vào Bệnh viện Tâm thần ở Biên Hoà, mặc dù nhiều bác sĩ địa phương xác nhận rằng tâm thần của bà bình thường. Họ đã chích hàng chục mũi thuốc để làm cho tinh thần bà bại hoại. Công an cũng đang truy nã giáo sư Nguyễn Chính Kết, săn lùng ráo riết các ông Lê Trí Tuệ, Trương Quốc Tuấn, Bạch Ngọc Dương, Trần Văn Hoà... làm một số người đã phải "vượt biên" ra nước ngoài.

Như vậy là cuộc chiến vẫn còn đang tiếp diễn. Cố nhiên, qua những trận bão táp dữ dội này, về mặt nhân sự, phong trào dân chủ bị sứt mẻ nặng nề: những nhân vật trụ cột của phong trào — nói theo cách diễn đạt của Luật sư Công Nhân — "bị buộc phải hy sinh chấp nhận những nhiệm sở bất đắc dĩ"! Nhưng phong trào vẫn không bị dẹp tan. Biết bao tiếng nói dũng cảm của những người dân chủ trong nước vẫn còn vang lên mạnh mẽ. Khối 8406, LMDCNQVN, Đảng Thăng Tiến, Đảng Lạc Hồng, Đảng Dân Chủ Nhân Dân... vẫn tồn tại, các tờ bán nguyệt san Tự Do Ngôn Luận, Tổ Quốc, tập san Tự Do Dân Chủ... vẫn tiếp tục phát hành đều đặn... Nhiều tổ chức đã bắt đầu chuyển hướng cách hoạt động cho thích hợp hơn với tình thế mới.

Khủng bố không hề thắng được khát vọng tự do!

Cũng xin nhắc lại, đây chẳng phải là lần đầu tiên ĐCS tung đòn khủng bố đàn áp đối với phong trào dân chủ. Kể từ lúc phong trào mới manh nha cách đây trên 50 năm — chúng tôi muốn nói đến trào lưu Nhân Văn Giai Phẩm, khi một số văn nghệ sĩ, trí thức rụt rè đòi tự do dân chủ, nhất là tự do sáng tác — ĐCS đã giáng một đòn khủng bố ghê rợn đến nỗi hàng trăm trí thức, văn nghệ sĩ đã bị đoạ đày khốn khổ trên ba chục năm trời ròng rã, nhiều người phải ngồi tù dài hạn, như nhà văn hoá Nguyễn Hữu Đang - 15 năm, nhà văn Thuỵ An - 15 năm, nhà thơ Phùng Cung - 12 năm, nhà xuất bản Trần Thiếu Bảo (Minh Đức) - 10 năm, người ít nhất cũng phải ba - bốn năm. Hồi đó, đã có nhiều người khiếp sợ, một số ít đã khuất phục, thậm chí có người đầu hàng. Nhưng hồn tự do bất diệt vẫn sôi sục trong huyết quản trí thức, văn nghệ sĩ, và nhiều người vẫn kiên cường giữ vững khí phách kẻ sĩ. Đó là những Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Hữu Đang, Phùng Cung, Phùng Quán, Hữu Loan, Trương Tửu...

Tiếp đến trận đàn áp cực kỳ khốc liệt những cán bộ đảng viên có tinh thần dân chủ dám có ý kiến bất đồng với ban lãnh đạo ĐCS: đó là vụ án "Xét Lại — Chống Đảng". Hơn bốn năm chục cán bộ từ cao, trung cấp trở xuống, nhiều nhà báo, nhà văn... đã bị tống giam vào ngục tù, nhiều người bị "tù" tại gia. Biết bao người đã phải chết âm thầm trong uất hận, như Phạm Viết, Bùi Công Trừng, Đặng Kim Giang, Vũ Đình Huỳnh, Lê Liêm... Thế nhưng ĐCS vẫn không thể đè bẹp được ý chí đấu tranh cho lý

tưởng tự do dân chủ. Tấm gương kiên cường của cụ Hoàng Minh Chính, người đã ngồi tù giam cũng như "tù" tại gia cho đến nay, nghĩa là trên 30 năm trời, vị anh hùng bất khuất của đối lập dân chủ Việt Nam, đã khích lệ rất nhiều cho các thế hệ dân chủ hậu sinh.

Rồi tiếp đến những hoạt động của Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ do cụ Nguyễn Hộ, cựu chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, một nhà cách mạng lão thành của ĐCS làm chủ nhiệm. Một cao trào dân chủ đã dấy lên với những cuộc thảo luận sôi nổi về tự do dân chủ, với việc xuất bản báo Truyền Thống Kháng Chiến... làm ĐCS hoảng sợ, vội vã đàn áp. Nhiều vị công thần của Đảng, như Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu, Tạ Bá Tòng, Hồ Hiếu, Đỗ Đình Mạnh... đã bị bắt giam. Nhưng chính lúc này lại xuất hiện thêm những chiến sĩ dân chủ kiên cường khác, như cụ Nguyễn Văn Trấn, Linh mục Chân Tín, trung tướng Trần Độ, các ông Lê Hồng Hà, Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Trần Khuê, Hà Sỹ Phu, Mai Thái Lĩnh, Trần Anh Kim, nhà thơ Bùi Minh Quốc, các nhà văn Dương Thu Hương, Tiêu Dao Bảo Cự... Trong số những người xuất thân từ chế độ Việt Nam Cộng Hoà, đã có những người rất nổi bật, như bác sĩ Nguyễn Đan Quế với Cao Trào Nhân Bản, ông Nguyễn Đình Huy, người đứng đầu Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ, giáo sư Đoàn Viết Hoạt với tờ *Diễn Đàn Tự Do*, hai vị Hoà thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, các Thượng toạ Thích Thích Thiện Minh, Thích Tuệ Sỹ, Thích Không Tánh, Linh mục Nguyễn Văn Lý...

Như vậy là trong suốt nửa cuối thế kỷ 20, dù đàn áp tàn bạo, khủng bố khốc liệt đến đâu, nhưng ĐCS vẫn không thể đè bẹp được phong trào dân chủ nước ta. Còn nếu tính từ đầu thế kỷ 21 đến nay, thì chúng ta cũng đã từng chứng kiến trận đàn áp khốc liệt vào năm 2002, khi Nông Đức Mạnh vừa mới lên ngôi vị Tổng bí thư của ĐCS. Hàng chục chiến sĩ dân chủ đã bị câu lưu, bị bắt bớ, bị tù giam hay "tù" tại gia, tại chùa, tại nhà thờ, đó là những Vũ Cao Quận, Hoàng Minh Chính, Trần Độ, Nguyễn Đan Quế, Lê Hồng Hà, Trần Dũng Tiến, Hà Sỹ Phu, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Trần Khuê, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang, Nguyễn Khắc Toàn, Trần Anh Kim, Nguyễn Đắc Kính, Đào Quang Tiến, Dương Sơn, Dương Hùng, hai vị Hoà thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, các Thượng toạ Thích Tuệ Sỹ, Thích Thiện Minh, Thích Không Tánh, các Linh mục Nguyễn Văn Lý, Phan Văn Lợi, Nguyễn Hữu Giải, cụ Lê Quang Liêm (hội trưởng PGHHTT), các Mục sư Nguyễn Hồng Quang, Nguyễn Công Chính... Thế nhưng, phong trào vẫn giữ vững và đến năm 2006 thì ngày càng khởi sắc đến nỗi ĐCS lại phải tung ra trận đàn áp dữ dội lần này. Trong trận chiến đấu mới này lại xuất hiện thêm những anh hùng mới của dân tộc như nhiều người đã biết. Chúng ta có thể tin chắc rằng phong trào hiện đang được duy trì và sẽ lại có ngày khởi phát mạnh mẽ, vì không có gì có thể đè bẹp được ý chí tự do của những con người có lương tâm và trí tuệ.

Chúng ta cũng tin chắc rằng tuổi trẻ còn có tim óc của dân tộc ta sẽ lắng nghe lời tâm huyết của Luật sư Lê Thị Công Nhân: "*...Những gì mà tôi làm được, tuy hết sức nhỏ bé, nhưng nếu như từng cá nhân chúng ta tự coi mình là con người mà lại thờ ơ trước số phận chính trị của mình cũng như của dân tộc Việt Nam mà chưa ủng hộ, hay ủng hộ rồi mà chưa tham gia, hay tham gia mà chưa tích cực, thì xin hãy mạnh dạn, can đảm nói lên tiếng nói của mình!*" và rất nhiều người "sẽ tiếp tục đứng lên gánh vác những công việc còn đang dang dở của chúng tôi" (2).

Như vậy thì chúng ta có đầy đủ lý do để tin tưởng, một khi các chiến sĩ dân chủ dũng cảm đã vươn lên trong trận bão táp bạo tàn vừa qua, nêu cao tấm gương anh hùng cho toàn dân tộc và tuổi trẻ nước ta, thì chắc chắn là phong trào dân chủ sẽ còn vươn lên nữa, bất chấp mọi trận bão táp dữ dội mà ĐCS sẽ gây ra. Còn chế độ bạo tàn, độc tài toàn trị của ĐCS chắc chắn rồi đây sẽ sụp đổ tan tành trong trận bão táp của lòng phẫn nộ và căm hờn xuất phát từ đại chúng khổ đau, bị lừa bịp, bị áp bức, bị đè nén, bị oan khuất và bị tước đoạt mọi quyền tự do dân chủ trên sáu thập niên rồi, sẽ dũng mãnh đứng lên đòi quyền sống của mình./.

Moskva 21.5.2007

1. Vì trên thực tế, sau cuộc Cách mạng tháng 8.1945, ĐCS đã tiếm quyền tự quyết của nhân dân: từ khi ĐCS cướp được chính quyền cho đến ngày nay, chưa hề có một cuộc bầu cử nào đáng gọi là dân chủ để biểu hiện được ý chí của toàn dân, mà mọi cuộc bầu cử từ cơ quan quyền lực tối cao (quốc hội) đến các cơ quan dân cử địa phương đều chỉ là những trò hề giả dối theo lối "đảng cử dân bầu."

2. Những chữ nghiêng trong ngoặc là lời Lê Thị Công Nhân nói trên Diễn đàn Dân chủ ngày 26.2.07.

MỘT VẬN HỘI MỚI CHO ÂU CHÂU VÀ NƯỚC PHÁP?

NGUYỄN ANH TUẤN

Những nước lớn tại Âu Châu vừa trải qua một thời kỳ thay đổi lãnh đạo trong thời gian gần đây, khiến cho nhiều người nói đến một vận hội mới cho lục địa này. Những khuôn mặt mới đã, đang và sắp sửa lên thay những vị lãnh tụ đã cầm quyền trong một thời gian khá dài. Điều này khiến cho nhiều người hy vọng theo lẽ tất nhiên của mọi sự thay đổi. Tại Pháp, tân tổng thống Nicolas Sarkozy được nói đến như là vị tổng thống Pháp đầu tiên không thuộc thế hệ của thời Đệ Nhị Thế Chiến, và được coi như là một khuôn mặt tươi trẻ, năng động để thay thế cho một hình ảnh già nua, chậm chạp của TT Jacques Chirac. Tại Anh, ông Tổng trưởng Tài chánh Gordon Brown sẽ lên nắm ngôi lãnh tụ đảng Lao Động và thay thế ông Tony Blair trong chức vụ thủ tướng vào cuối tháng Sáu. Riêng hai cường quốc Âu Châu khác là Đức và Ý thì cũng đã thay đổi lãnh tụ trong thời gian hơn một năm rưỡi vừa qua. Và do đó bốn vị tân lãnh tụ này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc cầm cương cho vận mệnh của khối Âu châu trong thời gian sắp tới.

Thế nhưng liệu người ta có quyền hy vọng cho một vận hội và một tương lai huy hoàng hơn hay không? Nếu nhìn kỹ lại thì ngoại trừ trường hợp của Ý và Đức với hai vị thủ tướng kế nhiệm khác đảng phái với những người đã ra đi, thì tại Pháp và Anh, cả hai tân lãnh tụ thật ra đều là người cùng đảng với các vị tiền nhiệm, tức là trên nguyên tắc, sẽ đeo đuổi những chính sách gần giống như trước, chứ không thể có những cải cách táo bạo khác hẳn với đường lối cũ.

Trường hợp của nước Pháp là một thí dụ điển hình. Những khó khăn trong lãnh vực xã hội và kinh tế của nước Pháp cũng không khác gì so với các quốc gia Âu châu khác, từ mức tăng trưởng kinh tế chậm chạp cho đến mức thất nghiệp cao, đặc biệt là trong giới trẻ và nghèo thuộc thành phần di dân gốc Ả Rập và Hồi-giáo, cộng với một ngân sách quốc gia càng ngày càng bị thâm thủng vì những chính sách trợ giúp dân sinh có tính cách bao cấp quá tốn kém. Điều này khiến cho ngân quỹ nhà nước càng ngày càng bị chồng chất nợ thêm, nhưng hầu hết các chính trị gia thuộc cả hai phe hữu cũng như tả đều không có can đảm giải quyết thẳng khó khăn bằng cách tăng thuế và cắt bớt những quyền lợi trợ cấp vì sợ bị chống đối mạnh mẽ từ nhiều thành phần cử tri. Và do đó tất cả đều tìm cách tránh né để đùn cho những thế hệ kế tiếp sẽ phải đối đầu với nan đề này, tương tự như trường hợp của Hoa Kỳ với mối nguy thâm thủng cho quỹ an sinh xã hội và trợ cấp y tế trong một tương lai không xa.

Thế nhưng những hàng rào chính trị để cản ngăn việc giải quyết những khó khăn này xem chừng như nằm ở mức cao nhất tại nước Pháp. Trong cuộc bầu cử tổng thống vừa qua, hai ứng viên Nicolas Sarkozy và Ségolène Royal đã đưa ra hai chiều hướng giải quyết khác nhau. Chủ trương của bà Royal rõ ràng là theo trường phái của xã hội chủ nghĩa với sự can thiệp của nhà nước để trợ cấp cho nhiều thành phần trong xã hội được "cơm no áo ấm" như: tăng đồng lương tối thiểu, vốn đã cao nhất tại Âu châu, lên 20%; tạo hàng ngàn công việc mới cho giới trẻ vừa ra trường hay mới bước vào thị trường lao động. Còn ông Sarkozy thì hứa hẹn những đổi thay mới, có thể táo bạo và cứng rắn như: cắt giảm mức thuế trên lợi nhuận đầu tư (*capital gains tax*) cũng như rút mức thuế xuống ở mức tối đa là 50% (những người ở Mỹ thường hay kêu ca về tiền thuế cao sẽ thấy là mức thuế lợi tức ở Hoa Kỳ tối đa chỉ có 36% thật ra không thấm thía gì nếu so với bên Âu châu); kiểm soát gắt gao luật lệ về di trú cũng như gia tăng hình

phạt cho những thành phần di dân thường hay phạm pháp nhiều lần; cắt giảm thuế trên đồng lương của những giờ làm phụ trội sau 35 tiếng mỗi tuần để kích thích mức sản xuất kinh tế; hoặc loại bỏ bớt số lượng công chức đông đảo và dư thừa trong bộ máy to lớn cồng kềnh của nhà nước để giảm bớt ngân quỹ quốc gia; giảm bớt sức mạnh của các nghiệp đoàn lao động bằng cách thiết lập một hệ thống giao thông công cộng tối thiểu để hoạt động trong trường hợp có các vụ tổng đình công trên toàn quốc v.v. . .

Nếu như bà Royal muốn đẩy nước Pháp nhẹ nhàng ra khỏi tình trạng chậm chạp hiện nay thì ông Sarkozy muốn lắc mạnh nước Pháp để thoát ra khỏi sự trì trệ trong nhiều thập niên qua để mong tạo dựng một tương lai khác có thể sáng sủa hơn, nhưng chắc chắn là sẽ có nhiều xáo trộn náo động. Giờ đây, với sự thắng cử của ông Sarkozy, liệu chúng ta có thể trông chờ những thay đổi nào sẽ diễn ra ở nước Pháp? Nhiều phân tích gia đã nói đến những chi tiết về việc ông Sarkozy rất ưa thích mô hình nước Mỹ, cũng như sẵn sàng đề cao thể chế dân chủ của đệ nhất siêu cường này. Nhiều người cũng tiên đoán là nước Pháp sẽ thay đổi theo một chiều hướng tốt đẹp hơn trong quan hệ giữa Hoa Kỳ và Pháp thay vì dưới thời của cựu TT Jacques Chirac, giống như trường hợp của nữ thủ tướng Angela Merkel của Đức thay vì cựu thủ tướng Gerhard Schroeder. Nhưng rồi lại có nhiều chuyên gia khác cũng nhận định rằng tuy không có tinh thần dị ứng với Mỹ như nhiều lãnh tụ khác của Pháp, nhưng ông Sarkozy vẫn không ủng hộ đường lối của chính phủ Bush trong cuộc chiến Iraq. Hơn nữa, ông Sarkozy cũng vẫn mạnh miệng lên tiếng là sẽ bảo vệ cho quyền lợi của người dân Pháp để không phải bị thiệt thòi trong bối cảnh cạnh tranh gắt gao vì sự kiện toàn cầu hoá kinh tế. Do vậy, nhiều người sẽ kết luận rằng nước Pháp và người dân Pháp, với những tính tình thay đổi khó hiểu phản ảnh cả hai mặc cảm tự tôn lẫn tự ti, cuối cùng cũng sẽ chẳng thay đổi gì mấy, theo đúng với cái thành ngữ của Pháp là "*càng thay đổi chừng nào, thì mọi sự vẫn càng y nguyên chừng đó.*"

Nhà báo Michel Gurfinkiel, chủ bút tuần san bảo thủ *Valeurs Actuelles* tại Pháp và cũng là chủ tịch một viện nghiên cứu có tên là Institut Jean-Jacques Rousseau, mới đây đã cống hiến một bài viết phân tích khá dài để nói về hiện tình nước Pháp được đăng trên tờ *Wall Street Journal* số đề ngày 9-5-2007. Bài viết giúp người đọc hiểu rõ hơn về những chi tiết lý thú về nước Pháp và người Pháp, xuyên qua những kết quả khá bất ngờ (khác với những tiên đoán lúc ban đầu) trong những cuộc bầu cử tổng thống trong quá khứ.

Từ nhiều năm qua, những cuốn sách nói về tình trạng "đi xuống" của nước Pháp và "một cơn khủng hoảng về bản sắc quốc gia" đã được xuất bản khá nhiều để trở thành những cuốn sách ăn khách bán rất chạy (*best sellers*) trên thị trường nước Pháp. Cuốn sách được nói nhiều nhất là "*La France qui tombe*" (Nước Pháp ngã xuống) của Nicolas Baverez, một luật sư và cũng từng tốt nghiệp từ ngôi trường danh tiếng ENA. Kế đó là cuốn "*Le Grand Gaspillage*" (Cuộc Tiêu phí to lớn) của Jacques Marseille, sử gia ở trường Đại học Sorbonne. Hai tác giả này có thể được xếp vào khuynh hướng bảo thủ ôn hoà, hay còn gọi là trung hữu. Ngoài ra, cũng có những tác giả khác, thuộc phái trung tả, cũng xuất bản những cuốn sách nói về một sự đi xuống của nước Pháp. Đó là các vị như giáo sư kinh tế Michel Godet, tác giả cuốn "*Le Choc de 2006*" (Vụ chấn động năm 2006) để nói về cái giá to lớn gây chấn động mà chính phủ Pháp phải è cổ ra gánh vác cho chi phí trợ cấp dân sinh rộng rãi tại Pháp; hoặc như ông Claude Allègre, cựu tổng trưởng trong nội các Jospin, giờ đây trở thành một trong những bỉnh bút gia nổi tiếng nhất tại Pháp; hay như Louis Chauvet, một chuyên viên của Viện Cao học Chính trị (Sciences Po), tác giả một tập sách mỏng có nhan đề là "*Les Classes Moyennes à la dérive*" (Giai cấp trung lưu lạc lõng).

Muốn hiểu rõ hơn vì sao nhiều tác giả đang nói về một tình trạng "xuống dốc" tiệm tiến, với những thay đổi to lớn đã đưa nước Pháp, từ vị trí của một đế quốc lâu đời tại Âu châu nhưng rồi mất dần uy thế và ảnh hưởng như ngày nay, người ta phải cố nhớ rằng Pháp là một cường quốc trên thế giới trong suốt hai thế kỷ 19 và 20, đi đầu trên nhiều địa hạt từ khoa học, kỹ thuật, tài chính, văn hoá, nghệ thuật và văn chương. Và Pháp cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành một siêu cường mới vào đầu thiên niên kỷ, đó là Liên Hiệp Châu Âu. Thế nhưng có lúc thì cái niềm tự hào vinh quang của Pháp cũng bị thách thức, như đã xảy ra trong thập niên 1940 bởi một lân bang là Đức quốc. Cũng may là sau đó, Đức bị thất trận

bởi lực lượng của đồng minh, nên Pháp đã phục hồi nhanh chóng lại ngôi vị của mình. Thế nhưng đến cuối thế kỷ 20 thì niềm tự hào đầy lạc quan của Pháp bắt đầu bị lung lay vì nhiều nguyên nhân khác nhau.

Thay đổi dân số. Trước cuộc cách mạng năm 1789, nước Pháp có một nền nông nghiệp giầu mạnh nhờ vào lực lượng dân số cao nhất tại Âu châu, vào khoảng 27 triệu người. Nhưng rồi sau đó, mức tăng trưởng dân số tụt dần khiến Pháp mất thế thượng phong. Trong suốt thế kỷ 19, dân Pháp chỉ tăng trưởng thêm ở mức 30%, trong khi hầu hết các nước Âu châu khác tăng từ 100% đến 300%. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, dân số Pháp có tăng trưởng mạnh trong một thời gian ngắn, nhưng sau đó trở về tình trạng khựng lại và bắt đầu tụt dần, kể từ cuối thập niên 1960. Với tổng số khoảng 63 triệu dân, thống kê của Liên Hiệp Quốc dự đoán là con số này sẽ không thay đổi vào năm 2050 (trong khi Hoa Kỳ có thể tăng từ 300 triệu lên 400 triệu dân!) Nước Pháp càng ngày càng lão hoá, với 1/4 dân số trên 60 tuổi và khối lao động vững mạnh để nuôi dưỡng đất nước, tức là từ 20 đến 59 tuổi, chỉ chiếm tỉ lệ 50%. Và do đó nước Pháp mới càng ngày càng cần đến khối dân số mới, đến nhập cư từ các quốc gia khác, đa phần là các cựu thuộc địa.

Ảnh hưởng của khối di dân. Trong vòng 30 năm qua, đã có 6 triệu di dân, đa số thuộc các quốc gia Hồi-giáo hoặc cựu thuộc địa Bắc Phi, đến định cư tại Pháp. Tổng số những di dân này và con cháu của họ được ước lượng hiện nay lên đến con số 15 triệu người. Khối thiểu số này, giống như khối di dân gốc Hispanic bên Mỹ, tương đối trẻ trung hơn, và với mức sinh sản cao hơn, trong một tương lai gần có thể trở thành một khối đa số đáng kể, dẫn đến những thay đổi sâu rộng về chính trị. Chẳng hạn như trong kỳ bầu cử vừa qua, tất cả các đảng, kể cả đảng cực hữu của ông Jean Marie Le Pen, cũng đều kêu gọi sự ủng hộ của cử tri gốc di dân, tương tự như các ứng viên ở Hoa Kỳ kêu gọi cử tri gốc Hispanic ủng hộ.

Những hỗn loạn xã hội. Đặc tính tiêu biểu của nước Pháp là những giá trị truyền thống trong gia đình. Kể từ thời Đại đế Napoléon, việc ly dị vợ chồng tuy hợp pháp nhưng thường khó thực hiện trong thực tế vì tinh thần cố lưu giữ hình thức. Nhờ vậy mà xã hội Pháp không có những thay đổi sâu rộng, cho dù là về phương thức cầm quyền, nước Pháp đã trải qua nhiều hình thức khác nhau từ quân chủ sang cộng hoà rồi thay đổi trở lại, với 14 lần thay đổi hiến pháp và năm nền cộng hoà khác nhau.

Thế nhưng giờ đây thì tất cả đã đổi thay, bắt nguồn phần lớn từ sự tan vỡ của cấu trúc gia đình. Tỉ lệ ly dị vào năm 1970 là 12%, và giờ đây đã tăng lên thành 40%, 1/3 các bà mẹ thuộc thành phần "không chồng mà có con" (*single moms*); và 40% các em sơ sinh lọt lòng trong các gia đình mà bố mẹ không có giá thú (như trường hợp nổi tiếng của bà Ségolène Royal sống chung với ông Francois Hollande và có 4 mặt con). Cùng lúc đó thì vai trò của tôn giáo cũng mất dần ảnh hưởng. Từ đa số, giờ đây chỉ còn phân nửa (51%) còn cho mình là theo đạo Công giáo, nhưng cũng chỉ có 17% trong số đó là còn chịu siêng năng đi lễ thường xuyên. Và rồi tệ nạn bạo động bắt đầu lan rộng, góp phần làm băng hoại những giá trị của xã hội nước Pháp. Tỉ lệ bạo động so với dân số, vào năm 1960, chỉ có 12%; nhưng đã tăng lên thành 60% vào thập niên 1980, và giờ đây đã lên cao ở mức 70%. Có nhiều nguyên nhân để giải thích sự gia tăng về bạo động trong xã hội, thứ nhất liên quan đến mặt kinh tế, nhưng rồi cuối cùng cũng ít nhiều gắn liền với tình trạng di dân. Theo thống kê của cảnh sát Pháp, có hơn 60% các kẻ tội phạm và 90% thủ lãnh các băng nhóm phạm pháp tại Pháp đều là dân ngoại quốc, di dân hay con cháu của di dân.

Tài nguyên hao mòn dần. Khách quan mà nói, Pháp vẫn được coi như là một trong những quốc gia giầu có và thành công về kinh tế trên thế giới. Mức tổng sản lượng quốc gia (GDP) mỗi năm vào khoảng 2,200 tỷ Mỹ-kim. Lợi tức đồng niên trung bình của người dân Pháp là 30,000 Mỹ-kim, cũng ngang hàng với mức của hai nước Đức và Nhật, hai siêu cường kinh tế giầu mạnh khác, nhưng có dân số đông hơn nhiều. Sự thịnh vượng và giầu sang của nước Pháp thường dựa trên một vài lãnh vực như nông nghiệp, du lịch, dịch vụ và kể cả kỹ thuật cao. Nói đến nước Pháp, người ta cũng thường nhắc đến một vài tên tuổi nổi bật như Airbus (kỹ nghệ hàng không), Carrefour (hệ thống phân phối và các đại siêu thị), Total-Elf (dầu hoả và năng lượng), Renault và Peugeot (kỹ nghệ xe hơi) và nhiều ngành nghề xuất sắc khác về năng lượng hạch tâm, viễn liên hay dược phẩm. Thế nhưng song song với những tiến triển tốt đẹp và thành danh đó, một số những thay đổi trong nước Pháp cũng để lộ những dấu hiệu không

mấy khả quan.

Nếu như các đại công ty Pháp vẫn tiếp tục sinh lời trong nhiều năm qua, thì ngược lại mức GDP của Pháp đã tăng trưởng rất ít, và nhiều khi cũng chẳng tăng trưởng tí nào. Lý do chính là vì tài nguyên của Pháp phần lớn đến từ các kỹ nghệ và dịch vụ ở ngoài nước chứ không phải từ guồng máy kinh tế nội địa. Chẳng thế mà một đại công ty tiêu biểu của Pháp là Renault cuối cùng cũng quyết định đặt bản doanh trung ương tại Hoà Lan thay vì tại Pháp!

Những công ty hay ngành nghề còn lại tại Pháp do đó không đủ khả năng hoạt động và phát triển mạnh để cung ứng công ăn việc làm cho khối lao động trong nước vào khoảng 30 triệu người. Điều này dẫn đến tình trạng thất nghiệp khá cao với tỉ lệ khoảng 9% (so với Hoa Kỳ thường từ 4,5% đến 6%). Tỉ lệ thất nghiệp này còn cao hơn nữa trong giới trẻ và gốc di dân, lên đến 25%.

Trong tình cảnh đó, nhiều người sẽ hỏi dân Pháp sinh sống và xoay xở ra sao? Rất dễ hiểu: tất cả đều trông chờ vào sự trợ giúp của chính phủ, dưới nhiều chương trình khác nhau như tìm công việc cho những thành phần thất nghiệp kinh niên hoặc không có nghề chuyên môn; bảo hiểm y tế đầy đủ cho mọi người trong xã hội, cũng như lưu giữ một hệ thống thư lại của nhà nước đầy rẫy những công chức chẳng có đóng góp gì hữu hiệu nhưng nhờ được vào ngạch rồi nên cứ tha hồ ngồi lãnh lương. Ấy là chưa kể đến nhiều chương trình phụ cấp khác như phụ cấp nhà cửa để trả giúp tiền thuê mướn nhà v.v. . .

Nguồn gốc của chính sách trợ giúp dân sinh này bắt đầu từ năm 1936 với việc ấn định những ngày nghỉ lễ toàn quốc được ăn lương cũng như việc cho phép thành lập các nghiệp đoàn để bảo vệ cho giới công nhân hay nhân viên cùng ngành nghề. Đến năm 1945, hệ thống bao cấp này còn được phát triển mạnh mẽ hơn nữa với việc thành lập quỹ An sinh Xã hội, nhằm bảo vệ sức khoẻ cho mọi người dân cũng như cung cấp quyền lợi cho người dân khi về già. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, các chương trình trợ cấp này còn được đẩy mạnh hơn qua các chính sách cấp phát nhà cửa (với tiền thuê rất rẻ) cho đa số những người dân nghèo tại những khu chung cư bình dân HLM. Trong năm 1950, mức lương tối thiểu được ấn định để bảo vệ cho những người có đồng lương thấp không bị bóc lột. Con số ngày nghỉ hè mỗi năm cũng tăng lên từ hai tuần (vào năm 1936) để rồi trở thành năm tuần lễ (vào năm 1982), và đồng thời con số giờ làm việc mỗi tuần cũng tụt xuống từ 40 tiếng còn có 35 tiếng. Ngoài ra, nhà nước cũng chu cấp luôn chi phí giáo dục cho người dân, từ tiểu học cho đến đại học. Đã đành là các sinh viên tốt nghiệp các đại học ở Pháp cũng không dễ dàng tìm được việc làm so với những thành phần ưu tú xuất thân từ các trường nổi tiếng (Grandes Ecoles), nhưng dẫu sao thì chi phí học suốt bảy năm trời, từ năm thứ nhất cho đến khi tốt nghiệp tiến sĩ, mà nhà nước chu cấp cho tất cả các sinh viên nào chịu khó học hành thành tài, kể ra cũng là một món tiền trợ cấp rất béo bở mà nhà nước cung cấp cho người dân, nhất là nếu đem so với chi phí quá tốn kém như tại các đại học bên Hoa Kỳ.

Hậu quả là ngân sách các chương trình chi tiêu của nhà nước đã chiếm một phần lớn (tỉ lệ 54%) của tổng sản lượng quốc gia GDP, và do đó mức thuế cũng phải gia tăng theo, chiếm 44% của lợi tức mà người dân kiếm được. Và điều đáng ngại hơn nữa là mức thâm thủng ngân sách càng ngày càng gia tăng, tức là số nợ mà nhà nước phải gánh chịu mỗi năm mỗi tăng cao. Vào năm 1978, số nợ này vào khoảng 213 tỷ Euros, tăng thành 454 tỉ vào năm 1990, vọt cao lên ở mức 740 tỉ vào năm 1995, để rồi hiện nay ở vào mức 1,200 tỉ Euros. Ấy là chưa kể nhiều gánh nặng khác mà nhà nước, tức là xã hội gồm những con dân nước Pháp trong nhiều thập niên tới, sẽ phải gánh chịu bằng hình thức trả tiền lời và vốn, như các ngân sách thiếu hụt trong ngành bảo hiểm y tế; hoặc ngạch hành chánh (*civil service*) cung ứng công ăn việc làm cho các công chức. Tổng cộng tính ra thì con số nợ này lên đến mức khổng lồ 2,700 tỷ Euros, còn lớn hơn cả mức GDP của nước Pháp! Dĩ nhiên, không phải chỉ có nước Pháp, mà nhiều quốc gia Âu châu khác cũng như Hoa Kỳ này cũng đều chịu chung số phận đó, và hầu hết các chính trị gia cầm quyền cũng đều tìm cách tránh né, với những lời hứa hẹn mị dân, nhưng thực chất là để đùn trách nhiệm này cho những thế hệ sau, khi mà họ đã mồ yên mả đẹp, và tên tuổi đã đi vào lịch sử, cho dù là "lưu xú vạn niên" hay là "lưu danh muôn thuở".

Nhiều người chê trách về cựu TT Jacques Chirac là một trong những lãnh tụ thiếu hiệu năng nhất của Pháp, khiến cho vị thế của Pháp càng ngày càng tụt hậu trong hai thập niên qua. Thật ra thì khi ông Chirac mới đắc cử, với tỉ lệ

ủng hộ gần 53%, ông cũng đã ý thức được sự suy sụp dần của sức mạnh kinh tế nước Pháp và quyết chí đưa ra những chính sách cải tổ. Thế nhưng, cả hai ông Chirac và thủ tướng Alain Juppé đã không vận dụng được sự ủng hộ mạnh mẽ và đông đảo của nhiều tầng lớp quần chúng về mối nguy lâu dài này để sẵn lòng "thắt lưng buộc bụng" hầu chia sẽ gánh nặng quốc gia qua các chương trình cải cách. Những cuộc xuống đường, biểu tình rầm rộ chống đối các chính sách cải tổ này đã khiến cho chính phủ Juppé phải thu hồi lại các chính sách cải tổ còn non yếu này. Từ đó về sau, ông Chirac đã không còn can đảm hay cương quyết để đẩy mạnh các cuộc cải cách, điển hình như trường hợp về đạo luật Tuyển Dụng Đầu Tiên (CPE), loan báo vào đầu năm 2006 nhưng rồi gặp sự chống đối dữ dội của các nghiệp đoàn và các nhóm sinh viên, học sinh xuống đường rầm rộ như thời cách mạng năm 1968, khiến cho cuối cùng chính phủ của ông Dominique de Villepin trở thành bất lực và mất hết uy tín. Đạo luật này nhằm kích thích thị trường lao động bằng cách cho phép giới chủ nhân có quyền thuê mướn hay sa thải tự do nhân viên trong hai năm đầu. Vì nếu được tự do sa thải nhân viên thì giới chủ nhân mới dám thoải mái thuê mướn. Thế nhưng luật lao động ở nước Pháp bảo vệ quá kỹ giới làm công, không để cho họ dễ dàng bị sa thải, và vì vậy cũng khiến cho giới chủ nhân rất ngần ngại để thuê mướn thêm.

Nếu như đạo luật CPE chỉ nhằm cắt bớt một số quyền lợi bảo vệ cho giới trẻ lần đầu tiên có công ăn việc làm mà còn gặp sự chống đối mạnh mẽ như vậy thì khó có thể tưởng tượng nổi bất cứ chính trị gia hay lãnh tụ nào, kể cả tân tổng thống Nicolas Sarkozy, dám có can đảm đẩy mạnh những chính sách cải tổ táo bạo và sâu rộng hơn, như cắt bớt những quyền lợi về bảo hiểm sức khoẻ hay tiền hưu bổng cho giới cao niên. Chắc chắn là nó sẽ gặp những sự chống đối, xuống đường rầm rộ, tổng đình công, bãi thị khắp nơi, và nổi loạn đập phá hay đốt phá xe hơi và thùng rác rất đặc thù của Pháp mà thế giới đã biết tiếng từ vài năm qua. Không những giới cử tri khuynh tả sẽ mạnh mẽ chống đối ông Sarkozy mà ngay cả nhiều thành phần cử tri trong khối ủng hộ lá bài Sarkozy cũng chưa chắc sẽ chấp nhận những chính sách cải tổ này, khi mà chính những quyền lợi trợ cấp cho cá nhân của họ cũng bị cắt giảm.

Nước Pháp tuy là một nước theo chế độ dân chủ tự do nhưng có nhiều điểm khác biệt so với các quốc gia Âu châu khác cũng như Hoa Kỳ. Quốc hội cũng có hai viện, nhưng quyền hành thuộc nhiều hơn về Hạ Viện, tuy vậy cũng chẳng thấm gì so với tổng thống. Có thể nói tổng thống Pháp là vị nguyên thủ có nhiều thực quyền nhất, gần như tuyệt đối, so với các vị lãnh tụ của các quốc gia tự do dân chủ, kể cả Hoa Kỳ. TT Pháp có quyền bổ nhiệm thủ tướng cũng như giải tán quốc hội nếu như không đồng ý. Mỗi khi gặp sự chống đối bất bình của đa số dân chúng, vị tổng thống thường tìm cách xoa dịu bằng cách thay thế thủ tướng. Từ ngữ "thủ tướng" (*Premier Ministre*) thật ra cũng chỉ có nghĩa là một vị tổng trưởng (*ministre*) đứng đầu trong số các vị tổng trưởng chứ không phải là lãnh tụ cầm đầu nội các. Quốc hội Pháp cũng không có thực quyền như quốc hội ở Mỹ, vì các dự luật được soạn thảo ở đây, mang tên là "dự thảo" (*proposals*), không có giá trị ưu tiên bằng các dự luật do chính phủ đưa xuống, và được gọi là các "dự án" (*projects*). Và bất cứ lúc nào, tổng thống cũng có thể qua mặt, hay tước quyền, quốc hội bằng cách đề nghị một cuộc trưng cầu dân ý để quyết định về một chính sách nào đó.

Thế nhưng điều làm cản trở bước tiến của nước Pháp có lẽ là bộ máy quan liêu nổi tiếng của Pháp. Nói theo lời của ông Louis Chauvel, một chuyên viên nghiên cứu của Trường Cao học Chính trị (thường gọi là Sciences Po), thì nhiều nước khác cũng đều có một guồng máy quan liêu, nhưng riêng tại nước Pháp thì một hệ thống quan liêu đã cầm quyền kiểm soát nước Pháp! Sự trì trệ vì hệ thống quan liêu hay thư lại thật ra không phải là một điều mới lạ. Alexis de Tocqueville, một nhà văn và cũng là chính trị gia, đã viết cuốn sách vào thế kỷ 19 có tựa đề là "Chế độ cũ và cuộc Cách mạng" để nói về đề tài này. Theo tác giả thì cuộc cách mạng to lớn lật đổ chế độ quân chủ tại Pháp vào năm 1789, cho dù có táo bạo và cấp tiến vào thời điểm đó, thật ra cũng chẳng làm thay đổi bộ máy quan liêu ở nước Pháp: tất cả mọi quyết định đều dựa vào một chính quyền trung ương ở thủ đô Ba Lê, và một hệ thống nhà nước chằng chịt nhiều cơ quan công quyền kiểm soát gần như mọi sinh hoạt trong nước. Đến thế kỷ 20 thì sự trì trệ vì hệ thống quan liêu này càng rõ nét hơn nữa.

Tiêu biểu cho hệ thống quan liêu này là các trường đại học chuyên khoa, thường gọi là

Grandes Ecoles, dùng để chọn lựa các học sinh, sinh viên ưu tú nhất trong xã hội, qua các kỳ thi tuyển hết sức gắt gao. Hệ thống các trường này đã được thiết lập từ thời chính phủ Vichy vào năm 1940, và trong số đó có trường nổi tiếng nhất là ENA (*Ecole Nationale d'Administration*), tức là Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, được thành lập bởi tướng Charles de Gaulle vào năm 1945. Mục đích ban đầu là để đào tạo ra những công chức xuất sắc, có nhiều kiến thức sâu rộng để đảm đương những chức vụ quan trọng trong guồng máy xã hội và nhà nước. Nhiều lúc những người thi tuyển vào trường ENA cũng còn là những cô cậu sinh viên đã từng tốt nghiệp tại các trường thi tuyển nổi tiếng khác Ecole Polytechnique (Cao đẳng Kỹ thuật) hay Ecole Normale Supérieure (Cao đẳng Sư phạm). Rồi khi tốt nghiệp khỏi trường ENA, những sinh viên ưu tú sẽ được chọn vào những văn phòng có uy quyền như Nha Thanh Tra Tài chính (*Inspection des Finances*) để rồi làm bước thang bước lên những chức vụ quan trọng hơn nữa trong Bộ Tài Chính (một bộ mạnh và uy quyền nhất trong nội các của Pháp), và sau đó là phủ thủ tướng và điện Elysée. Trong một dịp hội nghị thượng đỉnh G7 tổ chức tại Houston vào năm 1989 hay 1990 dưới thời cựu TT Bush bố, kẻ viết bài này đã có dịp làm quen với một vị thứ trưởng ngân sách của chính phủ Pháp, ông Jean Claude Trichet, hiện nay là Thống đốc Ngân hàng Trung Ương Âu châu (ECB). Trong những cuộc họp to lớn này, tuy sự có mặt của các vị tổng thống hay thủ tướng được báo giới chú ý đến nhiều, nhưng thật ra thì các vị phụ tá cấp thứ trưởng trở xuống mới là những người phải làm việc cực nhọc nhất trong những buổi họp để thông qua những thoả thuận chung của bảy quốc gia giầu mạnh này. Trong một dịp tôi tình nguyện làm tài xế chở ông Trichet đi thăm viếng thành phố Houston, khi được hỏi có phải là ông xuất thân từ Nha Thanh Tra Tài Chính hay không, ông Trichet tỏ ra giật mình và ngạc nhiên, có lẽ không hiểu vì sao một người gốc Á châu tại nước Mỹ lại biết đến từ ngữ chuyên môn đó. Và từ đó thì hai người nói chuyện với nhau rôm rả hơn, kể đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, chứ không còn khách sáo, xa cách hay quan liêu mà ta có thể nghĩ đến khi nói về một viên chức cao cấp đi tham dự hội nghị thượng đỉnh. Khi được chở đi coi một vòng quanh khu River Oaks nổi tiếng nhất của thành phố với những ngôi biệt thự sang trọng và đắt giá, ông cũng trầm trồ khen ngợi và xuýt xoa thèm thuồng như những kẻ bình dân chúng ta.

Trường ENA nổi tiếng đến mức mà từ ngữ "*énarque*" tức là một sinh viên tốt nghiệp trường này đã trở thành ngữ vựng phổ thông có ghi trong tự điển tiếng Pháp. Những cựu tổng thống như Giscard d'Estaing và Jacques Chirac và nhiều cựu thủ tướng khác và rất nhiều các vị tổng trưởng hay thứ trưởng, ở cả hai phe hữu cũng như tả, cũng đều xuất thân từ ngôi trường này. Không những đa số các sinh viên xuất thân từ ngôi trường này đều nắm giữ các chức vụ trọng yếu trong chính quyền qua Bộ Tài Chính, mà những ai bước vào lãnh vực tư cũng nắm những chức vụ cao như tổng giám đốc, giám đốc tài chính v.v... Và từ đó, tạo ra một hệ thống bao gồm những người cùng trường, cùng chia sẻ quan điểm, và vì thế sẽ không có dịp để lắng nghe những tiếng nói hay quan điểm của những giới khác, cũng như ít chịu sẵn lòng sửa đổi vì tính tự kiêu hay tự hào về khả năng ưu tú của mình.

Trong bối cảnh đó, liệu người ta có thể tin tưởng vào những chính sách cải tổ của ông Sarkozy sẽ đề ra hay không? Thoạt mới nhìn, người ta có quyền hy vọng, vì chính cá nhân ông Sarkozy không phải xuất thân từ trường ENA, cho dù ông cũng thuộc giai cấp ưu tú khi tốt nghiệp tại một trường đại học quan liêu nổi tiếng khác là Viện Cao học Chính trị (Sciences Po). Từ nhiều năm qua, đôi lúc cũng có những tiếng nói đòi hỏi phải cải tổ trước tiên hệ thống thi tuyển gắt gao đặc thù ở nước Pháp, và do đó sẽ loại bớt một hình thức chọn lọc thiếu dân chủ, khởi sự từ việc loại bỏ trường ENA. Thế nhưng điều trái khoáy là ngay cả nếu như ông Sarkozy có ra lệnh áp dụng các chính sách cải tổ táo bạo hay mới lạ, thì liệu ông sẽ tìm ở đâu ra một đội ngũ những chuyên viên có khả năng và kiến thức để thi hành các chính sách này, ngoài những cô cậu *énarque* đó?

Và điều đơn giản là hầu hết các giới công chức cao cấp xuất thân từ các trường đại học danh tiếng cũng như các cô cậu "*énarques*" đang nằm đầy rẫy trong hệ thống hành chính hiện nay của nước Pháp. Chẳng lẽ họ sẽ cải tổ bằng cách tự giải tán những công việc danh giá và uy quyền hiện nay của mình?

Houston, Texas
nguyenanhtuan@sbcglobal.net

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

ĐI VÀO TỔNG-TUYỂN-CỬ CUỐI 2008

CỔ-LŨY

Đúng ngày Một tháng Năm vừa qua, tổng-thống George W. Bush phủ-quyết dự-luật tài-trợ cuộc chiến của Hoa-Kỳ ở Iraq và A-Phú-Hãn (Afghanistan) của phe Dân-chủ đa-số trong quốc-hội đưa ra với điều-kiện tổng-thống phải tuần-tự rút quân-đội Mỹ ra khỏi Iraq trong năm nay. Đây là phủ-quyết hiếm-hoi thứ nhì trong hơn sáu năm tại chức của tổng-thống, và nó cũng xẩy ra đúng bốn năm sau khi tổng-thống hùng-dũng trong chiến-đấu-cơ đáp xuống hàng-không mẫu-hạm Abraham Lincoln ngoài khơi thành-phố San Diego ở nam California và tuyên-bố chấm-dứt "những chiến-dịch quân-sự chính" ở Iraq, với hàng chữ "Nhiêm-vụ hoàn-tất" (Mission Accomplished) làm phông nổi bật phía sau. Ngày này cũng đánh dấu những khó-khăn chật-vật của chính-quyền ở hai mặt trận chính trong cuộc chiến chống khủng-bố toàn-cầu (G-WOT, Global War On Terror) đã hơn năm năm, và cả trong nước; đồng thời nó cũng đánh dấu bốn tháng nắm quyền lập-pháp đa-số của phe đối-lập Dân-chủ với mũi dùi gay-gắt nhắm vào hoạt-động mọi mặt của hành-pháp.

Trong một ngày với nhiều hình-ảnh và ý-nghĩa đầy biểu-tượng, với phe Dân-chủ trong quốc-hội chua-chát nhắc-nhở ngày hùng-dũng của tổng-thống Bush bốn năm trước làm phông chính-trị phía sau, ông tuyên-bố, "Đặt hạn chót để rút lui là đặt thời-điểm cho thất-bại, và như thế là vô-trách-nhiệm." Sau bốn tháng ráo-riết vận-động và thỏa-nhượng giữa hai viện quốc-hội nằm trong tay phe đa-số Dân-chủ (chấp-thuận ngân-sách phụ-trội 124 tỉ cho hai mặt trận kèm theo điều-kiện phải bắt đầu rút quân-đội Mỹ ra khỏi Iraq từ tháng Mười 2007 cho đến tháng Ba 2008), các lãnh-tụ lập-pháp phe Dân-chủ chuyển dự-luật qua hành-pháp sau một nghi-lễ ký dự-luật dềnh-dang ở quốc-hội. Phe Dân-chủ lên-án phủ-quyết của tổng-thống và nói ông đã hiểu sai dự-luật. Nghị-sĩ Dân-chủ Harry Reid (Nevada), trưởng khối đa-số thượng-viện tuyên-bố, "Nếu tổng-thống nghĩ rằng ông có thể chặn đường chúng ta thay-đổi chiều-hướng cuộc chiến ở Iraq bằng phủ-quyết, ông đã sai lầm."

Phủ-quyết của tổng-thống chấm-dứt một chương trong tranh-chấp gắt-gao giữa hành-pháp và lập-pháp về tương-lai cuộc chiến Iraq; nó cũng mở đầu một chương mới với phe Dân-chủ và Cộng-hòa (thân hành-pháp) ráo-riết sửa-soạn bộ-thế trên đồi Capitol (trụ-sở quốc-hội). Giới lãnh-đạo Dân-chủ đang nghiên-cứu một dự-luật mới về ngân-sách phụ-trội cho G-WOT không có thời-khóa-biểu rút quân mà tổng-thống đã phủ-quyết nhưng vẫn giữ một loạt những thời-biểu đòi-hỏi tiến-bộ ở Iraq nhằm làm áp-lực chính quyền Nuri al-Maliki phải đạt tới để giảm-thiểu những tương-tàn giữa các giáo phái Hồi-giáo và chủng-tộc trong nước (một nội chiến rõ-rệt nhưng cả hai chính-quyền Bush và Maliki đều phủ-nhận). Đồng thời, với không một tiến-triển nào về an-ninh và chính-trị sau ba tháng "đôn quân" (surge) hai thủ-đô Hoa-Thịnh-Đốn và Baghdad bắt đầu ồn-ào những âm-vang về thay-đổi chính-quyền ở Iràq: ông al-Maliki sẽ không còn ngồi lâu trong chức-vụ thủ-tướng và có thể sẽ được thay-thế bởi một trong những "lãnh-tụ" quen-thuộc trên chính-trường Iraq. Người mới sẽ cần thời-gian để sữa-chữa, cải-thiện những gì ông al-Maliki không thực-hiện được hơn năm qua—nhưng thời-gian là một xa-xỉ hai thủ-đô không có trước áp-lực dân-chúng và giới hành-pháp Mỹ. Trong khi đó cuộc-tổng-tuyển cử cuối năm 2008 đang ráo-riết gia-tăng vận-tốc đua-tranh chính-trị giữa hai đảng chính trong nước.

CỔ-LŨY

Đi vào tổng tuyển cử cuối năm 2008 các ứng viên tổng thống và một số nghị sĩ, dân biểu mới và tái ứng cử không thể bỏ qua vấn đề cấp bách và sôi nổi cần phải lưu ý và giải quyết là cuộc chiến sa lầy ở Iraq của chính quyền Bush và những giới dân cử Cộng-hòa (cũng như một số ít hơn người Dân-chủ) từng ủng hộ cuộc chiến ở mức độ khác nhau. Như đã nhắc trong bài *Chính-*

Trị Hoa-Kỳ: Năm Qua Và Tới tổng kết cuối năm 2006 (*Thế-Kỷ 21*, số tân niên tháng Ba 2007, cùng người viết), Iraq đã thành "con hải-âu" oan nghiệt quàng chung quanh cổ chính quyền cùng những người triệt để ủng hộ cuộc chiến đưa họ đến những khó khăn, thất bại với nhiều mầu sắc nhân quả. Nửa năm đầu 2007 cho thấy tình hình ở đây còn đi xuống hơn nữa.

IRAQ: KHÔNG MỘT DẤU-HIỆU TỐT

Các tin tức trực tiếp xẩy ra trên mặt đất Iraq cùng nhận xét của các quan sát viên quân sự, chính trị đưa ra sự thật và những cái nhìn rất bi quan về nửa năm đầu 2007 hay cũng là tam cá nguyệt đầu trong năm thứ năm của cuộc chiến bắt đầu từ tháng Ba năm 2003.

A. "ĐÃ ĐẾN LÚC RÚT KHỎI IRAQ"

Đây không còn là lời kêu gọi của riêng phe lập pháp Dân-chủ đối lập nhằm khai thác cuộc chiến như một nhược điểm lớn lao cho chính quyền; nhiều nhân vật lãnh đạo phe Cộng-hòa từng ủng hộ cuộc chiến cũng lên tiếng ủng hộ rút quân. Trong khi chủ tịch quốc hội Nancy Pelosi (Dân-chủ, California) nói tổng thống đi ngược lại ý dân nếu không nghĩ đến rút ra khỏi Iraq, nghị sĩ Chuck Hagel (Cộng-hòa, Nebraska, một cựu chiến binh Việt-Nam và cũng là một ứng viên tổng thống) còn nhắc đến chuyện "giải nhiệm" (impeachment) tổng thống nếu ông ương ngạnh không chịu rút quân. Cuối tuần lễ đầu tháng Năm giới quan sát chính trị, quân sự thẩm quyền như nhật báo uy tín *The Los Angeles Times* —từ đầu năm từng miễn cưỡng ủng hộ việc chính quyền "đôn quân" (surge) xem như hy vọng cuối cùng để ổn định tình hình ở Iraq hầu giúp chính quyền Nuri al-Maliki nắm lấy trách nhiệm trong nước— đã hoàn toàn thất vọng với kết quả trong tam ca nguyệt đầu.

Trong đợt đôn quân Mỹ giữa tháng Hai vừa qua vào Iraq, hơn mười-tám ngàn binh sĩ mới được dồn vào Sadr City, khu nhà ổ chuột thuộc hơn hai triệu người giáo phái Shiite ở đông bắc thủ đô Baghdad ủng hộ giáo sĩ Muqtada al-Sadr khăng khăng chống Mỹ từ đầu cuộc chiến, và hơn bốn ngàn đổ vào tỉnh Al Anbar thuộc phái Sunni phía tây ngoài thủ đô. Đây là hai vùng nước lửa với đánh bom cảm tử và chất nổ khủng bố cũng như ám sát giữa hai giáo phái xẩy ra hàng ngày mà đợt đôn quân hy vọng bình định như hai nguồn cội bất lợi và nguy cơ chính trị cho cả chính quyền Maliki và Bush. Nhiều nhà quan sát quân sự đã đặt câu hỏi lớn về quyết định đổ quân vào thành phố, vì ngay từ đầu cuộc chiến giới quân sự Mỹ đã hết sức tránh việc dùng binh sĩ với trang bị tương đối nhẹ (phần lớn là vũ khí cá nhân) để tác chiến trong thành phố, nơi Hoa-Kỳ không thể dùng lợi thế vũ khí nặng và phi pháo tối tân kiểu trận địa chiến mà phải chấp nhận đánh kiểu du kích từng căn nhà ("house to house"), từng khu phố một với đối thủ trang bị tương đương ("symetrical war") và thêm lợi thế quen thuộc với trận địa cũng như được ủng hộ của dân chúng. Tướng bốn sao chỉ huy chiến trường Iraq David Petraeus kêu gọi quốc hội và dư luận dân chúng kiên nhẫn vì số thương vong Mỹ sẽ lên cao hơn nữa với những giao chiến trong thành phố; nhưng xem ra quốc hội và công luận không còn mấy kiên nhẫn. Đa số trong quốc hội và dân chúng muốn rút ra khỏi Iraq; câu hỏi chính là chi tiết như thế nào. Số người ủng hộ chính quyền trong quốc hội mỗi lúc một bớt đi vì khó cưỡng lại áp lực từ dân chúng; giới truyền thông bảo thủ từng ủng hộ cuộc chiến cũng mất dần nhuệ khí. Trên trường quốc tế, những đồng minh trung thành nhất với tổng thống Bush ở Iraq như thủ tướng Ý Silvio Berlusconi đã mất chức và đang bị điều tra gay gắt vì liên hệ mờ ám với cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Ông Tony Blair đã đến thăm ông Bush lần chót trong chức vụ thủ tướng Anh; vì quá gần gũi với ông Bush và cuộc chiến ông phải nhường chỗ cho tổng trưởng ngân khố cùng đảng Lao-động lên thay thế trong tháng Sáu.

Thời thập niên 1980 và 1990 Hoa-Kỳ đã phải lập tức rút ra khỏi hai thành phố Beirut ở Lebanon vì tấn công phá hoại kiểu du kích, và Mogadishu ở Somalia vì trực thăng Blackhawk bị bắn rụng —giống như đặc công Cộng-sản tấn công tòa đại sứ Mỹ năm Mậu Thân— gây thiệt hại tuy nhỏ nhưng mang tiếng vang lớn về chính trị và tâm lý. Tháng Tư vừa qua được kể là tháng quân đội Mỹ bị thương vong lớn nhất gần đây với 104 binh sĩ thiệt mạng; giữa tháng Năm đã có hơn sáu-mươi binh sĩ thiệt nang; số thương vong người Iraq cũng không kém mấy trước khi đôn quân (từ năm đến bẩy trăm người bị chết hàng tuần vì bom đạn, hoặc xử tử sau khi bị tra tấn đầy thù hận tôn giáo, chủng tộc). Tỉnh Al Anbar và thủ đô Baghdad, hai chiến trường sôi sục có bớt phần nào máu lửa, nhưng tỉnh Diyala phía đông bắc ngoài thủ đô và một số tỉnh miền bắc và nam Iraq trước đây đã yên ổn phần nào nay lại là những điểm nóng. Nghị sĩ trưởng khối

đa số thượng viện Harry Reid (Dân-chủ, Nevada), tuyên bố tình hình an ninh ở Iraq chẳng khác gì cái bong bóng: bóp đầu này xẹp xuống, đầu khác lại nở bùng ra. Gần giữa tháng Năm, hai tháng sau đợt đôn quân vào thủ đô tướng ba sao Benjamin Mixon chỉ huy trưởng lực lượng Mỹ ở bắc Iraq tuyên bố ông không đủ sức đối phó với bạo hành gia tăng trong tỉnh Diyala phía đông bắc thủ đô Baghdad; ông cũng cho biết chính quyền Iraq đã không giúp được phần nào mà lại còn gây nguy hại thêm cho cảnh sát và binh sĩ Iraq trong vùng. Trong một hội thảo viễn liên của bộ quốc phòng tướng Mixon nói từ Tikrit rằng ông chỉ được sử dụng một lữ đoàn bộ binh (khoảng ba ngàn rưỡi binh sĩ) cho Diyala trong khi mười lữ đoàn được đổ vào thủ đô, cùng bốn lữ đoàn vào tỉnh Al Anbar được xem là đã "khá ổn định." Theo ông vì chính quyền địa phương hoàn toàn "bất lực" và chính quyền trung ương "vô hiệu" Diyala nay biến thành một "thành trì" cho quân Sunni liên kết chặt chẽ với Al Qaeda ở Iraq—ngược hẳn tình hình được rêu rao ở Al Anbar.

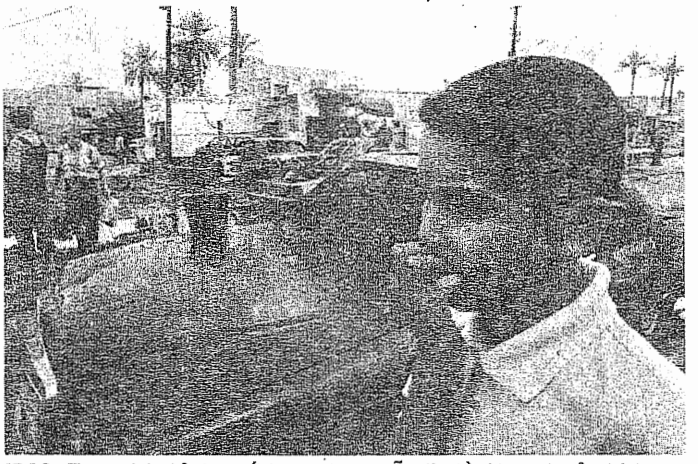

IRAQ: Tương-lai chỉ đen-tối hơn, nhưng vẫn là đề-tài tranh-cử chính hiện nay.

Một tuần lễ trước khi chấm dứt tháng Năm, với không một tiến triển về an ninh và chính trị chính quyền Bush phải chịu áp lực sửa đổi chính quyền ở Iraq hoặc thay thế hẳn chính quyền al-Maliki. Hoa-Thịnh-Đốn có thể khuyến khích quốc hội Iraq bỏ phiếu bất tín nhiệm ông al-Maliki và âm thầm thành lập một chính quyền liên hiệp với một lãnh tụ mới vừa ý Hoa-Thịnh-Đốn—như nguyên thủ tướng chuyển tiếp Iyad Allawi, một người Shiite thế tục với liên hệ chặt chẽ với CIA và bộ ngoại giao, A-Rập Saudi, Ai-Cập và United Arab Emirates, hoặc phó tổng thống Adel Abdul Medhi cũng một người Shiite với ủng hộ từ văn phòng cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống Bush. Lấp ló phía sau còn có tổng thống Jalal Talabani người Kurd và phó tổng thống Tariq Hashimi người phái Sunni. Nếu có thay đổi, cũng cần thời gian nhiều tháng trời để mặc cả tổ chức chính quyền mới—một điều chính quyền Bush không có. Và hy vọng thủ tướng mới sẽ đi đến thành công đòi hỏi rất nhiều lạc quan: chính quyền Bush đã đưa ra ba thủ tướng Allawi, Ibrahim Jafari và al-Maliki hơn bốn năm qua với nhiều lạc quan lúc đầu và thất vọng gần như ngay sau đó.

B. "BẦU KHÔNG-KHÍ MỚI"

Trên chiến trường Iraq, nhiều tướng chỉ huy bộ binh cũng nhột nhạt vì những tố cáo từ cấp sĩ quan thấp hơn trực tiếp tham chiến. Trung tá Paul Yingling, chỉ huy phó Trung đoàn 3 Kỵ binh thiết giáp buộc tội các tướng lãnh thất bại trong cuộc chiến và đánh lừa dân chúng cũng như quốc hội Mỹ. Những tuyên bố thẳng thừng từ các sĩ quan cao cấp và trung cấp này xem ra khác hẳn thái độ rụt rè của nhân viên bộ Quốc phòng dưới quyền tổng trưởng Donald Rumsfeld trước đây. Có lẽ chúng phát xuất từ "bầu không khí chỉ huy mới" dưới quyền tướng tổng chỉ huy mặt trận Iraq Petraeus và cả tổng trưởng Quốc phòng mới Robert Gates. Những phát ngôn gần đây từ ông Gates xem ra như ngược hẳn chính sách tòa Nhà Trắng: trong chuyến thăm chiến trường đầu tháng Năm ông Gates bảo thẳng chính quyền Maliki không còn bao nhiêu thời gian nữa và ca ngợi nỗ lực đặt thời biểu rút quân của phe Dân-chủ trong quốc hội như một cách thúc đẩy Maliki phải ra tay hành động ngay. Ông lại nhắc lại điều này lần nữa trong khi tổng thống đe dọa phủ quyết mọi thời biểu rút quân. Có lẽ ông muốn nhấn mạnh với ông Maliki rằng ông tin cửa sổ cơ hội (window of opportunity) chỉnh đốn chính quyền không bao lâu nữa sẽ khép kín. Năm ngoái ông Gates lên làm tổng trưởng với hứa hẹn sẽ thẳng thắn định giá tình hình sau khi được quốc hội ủng hộ vì lối nói ngay thẳng cương trực. Nhiều giới quan sát nghĩ ông đang chờ xem kết quả đôn quân trước mùa hè ra sao, và nếu kết quả không khả quan ông sẽ không tiếp tục nữa.

Tờ *Times* đưa ra nhận xét nhiều người đã nhắc nhở trước: binh sĩ Mỹ đang được dùng để làm

trọng tài cho cuộc nội chiến giữa các giáo phái và khối chủng tộc khác nhau, nhất là ở những khu vực thành thị đông dân. Sau bốn năm chinh chiến, với cái giá hơn 350 tỉ đô-la, và gần ba ngàn rưỡi lính Mỹ thiệt mạng, trên hai-mươi-bốn ngàn bị thương, mọi người —trừ chính quyền Bush— đều thấy là một giải pháp chính trị ở Iraq không thể thành hình khi cuộc chiếm đóng còn kéo dài vô hạn định. Sự hiện diện của quân lực Mỹ ở Iraq —bị hơn ba-phần-tư dân chúng ở đây phản đối— như trút dầu vào lửa khủng bố và đi xa dần mục tiêu quan trọng và khẩn cấp: hòa hợp, hòa giải thật sự giữa các giáo phái Sunni, Shiite và người thiểu số Kurds. Với năm tiểu đoàn mới đặt vào vùng cần bình định, với không một tiến bộ khả dĩ, người ta khó có thể tin rằng "đôn quân" có thể đưa đến việc chấm dứt tình trạng được mô tả chính xác là một cuộc nội chiến đa diện. Chính quyền thổi phồng tin tức "lạc quan" ở tỉnh Al Anbar với một số lãnh tụ bộ tộc Sunni hợp tác với chính quyền chống lại Al Qaeda từ bên ngoài đến. Nhưng khi nội chiến tương tàn lan tràn khắp Iraq với quân số gia tăng đến 160 ngàn người Hoa-Kỳ cũng chẳng đạt được kết quả khả quan gì hơn. Cuối tháng Tư, tướng chỉ huy mặt trận Iraq David Petraeus phải nhận đôn quân Mỹ và Iraq vào Baghdad đã không giảm thiểu mức độ bạo hành ở Iraq và tình hình "rất là phức tạp." Tin mới nhất về về mật quân sự: ba binh sĩ Mỹ tuổi từ mười-chín tới hai-mươi-lăm bị Al Qaeda phục kích bắt cóc và lực lượng Mỹ phải đổ bốn ngàn lính cộng thêm lính Iraq truy lùng cho bằng được, e rằng vận mệnh ba người sẽ gây bất lợi chính trị lớn cho chính quyền hai nước. Thêm nữa, sau khi vời năm tướng bốn sao mãi mà không ai đáp ứng, tổng thống Bush đã bổ nhiệm tướng ba sao Douglas Lute thuộc Tổng chỉ-huy liên-quân vào chức vụ tổng chỉ huy "cuộc chiến chống khủng bố" ở hai mặt trận Iraq và A-Phú-Hãn tuy ở mỗi mặt trận này đã có tổng chỉ huy rồi. Tướng Lute đồng thời cũng đảm nhiệm chức vụ phó cố vấn an ninh quốc gia, nhưng cũng là một phụ tá cho tổng thống với mười-một nhân viên dưới quyền. Giới quân sự, chính trị và truyền thông đều đặt câu hỏi về bổ nhiệm khó hiểu này. Phía bảo thủ thân chính quyền giả thử tổng thống muốn tìm người xuống thang cuộc chiến làm sao để rút quân mà không bị mang tiếng thất bại. Hoặc tệ hơn nữa, tổng thống muốn trải trách nhiệm rộng và xa mình đi để khi tình hình tệ hại hơn thì có người đổ lỗi cho.

Tướng Petraeus cũng phải nhận không có giải pháp quân sự cho những vấn đề ở Iraq —ý nói phải dựa vào giải pháp chính trị. Nhưng những tiến bộ về chính trị không nhìn thấy ở đâu hết. Tòa Nhà Trắng đầu tháng Năm phải cuống cuồng ra tay can thiệp để ngăn cản đợt từ chức của những lãnh tụ Sunni chót còn nằm trong nội các chính phủ liên hiệp Maliki; những lãnh tụ này đòi rút ra khỏi chính quyền khống chế bởi phái đa số Shiite trong cũng như ngoài chính quyền. Giới lãnh đạo Sunni thiểu số nói chính quyền Maliki thiên vị bè phái tôn giáo, hối mại quyền thế và vô hiệu; và họ hoàn toàn đúng. Giới quan sát chính trị đề nghị chính quyền Bush phải bắt đầu ngay tức khắc những đối thoại về hòa bình và hòa giải ở Iraq giữa những phe phái, bộ lạc, hệ phái tôn giáo, chủng tộc trừ nhóm Al Qaeda từ bên ngoài đến.

Giới quan sát chính trị nhận xét việc cần phải làm ngay nữa là chấm dứt đổ máu binh sĩ Mỹ vào cuộc nội chiến. Một số mục tiêu của Hoa-Kỳ ở Iraq đã đạt được: Saddam Hussein đã bị loại trừ và xử tử, dân chúng Iraq đã trải qua ba đợt bầu cử, đã chấp thuận một hiến pháp và thành lập một cơ chế dân chủ sơ khởi. Hoa-Kỳ phải tức khắc tuyên bố ý định bắt đầu tuần tự rút quân chậm nhất là mùa thu năm nay. Nhịp rút quân phải linh động và phản ánh những tiến bộ hay yêu cầu từ phía Iraq hay các giới chỉ huy quân sự. Chính quyền không cần công bố thời khóa biểu rút quân, nhưng binh sĩ tác chiến phải ra khỏi Iraq trước cuối năm 2009—khoảng cuối năm đầu nhiệm kỳ tổng thống mới. Thỏa nhượng giữa các phe nhóm, hệ phái Iraq cũng dễ thành hình một khi Hoa-Thịnh-Đốn không ủng hộ phe mạnh nhất (Shiite). Binh sĩ Mỹ sẽ được điều động để đương đầu hữu hiệu hơn với đe dọa khủng bố Hồi giáo cực đoan lâu dài (như ở A-Phú-Hãn chẳng hạn). Đây là một đề nghị dựa trên tính toán, cân nhắc thực tiễn: nếu Hoa-Kỳ đảm nhiệm rút quân ra khỏi Iraq cuối năm nay hay năm năm nữa, nhanh hay chậm, ở thời điểm nào cũng có những hiểm nguy đi cùng với việc rút quân. Thứ nhất, những đổ máu rộng lớn ("tắm máu," blood bath, như dự đoán không đúng trước 1975 ở Nam Việt-Nam) có thể xẩy ra. Nhưng cách ngăn ngừa tắm máu hữu hiệu nhất là hòa giải chính trị chứ không phải chiếm đóng quân sự bằng lực lượng ngoại bang. Thứ nhì, Al Qaeda có thể thiết lập một đầu cầu ở những vùng nổi dậy chống Mỹ chiếm đóng. Nhưng khi không còn Mỹ chiếm đóng quân hoặc dân chúng nổi dậy và Al Qaeda từ bên ngoài đến đều mất chính nghĩa và ủng hộ

của dân chúng. Thứ ba, những nước láng giềng có thể "xía" vào nội tình Iraq, như nhiều người la hoảng Ba-Tư (Iran) sẽ giật dây chính quyền Shiite ở Baghdad trong khi phía nam Iraq đã ngả hẳn về thủ đô Shiite ở Tehran (Ba-Tư). Nhưng một khi Hoa-Kỳ rút ra khỏi Iraq các nước láng giềng tất cả đều thuộc phái Sunni sẽ quân bằng ảnh hưởng của Tehran và cộng tác với Hoa-Thịnh-Đốn vì bất ổn trong vùng đều bất lợi cho họ —nhất là khi không còn lực lượng chiếm đóng Mỹ để lấy máu.

Những hiểm nguy khi rút quân có thể xẩy ra, nhưng cũng ở mức kiểm soát được. Tiếp tục chiếm đóng Iraq còn nguy hại hơn, và rõ ràng như thực tế cho thấy là chính quyền Bush không đạt được những mục tiêu dân chủ, hòa bình cao đẹp công khai đưa ra, và cũng không đi đến mục tiêu chiến lược không nói ra nhưng khá lộ liễu như nắm lấy dầu hỏa Iraq và đặt để căn cứ Mỹ trong vùng. Di sản chính trị tiêu cực của tổng thống Bush dù muốn dù không đã dính liền với cuộc chiến, và cũng không hy vọng sửa đổi cải thiện được; trong khi đó nhìn vào tương lai gần với những bầu cử năm tới giới chính trị Cộng-hòa bắt đầu tìm cách bỏ rơi, tránh xa cuộc chiến và chính quyền như những hành trang nặng nề bất lợi. Tờ *Times* kết luận rằng đã đầu tư quá nhiều vào Iraq, chính quyền và nhiều người Mỹ dễ đau đớn khi phải rời bỏ thua cuộc, nhưng những đau đớn này còn thua những đau đớn vì chiến tranh sa lầy phải trả với giá sinh mạng binh lính Mỹ và người Iraq, và cả trăm tỉ đô-la hiện nay với không một thành quả đáng hãnh diện cùng những phản đối và phỉ nhổ từ Iraq cho đến khắp nơi trên thế giới. Do đó, nếu chính quyền càng tránh việc sửa soạn rút lui trước sau cũng phải làm, những hệ quả nghiêm trọng càng to lớn hơn: "Đây đã đến lúc phải ra đi."

Với hậu thuẫn dư luận dân chúng chống đối cuộc chiến và áp lực bởi những người tích cực chống đối cuộc chiến cùng đảng giới lãnh đạo Dân-chủ lên nắm quyền đa số từ đầu năm tìm cách buộc hành pháp phải chấm dứt can thiệp quân sự vào Iraq. Nghị sĩ Reid nói, "Dân chúng Mỹ muốn binh sĩ ta về nước. Dân chúng Mỹ muốn tổng thống đáp ứng những đòi hỏi căn bản, như một thời biểu rút quân chẳng hạn." Ba tuần lễ sau khi tổng thống phủ quyết dự án tài trợ phụ trội cho cuộc chiến chống khủng bố từ phe Dân-chủ đa số trong quốc hội đề nghị, những trao đổi qua lại giữa đồi Capitol và tòa Nhà Trắng nhằm tìm thỏa nhượng và giải quyết ngân sách có điều kiện rút quân đi đến chỗ bế tắc. Quốc hội gửi đến tòa Nhà Trắng dự luật thứ nhì cho tổng thống quyền khước từ thời biểu rút quân. Đồng lý văn phòng phủ tổng thống Joshua Bolten được lệnh không chấp nhận điều kiện mới. Tháng Năm tổng thống kêu gọi ông Bolten và các phụ tá cao cấp thuộc tòa Nhà Trắng điều đình với giới lãnh đạo Dân-chủ sau khi ông phủ quyết dự án đầu tiên gồm điều kiện thời biểu rút quân bắt đầu tháng Mười năm nay với mục tiêu rút hết quân khoảng tháng Tư năm tới. Dự án cũng liên hệ thời biểu rút quân với những tiến bộ về an ninh và chính trị chính quyền al-Maliki phải đạt đến (những "benchmark") như tước vũ khí các nhóm dân quân (phần lớn là Shiite khủng bố giết hại có tính cách trả thù người Sunni) và chia xẻ lợi tức dầu hỏa đồng đều giữa các vùng (ý nói chia xẻ với người Sunni thiểu số ở trung và tây Iraq không có mấy mỏ dầu; người thiểu số Kurds ở phía bắc cũng nắm khá nhiều tài nguyên dầu hỏa). Gần cuối tháng Năm tổng thống có vẻ cởi mở đối với những biện pháp buộc chính quyền Iraq phải gánh lấy trách nhiệm chính trị, và ông Bolten cũng như nghiêng về đề nghị gắn liền viện trợ kinh tế —chứ không phải quân sự— với những "benchmark: nói trên. Giới Cộng-hòa thiểu số trong quốc hội cũng hăng hái chấp nhận kế hoạch đặt áp lực vào chính quyền Iraq. Giữa tháng Năm 52 nghị sĩ, gồm bẩy người thuộc phe Dân-chủ, đồng ý với đề nghị làm áp lực Iraq của nghị sĩ John Warner (Cộng-hòa, Virginia, nguyên chủ tịch Ủy-ban Quân-lực), nhưng đa số phe Dân-chủ xem đây quá yếu đuối. Chủ tịch hạ viện Nancy Pelosi nói phe Dân-chủ chỉ ủng hộ dự luật nếu nó buộc chính quyền Iraq chịu trách nhiệm rõ rệt. Giới lãnh đạo Dân-chủ sẽ gửi một dự luật nữa đến tổng thống trước ngày lễ Memorial cuối tháng Năm, nhưng vẫn chưa cho thấy họ sẽ làm cách nào để dự luật thông qua quốc hội với đa số đủ để tránh một phủ quyết nữa từ tòa Nhà Trắng. Tin mới nhất: dự luật mới sẽ sẽ không gồm thời biểu rút quân.

Trong khi đó tranh cử tổng thống với gánh nặng Iraq đè trĩu lên đi đến mức độ ráo riết dù còn một năm rưỡi nữa mới đến tổng tuyển cử.

TRANH-CỬ SƠ-BỘ TRONG NỘI-BỘ HAI ĐẢNG

Như đã nhắc đến trong bài *Chính-Trị Mỹ Năm Qua Và Tới*, vì tổng thống Bush không thể tái tranh cử và phó tổng thống Dick Cheney không muốn và cũng không thể tranh cử cuối năm 2008

—một lý do lớn nữa là thời gian cần thiết để kiếm tiền chi dùng trong tranh cử mỗi ngày một tốn kém hơn— số người ra tranh cử rất đông và rất sớm, kể cả người chính thức ra tranh cử sơ bộ trong nội bộ hai đảng (để chọn người đại diện đảng ra tranh cử tổng thống) lẫn người ngấp nghé phía sau. Nói chung mỗi đảng có tới cả chục ứng viên chính thức, kèm thêm nhiều nhân vật trong hậu trường tuy không kín đáo lắm. Nhiều tiểu bang cũng đẩy ngày tranh cử sơ bộ cấp tiểu bang sớm hơn để nắm lợi thế mặc cả chính trị. Các ứng viên lấp ló sau hậu trường cũng phải sẵn sàng trám chỗ cho các ứng viên chính thức bị "tuột dù" vì thiếu tiền bạc hay phạm những lỗi lầm mà giới truyền thông sẽ thổi phồng lên. Và họ cũng phải nhanh chân để kiếm tiền bạc ủng hộ và tổ chức guồng máy, nhân sự tranh cử. "Ráo riết" có lẽ là từ mô tả chính xác.

A. TIỀN-BẠC LÀ HUYẾT-MẠCH CHÍNH-TRỊ

Tiền bạc là huyết mạch trong chính trị Mỹ, nhất là khi nói đến tranh cử, bầu cử tổng thống và quốc hội. Trong kỳ tranh cử, bầu cử tổng thống năm 2004 ứng viên hai đảng chính mỗi người cần đến hai trăm triệu để tiêu dùng vào "quĩ chiến tranh"(war chest). Vì nhân số quá đông trong tranh cử ứng viên tổng thống sơ bộ số tiền thu thập cho "war chest" sẽ phân chia ra rất nhiều và đi tìm tiền ủng hộ dễ thành gay gắt hơn. Sau ba tháng đầu năm các ứng viên chính thức phải khai báo với ủy ban tranh cử và sở thuế về những thu thập tiền ủng hộ để nhà nước dễ bề kiểm soát cả hai mặt số lượng từ đâu và phương cách gây quĩ hợp pháp hay không.

Khai báo này cũng được xem như "tranh cử sơ bộ về tiền bạc," với ý nghĩa rằng ứng viên nào xin tiền ủng hộ được nhiều sẽ có nhiều triển vọng tranh cử và thắng cử hơn người không được mấy. Kết quả sơ khởi cho thấy sáu ứng viên - tình cờ mỗi đảng chính, Cộng-hòa và Dân-chủ, nắm được ba - trên con số trên dưới hai-mươi ứng viên (cũng tình cờ mỗi đảng chính gồm khoảng mười người đầy triển vọng cũng như không mấy triển vọng). Những con số công bố đầu tiên phía Cộng-hòa đưa đến nhiều ngạc nhiên ngoài tầm dự đoán của giới quan sát chính trị: nguyên thống đốc Massachusetts ông Mitt Romney, người đạo Mormon đầu tiên ứng cử tổng thống bị xem như một nhược điểm, kiếm được hai-mươi-ba triệu tiền ủng hộ, hơn hẳn nguyên đô trưởng Nữu-Ước Rudy Giuliani, người được xem là sáng giá nhất hiện nay, tám triệu đô-la. Nghị sĩ John McCain (Arizona), từng được xem là ứng viên sáng giá nhất, chỉ được mười-hai triệu rưỡi. Phía Dân-chủ cũng không kém ngạc nhiên với nghị sĩ nhiệm kỳ đầu Barack Obama (Illinois) người lai da đen, cũng bị xem như một nhược điểm, đạt số thu kỷ lục với 23 triệu rưỡi - hơn hẳn ứng viên sáng giá "ăn chắc" bà nghị sĩ Hillary Clinton (New York) với chẵn hai-mươi triệu. Nguyên nghị sĩ và ứng viên phó tổng thống năm 2004 John Edwards chỉ kiếm khoảng một nửa số thu của người cao nhất. Chưa rõ các ứng viên khác đã phải chi ra bao nhiêu để thu vào mức ủng hộ tiền bạc nói trên; riêng ông Romney đã phải bỏ ra một nửa số tiền thu vào. Như thế số tiền "có trong tay" (cash on hand) ông Romney chỉ còn khoảng mười-một triệu, tương đương với ông Giuliani; bà Clinton tuy chỉ thu được hai-mươi triệu nhưng số "cash on hand" lại gồm thêm từ mười-bốn đến mười-sáu triệu tiền ủng hộ còn thừa sau đợt tranh cử chức nghị sĩ năm ngoái mà luật lệ cho phép bà sử dụng trong tổng tuyển cử tới. Bà là ứng viên nhiều tiền nhất hiện nay và còn triển vọng thu thêm gấp bội với khả năng gây quĩ "thần sầu" của phu quân, nguyên tổng thống Bill Clinton với rất nhiều ủng hộ từ nhiều nhóm quyền lợi bề thế (như các nghiệp đoàn, kỹ nghệ phim ảnh, giới có học) cũng như người thiểu số da mầu với lợi tức thấp (ông được người da đen ủng hộ đến độ nhiều người xem ông lúc đương thời tổng thống như "tổng thống da đen đầu tiên" ở Hoa-Kỳ; sự kiện này giúp bà Clinton đạt mức ủng hộ của người da đen cao hơn ông Obama lai da đen)—và nhất là trực giác chính trị bén nhậy đã đưa ông vào tòa Nhà Trắng hai lần từ một tiểu bang tương đối nhỏ bé và không mấy quan trọng (Arkansas).

Chuyên viên tài chính tranh cử bầu cử chú ý đến mức độ ủng hộ từ những người cho quĩ tranh cử mức nhỏ từ hai trăm đô-la trở xuống (khác với người đóng góp cao ở mức tối đa hai-ngàn ba-trăm đô-la); càng nhiều người ủng hộ cấp thấp càng có ủng hộ rộng rãi nói chung, so với con số người người cho mức tối đa (số những người này tương đối nhỏ hơn nhiều và thường ký tiền ủng hộ nhiều ứng viên một lúc để "bảo đảm" quyền lợi mình bất cứ ai thắng cử—như giới "lốp-bi" thường làm năm 2004 chẳng hạn). Ông Obama đã thu được khá nhiều từ những người ủng hộ mức nhỏ, nhất là những ủng hộ qua Internet (gần bẩy triệu so với bà Clinton hơn bốn triệu), nhưng

nói chung các ứng viên Dân-chủ khác cũng thu được nhiều ủng hộ nhỏ qua Internet - một lối gây quĩ hiệu nghiệm khởi đầu với phong trào ủng hộ phe Dân-chủ MoveOn.org. và ứng viên tổng thống Howard Dean năm 2004 (hiện là chủ tịch Ủy-ban Dân-chủ Toàn-quốc). Nói chung phe Dân-chủ sử dụng Internet để gây quĩ rành rẽ và thành công hơn phía Cộng-hòa. Các ứng viên cũng chọn thời điểm thuận lợi để gây quĩ: ông Giuliani gia tăng quĩ tranh cử khi các đầu phiếu dư luận dân chúng cho thấy tỉ số người ủng hộ ông lên cao; ông McCain đổ lỗi bào chữa số thu ít ỏi của mình vào những vận động quá sớm đầu năm. Các ứng viên cũng cần lưu ý đến những lúc phải đổ dồn tiền ra tới tấp để tấn công đối thủ hoặc để trả đũa tấn công từ đối thủ; đây chưa kể đến các biện pháp tốn kém nhằm đáp ứng những soi mói từ phía truyền thông sẵn sàng trưng ra bất cứ vấp váp, sơ hở trong lời nói, cử chỉ và hành động từng ứng viên.

Theo nhật báo với khuynh hướng bảo thủ rõ rệt, tờ *Wall Street Journal*, trong tam cá nguyệt vừa qua giới lãnh đạo đa số Dân-chủ ở hạ viện thấy ngay quyền hành đa số mới mang lại vô số tiền bạc ủng hộ vào tay giới cầm đầu các ủy ban quan trọng từ phía các công ty kỹ thương khổng lồ—cũng có nghĩa là tiền bạc này đã ra khỏi tay những đồng minh Cộng-hòa lâu đời của giới kỹ thương. Nói chung, tuy phe Cộng-hòa tiếp tục dẫn đầu về gây quĩ tranh cử, tính ra phe Dân-chủ cũng chạy đuổi sát nút phe Cộng-hòa về mặt này; theo báo cáo từ tổ chức theo dõi gây quĩ Political Money Line phe Dân-chủ chiếm ngân quĩ tương đương với 56.6 phần trăm trên tổng số sáu triệu hai tiền ủng hộ hai đảng. Ví dụ như đại công ty General Dynamics đưa vào tay phe Dân-chủ 62 phần trăm tiền ủng hộ so với 64 phần trăm về tay phe Cộng-hòa đợt tranh cử trước. Đại công ty viễn thông AT&T cũng gia tăng tiền ủng hộ phe Dân-chủ từ ba-mươi phần trăm lên 39 phần trăm. Các đại công ty khác như Honeywell, Home Depot và Aflac cũng gia tăng ủng hộ lớn lao. Ủy-ban Tranh-cử Thượng-viện Dân-chủ cũng thu vào gần mười-ba triệu rưỡi, hay hơn năm triệu đô-la so với thời gian tương đương hai năm trước đây. Ủy-ban Tranh-cử Thượng-viện Cộng-hòa chỉ thu được gần sáu triệu rưỡi so với gần tám triệu rưỡi trong thời gian tương đương hai năm vừa qua.

"Tranh cử sơ bộ về tiền bạc" rất quan trọng, nhưng đây cũng chỉ là tam cá nguyệt đầu năm 2007; gần cuối năm mới đến tranh cử sơ bộ thật sự. Về lâu dài hơn sẽ có nhiều thay đổi, trồi sụt và điều chỉnh. Trong thời gian vừa qua nghị sĩ Clinton có vẻ quá tự tín đến độ kiêu căng; guồng máy tranh cử kinh nghiệm, giầu tài nguyên chính trị và quĩ tranh cử về phía bà như đã "chắc ăn" phần thắng tranh cử sơ bộ nên đã nhắm nhiều vào những người đóng góp cao, và còn cảnh cáo người ủng hộ cũng như giới gây quĩ chuyên nghiệp không nên đóng góp và gây quĩ cho những đối thủ của bà dù là cùng một đảng. Kết quả ba tháng đầu đã hiển nhiên vì một số người gây quĩ và ủng hộ quan trọng bỏ bà Clinton đi qua phía nghị sĩ Obama. Dĩ nhiên nghị sĩ Obama phải chứng tỏ ông không chỉ "ăn khách" trong tam cá nguyệt đầu, dù ông được yểm trợ bởi gần năm-mươi ngàn người ủng hộ ở cấp một trăm đô-la qua Internet. Nghị sĩ Clinton nắm lợi thế yểm trợ từ giới cố vấn tranh cử và gây quĩ cũng như hệ thống bạn bè, người quen khá giả cần thiết trong vận động tranh cử lâu dài và tốn kém; mặt khác, guồng máy tranh cử rộng lớn hữu hiệu

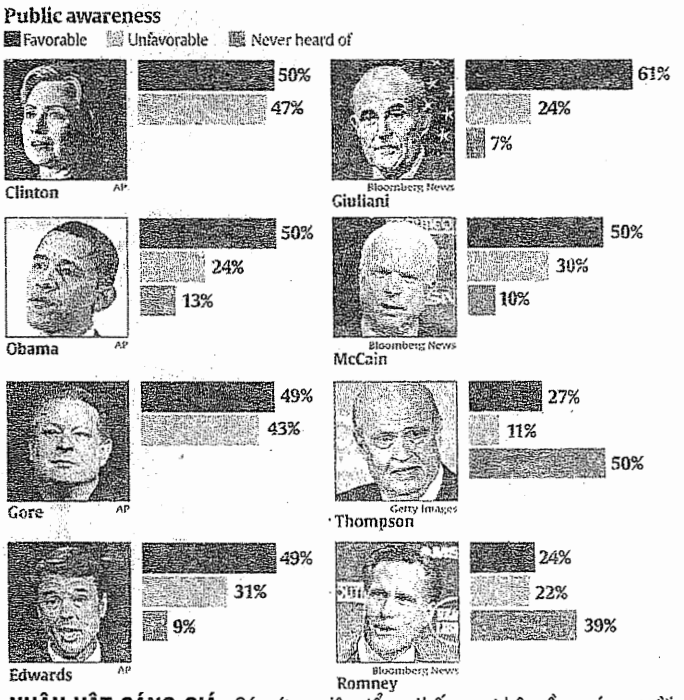

NHÂN-VẬT SÁNG-GIÁ: Các ứng-viên tổng thống sơ-bộ gồm sáu người chính-thức và hai người có triển-vọng dù chưa chính-thức.

này cũng đầy bất lợi vì gánh nặng chi phí hoạt động. Trong cuộc tái tranh cử chức vụ nghị sĩ năm ngoái guồng máy chi ra gần một triệu rưỡi hàng tháng, kể cả tiền trả cho các cố vấn.

B. SÁU NHÂN-VẬT SÁNG-GIÁ

Sau nửa năm đầu vận động ráo riết hai đảng chính như ngang ngửa với nhau; trong một chiến trường đông đảo và sát phạt tình cờ mỗi đảng đưa ra trước cử tri trong đảng và toàn quốc ba ứng viên dẫn đầu. Sau những lên xuống, trồi sụt cho tới nay phía Cộng-hòa gồm ba ứng viên theo thứ tự cao thấp: Rudy Giuliani, John McCain mới lấy lại vị trí thứ nhì, và Mitt Romney. Phía Dân-chủcũng gồm ba ứng viên: Hillary Clinton, Barack Obama và John Edwards. Tương đối mới mẻ trong kỳ bầu cử sắp tới: cử tri Dân-chủ xem ra rất phấn khởi với ứng viên cùng đảng. Có lẽ phấn chấn với kết quả bầu cử giữa nhiệm kỳ năm ngoái đưa họ vào thế đa số trong quốc hội (vì cuộc chiến Iraq và hối mại quyền thế bên phía Cộng-hòa) ba-phần-tư cử tri Dân-chủ rất hài lòng với ba ứng viên đảng mình. Ngược lại, chưa tới một nửa cử tri Cộng-hòa hài lòng với ba ứng viên cùng đảng. Mức độ hài lòng với ứng viên thường tương xứng với mức độ tham gia bầu cử: mức độ hài lòng càng cao mức tham gia bầu cử cũng lên cao; ngược lại, mức hài lòng thấp dễ đưa đến lơ là với bầu cử. Đây cũng dễ trở thành bất lợi cho phe Cộng-hòa, vì nói chung số cử tri Cộng-hòa nhỏ hơn phe Dân-chủ và thường thắng thế vì mức độ tham gia bầu cử đông đảo; nếu phe Cộng-hòa lơ là và phía Dân-chủ tích cực tham gia bầu cử, ứng viên đảng Dân-chủ sẽ nhiều triển vọng thành công. Ứng viên tổng thống đảng thành công cũng thường giúp người cùng đảng chiếm ghế trong quốc hội (nói nôm na là "dựa hơi," hay "riding on the coat tail").

Những ra mắt trao đổi sơ khởi giữa các ứng viên đông đảo đôi bên làm nhiều người muốn ngáp dài. Tuy không cung cấp điều gì mới mẻ những trao đổi ra mắt như xác định lại cấu trúc nhân sự tranh cử giữa ứng viên với nhiều triển vọng nhất (hàng đầu) và ứng viên ít triển vọng hơn (hạng nhì). Giữa ứng viên Cộng-hòa hàng đầu và hạng nhì mức cách biệt khá xa nhau; có nghĩa rằng ứng viên hạng nhì ít hy vọng đi lên hàng đầu. Mức cách biệt giữa ứng viên phía Dân-chủ không xa nhau mấy, phản ánh khuynh hướng chia phiếu bất lợi cho mình trước đối thủ đoàn kết hơn. Những nhà quan sát chính trị nhận ra điểm tương đồng giữa các ứng viên hàng đầu hai đảng: ở mỗi đảng ba ứng viên hàng đầu như bắt cặp chặt chẽ với đối thủ của mình. Sáu ứng viên hàng đầu chia ra ba cặp dựa trên kinh nghiệm hay sẵn sàng lãnh đạo (preparation), khả năng tạo hứng khởi (inspiration) và biểu tượng khát vọng (aspiration).

Nghị sĩ Clinton là ứng viên Dân-chủ dựa trên kinh nghiệm hay những sửa soạn cần thiết để nhậm chức lãnh đạo. Bà lý luận rằng mình là người với kinh nghiệm, khả năng và cứng rắn để thực hiện thay đổi cử tri Dân-chủ đòi hỏi. Ưu điểm lớn nhất là bà được tín nhiệm từ cử tri Dân-chủ, tin tưởng rằng bà là người sẵn sàng lãnh đạo đất nước trong môi trường quốc tế và quốc nội phức tạp. Trung tâm thăm dò và nghiên cứu dư luận dân chúng độc lập Pew mới đây hỏi cử tri Dân-chủ xem ai là người kinh nghiệm sẵn sàng lãnh đạo; con số người nêu danh bà Clinton nhiều gấp tám lần ông Obama. Trong khi đó ông Obama lại là ứng viên Dân-chủ với khả năng tạo hứng khởi. Ông chứng tỏ khả năng khích động khán giả với viễn tượng hòa giải đất nước trong khung cảnh chia rẽ sát phạt giữa hai đảng trong sáu năm tổng thống Bush cầm quyền. Ông John Edwards lại dựa vào biểu tượng khát vọng. Ông muốn cử tri nhìn thấy tham vọng thay đổi trong nước cũng như trên trường quốc tế như kế hoạch thiết lập hệ thống y tế rõ rệt và nhiên liệu khẩn thiết.

Bên phía Cộng-hòa khác biệt không nổi bật nhưng vẫn có thể nhận ra được. Ba ứng viên Cộng-hòa đều nhắc tới kinh nghiệm và sẵn sàng lãnh đạo, nhưng ông John McCain nổi bật hơn với kinh nghiệm quân sự ở Việt-Nam và kinh nghiệm chính trị như một nghị sĩ lão thành ở Hoa-Thịnh-Đốn. Ông tuyên bố, "Có thể tôi không phải là ứng viên trẻ tuổi nhất, nhưng tôi là người kinh nghiệm và sẵn sàng nhất." Ông Rudy Giuliani dựa nhiều vào khả năng tạo hứng khởi của mình. Giữa không khí bi quan bàng bạc trong nước, ông nhấn mạnh, "Điều chúng ta có thể vay mượn từ tổng thống Ronald Reagan [một thần tượng bảo thủ thập niên 1980 với ảnh hưởng bảo thủ lâu dài, nhưng cũng rất thực tiễn] là tinh thần lạc quan bất tận của ông." Ông Mitt Romney mô tả mình như một ứng viên đáp ứng được khát vọng chung với những thay đổi chính sách. Ông tuyên bố, "Tôi náo nức chờ ngày cải tổ ngân sách ở Hoa-Thịnh-Đốn." Không hẳn là tình cờ mà những ứng viên với khả năng tạo hứng khởi giữa cử tri, như ông Obama và Giuliani, không mấy thành công trong các tranh luận vì tranh

luận thường nhắm vào những vấn đề thực tế hơn là khích động hô hào cử tri. Đợt ra mắt tranh luận nội bộ đầu tiên cho thấy bà Clinton như người kinh nghiệm dồi dào và sẵn sàng nhậm chức lãnh đạo giữa ba ứng viên cùng đảng; và ông Romney tỏ ra hiểu biết hơn ông Giuliani cũng như thân mật hơn ông McCain ở phía Cộng-hòa.

Thực tế hơn, nghị sĩ Clinton là phụ nữ đầu tiên tranh cử tổng thống trong lịch sử Mỹ, câu hỏi tuy lặng lẽ nhưng đeo đẳng là bà có sẵn sàng không. Hẳn guồng máy tranh cử sau lưng bà, nhất là với cái bóng dài của ông Clinton, biết rõ điều này hơn ai hết: từ sau khủng bố năm 2001, với tính toán rõ rệt bà luôn luôn giữ lập trường cứng rắn về an ninh quốc gia (một nhược điểm của phe Dân-chủ), bỏ phiếu ủng hộ đi vào Iraq, không công khai chỉ trích tổng thống Bush về Iraq, và cho đến nay vẫn không công khai nhận lỗi lầm bỏ phiếu ủng hộ cuộc chiến. Ông Obama chống cuộc chiến từ đầu (khi còn ở quốc hội tiểu bang Illinois) và ông Edwards đã nhận lỗi lầm ủng hộ cuộc chiến. Trong tranh luận mới đây, khi được hỏi sẽ phản ứng ra sao nếu Hoa-Kỳ bị tấn công nữa, bà Clinton trả lời chắc nịch "sẽ trả đũa ngay," trong khi ông Obama lúng túng đưa ra câu trả lời khá mơ hồ. Tuy nhiên bà Clinton phải mang nhiều hành trang tiêu cực từ thời phu quân làm tổng thống và lá phiếu ủng hộ chiến tranh Iraq cũng là con dao hai lưỡi khó sử dụng hữu hiệu. Càng đi sâu vào tranh cử ông Obama càng có vẻ thiếu những kế hoạch, giải pháp rõ rệt hoặc chi tiết; trong khi ông Edwards như với nhu cầu tự phân biệt đã chọn ngả về cánh tả của đảng với khá nhiều bất trắc. Người đứng phía sau và chưa công khai gia nhập tranh cử, nguyên phó tổng thống Dân-chủ Al Gore, cũng được chú ý và nhắc nhở nhiều, nhưng tên tuổi ông Gore hiện nay như gắn liền với khát vọng giải quyết vấn đề môi sinh—tuy thật sự là vấn đề cấp bách quan trọng toàn cầu nhưng vẫn bị hiểu lầm là xa xôi và "cánh tả" như ông Edwards. Ông Giuliani tuy nổi tiếng về "lãnh đạo" cương quyết và hữu hiệu sau khủng bố tấn công Nữu-Ước vẫn bị các vấn đề gia đình theo đuổi làm loãng đi những thông điệp muốn gửi đến cử tri. Lập trường thực tiễn của ông về các vấn đề xã hội như kế hoạch gia đình ("phá thai"), hôn nhân giữa người đồng tính luyến ái tạo phản ứng bất lợi mạnh mẽ trong giới tôn giáo bảo thủ nòng cốt của đảng Cộng-hòa. Ông Mitt Romney rất thành công trong kỹ thương nhưng đây không phải là một bảo đảm về khả năng đối phó chính trị: ông là người theo đạo Mormon không mấy giới Tin lành bảo thủ ủng hộ; ông cũng vấp váp vì trước đây làm thống đốc Massachusetts (một tiểu bang xem như "học thức" và tự do tiến bộ) từng ủng hộ kế hoạch gia đình nay lại công khai chống đối như để lấy lòng giới tôn giáo bảo thủ. Ông McCain phải mang gánh nặng ủng hộ chiến tranh Iraq tới cùng và không chống đối ông Bush ở đây dù thực tế ông coi thường ông Bush. Tuy tuổi thất tuần không hẳn là một nhược điểm, nhiều người xem ông rất "già" vì những vết sẹo giải phẫu chống ung thư trên mặt và tàn tật vì những tra tấn thời làm tù binh sáu năm ở hỏa lò Hà-Nội. Cung cách cư xử của ông cũng thiếu tế nhị chính trị và thẳng thừng như người lính chiến. Gần đây ông lại quay sang ve vãn giới tôn giáo bảo thủ ông từng khinh thường trong kỳ tranh cử nội bộ với ông Bush sáu năm trước đây. Đằng sau hậu trường Cộng-hòa nhiều nhắc nhở, chú ý cũng nhắm vào ứng viên chưa chính thức: nguyên nghị sĩ Fred Thompson. Đây cũng phản ánh phần nào việc thiếu người sáng giá phía Cộng-hòa: ông Thompson không tiếng tăm lắm thời tại chức trong quốc hội; đúng ra nhiều người biết ông như một tài tử điện ảnh và truyền hình thời tại chức cũng như hiện nay.

Dĩ nhiên các ứng viên sẽ lên xuống, trồi sụt qua thành quả vận động trong những ngày tháng tới. Nhưng với những ứng viên hàng đầu nhấn mạnh ba khía cạnh lãnh đạo rõ rệt như trên, tranh cử sơ bộ có thể xoay quanh không chỉ câu hỏi *ai* bắt được mạch cử tri mà còn *những phẩm chất nào* dân chúng Mỹ muốn tìm thấy ở tổng thống sắp tới. Đồng thời những ngày tháng tới cũng đưa Iraq thành đề tài nổi bật hơn nữa trong bầu cử cuối năm 2008.

Xin đón đọc từ ngòi bút độc-lập, tin-cậy đã quen thuộc với người đọc qua Thế-Kỷ 21 và nhật-báo Người-Việt từ thập-niên 1970:

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:
NHỮNG VẤN-ĐỀ HÔM NAY VÀ SẮP TỚI

TUYỂN-TẬP I *

CỔ-LŨY

* Sẽ xuất-bản—như một lời hứa không nói ra với anh ĐNY.

Đàn tràng Giải oan

Nhìn dưới khía cạnh tâm lý dân tộc và tâm lý trị liệu

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Oan và giải oan

Sự phán xét công bằng và hợp lý về một sự việc đã xảy ra, một hành động đã làm là công lý hay bất công, thông suốt hay vướng mắc, oan hay không oan thường không đơn giản, rõ ràng và cụ thể như trắng với đen, sáng với tối. Do đó, sự phân định và quyết đoán rạch ròi những hành động hay sự cố xảy ra, đã vi phạm đến mạng sống, tài sản và tinh thần... là oan hay không oan thường bị vướng mắc do vị thế, quan điểm, văn hóa và cả một chuỗi hệ lụy theo sau.

Với một dòng lịch sử triền miên trong chiến tranh, với bao nhiêu tai trời ách nước, người Việt Nam thường xuyên đối mặt với những nỗi oan ức truyền đời. Có thể nói rằng, oan là một khái niệm gắn liền với tâm lý dân tộc Việt Nam. Trong khung cảnh văn hóa làng xã, sự oan ức đồng nghĩa với bất công, áp bức, mất mặt, hận thù, xa lánh... có khi là tội lỗi giữa đối tượng bị oan và tập thể xã hội đang tồn tại. Oan, trước mắt đại chúng, có nỗi oan thể lý và nỗi oan tâm lý. *Về mặt thể lý, oan là khi bị những sự tác động từ bên ngoài như biến cố, tai ách, bạo lực làm mất mát, thương tật, chết chóc đột ngột ngoài tầm dự liệu của nạn nhân bị chịu oan ức. Về mặt tinh thần, oan là bị hiểu lầm, bị nhìn sai, bị đánh giá không đúng, bị phê phán bất công, bị nhận định thiên lệnh... và cuối cùng mang chịu kết luận, phán quyết không hợp với công lý.*

Nỗi oan ức có mẫu số chung trong cả hai nền văn hóa Đông và Tây. Nhưng cách giải quyết nỗi oan thường mang nặng yếu tính của truyền thống, xã hội và đức tin.

Trước khi đạo Phật và đạo Chúa ra đời và du nhập vào Việt Nam, những nỗi oan Việt Nam được xem như đã có "Đèn Trời soi xét." Đèn Trời là một thứ công lý tự nhiên trong tâm thức dân tộc Việt.

Đạo Phật truyền thừa vào Việt Nam bằng con đường tâm linh xã hội (socio-spiritual). Đấy là một sự kết hợp hài hòa giữa tín lý giác ngộ, giải thoát, độ sanh của giáo lý Đại Thừa và đức tin truyền thống "Đèn Trời soi xét" của tâm lý dân gian Việt Nam. Trong bối cảnh văn hóa phương Đông, nhất là Việt Nam, thì giải oan là một sự cứu độ siêu hình thông qua hình thức cúng tế và cầu nguyện mang đậm nét tâm lý dân tộc và tâm linh Phật giáo.

Với khái niệm giải oan đời thường mang tính đại chúng trên đây, đạo Phật đi vào cuộc đời và đóng vai một tôn giáo điển hình về những lễ nghi và kinh văn sử dụng trong việc giải oan thông qua những Đại Trai đàn Bạt độ Giải oan. Đạo Phật không dựa vào một quyền năng tuyệt đối hay tin vào một đấng sáng tạo có toàn năng quyết định số phận của con người như thế; mà xem mọi chuyện lớn nhỏ xảy ra là một chuỗi sự kiện tác động qua lại với nhau theo nguyên lý nhân quả dưới tác động của trùng trùng Duyên Nghiệp. Hình thái sự sống hiện tiền và khuynh hướng tâm linh thay đổi thường xuyên, được tạm gọi là "số phận" của một người, luôn luôn biến đổi theo tác động khách quan và có

thể thay đổi, cải thiện theo tác động chủ quan. Vì vậy, Đàn tràng Giải oan chỉ là một trong muôn vàn hình thức làm phương tiện góp phần cho quá trình thay đổi và cải thiện đó. Thế nhưng, thật ra, khái niệm "oan" và "giải oan" không có trong kinh điển của đạo Phật nguyên thủy. Hiện trạng của một sự dính mắc vào hành động hay hệ quả bất thường được gọi là "oan" không hiện diện trong đạo Phật vì rằng: Sự việc xảy ra trong giây phút hiện tiền là do tác động của Nghiệp. Nghiệp là sự tích lũy mọi hành động và sự việc thiện ác, lớn bé, cao thấp... từ vô số kiếp trước cho đến nay. Mọi sinh vật và sự vật (pháp) đều chết đi và sinh ra trong từng nháy mắt hay trong từng đơn vị vi tế nhất của thời gian được gọi là Sát-na. Một thực thể hiện tiền chỉ là một hình ảnh mang một tên gọi giả tạm do Nghiệp tạo ra; rồi lập tức bị biến đổi do một lực tác động khác gọi là Duyên. Sự sống chết nầy là nguyên nhân và thực thể của quá trình thành, trụ, hoại, diệt; sinh, già, bệnh, chết mang tính khách quan mà không một sinh vật hay sự vật nào tránh khỏi. Trong chuỗi dài Nghiệp và Duyên tương tác, biến hiện trùng trùng đó, nguyên lý nhân quả chi phối sự vận hành theo một tiến trình chặt chẽ. Tiến trình nầy vừa chi li vừa rộng khắp; vừa hữu hình, vừa vô hình; vừa tâm linh vừa vật lý mà với nhãn thức giới hạn của con người thì sự diễn tiến như vừa hợp lý, vừa phi lý nên người ta chỉ còn biết dùng những nhãn hiệu đã có sẵn như thiện và ác, oan và không oan, cao cả và hèn mọn... để tạm dán vào mà phân định.

Bước chủ động và tích cực tiếp theo là sự cố gắng tìm cách hóa giải, biến đổi cái "thân phận hiện tiền" thành một thể trạng khác theo ước muốn cải thiện và vươn lên của người bị oan hay người giúp giải oan trong một thời điểm, một cơ hội thuận lợi nào đó mà chữ nhà Phật gọi là "duyên." Giải oan, do đó, là những phương tiện trung gian và tạm thời giúp "sửa sai" một trạng huống vô minh trong quá khứ thành sáng tỏ và công chính trong hiện tại và tương lai. Nhờ đấy — ít nhất cũng là qua sự tin tưởng của những người ở thế tự nguyện làm kẻ cầu nguyện, biện minh — nỗi oan ức sẽ được hóa giải và sự đày ải của nạn nhân chịu oan sẽ được chấm dứt. *Nghi thức giải oan, tự bản chất, là một ý hướng hành thiện, lợi tha mang tinh thần từ bi (cứu người bị chìm đắm), hỷ xả (hóa giải) và trí tuệ (phá vô minh) của Phật giáo. Nó hoàn toàn khác xa với những hình thức "cải đạo linh hồn tập thể" của những tôn giáo bạn xây dựng đức tin trên căn bản mỗi người có một linh hồn bất tử đời đời không thay đổi. Khi không còn ai theo đạo Phật, không còn ai đau khổ giữa trần gian nầy là khi đạo Phật ca khúc khải hoàn viên thành Phật sự.*

Đạo Phật, với triết lý cơ bản cho rằng mọi vật đều không có tự tánh, không một vật hay sự vật chi ly hay to lớn nào đứng riêng lẻ tự nó mà thành (Tính Không); và cũng chẳng có hiện tượng hay biến cố nào không có sự kết hợp với yếu tố khác mà vận động, biến hiện (Duyên Khởi), nên rõ ràng quan niệm là chẳng có sự việc nào hay bất cứ hiện trạng nào mang bản chất "oan" hay "không oan" cả. Ngay như khi một đại đệ tử của đức Phật Thích Ca có thần thông đệ nhất, hiếu hạnh song toàn là ngài Mục Kiền Liên bị bọn cướp giết chết thì cũng chẳng có gì là oan trái nếu nhìn dưới nhãn quan và trí tuệ Phật đà. Trái lại, trong chuỗi duyên nghiệp trùng trùng thì bồ tát Mục Kiền Liên cũng không thể nào thoát khỏi lưới nghiệp. Ngài phải trả nghiệp tiền kiếp đã bỏ đói cha mẹ giữa rừng sâu trước khi rũ sạch tất cả nghiệp báo để đạt sự giải thoát trọn vẹn.

Nhưng kể từ khi "thiền sư xuống núi" để thõng tay vào chợ, mang đạo Phật từ một phương trời cao viễn, từ cỗ xe dê, xe hươu tiểu thừa, nghiêng vai vào gánh thế sự bằng cỗ xe bò đại thừa [1] thì đạo Phật đã đi vào cuộc đời hiện thực. Đạo vào Đời để cứu đời và giúp đời như cỗ xe bò chuyên chở nỗi khổ trần gian. Mà trần gian nầy thì đầy dẫy chuyện được gọi là oan khiên và thống khổ nên giải oan và hóa giải cũng là một phần cứu khổ để góp phần băng bó những vết thương tâm lý còn tươi; những nỗi đau đời chưa lành lặn; và những oan trái còn đè nặng tâm linh mà thời gian chưa đủ chữa lành.

Không đợi đến khi ngài Huyền Trang trở về sau chuyến Tây du mới có lễ siêu độ cô hồn thường được coi như đã tổ chức lần đầu tiên dưới thời nhà Đường bên Trung Quốc. Thật ra, khái niệm giải oan, mở trói, vớt sinh linh ra khỏi địa ngục trong dòng sinh hoạt tâm linh của Phật giáo đã có từ khi Mục Kiền Liên vận dụng sức mạnh tổng hợp từ sự chú nguyện của các bậc tu hành tôn túc để cứu người mẹ độc ác ra khỏi địa ngục A Tỳ. Và với dân tộc Việt Nam, từ thời bình minh của lịch sử Phật giáo khi du nhập vào đất Việt đã có hình ảnh "oan Thị Kính" và vai trò "rửa oan" của cửa

nhà chùa rộng mở.

Tinh thần giải oan là tâm lý dân tộc

Giải oan - trong tín lý đạo Phật hay trong bất cứ ý hướng cứu rỗi của tôn giáo nào - vừa là triết lý sống vừa là đạo lý của dân tộc Việt Nam. Là một đất nước nhỏ bên cạnh nước Trung Hoa đồ sộ ở phương Bắc, với Chiêm Thành Chân Lạp đầy hiếu động ở phương Nam; cộng với thế chiến lược và kinh tế thuận lợi cho nhiều thế lực viễn chinh từ phương Tây, dân Việt muốn tự tồn phải biết tự hóa giải. Sự hóa giải cao nhất vẫn là sự hóa giải khởi nguồn từ trong chính mình. Với dân tộc Việt Nam, đấy là tinh thần tha thứ, cảm thông và bình đẳng. Lịch sử đã ghi lại hầu như sau mỗi cuộc chiến tranh, mỗi thời chinh chiến, dẫu thắng hay bại, người dân Việt vẫn coi trọng giá trị làm người dài lâu hơn là thế tranh thắng tạm thời. Tinh thần hóa giải của dân Việt được thể hiện qua những Đại Giới Đàn Giải Oan cầu siêu độ cho những linh hồn đã chết không phân biệt ta và người.

Lịch sử cận đại đã ghi lại rằng, sau khi đại phá quân Thanh năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung đã hạ chiếu truyền làm lễ tưởng niệm các tướng sĩ hữu công và tiến cúng cô hồn, giải oan cho các oan hồn uổng tử của mấy vạn quân Thanh đã nằm xuống trên đất nước ta. Vua Gia Long sau khi thống nhất sơn hà cũng đã cho thiết đàn tràng siêu độ cho quan quân tử sĩ và những oan hồn đã nằm xuống trong cuộc chiến không phân biệt bên nào (1802).

Nhiều danh nhân văn học Việt Nam đã góp phần trong việc soạn thảo ra những bài văn tế bất hủ để truy điệu những oan hồn và tử sĩ. Tổng trấn Nguyễn Văn Thành soạn bài "Văn tế tướng sĩ trận vong" và "Cô hồn thập loại" bằng quốc âm. Thi hào Nguyễn Du soạn "Văn tế thập loại chúng sinh." Cụ Nguyễn Đình Chiểu soạn "Văn tế sĩ dân lục tỉnh" và "Văn tế vong hồn mộ nghĩa." Gần đây nhất, sau biến cố thất thủ kinh đô (5-7-1885), người dân Thừa Thiên Huế trong hơn một thế kỷ qua đã sử dụng không biết bao nhiêu phương tiện nghi lễ để cúng tế và mở đàn giải oan cho các cô hồn tử sĩ đã bỏ mình trong cuộc nổi dậy chống Pháp của vua Hàm Nghi bị thất bại.

Niềm tin nhất quán trong tất cả các cuộc Trai đàn bạt độ Giải oan là cầu nguyện cho "âm siêu dương thái." Đối với các vong hồn đã chết, dù chết bởi nhiều biến cố và tình huống khác nhau, nội dung vẫn bao gồm ba mục tiêu giải oan chính:

1. Người đã chết cần được người còn sống ghi nhận: Vinh danh, thương tiếc, cảm thông, chia sẻ và tha thứ;

2. Giải oan: Giải tỏa những oan ức, dằn vặt, hiểu lầm, nghi kỵ, đọa đày và động lực đã gây ra sự chết chóc oan khiên;

3. Siêu thoát: Cầu nguyện cho các oan hồn uổng tử được siêu thoát.

Đối với người còn sống, Đàn tràng Giải oan mang đến một nguồn tâm lý trị liệu (psychotherapy) tập thể rất cần cho sự an hòa trong cuộc sống. Nội dung cũng gồm ba điểm chính:

1. Ghi nhận "nghĩa tử là nghĩa tận." Chết là bình đẳng và trút bỏ mọi hận thù, xung đột, ân cũng như oán, lại đằng sau. Chết là hóa giải và tự hóa giải giữa người ân và kẻ thù;

2. Yên tâm rằng, vong hồn của người thân cũng như kẻ thù đều được siêu thoát, không còn đi theo quấy phá hoặc nuôi mối hận cừu chờ ngày báo oán;

3. Giảm thiểu hay xóa được gánh nặng tinh thần về sự ám ảnh của quá khứ trong chính mình, để cho tâm hồn nhẹ nhàng đối diện với đời sống trước mắt và giúp ích cho thế hệ mai sau.

Trong lĩnh vực tâm bệnh học (Psychopathology) đương đại, chứng bệnh tâm thần mới nhất được chính thức đưa vào Cẩm nang chẩn trị bệnh tâm thần (DSM: Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorder) lần đầu tiên vào năm 1980 là chứng bệnh "PTSD" mới được phát hiện từ các cựu chiến binh Hoa Kỳ đã tham gia vào cuộc chiến Việt Nam. *PTSD là chữ viết tắt của Post Traumatic Stress Disorder.* Xin tạm dịch là "Hội chứng hậu chấn thương." Đây là căn bệnh tâm thần do sự ám ảnh của một biến cố kinh hoàng nào đó đã xảy ra trong quá khứ, đeo đẳng mãi trong tâm thức — hữu thức và vô thức — làm cho bệnh nhân thường xuyên sống trong một trạng thái tâm thần bất ổn và nếu không chữa trị sẽ thành rối loạn, điên khùng. Người bệnh thường xuyên hay thỉnh thoảng ở trong một trạng thái tâm lý đề phòng, hồi hộp, lo sợ vu vơ, nóng giận bất thường, vui buồn lẫn lộn mà không biết vì đâu. Trong nhiều trường hợp nghiêm trọng, bệnh nhân có thể trở nên điên tiết, bạo động, tự tử, giết người, chống lại xã hội, bất chấp pháp luật, chà đạp đạo lý... mà không có ý thức về hành động của mình. Đã có hàng nghìn cựu chiến binh Việt Nam người Mỹ đang được chữa trị PTSD [2] . Trong

lúc đó, người Việt Nam nói chung đã trực tiếp chịu đựng hậu quả khốc liệt và lâu dài của Chiến tranh Việt Nam về cả hai mặt tinh thần và thể xác thì vẫn còn chịu đựng Hội chứng Hậu chấn thương trong im lặng.

Bao nhiêu con trẻ thuộc thế hệ thứ hai và thứ ba sau cuộc chiến Việt Nam vẫn còn bị khuyết tật, sinh ra dị hình, dị tướng, mang bướu độc Hodgkin, bệnh liệt tuyến mãn tính non-Hodgkin... bởi di lụy của gần 50 triệu lít Chất độc Da cam (Agent Orange) [3] đã thấm vào da thịt Việt Nam? Bao nhiêu thương tích của thể xác và tâm hồn chưa lành với hơn 5 triệu sinh mạng của quân và dân Việt cả hai miền Nam Bắc đã nằm xuống trong suốt 30 năm chiến tranh?

Trước sự vắng bóng của một hình thức chữa trị tâm lý thường xuyên và chuyên nghiệp như ở phương Tây, người Việt bị chấn thương hay mang hội chứng hậu chấn thương lâu dài của tâm hồn và thể xác chỉ còn biết nương tựa vào những người thân nhất.

Cho tất cả mọi hình thức nhắc nhở, ghi nhớ, chú nguyện cho người chết và giải tỏa những ẩn ức tinh thần cho người sống không phải chỉ có Phật giáo mà tất cả mọi tôn giáo và tổ chức nhân đạo... đều là cần thiết sau cuộc bể dâu nầy.

Trai đàn chẩn tế Giải oan của Thầy Thích Nhất Hạnh và Tăng thân Làng Mai

Theo thông báo của Đạo Tràng Mai Thôn và truyền thông quốc tế, cuối tháng 2 năm 2007, thầy Thích Nhất Hạnh đã hướng dẫn một phái đoàn tăng thân Làng Mai từ Pháp về Việt Nam, phối hợp với Phật giáo trong nước để thiết Trai đàn Giải oan tại Sài Gòn, Huế và Hà Nội. Theo tinh thần thông báo, Đại Trai đàn Giải oan nầy có tên là "Thủy lục Giải oan Bình đẳng Cứu bạt." Mục đích là để cầu nguyện sự giải thoát, siêu độ cho những người đã chết dưới nhiều hình thức như chiến tranh, tai nạn, thiên tai... cũng như mong cầu sự an lạc cho người sống sau cuộc chiến. Tinh thần chủ đạo của Trai đàn nầy hay bất cứ Trai đàn nào của Phật giáo đúng nghĩa từ trước tới nay là tuyệt đối bình đẳng, không phân biệt tuổi tác, giới tính, khuynh hướng hay hoàn cảnh xuất thân.

Đứng về mặt tôn giáo, Trai đàn Bạt độ Giải oan mang bản chất hành thiện trên căn bản tâm linh và tinh thần. Khi một hệ thống lý thuyết, suy luận biến thành đức tin trong đời sống tâm linh thì vấn đề còn lại là tin hay không tin - linh tại ngã, bất linh tại ngã - mà thôi. Mọi sự tranh luận, so sánh, mổ xẻ, phân tích về một đức tin tôn giáo hay một nếp nghĩ tâm linh đã định hình của một tập thể đều không có căn bản thực hữu để đả phá hay lung lạc được những người đã xây niềm tin vững chắc trong chính mình.

Đứng về mặt tâm lý và xã hội Việt Nam, cuộc sống khó khăn về nhiều mặt trong những năm qua đã giới hạn khả năng người Việt quan tâm đến *đời sống tâm thần* (mental health). *Nếp sinh hoạt tâm thần nầy quan trọng ngang hàng với đời sống thể chất mà đáng lẽ chúng ta cần phải có sau một cuộc chiến tranh dài và khốc liệt như cuộc chiến Việt Nam.*

Thế giới bên ngoài đang nhìn về Việt Nam. Và đa số những người Việt, kể cả trong và ngoài nước, cũng đang nhìn về Đại Trai đàn Bạt độ Giải oan của thầy Nhất Hạnh và chư tăng ni trong bối cảnh tôn giáo và tâm lý, xã hội Việt Nam.

Với đạo Phật, trai đàn chẩn tế giải oan là một hình thức sinh hoạt tâm linh thường xuyên và rộng khắp. Quy mô có thể khác nhau từ một nhóm bạn bè, một gia đình, một dòng họ, một làng xã cho đến từng miền, từng giáo hội hay toàn quốc... tùy nghi phương tiện, nhưng không phải là một "sự cố" mới mẻ hay quá trọng đại và hiếm hoi trong quá trình hoằng dương đạo pháp của Phật giáo như nhiều người ngộ nhận. Trai đàn chẩn tế giải oan không phân biệt còn là cách thể hiện lòng từ bi, cầu giải thoát trong công hạnh Bồ Tát của giới Phật tử xuất gia cũng như tại gia.

Trên căn bản ngành Tham vấn (Counseling) và Tâm lý Trị liệu (Psychotherapy) vốn đã phát triển sâu rộng tại hầu hết các nước phương Tây mà Việt Nam chúng ta còn vắng bóng - hay chỉ mới ở trong giai đoạn nghiên cứu và tham khảo - các cuộc cầu nguyện tập thể của mọi tôn giáo nói chung và hình thức lễ nghi Đại Trai đàn Bạt độ Giải oan của Phật giáo nói riêng có một tác dụng tâm linh và tâm lý tương tự. Nếu ngành tham vấn và tâm lý trị liệu phương Tây giúp chữa trị những di chứng của nhiều căn bệnh tinh thần do chiến tranh và tai ương nạn khổ gây ra thì những cuộc thiết đại trai đàn cũng giúp hóa giải những xung đột tâm lý và niềm tin đã bị chao đảo, đổ vỡ hay băng hoại. Đặc biệt nó có khả năng an ủi hay giải quyết được bước đầu những di lụy hận thù, uất ức, oan nghiệt giữa người sống và người chết; giữa người phía này và người phía nọ.

Sống ở các nước tiên tiến phương Tây, đa số người Việt đã dựa vào gia đình và cộng đồng sắc tộc của mình để chia sẻ, an ủi, hỗ trợ, tham khảo... thay cho một hình thức tham vấn chuyên nghiệp (professional counseling). Tương tự như thế, trong bao năm qua, người Việt đã nương vào các sinh hoạt tâm linh tôn giáo tại các nhà thờ, chùa chiền, tự viện để làm chỗ dựa tinh thần thay cho hình thức tâm lý trị liệu. Với cái nhìn tích cực từ phía tâm bệnh học, Đại Trai đàn Bạt độ Giải oan đang được tổ chức rộng khắp trên toàn quốc là một sự góp phần tích cực vào một cuộc "Tâm lý trị liệu" tập thể mà những người đang còn gánh chịu di lụy của cuộc chiến Việt Nam trong thầm lặng đang cần.

Kết luận

Trong lịch sử truyền thừa của đạo Phật, hình thức Trai đàn Bạt độ Giải oan là một phương tiện độ sanh. Theo tinh thần đạo Phật, đây hoàn toàn không phải là một hành động ban phát "cứu rỗi" hay "phán xét" mà chỉ là một tiến trình hành đạo mang tính cách xả kỷ, hành thiện. Trong tinh thần đó, hàng cao tăng đại đức chủ trì nghi thức hành lễ đóng vai những hành giả cao tuổi đạo và đầy đức độ trong khuôn khổ của một tôn giáo phát nguyện từ tâm đứng ra thực hiện. Hùng lực giúp Trai đàn thành công không phải là hình thức trần thiết bên ngoài mà chính là năng lực dốc lòng chú nguyện của tất cả Phật tử và những người bạn đạo. Phương tiện thiện xảo giúp Trai đàn đạt ý nguyện xưa nay vẫn là hạnh từ bi và đức khiêm hạ của chư tăng ni và chư Phật tử phát tâm; tuyệt đối không có chỗ đứng trong dòng suối tâm linh cho sự phô trương hình thức hay thánh hóa nhân vật và cường điệu tác dụng. Theo truyền thống Phật giáo, ngay cả các bậc tăng ni tôn túc chủ lễ trong các Đại Trai đàn cũng chỉ xin nguyện được gieo duyên lành bằng cách chuyên trì nương vào năng lực của Hồng ân Tam bảo để chú nguyện hầu mong cải nghiệp cho người và cho chính mình trên con đường tu học hóa đạo, giúp đời. Đấng giác ngộ như đức Phật ngày xưa đã thuyết pháp độ sanh trong suốt 49 năm trời mà vẫn khiêm cung ngỏ lời rằng: "Vạn pháp như rừng cây trùng điệp mà những điều ta nói ra thì chưa bằng nắm lá trong tay." Bởi thế, tinh thần hành đạo của Phật giáo xưa nay vẫn thường được ví von là "tường vân, pháp vũ." Nghĩa là những hình thức lễ nghi, cầu nguyện, thuyết pháp xiển dương lời Phật dạy ví như "mây lành, mưa pháp." Trong cơn mưa pháp, không phải ai cũng có nhu cầu giống nhau và chấp nhận sự thẩm thấu như nhau. Chẳng hạn như những người đã chết hay còn sống sau cuộc chiến tranh Việt Nam không phải ai cũng có nỗi thống khổ, chịu đựng oan ức như nhau cần phải được nguyện cầu hóa giải tập thể chung chung. Tuy nhiên, trong tinh thần lục hòa và tương tác của đạo Phật, chúng sanh tùy duyên mà hóa độ nên cũng tùy căn cơ mà thẩm thấu khi có dịp tiếp cận với cơn mưa lành chúc phúc ấy.

Trai đàn Giải oan không phải là một cuộc "lên đồng tập thể" để kéo tất cả mọi đối tượng vào một cuộc hành hương tâm linh đồng đẳng và đồng điệu như sự tưởng tượng quá phong phú của một thiểu số người chưa có thiện duyên để tìm hiểu chín chắn. Thế nhưng lác đác đó đây, vẫn có hiện tượng ngộ nhận nghiêm trọng về một cuộc "giải oan tập thể" như vậy. Xu hướng hiểu lầm đó cho rằng, phải minh định đối tượng nào cần phải "giải oan trước đã." Đấy là một yêu cầu nghịch lý vì xưa nay tiếng chuông chùa không đi tìm đối tượng nghe là ai mới gióng lên. Mọi sự phân biệt đối xử như thế sẽ hoàn toàn đi ngược lại với tinh thần bạt độ và hồi hướng của nghi thức Trai đàn. Và hậu luận tất nhiên của một sự ngộ nhận tiêu cực như thế là những phản ứng chủ quan biểu hiện ở nhiều mức độ. Nhưng đáng tiếc nhất là phản ứng ở ngoài lằn mức nhân văn như vọng ngôn, quy chụp, mạ lỵ cá nhân người khác một cách chủ quan, thô thiển và đầy cảm tính vội vàng mà chữ nhà Phật gọi là vô minh. Đạo Phật ra đời và tự nhận là một phương tiện phá vô minh. Dám mong, các thiện hữu chưa quen với phương tiện phá vô minh ấy sẽ thử dùng để không nhận lầm phương tiện làm cứu cánh, hay ngược lại.

Xin góp lời cầu nguyện cho tất cả những người anh em - kẻ mất người còn - sẽ phù hộ cho nhau và được nhìn nhau ngày một rõ hơn với tấm màn vô minh buông xuống.

California, mùa Xuân 2007

[1] Kinh Pháp hoa. Phẩm 3: Ví dụ. Trí Quang dịch. Munchen - 1996

[2] Chalsam, H.W. (1998), The Chamber of Memory: PTSD in the life stories of U.S Vietnam veterans. Northvale, N.J.: Jason Aronson

[3] Dicks, S. (1995). From Vietnam to Hell: Interviews with victims of Post-Traumatic Stress Disorder. Jefferson, NC. :McFarland

Có một Đạo Phật như thế!

BÙI TÍN

Duyên hạnh ngộ với làng Mai

Tôi nghe nói về làng Mai từ lâu. Trước đó là làng Hồng. Không phải là làng trồng hoa hồng, mà là cây hồng ăn quả, như hồng Lạng Sơn ở bên nhà. Trồng hồng không được tốt, quả không sai, không ngọt, nên chuyển sang trồng mai. Mai cũng không phải mai hoa vàng, như ở miền Nam nước ta, màu vàng rực vào dịp Tết. Mai đây thật ra là mận, là prunier, là thổ sản danh tiếng miền Dordogne, Tây nam nước Pháp. Cả miền rộng này bạt ngàn là mận, nổi tiếng nhất là Agen. Quả mận Agen, màu tím đậm, thơm ngọt sấy thành mứt, tiêu thụ khắp nước Pháp, xuất khẩu đi toàn thế giới cùng với rượu đỏ Bordeaux.

Từ bé tôi đã có duyên với đạo Phật. Gia đình tôi có 10 anh chị em, tôi là thứ 8. Trước tôi là bảy người chị. Mẹ tôi sinh tôi trong một thai đôi, có bọc, một gái ra trước bị ngạt, và tôi ra sau, thoi thóp. Từ mấy năm trước, mẹ tôi kiên trì cầu tự, khấn xin, qua các ngôi chùa nổi tiếng vùng Nam Định, Ninh Bình và Hà Đông, mới sanh được mụn con trai. Ngôi nhà nhỏ ở quê lại gần chùa làng. Không nhà nào gần chùa đến thế. Chỉ cách nhau con đường hẻm của xóm gọi là xóm Chùa. Cổng nhà và cổng Chùa hơi chếch nhau, cách nhau chỉ 5 mét. Hồi bé, các chị em tôi hay rủ nhau lẻn sang chùa hái đầy túi quả nhót từ vàng đến đỏ chót, tay áo luôn lấm chấm những hạt trắng li ti do vỏ quả nhót chà vào để lại. Sư bà và sư cô không đuổi còn vẫy vào xoa đầu rồi hái cho những quả táo con con.

Chuông chùa ngân vang dài... và tiếng mõ đều đều, đều đều... là những âm thanh quen thuộc nhất đưa tôi vào giấc ngủ, với những chuyện mẹ tôi kể về thái tử Ấn Độ đi ra bốn hướng cửa thành gặp bốn nỗi khổ đau sinh, lão, bệnh, tử rồi ra đi tìm đường cứu nhân độ thế.

Cho nên mùa thu 2006 này, tôi về làng Mai, trước tượng Phật, nghe tiếng chuông chùa âm vang, tiếng mõ đều đều, ăn chay liền mười ngày, ngắm mái chùa cong cong bên hàng cây mận trĩu quả... cảm giác đầu tiên của tôi, cảm giác kéo dài cho đến khi rời làng luôn là trở về quê mình, làng mình, nhà mình, chùa làng mình.

Có một đạo Phật nhập thế

Làng Mai luôn mở rộng. Từ xóm Thượng xuống xóm Trung là hai kilômét, xuôi ba kilômét nữa là xóm Hạ, vòng sang phía Tây hai kilômét là xóm Sơn hạ. Mấy năm nay, làng phát triển hẳn sang phía Đông gần 40 kilômét, lập nên xóm Mới, rộng hơn, khang trang hơn. Vùng Dordogne ở Tây Nam nước Pháp là một vùng hữu tình, giàu có, nhiều đồi thoai thoải phơi nắng, lại không xa Đại Tây Dương. Vườn nho nối tiếp xen với vườn mận, vườn hướng dương điểm xuyết những vạt rừng thông nhân tạo. Những ngôi Chùa, lầu chuông, thiền đường, cư xá, nhà ăn, nhà khách, khóm trúc, hồ sen... của làng Mai, xen với nhà một số cư dân Pháp bản địa lâu đời, với chuồng trại nuôi bò, lò gạch ngói, nhà thờ Thiên chúa của làng xưa làm cho phong cảnh của toàn vùng thêm sinh động.

Người gốc Việt tùy lúc chiếm hơn hay kém một nửa dân số làng Mai. Một nửa là người phương Tây về đây tu lâu dài hay tu tập ngắn hạn, - một hay hai tuần lễ, từ các tỉnh nước Pháp, từ Ý, Đức, Anh, Bỉ, Hà Lan, từ Tây ban nha, Bồ đào nha, từ Mỹ, Canada, Úc, Tân tây lan; ngoài ra có cả người Nhật, Ấn Độ, Thái Lan, Đại Hàn, Philippin, lại có cả người Ba Lan, Nga, Do thái, Palestin... Họ ở phần lớn xóm Thượng. Giữa mùa hè, nhiều gia đình mang theo con lớn nhỏ, nên có cả một xã hội thiếu niên quốc tế ở đây. Rước đèn trung thu, đèn đủ kiểu do các em tự làm lấy, hướng dẫn bởi các ni sư ni cô khéo tay yêu trẻ, kéo dài hàng cây số dưới ánh trăng thu, các em bé tý mới ba - bốn tuổi dẫn đầu, cuối là các anh chị

16, 18 tuổi, thật hồn nhiên trong tiếng trống và tiếng hát.

Ở trong nước tôi cứ nghĩ người đi tu phần lớn là người yếm thế, chán cuộc đời trần thế, gặp những nghịch cảnh gia đình hay xã hội. Đây cũng có những trường hợp như thế, nhưng có vẻ không nhiều. Khá nhiều người có kiến thức khá cao, thành đạt trong cuộc sống, những bác sỹ, luật sư nhà cao cửa rộng, lương bổng cao, những nhà vật lý, toán học, triết học, giáo sư... muốn đi tìm ý nghĩa ***từ*** cuộc sống, ***của*** cuộc sống và ***cho*** cuộc sống trên đời này. Họ đến đây để nghiên cứu, nghiền ngẫm và thực hành luôn, thực nghiệm luôn, hành đạo luôn đạo Phật, một đạo Phật vừa cao siêu, vừa gần gũi, vừa như khó hiểu vừa dễ cảm thụ bằng cả lý trí, linh tính và trái tim.

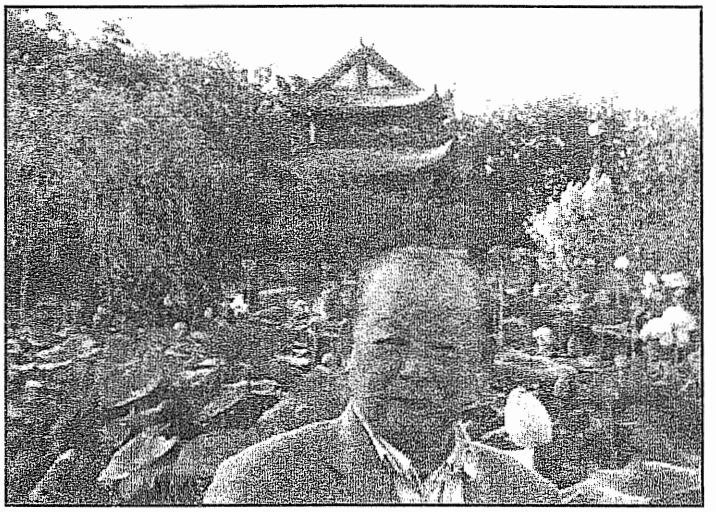

Tác giả Bùi Tín tại Làng Mai

Đến đây, ai cũng hiểu sâu ba viên ngọc quý đầu tiên - ''Tam Bảo'', là ***Phật***, ***Pháp*** và ***Tăng***. ***Phật*** là một vị tiêu biểu, là Thày dạy, là Ngôi sao chỉ đường, là Lãnh tụ tinh thần, là Nguồn Sáng, thông thường cũng là Bụt, là con người thật do dày công tu luyện được soi sáng thành Phật. ***Pháp*** là hệ thống lý luận, chân lý, giải thích cuộc đời và muôn vật, hướng dẫn việc tu luyện, cách sống để con người và loài người có được niềm hạnh phúc, an lạc ngay trong cuộc đời này. Pháp vừa mênh mông vô tận, thiên kinh vạn quyển, lại có thể thu gọn trong 260 từ trong Kinh Bát nhã, lại cô đọng chỉ trong vài câu, vài từ; ở đây chú trọng việc thực hành, đặc biệt là thực tập theo năm giới, tức là năm phép tu tập chánh niệm. ***Tăng*** là tăng thân, là tập thể anh chị em gần xa cùng thoát giới đi tu theo chân Phật, ở khắp mọi nơi trên thế giới, cùng chung một bậc Thày, cùng chung một Đạo pháp.

Tôi dự khá nhiều cuộc pháp thoại, thuyết trình về ''pháp'', nhiều cuộc trao đổi, hỏi đáp ngay ở hội trường - Thiền đường, nhiều buổi thảo luận, tu tập trong các nhóm nhỏ, đều nói về ***cuộc sống trong đời thường***, của cá nhân, gia đình và xã hội. Giống như ở đời thường, không khí sinh hoạt khi thì nghiêm trang đôi lúc căng thẳng, xúc động, có nước mắt, có nụ cười, nhưng nét riêng ở đây là luôn thân ái, chăm chú, thông cảm với nhau, giúp nhau hiểu rõ sự đời trong tình thương. Ngay ở hội trường lớn, mỗi khi tiếng chuông vang, ai nấy đều yên lặng, nghiêm trang, lắng sâu trong suy nghĩ, để rồi sau đó rộ lên tiếng cười vang động, vui nhộn và sảng khoái, thoải mái không cần kiềm chế.

Đạo Phật ở làng Mai là đạo Phật ***nhập thế***, nhập cuộc đời, nên dễ hiểu, dễ gần, dễ tiếp thu. Bài giảng tiếng Việt, dịch tức thời ra các tiếng Anh, Pháp, Đức, cũng như các khẩu hiệu tiếng Việt, châm ngôn tiếng Việt, sách báo, băng đĩa tiếng Việt được dịch và in ngay tại chỗ. Khẩu hiệu đây đó: *"Từng bước chân thảnh thơi," "An lạc ngay lúc này," "Vui với từng hơi thở," "Bụt ở ngay trong ta"*...

Sáng nghe tiếng chuông vang khi trời đang rạng, hãy ''thiền'' vài phút với lời tự hẹn: Đón chào 24 giờ tinh khôi của ngày mới; tự hẹn sống an vui, có ích cho mình và xung quanh, tránh mọi cám dỗ có hại.

Khi ngồi vào bữa ăn, nghe chuông ngân, hãy ''thiền'' vài phút nữa: ta biết ơn những ai làm nên bữa ăn này, trồng lúa, rau, vận chuyển, chế biến; ta nhớ đến bao người thiếu ăn trên thế gian này; hãy ăn ngon lành, nhai kỹ cho cơ thể ta khỏe khoắn. Trước đó, hãy tự lấy thức ăn vừa đủ cho mình, không thiếu không thừa, lấy bao nhiêu ăn cho hết, không lãng phí, quý trọng mỗi sản phẩm xã hội.

Một đạo Phật cao siêu mà hồn nhiên

Ở làng Mai, tôi gặp mấy chục sinh viên nam

nữ Việt từ Sàigòn, Huế, Cần thơ, Luân đôn (Anh), Boston (Mỹ), Sydney (Úc)... đến dự lớp học một hay hai tuần lễ, vào dịp nghỉ hè. Các bạn trẻ làm quen nhau rất nhanh, để lưu luyến vô cùng khi tạm biệt. Họ đều là du sinh, học khoa lịch sử, văn học, thông tin, báo chí. Họ cũng kết bạn nhanh với các sinh viên gốc Mỹ, Anh, Pháp, Canada. Họ cùng nhau tập những bài hát tiếng Việt và tiếng Pháp do các thày cô ở làng Mai sáng tác. Các em mang theo đàn ghi-ta, sáo để chơi nhạc, ca hát với nhau.

Đến đây, các em làm quen với những khái niệm triết học, tâm lý, tâm linh khá trừu tượng, nhiều khi cao siêu, ban đầu khó hiểu. Nhân quả, tương tác, Niết bàn, khoảng không, khoảng rỗng, vô thường, vô ngã, vô minh, không bắt đầu không kết thúc... Hơn nữa, lại còn: ''ngũ uẩn giai không" là gì; ''chư pháp không tướng" là gì; rồi những con số: Tam bảo, Tứ diệu đế, Ngũ lực, Lục căn, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên...

Các khái niệm cao siêu được giảng giải theo lối phổ cập dân gian, có ví dụ dễ hiểu, từ thấp lên cao, từ cụ thể đến trừu tượng. Tôi thử hỏi lại hai em, các em đều hiểu khá rõ. Các bà các chị lớn tuổi cảm nhận được trên đại thể, khi trao đổi với nhau mới vỡ lẽ thêm...

Tôi hiểu dần vì sao làng Mai có thanh niên xuất gia để đi tu cũng như về tu học ngắn hạn nhiều đến vậy. Các em đều có chí, ham học, cảm thấy e ngại cái xã hội xô bồ sùng bái vật chất coi nhẹ tâm linh, nhất là cái xã hội trọc phú đầy cạm bẫy ở bên nhà, luôn đe dọa ''nuốt chửng" tuổi trẻ bất cứ lúc nào. Các em rất chăm chú nghe pháp thoại, còn ghi chép và thảo luận. Các em cũng thích ca hát, chơi nhạc, đánh bóng chuyền, tập võ thuật, tập múa gậy trúc - một môn học đặc sắc cho mọi lứa tuổi ở làng Mai.

Ở làng Mai, không khí yên tĩnh kéo dài thỉnh thoảng lại rộ lên những ngày ***hội*** tấp nập đông vui, có trống, có cờ phướn, múa rồng múa lân, mừng xuân, trồng cây nêu, giỗ Tổ, Phật đản, lễ Vu lan, những buổi ngâm thơ, ngày *Hội hoa Thủy tiên*, *Hội hoa Mai*, *Hội hái mận*, những ngày hội làng thắm tình quê hương... Tôi dự đám cưới rất vui ở xóm Mới, cô dâu là em một ni cô ở đây, ''chàng" là bác sỹ cùng ở San José (Bắc Cali) mới sang hôm trước.

Cuộc sống cao siêu khi nghe giảng, khi trầm tư, lúc ngồi thiền, hài hòa với những giờ phút sống hiếu động hồn hiên giữa thiên nhiên. Dự những cuộc múa tập thể và trò chơi tập thể, rồi đêm lửa trại ở xóm Trung và xóm Thượng, tôi thấy rõ thêm vì sao tuổi trẻ thích về đây sống. Có lúc như cuộc sống trong tổ chức Hướng đạo thời trẻ của tôi. Những trò chơi khỏe, hồn nhiên, em bé 8,9 tuổi cùng cụ già 60, 62 tuổi chơi với nhau, theo vòng tròn lớn nhỏ, bỏ khăn; chim bay, cá lặn; bịt mắt bắt dê; chuyển bóng; kéo co; rồi tìm nhau trong rừng, tìm phương hướng, tìm các chòm sao trên trời, hái hoa hồng để trả lời câu đố và chọn bài hát...Tuổi già về đây như trẻ lại giữa trẻ nhỏ và thiên nhiên. Rồi những vở kịch nho nhỏ tự biên tự diễn. Cái thú vị là nội dung được hướng dẫn và khêu gợi để thực tập chánh niệm, hiểu sâu thêm các buổi học, về cuộc đời của Bụt, về tình thương yêu con người, về cái Thiện và cái Ác, về Chính và Tà, về yêu quý thiên nhiên và gìn giữ môi trường...

Có một đạo Phật nhiều khoa học, ít thần bí

Đã có bao nhiêu trường phái truyền bá đạo Phật. Từ Đại thừa đến Tiểu thừa, từ gốc Ấn độ, Tây tạng, qua Trung hoa, Tich lan, đến Thái lan, Cambốt, xuống Nam dương, sang Nhật bản. Có những trường phái truyền bá những điều thần bí, siêu nhiên, đầy phép thần thông kỳ ảo. Chư thày cô làng Mai đang xây dựng một đạo Phật truyền thống, thịnh hành từ đời Trần, mang đậm bản sắc Việt, lại khá là hiện đại, dựa trên những khám phá mới mẻ nhất về sinh học, vật lý, hóa học, toán học, thiên văn, tâm lý học&để lý giải cuộc sống muôn hình muôn vẻ.

Có cả một lớp trí thức cao cấp xuất gia và về dự tu học ở đây. Tiến sỹ, kỹ sư, bác sỹ, luật sư, nghiên cứu sinh, du sinh chiếm tỷ lệ không nhỏ. Các bài giảng phổ thông, dễ hiểu, có khi mở đầu bằng hỏi và đáp một thiếu niên Pháp hay Mỹ mới 12 tuổi, rất vui vẻ sinh động, hoặc mở đầu bằng thử ngắm cho sâu một chiếc lá phong để "nhìn" thấy trong đó áng mây, mặt trời, giọt mưa, hạt mầm, hệ thống ''nhà máy'' sản xuất chất lục diệp tố, không quên người trồng chăm sóc cây, để rồi cuối cùng có thể nhận ra cả vũ trụ chứa trong một hạt bụi trần. Kết quả nghiên cứu về tế bào, về ADN, về di truyền, về kỹ thuật tạo hàng loạt cơ thể sống từ một tế bào - ''***clonage*** '', chứng tỏ trong cái riêng đều có cái chung, cái ''một" chứa cái toàn thể, phép nhiệm màu bao trùm

khắp mọi nơi; con người ngày càng hiểu ra biết bao điều bí ẩn, chế tạo ra biết bao kỹ thuật tân kỳ như máy bay, tàu ngầm, vô tuyến truyền hình, điện thoại cầm tay, kính thiên văn (với khám phá ra big bang và lỗ đen), máy computơ cá nhân, để..."ngộ" ra rằng các nhà khoa học thật ra vẫn chưa hiểu biết gì cho thấu đáo về vũ trụ và con người cả; chỉ một tế bào mà hàng triệu điều bí hiểm. Hè này có một tuần lễ 800 nhà khoa học và yêu khoa học thuộc 20 nước về làng Mai trao đổi nghiên cứu về ***tế bào vỏ não***, tìm hiểu sâu thêm một loạt khái niệm: xúc cảm, tình cảm, tiềm thức, nhận thức, linh tính và tâm linh, mật thiết liên quan đến những khái niệm *Thân* và *Tâm*, rồi : *Thọ, Tưởng, Hành, Thức* thâm thúy của đạo Phật.

Ở làng Mai không còn những nhận thức thô thiển, như có một Thượng đế, một ông Phật nào đó giống như con người, có đầu mình và tứ chi, sống ở trên trời cao, ngày đêm ban phước lành cho chúng sinh; mà Phật ở ngay trong ta, trong Pháp, trong Tăng, trong ý thiện, việc thiện ta và mọi người cùng làm cho cuộc đời chung đỡ khổ, vun trồng yêu thương và hạnh phúc ở khắp nơi ngay trong cuộc đời này. Phật cũng ở khắp mọi nơi trong một vũ trụ vừa hài hòa theo quy luật chặt chẽ, lại cũng đầy những phức tạp ngẫu nhiên vô thường.

Khoa học ngày nay cũng chứng minh rằng thế giới vũ trụ là không có bắt đầu, không có kết thúc; sự vận động chuyển hóa là không cùng; cái này khác cái kia, cũng lại không khác cái kia; một là tất cả, tất cả cũng lại là một; phải trái trên dưới, một hai, đông tây nam bắc, màu sắc, mùi vị đều là khái niệm chủ quan của con người. Bụt dạy: bất sinh bất diệt, bất cấu (nhơ bẩn) bất tịnh (sạch), bất tăng bất giảm; *vô vô minh diệc vô vô minh tận* (không có ngu dốt mà cũng không bao giờ hết ngu dốt); *vô lão tử diệc vô lão tử tận* (không có già và chết, mà cũng không hết già và chết). ***Khoa học*** và ***Phật giáo*** gật gù tâm đắc, khoác vai nhau chặt. Thật là vui, thú vị.

Có một đạo Phật lạc quan yêu cuộc đời này

Đã có thành kiến cho rằng đi tu là chịu khổ hạnh. Có nhiều trường phái tu khổ hạnh, hành xác, đi chân đất, nhịn đói, chịu khát, nằm gai nếm mật, chịu rét, từ chối nền văn minh vật chất, chịu khổ để cứu nạn.

Ở đây có sự khổ luyện, sự kiên trì thoát phàm tục, tinh tiến tâm linh, nhưng không khổ hạnh hành xác. Các thày cô ở đây được luyện để yêu đời, quý trọng cơ thể mình, cảm nhận *hạnh phúc nội tâm* cho mình và cho xung quanh trong mỗi một phút sống. Nụ cười làng Mai sao mà đẹp. Nụ cười ngầm, hơi tủm tỉm khi gặp nhau, nhìn nhau, như nói rằng: *chúng ta là anh chị em*! Buổi sáng khi mới gặp lại nhau, mọi người chắp tay trước ngực, hình búp sen bên trái tim, như một lời chào thân, trao tặng nhau một búp sen thơm mát. Người phương Tây về đây cũng vui lòng tiếp nhận cách bắt tay, cách ôm chào nhau chân thật: nhìn vào mắt nhau với tình anh chị em, ôm nhau cũng nghĩ đến nhau thật lòng, xoa tay nhẹ vào lưng nhau nếu tự thấy cần; không còn kiểu bắt tay qua loa, áp hai bên má một cách qua quít, có khi vô cảm. Các ni cô gọi đây là *"thiền ôm"*, ôm với tình thương chân thật; tất nhiên các ni cô trẻ chỉ ôm với người cùng giới.

Nét đậm đà của làng Mai là thức ***ăn chay mà ngon*** chi lạ, ngon lạ lùng. Các ni cô, ni sư rất coi trọng khoa nấu nướng, nâng bếp núc thành khoa học và nghệ thuật cao. Vệ sinh thì tuyệt hảo. Vườn rau tự túc sạch tuyệt đối. Từ rau muống, bắp cải, rau cải, rau cần, cà chua, cà rốt, đến bầu, bí, dưa chuột, mướp đắng, rau thơm : mùi, húng, tía tô, thìa là, diếp cá, bạc hà... cho đến hành, gừng, giềng... Đủ thứ, như ở quê mình, tươi ngon. Các thày cô nhà bếp luôn nói đến ***ngon lành***, ngon đi với lành. Lại còn cân bằng âm dương, theo mùa, thứ này đi với loại rau kia, hỗ trợ bổ xung cho nhau, bổ dưỡng lại ngon miệng. Đậu phụ hấp, ninh, rán, sào với các thứ rau khác nhau, với biết bao loại đậu, loại khoai, sắn, giá, nấm... làm cho thức ăn phong phú, không bữa nào giống bữa nào suốt trong một tuần. Nộm và nước chấm cũng nhiều loại, cùng vừng, lạc, dấm, dầu ô—liu, gừng, xả. Cơm, xôi đủ loại, bánh mì, cháo... tha hồ lựa chọn. Người phương Tây có thể dùng bơ, pho mát, sữa bò, trứng (loại không ấp thành gà con được). Chè và bánh do các bà các chị người Huế hướng dẫn sao mà phong phú, tinh tế, ngon lành đến vậy. Từ chè hạt sen, đậu xanh, đậu ván, đậu đen đến bánh bột lọc, bánh giò, bánh xèo, bánh xu xê, bánh Trung thu...

Điều chính ở đây là ***quan niệm của Phật pháp*** nhập sâu vào bộ máy hậu cần và nuôi dưỡng con người. Hãy chăm nom thật tốt cơ thể chúng sinh, hãy mang ***chánh niệm*** từ khi

trồng rau, tưới cây cho đến khi rửa sạch lương thực để chế biến; hãy mang ***chánh niệm*** vào mỗi nhát dao thái củ khoai củ cà rốt cho đều đặn, vuông vắn, mỹ thuật. Hãy mang ***chánh niệm*** vào việc nấu nướng để thấu hiểu rằng biết bao công sức của con người làm nên gạo, khoai, rau đậu này đây, ta phải nối tiếp để phục vụ lại cho chúng sinh đến mức cao nhất, cho mọi người ăn thật ngon lành để làm điều thiện cho đời này.

Các ni cô và ni sư — hơn 100 người tu ở đây, phần lớn là còn trẻ, dưới 36 tuổi, gọi nhau bằng ***sư ông, sư bác, sư chú, sư cô*** hay ***sư anh, sư chị, sư em***, như trong một nhà. Mỗi người còn nhận một người bạn cùng tu làm ''đệ nhị thân'' để giúp nhau tu luyện tiếp thu sâu đạo pháp, tuyệt đối tránh phạm giới, trước hết là ***năm giới*** gồm có: không sát sinh, không ăn cắp, không tà dâm, không dối trá, không uống rượu và dùng ma túy...

Không khí an nhiên tự tại ở làng Mai còn được xác lập tự nhiên, bền vững vì trong cư xử hàng ngày, nội bộ gia đình lớn này thường nhắc nhau dùng ''ái ngữ'', tránh dùng những từ ngữ khó nghe. Tôi hỏi mấy thầy: như vậy có phải là bỏ qua, nhân nhượng với nhau khi có mâu thuẫn để giữ hòa khí? Thày Pháp Ấn là một trong 13 giáo thọ (như là trợ giáo về giảng pháp) ở làng Mai nói ngay: không phải vậy; pháp đạo, kỷ luật ở làng Mai nghiêm, không bỏ qua sai lầm, vì bỏ qua là có hại cho anh chị em mình, là thiếu thương yêu nhau; ''***ái ngữ***'' là lời nói xuất phát từ yêu thương, đã từ yêu thương thì sẽ được tiếp nhận vào tim người mình nói chuyện, không phải chỉ là chọn hình thức chữ nghĩa cho êm tai. Khi nóng mặt lên, tức giận, thở gấp thì không thể có ***"ái ngữ"*** . Khi tỉnh táo, thở sâu, có tình thương lập tức có ''ái ngữ" đầy sức thuyết phục dù nội dung có mạnh.

Không khí yêu đời trẻ trung ở làng Mai còn nhiều biểu hiện khác. Bên dàn đồng ca, cùng niệm kinh Bụt bằng tiếng Việt, Anh, Pháp,Đức, còn hát ca nhiều bè, còn có nhóm diễn kịch ngắn, tập đàn dương cầm, guita, thổi sáo, còn xưởng nhỏ tập nặn tượng, vót tre làm diều, nhóm phụ trách mầm non, thiếu nhi, nhóm hội họa, cắm hoa, chụp ảnh, đánh cờ, - cờ tướng và cờ quốc tế, cho đến lớp học tiếng Việt & Thật vui khi được nói tiếng Việt với các ni cô Từ Nghiêm (người Mỹ), Tín Nghiêm (Đại Hàn), với các thầy Pháp Ý (người Ý), Pháp Sơn (Tây Ban Nha), Pháp Hộ (Thụy Điển) & Nhiều người nói sõi như người Việt mình vậy.

Có một đạo Phật rất dân tộc cũng khá hiện đại

Làng Mai có một thư viện khá lớn. Riêng Thiền sư Nhất Hạnh có tủ sách riêng đồ sộ, tiếng Pháp, Anh, Đức, Ấn độ, Nhật, chữ Hán, chữ Phạn, chữ Nôm, tư liệu về lịch sử Phật giáo Tiểu thừa, Đại thừa, về lịch sử Phật giáo Việt nam từ xa xưa qua thời Lý, Trần đến nay. Nhiều kinh sách được lược dịch hoặc tóm tắt chuyển sang tiếng Việt. Bút lực của Thày Nhất Hạnh sung mãn, có đến 60 cuốn tiếng Việt do nhà xuất bản Lá Bối phát hành, cùng với những tập thơ thiền, một số bài thơ được phổ nhạc. Nét dân tộc khá rõ là gắn bó thờ cúng tổ tiên với đạo Phật ở làng Mai này.

Nét hiện đại của làng Mai cũng rất rõ. ***Giờ giấc nghiêm*** đến từng phút. Sáng dậy đúng 5 giờ rưỡi khi chuông lớn vang lên. Đúng 8 giờ rưỡi buổi giảng trên hội trường bắt đầu. Giảng bằng tiếng Việt, hoặc tiếng Pháp, Anh, tùy theo ngày, được dịch ngay sang các tiếng khác. Ngoài những loa đặt các góc phòng còn có loa tại các phòng nhỏ hay tại các cụm di động có mái che trên bải cỏ ngoài sân rộng, khi người dự quá đông. Các buổi pháp thoại đều được ghi bằng hình ảnh và âm thanh, buổi tối được nhân bản vào băng, vào đĩa để phổ biến ngay sáng hôm sau. Bộ phận ngoại ngữ và kỹ thuật có ***trình độ chuyên nghiệp*** cao, tháo vát, cập nhật với kỹ thuật truyền thông hiện đại quốc tế.

Văn phòng làng Mai cũng khá là chuyên nghiệp. Kế hoạch dự kiến cho cả năm, phân công cụ thể, có thời gian biểu hàng tuần cho từng xóm. Việc phân công theo tinh thần bình đẳng, các thày cô trí thức đều thay nhau vào bếp, lau nhà quét sân, vệ sinh nhà cửa, hội trường... Khách đến và đi thường xuyên, bằng đủ phương tiện, xe riêng, xe lửa, xe buýt, máy bay, đón và đưa, đâu ra đấy. Thư đến và thư đi, email gửi và nhận tới tấp. Quan hệ với chính quyền địa phương, các quận, các tỉnh và thành phố Bordeaux rất chặt. Từ sản xuất, vận chuyển, bưu điện, thuế khóa, vệ sinh môi trường, cung cấp điện nước, đường sá cầu cống, xây dựng, quản lý đất rừng... đâu có đơn giản. Bác Cả, hơn 70 tuổi người có công thăm dò, quy hoạch và xây dựng làng Mai từ những năm 1986, 87 cho biết những gian khổ

về mua đất, dựng nhà, cung cấp điện nước đến công trình vệ sinh, cống rãnh được khắc phục dần để có được cơ ngơi ngày nay.

Nét đẹp hiện đại, tiên tiến nữa tôi nhận ra ở đây là ***an ninh*** rất tuyệt. Người tứ phương đến tấp nập. Thế mà hầu như không có mất mát, trộm cắp, hàng chục năm nay vẫn vậy. Ở mỗi xóm có một góc đặt các thứ để quên, đánh rơi: mũ dạ, ô, dày, dép, kính mắt, bút, cả túi, ví tiền (với tiền mặt, thẻ ngân hàng, thẻ căn cước được giao lại cho người chủ) cặp, sách, túi lớn nhỏ, một vài đồ trang sức.

Tôi nghĩ đạo pháp nhập vào mọi người, điều ***giới thứ 2*** (không ăn cắp) được thấm sâu, chúng ta là anh chị em thân thiết, hãy sống tốt, vun trồng điều thiện, tưới tắm hạt nhân trong sạch nảy nở trong lòng ta. Anh bạn nhà báo đi với tôi thủ thỉ: ''Thích thật, ở đây ngủ không cần đóng cửa, cả xóm không cần canh gác tuần tiễu, đồ đạc riêng để đâu yên đấy, không ai nhòm ngó đụng vào. Bao giờ cho mỗi làng mạc quê ta trong nước sống như thời Nghiêu Thuấn, như ngay làng Mai này! Cần gì đến chó Bécgiê, chuông báo động, máy quay phim dọc hàng rào và cổng ra vào. Thế này mới thực là hiện đại.''

Người phương Tây và trí thức trẻ gốc Việt sống ở đây tô đậm thêm tính hiện đại của làng Việt độc đáo này. Sách báo về khoa học tự nhiên và xã hội có nhiều người đọc. Mạng internet ''*làng Mai*'' là mạng phong phú, kỹ thuật và mỹ thuật cao, lưu trữ tốt cả hình và tiếng, đứng hàng đầu trong làng mạng tiếng Việt. Các ni cô tiến sỹ, giáo sư, thạc sỹ, các ni sư cử nhân, bác sỹ, kỹ sư & ở đây đang cùng nhau học chữ Hán nôm, học tiếng Phạn, đọc thơ ca đời Lý Trần và nghiên cứu kho tàng ca dao Việt để cùng nhau trở về với dân tộc và đưa tâm linh dân tộc phát triển tới phía trước.

Đạo Phật và thái độ đối với những người cộng sản

Nhiều lần tôi hỏi chuyện các thầy cô ở đây về mối quan hệ giữa đạo Phật và đảng cộng sản. Các thầy cô phát biểu rất dè dặt thận trọng. Một thầy đọc khá nhiều sách mác-xít, từng học về lịch sử đảng cộng sản tại trường đại học sư phạm trong nước, cho rằng: «*Chúng tôi luôn coi những người cộng sản cũng là những anh chị em mình trong gia đình dân tộc và cộng đồng loài người. Dù học thuyết họ theo đuổi đã từng ''vô minh'', từng bắt các linh mục tu sỹ đi cải tạo, thực tế bắt làm khổ sai, phá đình chùa, quẳng tượng Phật xuống ao, nay họ đã có được ít nhiều "tuệ giác" đối với tôn giáo. Làng Mai đề ra việc* ***đối thoại và cầu nguyện*** *đối với chính quyền và đảng cộng sản; đối thoại để nói thẳng thắn những điều cần nói không e sợ, quanh co; cầu nguyện là cầu nguyện chư Phật soi sáng cho mọi người cộng sản, nhất là những người cộng sản cầm quyền, làm nảy nở Phật tánh dù còn ít trong tâm họ, cho họ biết noi gương các nhà cầm quyền thời Trần, yêu thương và quý trọng người dân, dựa vững vào đạo đức và cuộc sống tâm linh...»*

... «Chúng tôi cho rằng phục hưng đất nước phải do cả dân tộc cùng làm, theo nhiều giới nhiều cách khác nhau, mỗi người chung một tay, nhà chính trị, nhà lãnh đạo tôn giáo, nhà dân chủ, trí thức, kinh doanh, cùng dựa vào gốc dân tộc.»

Tôi gặp anh bạn nhà báo F.Prévost ở làng Mai từ nước Bỉ đến, để tu tập chứ không để viết báo. Anh thuộc cánh tả, từ tuổi trẻ đã mê Staline — ''người cha của các dân tộc", mê ông Mao, ông Hồ, để rồi vỡ mộng cay đắng trước cả khi bức tường Berlin vỡ tan. Nay anh tìm hiểu sâu đạo Phật; vốn có khiếu trào lộng, anh so sánh ''đạo Cộng sản'' với đạo Phật; cộng sản cũng có Phật, Pháp và Tăng của họ. ''Phật" là Marx, ''Pháp" là học thuyết đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản, ''Tăng" là đảng viên cộng sản đông đảo khắp nơi. Theo anh, *Cộng sản là ''đạo Phật lộn ngược," đầu cơ lòng thiện của con người để hứa hẹn một thiên đường nhân ái bốn bể là anh em, không có bóc lột, đầu cơ nguyện vọng độc lập dân tộc không bị nô dịch, để dành* ***độc quyền thống trị*** *con người từ tinh vi đến đẫm máu nhất.* Anh nói đến học giả Jean Francois Revel (mới mất tháng 4-2006 ở tuổi 82) triết gia uyên thâm của cánh tả Pháp đã tỉnh ngộ để chủ biên cuốn sách đồ sộ ***''Sách đen của chủ nghĩa cộng sản,"*** với thống kê hơn 100 triệu sinh mạng chết thê thảm từ các cuộc thanh trừng, trại khổ sai, trại cải tạo, cách mạng văn hóa vô sản, quét sạch tôn giáo, những vụ án vu cáo gián điệp, phản động... Anh nói đến cái ''nghiệp" quá nặng của người cộng sản, đến nay nhiều người vẫn còn trong ''mê lộ,'' chưa chịu tỉnh ngộ...

Có một đạo Phật có sức lan tỏa

Tôi gặp một số cán bộ, đảng viên cộng sản từ trong nước về đây tu tập, tìm hiểu. Có người

là giáo sư đại học, là cán bộ từng làm việc trong ủy ban kế hoạch nhà nước, là sinh viên đoàn viên đoàn thanh niên cộng sản. Có chị là đảng viên, chồng là trung tướng quân đội nhân dân về hưu, vốn là cấp dưới tướng Trần Độ. Duyên hạnh ngộ bắt nguồn từ chuyến về thăm quê hương của tăng thân làng Mai đầu năm 2005. Có ni sư đến từ Huế và Bảo Lộc (Lâm Đồng) về đây học, tự coi là về nguồn để tu tập.

Quả vậy, hạt giống tự làng Mai đã gieo và mọc ở vùng cố đô Huế, vùng Bảo lộc với các chùa Từ Hiếu và tu viện Bát Nhã, cả trên đất Hoa kỳ, nơi có chùa Lộc Uyển (ở Nam Cali), Đạo tràng Thanh Sơn và Tu viện Rừng Phong (...). Lại còn nhiều ***tập thể, nhóm cư sĩ làng Mai***, rải rác trên đất Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Canada và cả ở trong nước.

Riêng số xuất gia nhập tăng thân làng Mai nay đã lên gần 300. Số đang xin nhập còn nhiều. Số cư sĩ, dự tu tập hàng năm, theo từng mùa từng khóa không kể hết.

Các thày làng Mai đã tổ chức những cuộc Pháp thoại và Thiền hành ở Roma và Londres, ở Marseille và New York, ở Hàng Châu (Trung quốc)... nữa, và tháng 10 này ở giữa Paris.

Bí quyết của sự lan tỏa từ làng Mai là những nét đặc sắc của một đạo Phật trở về với chính gốc gác của mình, cởi bỏ những thần bí quá siêu nhân để về với nhân thế trần gian, với mỗi bước chân thảnh thơi, nụ cười hé nở trên đôi môi, búp sen tinh khiết bên trái tim, bữa ăn luôn ngon lành, giấc ngủ luôn an bình, thế ngồi luôn vững chãi trên niềm tin.

Bí quyết của làng Mai còn là sự ***hòa hợp giữa các tôn giáo***, coi các tôn giáo đều là anh em, không tranh dành, đố kỵ, đối lập nhau. ***Bouddha, Jésus, Mahomet*** đều là anh em. Ở làng Mai có linh mục Công giáo, có mục sư Tin lành, có người theo đạo Do thái, Ấn độ giáo, Anh giáo, không nhất thiết từ bỏ hẳn tôn giáo của mình, vẫn có thể tu tập Phật giáo. Từ làng Mai đã có sáng kiến một cuộc gặp các nhà lãnh đạo cao nhất các tôn giáo để cùng cất lên nguyện vọng hòa bình của thập đại chúng sinh, góp phần dập tắt ngay các lò lửa chiến tranh - những địa ngục phi lý trên trần gian tuyệt đẹp này.

Một đạo Phật không làm chính trị?

Về làng Mai, các thày và cô thường nói *''chúng tôi không làm chính trị."* Có lúc các thày nói: "Làm chính trị, xin để dành cho các nhà chính trị ở ngoài đời, chúng tôi chỉ chuyên lo việc chuyển hóa con người.''

Hỏi chuyện các thày cô, trao đổi tâm tình với thày Nhất Hạnh, thỉnh thoảng tôi lại cười thầm một mình khi nhớ lại câu ''chúng tôi không làm chính trị.'' Đây chỉ là một cách nói, với ý nghĩa là không tham gia chuyện tranh dành quyền bính; còn tu tập để chuyển hóa tự thân và chuyển hóa mọi người theo hướng ***thiện*** thì theo tôi cũng là một cách làm chính trị, đạt kết quả thì là chính trị khá cao chứ! Nhớ lại hồi chiến tranh, nhóm Phật giáo phản chiến, chống huynh đệ tương tàn, bị hai bên lên án, bên quốc gia coi là đâm sau lưng chiến sỹ, bên kia coi chống chiến tranh cách mạng là tay sai đế quốc. Kẹt cứng giữa hai làn đạn. Nhưng không thể nào khác. Chiến tranh là sát sinh; người tu hành không sát sinh dù là thú vật; chiến tranh là người giết nhau, mà người Việt mình giết nhau nhiều nhất, lâu nhất, hăng say nhất. Hơn 1 triệu người Việt giết chết nhau suốt 30 năm, còn chưa đủ ? Từ đâu để cho *''vô minh''*, *''tà kiến"*, *"cuồng sát nhau," "lôi kéo nhau vào hỏa ngục"* lâu và sâu đến thế ? Thế hệ trẻ vẫn còn chất vấn cha ông mình.

Với tò mò của nhà báo, tôi hỏi chuyện các thày cô về chuyến hồi hương đầu năm 2005. Các vị chức sắc của làng có vẻ thận trọng, vì đang còn tính đến chuyến đi thứ hai dự định trong 77 ngày (11 tuần lễ) đầu năm Đinh Hợi (2007) đang được chuẩn bị; tôi hỏi quý thầy cô có ý kiến cho rằng đoàn đã bị chính quyền trong nước lợi dụng trong chuyến đi? Trả lời: "Chúng tôi biết chuyện đó. Nhưng chúng tôi nghĩ khác. Chẳng lẽ dư luận quốc tế ngày nay lại nhẹ dạ, đơn giản đến vậy sao. Có ai chỉ lấy một chuyến đi để đánh giá về tự do tôn giáo của một chính quyền trong cả một năm; nghĩ thế là lầm to.'' Vậy làng Mai có coi đó là một chuyến hành hương thắng lợi? Trả lời: ''Có chứ. Chúng tôi không chủ quan, nhưng thật ra vượt quá hy vọng ban đầu. Các buổi pháp thoại càng về sau càng đông. Chúng tôi in ra đĩa, in tới 50 ngàn đĩa, một số đưa về trong nước." Mấy thày làm báo Lá thư làng Mai nói thêm: "Vui là nhiều quan chức cộng sản cấp cao ở các bộ, các viện, giáo sư đại học, sinh viên khá là đông chăm chú nghe, có vẻ mở lòng tiếp nhận, còn tỏ ra còn khát..."

Một cư sỹ trí thức Việt kiều làm việc ở Lyon (Pháp) từng tham gia tăng đoàn làng Mai về

quê cho tôi rõ thêm: ''Các buổi pháp thoại cuối ở Hà Nội đông ngẹt. Sự đồng cảm tăng lên. Sư Ông cao hứng nói vui: tăng thân làng Mai chúng tôi không ai có xe riêng, có tiền riêng, điện thoại riêng, nhà riêng mà sống yên vui, yêu thương nhau, có hạnh phúc, chúng tôi mới thiệt là cộng sản...; và: xã hội chủ nghĩa mà sao lại tìm cách lật nhau, chống nhau, lừa nhau, tham nhũng lan tràn, xì ke ma túy, gái điếm khắp nơi, làm sao có hạnh phúc... Cả hội trường vỗ tay rất lâu khi Sư Ông nói rằng người cộng sản, người làm chính trị khi cầm quyền rất cần có đạo đức và cũng rất cần có cuộc sống tâm linh.

Giữa tăng thân làng Mai và chính quyền cộng sản có điều gì căng thẳng không? Tôi được biết nhiều cuộc tiếp xúc khó khăn dẫn đến thương lượng từ đầu năm 2004 về chuyến trở về, không ít lúc căng, có lúc tưởng như không thành. Nhờ cái ***duyên*** - Bụt cho chăng, và tổ tiên linh thiêng muốn dun dủi cho đất nước đi đến đoàn tụ, nên đã thành. Cũng là do khi họ gặp khó trong quan hệ với các nước và công luận quốc tế cũng như với dư luận trong nước, về vấn đề tôn giáo, họ phải điều chỉnh chính sách. Nói thẳng ra là họ không thể cứng mãi, họ buộc phải tính đến chuyện để một đoàn lớn tăng thân áo nâu về thuyết pháp từ Bắc vào Nam; để đoàn đem sách về đạo Phật về cũng như không kiểm duyệt trước nội dung các buổi pháp thoại.

Theo tin tôi nhận từ 62 đường Boileau — Paris (sứ quán Việt nam), ''sứ thần'' làng Mai đến đây thương lượng về chuyến đi là "nhà ngoại giao đáng nể." Mềm mỏng trong đối xử, khá cứng cỏi trong nội dung. Việc tăng đoàn ''đến viếng lăng'' - một vấn đề khá nhạy cảm cuối cùng họ chịu để buông lửng, không ghi vào chương trình. Cho đến khi những ngày cuối ở Hà Nội, đoàn ghé thăm Chùa Một cột xong, người hướng dẫn ''lơ đãng'' dẫn sang phía lăng ông Hồ Chí Minh ngay sát đó, đoàn vẫn lặng lẽ đi ra nơi đậu xe, lên xe về nơi nghỉ. Coi như xong, không căng thẳng, rồi không bên nào nhắc đến nữa... Khéo thật, tôi nghĩ, thế là không làm chính trị chăng, hay là một kiểu chính trị buộc chính quyền thiếu đạo đức trong cơn bí phải chấp nhận khi không cảm thấy bị mất mặt quá nặng.

Đề nghị bảy điểm với cái nhíu mày tạm biệt

Anh bạn nhà báo từ Hà Nội sang Paris kể cho tôi ngày cuối đoàn làng Mai ở Hà Nội, Thiền sư Nhất Hạnh gặp từ biệt Thủ tướng Phan Văn Khải, không khí hòa dịu nhẹ nhàng, nhưng ít ai biết có mấy phút khá căng, khi Thày đưa bản đề nghị bảy điểm về ''Chính sách của nhà nước Việt nam đối với Phật giáo.''

Nội dung trước hết là: ***tách rời tôn giáo với chính quyền***, không có quyền can thiệp vào nhau. Các vị xuất gia sẽ không là dân biểu quốc hội, thành viên của hội đồng nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc hay của một đảng phái nào, cũng không nhận huân chương của chính quyền; làm như thế là phạm giới.

Hai là nhà nước mời những vị tôn túc trưởng lão Phật giáo làm cố vấn cho ngành lập pháp và hành pháp để tháo gỡ những khó khăn, hàn gắn những đổ nát, xây dựng tình huynh đệ trong cộng đồng Phật giáo, thiết lập truyền thông với nhà nước. Danh sách các vị được mời: Hòa thượng Trí Quang, Trí Tịnh, Nhật Liên, Huyền Quang, Quảng Độ, Phổ Tuệ...

Các điểm tiếp theo là: nhà nước và tôn giáo chung sức xây dựng đạo đức văn hóa, chống tham nhũng và tệ nạn xã hội, cấp hộ khẩu cho giới tu hành, phục hoạt Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và hoạt động của Ban tôn giáo. Chỉ liếc mắt thoáng đọc hai điểm đầu, ông Khải đã nhíu mày, đặt bản văn xuống và không trả lời. Yên lặng và buổi tiếp kết thúc trong xã giao. Thông tấn xã nhà nước và báo chí trong nước nhận nghiêm lệnh không được công bố bảy điểm.

Thày Pháp Ấn cho tôi biết một ***điểm son*** của cuộc hồi hương là những cuộc gặp gỡ chan hòa tình anh em giữa các giáo đoàn khác nhau, áo vàng cùng áo nâu, trong và ngoài nước; tiêu biểu nhất là ở chùa Từ Hiếu - Huế, tăng đoàn làng Mai cùng các đoàn tăng ni trong nước của Giáo hội Phật giáo VN Thống nhất và của giáo hội Phật giáo nhà nước đã cùng thiền hành, cùng tụng giới trong tình huynh đệ keo sơn, làm nức lòng bà con cả nước và khắp nơi.

Làng Mai yên tĩnh...

Mùa thu 2006 này, làng Mai từ ngoài nhìn vào vẫn yên tĩnh như một làng quê Việt Nam thời xa xưa. Hôm nay lại là ''ngày làm biếng.'' Mỗi tuần một lần, sau những ngày bận rộn, căng thẳng như các lớp học, hội thảo, tiếp khách thập phương, các ngày hội làng, làng công bố một ''***ngày làm biếng***'', cho mọi người thức dậy muộn, nằm nghỉ ngơi, tắm, giặt, đọc sách, viết

thư riêng, thăm nhau, đi dạo. Mỗi thành viên mỗi tháng có 40 Euro tiền bỏ túi, tiêu vặt; theo giá tiền ''đồng" trong nước bằng 800.000 đồng, là khá lớn, nhưng ở đây vừa đủ để mua tem, thẻ gọi điện thoại, thiếp chúc mừng, bưu ảnh, chiếc kem, gói kẹo chocolat, túi vải, cuốn sách, bút mực, bàn chải và kem đánh răng...

Thật ra ở Văn phòng làng Mai, các thày cô đang thức khuya dạy sớm, dồn dập công việc. Việc chuẩn bị cuộc hành hương thứ hai về nước vào đầu năm Đinh Hợi (2007) đang rất khẩn trương. Danh sách tăng đoàn, giấy tờ, hộ chiếu, visa, sắp đặt nơi nghỉ. Làm việc với sứ quán Việt nam, với Sứ quán Pháp ở Hà Nội. Kế hoạch cho từng ngày của 77 ngày hồi hương, theo chủ đề: ***"Bồi đắp gốc rễ, khai thông suối nguồn***''. Nội dung chính của cuộc trở về này vẫn là hoằng pháp, với một việc quan trọng là tổ chức Đại Trai Đàn, ***cầu siêu*** trong cả nước cho tất cả những người Việt anh chị em ta chết trong hơn nửa thế kỷ qua, không kể đứng bên chiến tuyến nào, dưới lá cờ nào, theo đảng phái hay tổ chức chính trị, tôn giáo, địa phương nào. Một cuộc cầu siêu chân thành, sâu sắc. Tôi mong dịp này, bà con ta ai có người thân chết trong tù, ngoài Côn đảo, dưới bom đạn, - và đặc biệt là trên biển cả, xin thông tin công khai cho biết tên tuổi, ngày và nơi bị nạn trên biển để làng Mai có thể thống kê và lên danh sách cầu siêu chung, từ đó may ra biết rõ thêm về sự kiện bi thảm trên đại dương, vì hiện ước lượng quá xa nhau, từ 20 ngàn đến 500 ngàn, con số nào gần sự thật.

Lại còn việc theo dõi bộ phim ''*Đường xưa mây trắng*'' sẽ tiến hành ra sao để lột tả đúng hoặc gần đúng cuộc đời của Bụt, tải được đạo pháp thâm thúy mà tự nhiên, tránh thần bí hóa và chạy theo thị hiếu, nhưng lại hấp dẫn người xem. Việc này không đơn giản, vì bộ phim lớn này sẽ có thể quay với ngoại cảnh ở Ấn độ, Thái lan, Việt nam và Mỹ... Nhân vật đông, nhiều vẻ, cần khung diễn viên có tài, nhập vai thật đạt, sống động, tả được cả tăng đoàn theo Bụt lên đến 1.250 đệ tử, với cuộc sống trong rừng rậm, cả một thế giới động vật : voi, hổ, hươu, nai, cừu, trâu, bò, rắn, trăn, cá sấu, thỏ, sóc, thiên nga, phượng hoàng, gà, vịt, chim sẻ, công, sáo... và thiên nhiên hùng vỹ: thác đổ, đồng cỏ, sông Hằng kỳ vỹ, núi tuyết Hymalaya, bầu trời sao và mây trắng... đều có ''vai diễn'' trong phim. Ngay trước mắt đoàn tăng thân làng Mai sẽ thiền hành giữa thủ đô Paris ngày chủ nhật 22-10 sau cuộc nói chuyện ở Hội trường lớn Mutualité tối 21-10- 2006.

Thật là duyên hạnh ngộ đẹp cho tôi được trở về làng Mai mùa thu năm nay. Cuộc đời còn lại của tôi mang dấu ấn cuộc hành hương ngắn ngủi này. Tự tin hơn, yêu đời hơn. Ăn thức ăn đơn giản mà ngon lành hơn. Tim bị bệnh vì đập thất thường nay ổn định khác hẳn trước. Danh lợi hão huyền coi nhẹ từ 16 năm tan biến hẳn như sương khói. Tôi hết đỏ mặt, cao giọng khi tranh luận. Tôi tin hơn ở con đường phi bạo lực, quý trọng gấp bội các chiến sỹ dân chủ trong nước gan góc kiên trì lẽ phải, sự thật và điều thiện, đang nêu gương cho các đảng viên cộng sản còn mê muội sớm từ bỏ tà đạo.

Tạm biệt làng Mai thân thiết, tôi nhớ đến lời Bụt nói với chú bé chăn trâu paria / tiện dân : ''*Con ạ, có những điều **đông đảo người tin từ lâu là lẽ phải**, vậy mà là **tà kiến** đấy !* '' Đó là tà kiến coi tầng lớp paria nhơ nhớp hơn trâu chó, ai đụng vào họ là bị nhiễm bẩn không sao gột rửa. Như tà kiến gần đây coi đấu tranh giai cấp và bạo lực là thiêng liêng (!), là động lực thúc đẩy xã hội(!), như tà kiến hiện tại coi độc quyền một đảng là chân lý vĩnh cửu (!), bất chấp giá trị dân chủ hiển nhiên của thời đại, bất chấp những kêu gào bất công và oan ức ngút ngàn, ngày đêm vang lên từ ngàn vạn dân oan khắp nông thôn và thành thị quê ta, bất chấp can ngăn của các bậc thức giả trong và ngoài đảng. Mọi nơi đang đòi *đa nguyên đa đảng* trong trật tự như đòi *nước* và *không khí*, coi như chiếc cầu vượt sóng dữ, đúng như lời dạy thâm thúy của Phật: lẽ phải không nằm ở giới quyền quý, cũng không ở giới tăng lữ, nó nằm rộng khắp trong đông đảo chúng sinh. Người cầm quyền phải học cúi đầu cầm bát đi khất thực, thực tế là ra khỏi những dinh thự xa hoa một cách láo xược, khiêm tốn đi xin những lời hay ý đẹp trong người dân thường qua *lá phiếu riêng* của từng công dân.

Đạo Phật đang canh tân, đạo Phật đang trẻ lại, đang cùng các lực lượng dân chủ và dân tộc kết hợp đấu tranh chính trị với phục hưng văn hóa, bồi dưỡng tâm linh, đẩy lùi tà đạo và tà kiến, độc đảng và bạo quyền, chung sức mở ra trang sử mới cho dân tộc Việt Nam luôn quý điều Thiện, chuộng tình huynh đệ, nghĩa đồng bào.

18/10/2006

NGÔ NHÂN DỤNG

Anh hùng

Đặt chân xuống phi trường Volgagrad vào lúc nửa đêm, nói chuyện với mấy ông bạn người Nga ra đón, tôi gọi thành phố này với cái tên cũ: Stalingrad (Thành phố Stalin). Đối với những người đọc lịch sử, đó là tên trận đánh kéo dài lâu ngày nhất và chết nhiều người nhất ở Âu châu trong cuộc Chiến tranh Thế giới Thứ hai. Tôi đã đọc nhiều bài tường thuật về trận đánh, của các sử gia hoặc nhà báo. Đặt chân lên mặt đất này có cảm tưởng giống như khi đến thành phố Quảng Trị vào năm 1973. Không thể nào không nghĩ tới bao nhiêu người đã chết. Hai triệu thanh niên Nga và Đức giết lẫn nhau trong gần ba năm trời, một trận đánh khi kết thúc đã chuyển hướng vận mệnh cả Âu châu. Tám trăm ngàn binh sĩ Đức và hơn một triệu quân và dân Nga đã bỏ mình. Khi quân Anh, Mỹ đổ bộ năm 1944 thì đạo quân bách thắng của Hitler đã kiệt quệ một nửa.

Trận Stalingrad cho thấy sự điên rồ của Hitler vì tham vọng chinh phục nên không chịu nghe lời các tướng lãnh. Stalingrad cũng trở thành một thiên anh hùng ca của dân tộc Nga. Thời Stalin còn sống, nhà độc tài đỏ đã tận dụng chiến thắng ở thành phố mang tên mình. Những hoàng đế Nga từ xưa đã có thói quen lấy tên mình đặt tên các thành phố. Petrograd, Saint Petersburg để ghi nhớ Hoàng đế Peter. Ekaterinburg kỷ niệm Nữ hoàng Katerina. Các vị chúa đỏ thì có Leningrad và Stalingrad. Khi người ta đem nhập cảng phong tục đó vào nước Việt mình thì thành lố bịch, vì người mình vốn không có gọi tên, coi là bất kính. Thử tưởng tượng ngày xưa có ai đặt tên một thành phố là Lê Lợi hay Trần Quốc Tuấn, chắc có thể bị chém đầu. Dân mình kính trọng người đã khuất, không đọc tên tục lên bao giờ, ngay trong ngày giỗ cần khấn vái cũng chỉ nói thì thầm không thành tiếng. Ở nước Nga chính quyền dân chủ đã xoá tên những thành phố mang tên các vị chúa đỏ khi dân Nga xoá bỏ chế độ cộng sản. Leningrad bây giờ lại lấy tên cũ Saint Petersburg, chỉ có đồng bào Việt Nam sống ở Nga vẫn còn gọi là "Lem" vì thói quen, gọi một tiếng cho gọn. Nhưng ngay cả người Việt ở đây cũng chỉ gọi tên Volgagrad, không còn giữ dấu vết nào của Stalin nữa.

Thời còn chế độ cộng sản, guồng máy tuyên truyền của họ vẫn mô tả chiến thắng Stalingrad là do thiên tài của ông Stalin, nhờ ông được chủ nghĩa xã hội soi sáng! Các sử gia bây giờ đã tìm ra Stalin không giúp ích gì cho cuộc chiến thắng đó. Trái lại, ông còn làm cho quân đội Nga yếu đi trước khi bị Hitler tấn công, vì ông đã thủ tiêu nhiều sĩ quan và tướng lãnh tài giỏi đã bị ông nghi ngờ không đủ trung thành, trong những đợt thanh trừng đẫm máu của ông. Người Nga bây giờ biết chính lòng yêu nước của tổ tiên họ đã đánh bại những cuộc xâm lăng, thời Napoleon cũng như thời Hitler.

Tới thành phố lịch sử này lần thứ nhất, cảm tưởng đầu tiên là muốn cầu nguyện cho cho tất cả các tử sĩ trong trận Stalingrad. Và thầm mong loài người từ nay sẽ không bao giờ lôi kéo nhau vào những cuộc chiến tranh vô ích nữa. Bài học đó có thể giúp hai triệu oan hồn hy sinh trong những chiến hào, những con phố, những ngôi nhà ở Stalingrad không chết uổng.

Ngọn đồi cao nhất thành phố dựng đài tưởng niệm chiến thắng Stalingrad. Từ xa đã thấy một pho tượng hơn 80 mét hình một phụ nữ cầm đuốc đứng trên đỉnh, tượng trưng cho Mẹ Tổ quốc. Bên cạnh bà mẹ trẻ đứng biểu diễn thân hình kiều diễm này còn một bức tượng bán thân một bà mẹ hiền dịu ôm xác một người lính đã tử trận, trông như bất cứ một pho tượng Pietà nào, chỉ khác là mặt người tử sĩ đã được phủ kín. Sau cuộc cách mạng năm 1991 lật đổ chế độ cộng sản, người ta đã dựng thêm một giáo đường chính thống giáo bên cạnh đài kỷ niệm. Những người Nga bạn mới của chúng tôi bước vào thánh đường cũng kính cẩn cúi đầu đưa tay lên làm dấu thánh giá.

Trên bức tường dài trước sảnh đường hình tròn ghi tên các tử sĩ, còn thấy khuôn mặt của Lenin giữa các hình phù điêu khác. Nhưng không thấy hình ảnh nào của Stalin. Bức bích hoạ khắc trên xi măng này được thực hiện sau khi Krutchev đã đọc bài diễn văn tố cáo những

tội ác của Stalin.

Thành phố đổi tên, cuộc sống đổi mới

Tại Volvograd bây giờ thì hầu như không còn ai gọi cái tên Stalingrad nữa. Đi đâu cũng chỉ thấy cái tên mới Vovograd, như trong tên của một ngân hàng, tên hý viện hay một trường đại học. Chỉ thấy trong một quán ăn còn giữ tên Stalingrad, quán nằm trong khu đài kỷ niệm "Mẹ tổ quốc gọi các con" rộng mênh mông, do quân đội quản lý. Trong quán đó có những cô chiêu đãi mặc binh phục vẫn còn giữ được di tích lịch sử trên bộ mặt khó đăm đăm của họ. Du khách cảm thấy được cung cách lạnh lùng của những người phục vụ trong những cửa hàng quốc doanh cũ, nhất là khi một cô ra lệnh người bạn Nga của chúng tôi không được đem nước uống từ ngoài vào dùng trong quán. Nhưng ngoài quán đó thì ở các cửa hàng và tiệm ăn khác người ta không thấy khác gì ở các nước Âu châu.

Ra ngoài đường ở trung tâm thành phố, nhìn những người buổi chiều đi làm về tấp nập, các phụ nữ mặc rất thời trang không ngại phô bầy vẻ đẹp của họ, hay nhìn các cặp tình nhân đi bên nhau lúc ba, bốn giờ sáng, thì biết người dân xứ này đang sống bình thường như mọi người ở tất cả các quốc gia khác. Nửa đêm ở Volgagrad tức là mới 1 giờ trưa ở California. Tôi đi ra phố lúc 2 giờ sáng, tìm được một cửa hàng ăn uống mở cửa suốt đêm. Có những toán thanh niên ngồi uống cà phê, uống bia, và lâu lâu có đám "hút thuốc lào." Một người hầu bàn đem cây điếu cao lênh khênh hiểu Thổ Nhĩ Kỳ tới, cái se điếu là một ống dài uốn cong được. Mấy thanh niên chia nhau kéo cần điếu tới mình lần lượt hút thuốc. Quán đông người, toàn những người trẻ tuổi, nhưng họ khá im lặng và trật tự, không ồn ào như các quán rượu ở những thành phố Tây Âu.

Ngày hôm sau là Chủ Nhật, tôi được mấy người bạn Nga cho đi thuyền máy trên sông Volga, cái tên đã được nghe đến trong các tiểu thuyết. Trên mặt nước cuồn cuộn mênh mang không thể nào không nhớ lại câu hát thời đi Hướng Đạo, "Vượt sóng Volga đâu là bến bờ!" Mấy người bạn Nga nghe, nhận ra bài dân ca quen thuộc, cũng cất giọng hát lên bằng tiếng Nga. Nhớ Đỗ Ngọc Yến, phải chi Yến còn sống và có mặt ở đây. Thời trẻ tuổi chúng tôi vẫn hát chung bài này. Thuyền ghé vào một bãi cát nằm giữa sông, có một gia đình vợ chồng con cái đang pic-nic dưới tấm dù che nắng dựng trên cát. Anh Akadi, người bạn mới, đã rủ một thanh niên thuộc gia đình đang pic-nic lái thuyền máy chạy đi. Một lúc sau họ mang về mấy chai "bia không rượu" và mấy con cá chín để lạnh. Hầu như các võ sinh Hồng Gia người Nga không uống rượu, hay ít nhất họ không uống khi đi ăn cùng Sư phụ Lý Hồng Thái. Trong khi mấy người uống bia và ăn cá bốc bằng ngón tay thì Sacha, người bạn lớn tuổi nhất cởi hết quần áo nhẩy xuống sông Volga bơi mấy sải. Thò chân xuống, thấy nước sông vẫn còn lạnh, như ngâm chân trong nước đá.

Mười sáu năm sau khi chế độ cộng sản ở Nga tan rã, các thanh niên Nga cho thấy nước này đã trở về một nhịp sống bình thường của loài người. Người ta sinh ra để sống chứ không phải để chuẩn bị sống, như một nhân vật của Pasternak nói. Con người sống và đi tìm hạnh phúc, sống, làm việc, yêu, ghét, thương nhớ, giận hờn, như tất cả nhân loại. Không còn phải sống để hô những khẩu hiệu "phục vụ nhân dân," "tương lai nhân loại" trống rỗng như cha mẹ họ ngày xưa. Không phải lo giữ vững lập trường, sợ bị kiểm điểm. Thật khó tưởng tượng được khoảng 30 tới 50 năm trước, Stalin vẫn được xưng tụng bằng những cái danh hiệu "Cha già dân tộc," "Ánh sáng của nhân loại" hay là "Đầu máy xe lửa của lịch sử." Nhà độc tài đỏ đã được guồng máy tuyên truyền Liên xô rồi tới các chính quyền cộng sản khắp thế giới từ Estonia đến Việt Nam tung hô đồng loạt. Sau khi đồng chí Kruschev của ông ta đã chính thức kể lại những tội ác của ông ta đối với dân Nga, nhiều người Việt Nam vẫn không được biết tin tức đó suốt 20 năm! Chắc cũng có những người Nga đã phải đóng kịch, không được sống thật suốt cả đời, bây giờ được tự do họ vẫn không thích ứng được với lối sống bình thường này.

Nhưng cuộc chiến tranh nào cũng có những anh hùng, ở cả hai phía. Và dân tộc nào cũng muốn thờ phụng các anh hùng của họ. Tên thống chế Zukov, người chỉ huy Hồng quân Nga và cuộc phòng thủ Stalingrad vẫn còn trên những con đường chính hầu hết các thành phố ở Nga. Ở Volgagrad tên ông cũng đặt cho con đường Đoàn Thanh niên Cộng Sản! Chung quanh đài kỷ niệm có những mộ bia tượng trưng ghi tên những binh lính, sĩ quan và tướng lãnh Nga đã tử chiến bảo vệ thành phố Stalingrad và tổ quốc của họ, nhìn con số các năm biết rất nhiều người chết mới 19 tuổi. Buổi trưa ngày Chủ Nhật,

nhiều cặp tình nhân và các gia đình đông đủ cả con cái dẫn nhau tới đó chiêm ngưỡng và cầu nguyện. Các dân tộc vẫn muốn sùng kính những anh hùng, những người đã chết tạo thành một mạng lưới tinh thần nối kết những người còn sống. Ở bên bờ sông Volga, bên cạnh khu công viên nơi nhiều thanh niên Nga tới tập theo Hồng Gia Việt Nam với chúng tôi vào sáng sớm, có một khu bảo tàng còn giữ lại những bức tường đổ nát của một ngôi nhà gạch đỏ, dấu vết của những cuộc tử chiến tranh giành từng thước đất, từng con phố, ở Stalingrad hơn 60 năm trước. Akady, người bạn trẻ mỗi ngày lái một chiếc xe Infinity mới hoặc chiếc Mercedes hai cửa tới đón chúng tôi tới nơi tập võ, đã chỉ cho thấy một bức từng đỏ che một góc ngôi nhà mới năm tầng. Anh giải thích những hàng chữ viết trên đó. Người ta ghi tên một chiến sĩ đã một mình tử thủ hàng tuần lễ, bảo vệ một cứ điểm, ngăn chặn không cho đoàn quân Đức vượt qua sông Volga tiến về tiếp viện cho cuộc phong toả Mát Cơ Va.

Nhưng trước khi qua Nga chuyến này, trong lòng tôi đã nghĩ tới một người Nga anh hùng khác, một nhạc sĩ hồ cầm, cello. Tôi đã ghi lại trong máy laptop để nghe trong chuyến đi này sáu bài suiten viết riêng cho hồ cầm của Johann S. S. Bach do Mstislav Rostropovich diễn tấu, song song với các đĩa cùng những bản nhạc đó do Heinrich Schiff, Jiri Barta chơi. Barta người Tiệp mới ngoài 20 tuổi.

Rostropovich chỉ thâu âm lần đầu tiên các bản độc tấu bất hủ đó vào lúc ông đã gần 70 tuổi, mấy năm sau khi ông đã trình diễn cũng các bản nhạc này bên cạnh bức tường Berlin mới bị phá vỡ, tháng Mười Một năm 1989. Một cách ca ngợi việc giải phóng con người thoát khỏi một chế độ muốn kiểm soát văn học, nghệ thuật mà chính ông từng là một nạn nhân.

Tháng Tám năm 1991 Yelcin cầm đầu cuộc biểu tình chống nhóm tướng lãnh đảo chánh để tái lập chế độ cộng sản kiểu Stalin. Rostropovich đã lẻn vào nước Nga mà không xin chiếu khán, ông vào trong toà nhà quốc hội Cộng Hoà Nga nơi những người chống đảo chính đang tử thủ, ông hứa dù có bị giết cũng không bỏ cuộc.

Khi Rostropovich trở về quê hương, qua đời cuối tháng Tư năm nay vào tuổi 80, số người đã tiễn đưa ông tới nơi an nghỉ sau cùng ở ngay trên đất mẹ đông hơn số người đến từ biệt cựu Tổng thống Yelcin. Dân Nga biết tôn kính những anh hùng tử chiến ở Stalingrad cũng như những anh hùng chống độc tài trong thời bình như nhạc sĩ Rostropovich, nhà khoa học Sakharov, văn hào Solzhenytsin. Họ là những nhà trí thức không chịu khuất phục cường quyền. Nhà chính trị Yelcin còn có người yêu kẻ ghét, nhưng người yêu âm nhạc cả thế giới ai cũng thương tiếc Rostropovich.

Rostropovich, tấm lòng chính trực

Yelcin và Rostropovich qua đời cách nhau một tuần lễ vào cuối tháng Tư năm 2007 (Tôi viết tên Yelcin mà không viết Yelsin, theo đề nghị của ông bạn Serger, viết vậy giống trong chữ Nga hơn). Cả hai người quá cố đều là những nhân vật mang đặc tính thật Nga. Hai người hai số phận. Cả thế giới tưởng nhớ Mstisla Rostropovich với tấm lòng ngưỡng mộ không bao giờ nguôi. Còn Boris Yelcin được một số người ca ngợi, nhưng cũng nhiều người chê trách. Chính trị gia luôn gây nhiều kẻ thù, nhiều hơn các nhà nghệ sĩ.

Rostropovich không làm chính trị. Lớn lên trong chế độ của Stalin, ông không bầy tỏ ý kiến nào chống lại chủ nghĩa cộng sản hoặc chế độ độc tài, nhưng sẵn sàng nói lên tiếng nói của lương tâm. Về mặt chính trị, ông là một người Nga bình thường, chấp nhận sống trong guồng máy chính trị, kinh tế chung quanh khi mình lớn lên. Còn Yelcin thì tích cực tham dự vào guồng máy quyền lực của đảng Cộng Sản. Ông leo dần dần trên các nấc thang, được ngồi vào bàn tiệc chia phần trong giới thượng lưu được chế độ ưu đãi. Cho đến một lúc ông chịu không nổi, tự bứt ra khỏi guồng máy đang bao bọc mình, sau cùng rút tên ra khỏi đảng Cộng Sản. Chính ông đã lật đổ cả mâm cỗ mình đang ăn, xoá bỏ tất cả guồng máy kinh tế, chính trị, mật vụ, công an đang bảo vệ đám thượng lưu ngồi ăn cỗ. Yelcin làm nên lịch sử, còn Rostropovich thì vẫn chỉ đóng vai một người nghệ sĩ, một người dân thường. Nhưng tư cách chính trực và hành động quyết liệt đòi tự do ngôn luận của người nhạc sĩ đánh dấu sự suy tàn của chế độ cộng sản ở Nga. Ông nêu một tấm gương cho mọi người khi từ bỏ tất cả mọi biệt đãi, vì ông yêu tự do hơn những thứ ưu quyền mà chế độ ban cho một nghệ sĩ ưu tú. Rostropovich là một anh hùng trong thời bình. Yelcin là một anh hùng lúc thời cuộc đảo điên.

Cuộc đời Mstisla Rostropovich cho thấy một cá nhân có thể đứng lên bảo vệ quyền tự do

của người khác, vì thế mà chống lại cường quyền, bạo lực. Nhưng cuối cùng lòng yêu chuộng tự do đã thắng cả chế độ độc tài. Những nhà tranh đấu cho dân chủ hiện nay ở khắp nơi trên thế giới có thể yên tâm phấn đấu giữ thái độ độc lập và khí tiết của họ. Hãy nhìn lại những tấm gương của các nhà trí thức Nga trước đây 30 năm, như nhà vật lý học Sakharov, nhạc sĩ Rostropovich cũng như của văn hào Alexander Solzhenitsyn. Sống chính trực và nói lên những ý kiến chính trực, chỉ như vậy thôi họ đã phụng sự cho quê hương, cho dân tộc họ. Solzhenitsyn hiện đang sống ở Nga nơi ông đã trở về sau khi chế độ cộng sản sụp đổ, chấm dứt nhiều năm bị cưỡng bách lưu vong ở một làng hẻo lánh trong vùng núi tiểu bang Vermont. Rostropovich vẫn coi thế giới là nhà, ông lấy địa chỉ ở Pháp, dùng hộ chiếu Monaco, làm việc ở khắp nơi, và đã trở về nước để nhắm mắt khi biết bệnh tình khó chữa.

Rostropovich nổi tiếng thiên tài ở nước Nga từ lúc còn trẻ, năm 24 tuổi ông đã chinh phục giới thưởng ngoạn âm nhạc ở phương Tây khi xuất hiện với cây trung hồ cầm (cello) tại một lễ hội âm nhạc ở Florence, nước Ý. Ông và bà vợ, ca sĩ Galina Vishnevskaya, được chế độ cộng sản ưu đãi, được chấp nhận vào hàng ngũ giai cấp hưởng thụ những đặc quyền. Ông được phát Giải Stalin, tấm bằng cao nhất trong thế giới ông sống. Nhưng khi Solzhenitsyn bị chính quyền đàn áp vì phát biểu những điều khác với đảng Cộng Sản, vợ chồng Rostropovich đã can đảm mời nhà văn tới trú ngụ. Rostropovich bảo vệ một nhà văn, vì một nghệ sĩ thiên tài cũng là một bảo vật của quốc gia, nhưng ông cũng muốn bảo vệ quyền tự do phát biểu. Ông viết những bài bênh vực Solzhenitsyn một cách công khai khi nhà văn bị báo chí đảng mạ lị, phỉ báng. Guồng máy tuyên truyền của Cộng Sản Liên xô đã tố cáo họ là "phản bội tổ quốc," là "chống lại chính quyền của nhân dân," hay là "âm mưu lật đổ nhà nước xã hội chủ nghĩa!" Tất cả những nhãn hiệu đó bây giờ chúng ta vẫn nghe chính quyền cộng sản ở Việt Nam gán cho những người tranh đấu cho tự do dân chủ.

Điều làm cho Rostropovich bị cán bộ cộng sản thù ghét là tinh thần độc lập, bất khuất của ông. Được chế độ ưu đãi nhưng không vì thế mà chịu quỵ luỵ. Đứng vững không quỳ gối trước cường quyền. Rostropovich đúng là một đại trượng phu, làm người Nga hãnh diện.

Ra khỏi Liên xô năm 1974, Rostropovich vui sướng một cách hồn nhiên, vì được thở không khí tự do, không lo bị công an của đảng dò xét, theo dõi, không bị báo chí của đảng khích bác nữa. Chính quyền xô viết rút giấy thông hành, hộ chiếu của ông trong lúc ông đang đi trình diễn ở nước ngoài, năm 1978. Từ đó ông trở thành một người lưu vong, coi thế giới là nhà. Năm 1989, Rostropovich được cơ hội ngợi ca tự do bằng tiếng đàn: Ông tới ngồi bên bức tường Berlin đang bị phá, diễn tấu những liên khúc bất hủ viết cho hồ cầm của Bach. Bản nhạc cổ điển không hề có ý nghĩa chính trị nào cả. Nhưng việc Rostropovich kéo đàn giữa những mảnh của bức tường sụp đổ là một hành động ca ngợi tự do. Cuối Tháng Ba vừa rồi, Tổng thống Nga Vladimir Putin mới gắn trên ngực Rostropovich Huy chương Phụng sự Tổ quốc, nhân ngày sinh nhật thứ 80 của ông, sau khi ông bị bệnh nặng và trở về Nga trước khi qua đời. Người Nga chính thức công nhận ông như một người yêu nước, không phải là người "chống lại tổ quốc" như guồng máy tuyên truyền của cộng sản vu cáo.

Yelcin, người tạo thời thế

Người yêu nhạc khắp thế giới không bao giờ quên Rostropovich. Người Nga nào bây giờ cũng ngưỡng mộ ông. Nhưng nhiều người đã quên tên ông Boris Yelcin, vị tổng thống đầu tiên của Cộng Hoà Nga sau khi chế độ cộng sản sụp đổ. Cho đến khi nghe tin ông mới tạ thế đầu tuần trước, người ta mới chợt nhớ đến một nhân vật lịch sử của thế kỷ 20, mới vắng mặt trong các bản tin thời sự chừng mươi năm mà đã chìm vào quên lãng như đã ra đi từ thế kỷ trước! Boris Yelcin thực sự đã tuyên bố từ chức vào ngày chót của thế kỷ 20!

Sở dĩ tên Yelcin chìm vào quên lãng nhanh như vậy cũng vì trong thế giới bây giờ nói đến cảnh suy tàn của chế độ cộng sản thì ai cũng nghĩ đó là chuyện cũ quá rồi, không làm cho ai ngạc nhiên nữa. Một chế độ lạc hậu, bế tắc phải tự chấm dứt là một điều sớm hay muộn sẽ diễn ra, không thể tránh được. Nhưng ở nước Nga vào những năm 1989, 91 thì không phải như vậy. Lúc đó không mấy ai tưởng tượng được cái guồng máy được củng cố vững chãi hơn nửa thế kỷ, kiểm soát từ miếng cơm manh áo đến những ý nghĩ trong đầu người ta, lại có thể sập xuống nhanh chóng như một căn nhà xây trên cát. Chính bàn tay ông Yelcin đẩy cho ngôi

nhà đó sụp đổ.

Yelcin cho chúng ta một bài học: Muốn tháo gỡ một chế độ độc tài đã bám rễ 70 năm thì phải thay đổi dứt khoát và nhanh chóng. Phải uống thuốc đắng mới trị được căn bệnh ngặt nghèo kinh niên. Dù liều thuốc đắng có thể gây đau đớn vì thuốc công phạt, nhưng các chướng ngại ban đầu sẽ được vượt qua dần dần. Nước Nga đã gặp đầy những khó khăn vì xáo trộn trong mươi năm đầu tiên thay đổi, nhưng ngày nay thì kinh tế tự do và chính trị dân chủ đã thành nền nếp, không ai muốn trở lại sống trong một chế độ độc tài nữa. Lương bổng trung bình của người dân đã tăng gấp ba trong vòng chỉ có mấy năm. Bên ngoài thì nước Nga trở lại đóng vai một cường quốc trên diễn đàn Âu châu và thế giới. Muốn tiến bộ phải đứng dậy mà bước đi. Thà chịu chút vấp ngã trong một thời gian đầu tập bước đi như vậy, còn hơn là cứ thay đổi rụt rè, chậm chạp, bò luẩn quẩn trong vòng trì trệ. Vì khi thay đổi chậm thì những người hưởng các ưu quyền trong chế độ cũ sẽ cố bảo vệ địa vị, quyền lợi, họ không bao giờ họ chịu nhả ra đâu. Mặc dầu trong chính quyền Nga và trong bộ máy kinh tế hiện nay có nhiều cán bộ cộng sản cũ, nhưng họ phải dùng hệ thống mới, luật pháp mới để giành lấy những địa vị đó, chứ không phải nhờ tài chạy chọt, đút lót các cấp uỷ như dưới chế độ cộng sản.

Mặc dù nhiều người vẫn ca ngợi công lao ông Gorbachev mở đầu cuộc đổi mới, chính Boris Yelcin mới là người đã làm chế độ xô viết sập đổ. Khi Michael Gorbachev bắt đầu cải tổ ở Liên bang Xô viết, chủ ý của ông là để củng cố quyền hành của đảng Cộng Sản, chứ không có ý thay đổi cả chính thể. Ông Gorbachev không can thiệp vào các nước Đông Âu khi họ rũ bỏ chủ nghĩa Cộng Sản vì biết không thể chống lại phong trào đòi tự do của các dân tộc đó. Nhưng ông vẫn tính kéo dài chế độ cộng sản ở Liên bang Xô viết bằng cách thay đổi phương pháp cai trị.

Chính Gorbachev đã đưa Yelcin về Mát cơ va để thêm người ủng hộ đường lối cải tổ của mình. Yelcin là cấp lãnh đạo thủ đô đầu tiên bất ngờ đi tới các khu chợ và hỏi các cán bộ mậu dịch: Tại sao rau héo thế này? Ông nói lớn tiếng những câu hỏi mà những người nông dân, người công nhân Nga bình thường vẫn hỏi thầm: Tại sao một nước có khả năng bắn tên lửa lên mặt trăng mà lại không làm được những đôi giầy đi cho tử tế? Đó là những sự thật mà ai cũng biết, người dân vẫn kín đáo nói với nhau, nhưng không ai dám lên tiếng. Cả một hệ thống do Stalin dựng lên, bị Yelcin đẩy cho lung lay bằng những câu hỏi bộc trực, toàn là sự thật. Giống như miệng đứa trẻ hỏi: Tại sao đức Vua không mặc quần? Đó là lý do tại sao Yelcin được dân Nga tin và yêu trong những năm đầu thập niên 1990.

Ưu điểm của Yelcin là nói sự thật, nói đúng những điều người dân suy nghĩ. Ông đặt ra những vấn đề có thật. Lật mặt nạ một guồng máy hư nguỵ đang bao bọc những đặc quyền của giai cấp lãnh đạo mà ông đang tham dự. Ông là lãnh tụ cộng sản đầu tiên yêu cầu xoá bỏ những quyền ưu đãi giành riêng cho giai cấp cán bộ quý tộc. Vì hệ thống đó bất công. Ngay cả những người bất đồng chính kiến với đảng Cộng Sản lúc đó cũng chưa dám đòi xoá bỏ những thứ "Thẻ Tôn Đản" của giai cấp quan lại cộng sản. Ông là người đầu tiên nói thẳng rằng hệ thống cộng sản thối nát từ trên xuống, rằng cả guồng máy bất lực, không thể chỉ đổ tội cho những cán bộ thừa hành.

Sau cùng Gorbachev đã cách chức Yelcin. Bình thường, trong chế độ cộng sản ở Nga thì cuộc đời chính trị của Yelcin như thế là chấm dứt. Nhưng cũng nhờ chính sách cởi mở của Gorbachev cho nên năm 1989 Yelcin vẫn được ứng cử, vẫn vào quốc hội Cộng Hoà Nga, rồi đắc cử chủ tịch. Chức vụ này không có quyền hành, vì Nga chỉ là một trong nhiều nước thuộc Liên bang Xô viết. Một năm sau thì Yelcin dứt khoát rút lui khỏi đảng Cộng Sản mà ông gia nhập khi 30 tuổi.

Thời cơ đến với Yelcin khi có người gây loạn. Tháng Tám năm 1991 khi các người chỉ huy mật vụ cùng các lãnh tụ cộng sản cao cấp đảo chính chống Gorbachev, Yelcin đã chụp cơ hội, đứng ra chống đảo chính. Hình ảnh ông đứng trên xe thiết giáp đối đầu với các tướng công an đảo chính biến ông thành một người hùng của dân chúng Nga đang chán ghét chế độ cộng sản. Phe đảo chính thua vì các công an, mật vụ cũng chống họ. Trong những ngày phe dân chủ kéo vào trong quốc hội Cộng Hoà Nga cố thủ chống lại phe đảo chính, Nhạc sĩ Rostropvich cũng bay về nước, vào trong trụ sở quốc hội để chứng tỏ ông đứng về phía dân chủ tự do. Sau đó, Yelcin củng cố thế lực, giải tán Liên bang Xô viết và trở thành vị tổng thống đầu tiên của Cộng Hoà Nga dưới một chế độ tự do dân chủ.

Nhiều người trách rằng Yelcin trong chín năm

nắm quyền đã để cho nước Nga rơi vào tình trạng kinh tế suy yếu và để cho một số nhà tư bản quả đầu chiếm lấy các tài nguyên quốc gia trong chương trình tư nhân hoá các doanh nghiệp nhà nước. Ông phạm các lầm lẫn đó thật. Nhưng Boris Yelcin được đào tạo trong môi trường cộng sản. Suốt cuộc đời trước đó ông không bao giờ được chuẩn bị để xây dựng một chế độ tự do dân chủ và kinh tế thị trường cả. Cũng như tất cả các lãnh tụ cộng sản khác, Yelcin dùng mọi năng lực để tìm cách leo lên trên các nấc thang quyền hành. Họ rất khôn ngoan khi cần tiêu diệt đối thủ, củng cố địa vị, dùng người này chống lại người kia. Nhưng khi nắm được quyền thì họ chỉ giỏi trong việc ban mệnh lệnh, khen thưởng hay trừng trị cấp dưới để bảo vệ lòng trung thành của họ, chứ không có sáng kiến nào để đối phó với tình huống mới.

Yelcin giống như một người chuyên lái xe lửa bây giờ phải lái chiếc máy bay! Ông chỉ có một khái niệm mơ hồ là phải thay đổi toàn diện một guồng máy hủ nát, bất lực. Nhưng thay đổi thế nào là chuyện khác. Là một người tập lãnh đạo trong guồng máy cộng sản, ông chỉ biết quản trị quốc gia theo lối ra lệnh và phải cấu kết với những người trung thành với mình. Thiếu hiểu biết về chế độ dân chủ và kinh tế thị trường, các chính sách của ông có tính cách tuỳ hứng và vá víu, dựa trên lời khuyên của những cố vấn thân cận. Con người lãnh đạo kiểu cộng sản như Yelcin giỏi phá huỷ hơn là xây dựng. Lỗi lầm lớn nhất của ông là chương trình tư nhân hoá các xí nghiệp quốc doanh. Chính phủ ông đã trao rất nhiều tài sản quốc gia lớn lao vào tay những nhà tư bản mới, trong khi quốc gia chưa có thứ "hạ tầng cơ sở" như luật pháp và các định chế bảo vệ luật pháp để làm khung cảnh cho những tài sản đó hoạt động theo quy luật thị trường. Họ lại quay về những nếp cũ: Chạy chọt, hối lộ, cấu kết làm việc trong bí mật, trái với tất cả các quy tắc minh bạch công khai cần thiết trong chế độ tự do dân chủ và kinh tế thị trường.

Trong những năm cuối cùng mà Yelcin cầm quyền chính phủ Nga không may gặp phải cơn khủng hoảng tài chính và kinh tế từ Á châu lan sang châu Mỹ La tinh và Nga, ông hoàn toàn bất lực. Công quỹ trống rỗng, chính phủ Nga phải tuyên bố phá sản không trả được nợ. Điều đáng khen ngợi ông là can đảm nhận mình thất bại, dứt khoát rút khỏi ngôi vị quyền hành. Người được ông đưa lên, cựu nhân viên KGB Putin đã có tiếng cải tổ thành phố Saint Petersbourg có hiệu quả; và cũng được tiếng là một người liêm chính. Nhà tỷ phú Berezovsky, người đang tị nạn ở Anh quốc và đang vận động lật đổ Putin, cũng phải công nhận Putin là người cầm quyền đầu tiên trong chính quyền Nga đã từ chối không nhận hối lộ khi tay tài phiệt này tới gặp ông thủ tướng. Mà sau mọi việc xong suôi, Berezovsky đem tiền bạc đến biếu khéo nhưng Putin cũng không nhận.

Boris Yelcin đã mở màn cho một thời kỳ mới trong lịch sử nước Nga để các người sau đi tiếp. Những khó khăn lúc đầu cũng chỉ trong vòng mươi năm cũng vượt qua. Ở các nước Đông Âu, các chính quyền dân chủ đã thay đổi cũng nhanh chóng và triệt để, xoá bỏ hệ thống kinh tế từng nuôi dưỡng những cán bộ tham nhũng từ trên xuống dưới. Ông Yelcin cũng làm như vậy, vì người dân Nga đang nóng lòng muốn thay đổi. Nếu ông cũng chậm chạp, dè dặt như các lãnh tụ cộng sản ở Trung Quốc và Việt Nam thì chắc đến giờ này nước Nga vẫn nằm trong tay những cán bộ nắm độc quyền kinh tế, và nạn tham nhũng sẽ còn thao túng mạnh hơn.

Hiện nay Cộng Hoà Nga vẫn chưa phải là một quốc gia tự do hoàn toàn, nhưng sau khi đã tiến những bước tự do dân chủ đầu tiên rồi, người dân Nga sẽ không cho phép một nhóm người nào quay trở lại một chế độ độc tài đảng trị nữa. Chúng ta phải kể đó là công của ông Boris Yelcin. Ông Vladimir Putin được nhiều may mắn hơn, chính phủ ông dư tiền nhờ giá dầu lửa tăng lên khắp thế giới. Ông đang kích thích dân Nga vì những chính sách đối đầu với các nước Âu châu và Mỹ. Người Nga lại cảm thấy họ vẫn đóng vai một cường quốc. Thử thách sắp tới của ông Putin, và của chính thể dân chủ ở Nga là sau hai nhiệm kỳ theo hiến pháp ông sẽ phải rút lui, liệu ông có tìm cách ngồi lại hay không. Khi tôi tới Volgagrad thì dân chúng mới bầu xong một thị trưởng mới. Người bạn Nga cho biết có 16 ứng cử viên tranh cử gay go. Khác hẳn cảnh "Đảng cử dân bầu" thời cộng sản. Tôi hỏi, ông thị trưởng đắc cử có thuộc đảng của Tổng thống Putin hay không. Người bạn lắc đầu giải thích, theo tinh thần hiến pháp nước Nga bây giờ thì, khác với bên Mỹ, người lên làm tổng thống sẽ không thuộc một đảng chính trị nào cả. Có lẽ đó cũng là một tập tục hay! Âu cũng là một công trạng do ông Yelcin để lại.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

VÍ

Chỉ vài ngày sau khi Hiệp Định Genève được ký kết, tôi đã có mặt ở Sài Gòn. Vào Nam sớm như vậy nên tôi còn kịp được hưởng vài món cuối mùa. Một trong những món đó là cảnh ruồng bố. Lúc đó tôi ở Khánh Hội, bên kia Cầu Ông Lãnh. Mỗi lần công an Bình Xuyên bố ráp, họ quây nguyên một vùng, nội bất xuất ngoại bất nhập. Thường thì những cuộc bố ráp này diễn ra vào sáng tinh mơ, trời đất còn nhá nhem tối, mọi người chưa ra khỏi nhà để đi làm. Tất cả đàn ông từ 14, 15 tuổi trở lên đều phải ra một thửa đất rộng, ngồi xếp hàng chồm hổm chờ. Một chiếc xe công an tới thả ra một người được trùm kín trong một chiếc bao bố có khoét hai lỗ nơi mắt. Công an dẫn cái... bao bố đi lòng vòng trong đoàn người ngồi mặt cắt không còn hột máu. Nếu tới trước mặt người nào mà cái bao bố gật đầu thì người đó tới số: công an sẽ áp tải lên xe mang về bót. Người được chụp bao bố là một Việt Cộng hay một tội phạm nào đó được mang ra để điểm chỉ cho công an tìm đồng bọn trong cùng một tổ chức hay cùng một đường dây. Thường thì khi ra ngồi như vậy, người nào cũng phải có giấy tờ đầy đủ trong người. Thiếu một cái là có chuyện chẳng lành. Bữa đó, tôi mắt nhắm mắt mở chưa ra khỏi giường, nghe tiếng đập cửa gấp rút, vội khoác chiếc áo chạy ra ngay, quên mất chiếc ví. Thấy cô em đứng lớn vởn quanh bãi... bố, tôi vội nói lớn: "Anh quên chiếc ví trong túi quần, em chạy về lấy cho anh." Ông hàng xóm ngồi bên cạnh vội xen vào: "Dzô tới đây gồi còn dzí dzới dzí. Trong này kêu là bóp cha nội!"

Bóp là tiếng Nam, ví là tiếng Bắc. Cả hai đều chỉ chung một thứ. Nhưng nói kiểu Nam Bắc đề huề cả hai chữ là một sự phiền toái. Bởi vì "ví' còn là tiếng nói trại để chỉ cái thứ nhạy cảm mà cả đàn bà lẫn đàn ông đều có nhưng một bên thì bóp được một bên chẳng ai nghĩ tới chuyện bóp!

Cổ áo dậy thì
Em quên gài cửa
Thơ ngây bỏ nhà
theo ta xuống phố
Búp mặc áo hồng
Ngực xuân chúm nụ

Vậy là ông Quan Dương đã nói hộ tôi cái mà tôi cứ loanh quanh hoài chưa nói cho ra lẽ được. Thứ trái cấm này mà chơi cái trò vũ phu đụng vào thì chỉ có ra cò bóp. Lớn nhỏ chi cũng vậy. Cậu bé Blackwell, bốn tuổi, học mẫu giáo tại trường La Vaga, thích thú leo lên xe buýt nhà trường, hồn nhiên nhảy bổ vào người cô phụ giáo, dụi mặt vào đôi gò bồng đảo đồ sộ và ấm áp của cô. Hành động này bị coi là "hành vi quấy rối tình dục" và ông Hiệu Trưởng đã viết thư về cho bố mẹ cậu mách anh nhóc mới có tý tuổi đầu mà đã làm cái hành động "có thể coi là sự va chạm giới tính"! Hình phạt: tạm thời đình chỉ việc học của... thủ phạm! Bố mẹ cậu bé không đồng ý. Họ cho là cô phụ giáo đã quá "nhạy cảm" với sự va chạm xác thịt nên đã hiểu nhầm hành vi bày tỏ yêu thương của một đứa bé bốn tuổi. Luật sư David Davis ở Waco cũng đồng tình với quan điểm của bố mẹ cậu bé. Nhà trường lùi một bước: bãi bỏ lệnh cấm cậu Blackwell tới trường học nhưng vẫn ghi trong học bạ của bé câu: "Có hành vi xâm phạm thân thể giáo viên." Gia đình cậu bé vẫn còn đang tranh đấu để xóa bỏ câu ghi chú tai hại này!

Hai trái đu đưa thường là xốn mắt và làm ngứa tay này chỉ có ý nghĩa với phái nam từ tuổi dậy thì trở lên. Mới bốn tuổi thì giá trị đích thực của thứ hoa quả không bao giờ trái mùa này còn rất mơ hồ và khác biệt với... trị giá của chúng dưới mắt nam nhi. Nam nhi loại mới nứt mắt còn mài đũng quần ở trường cấp hai đã dở trò ngứa tay. *"Gã nhớ vài năm sau gã và một thằng bạn ngồi bàn sau ở lớp học cứ bàn luận xem vú đứa nào nổi nhất lớp. Cuối cùng thì giải quán quân thuộc về con bé lớp trưởng. Nó lớn hơn mọi người vài tuổi mà, lại là đứa đầu tiên đeo coóc- xê ở trường cấp II này. Thằng bạn đố gã sờ vú lớp trưởng. Máu sỹ diện nổi lên gã nghĩ ra một mẹo. Gã bảo thằng bạn hai thằng cùng giả vờ cãi chửi nhau đúng lúc lớp trưởng nhìn thấy. Đúng như dự đoán, lớp trưởng lại gần hai đứa để 'can thiệp.' Gã đấm luôn vào mặt thằng kia một quả. Nhân tiện gã giả vờ lỡ đà tạt luôn sang ngực lớp trưởng vài cú rơ-ve.*

Thật là hả hê!" (Đặng Thân, Mẩu Thịt Thừa, Hợp Lưu số 93, tháng 2&3/2007).

Tuổi sau đó thì cứ trái ngọt mà chén. Đào này, hồng này, quít này, cam này, lê này, bưởi này. Cứng tuổi thì con mắt vẫn còn có đuôi!

Tiếng ai cười nói vang trong nắng
Phải bà hàng xóm ngực rung rinh
Máy ai cắt cỏ vườn bên cạnh
Khiến nên ánh sáng đầy âm thanh
Ngọc gió trên cao vừa lướt nhẹ
Ngẩn ngơ con chó hít trời xanh.
(Võ Phiến)

Máy cắt cỏ to là thế, chó (nhất là chó Mỹ) lớn là thế mà chúng không được lòng con mắt. Cứ cái rung rinh mà thấy trước tiên! Muốn rung rinh được thì phải nhờ trời. Trời không cho thì nhờ... bia! Ở bên nước Bulgaria có thứ bia Boza uống nó không trôi xuống bụng mà... đọng lại ở ngực. Bia này cũng làm từ lúa mì lên men và men bia thôi nhưng sao mà hiệu nghiệm cho cái rung rinh. Các bà uống Boza vào là vòng số 1 nở ra. Anh chàng Constantin Barbu đã cất công từ Lỗ Ma Ni vượt sông Danube tới Bảo Gia Lợi để ôm bia về cho vợ. *"Tôi đã mua một thùng cho vợ tôi dùng thử. Tôi rất hy vọng sẽ thấy sự đổi khác!"*

Bia nở ngực được thì thuốc phải nở bạo hơn. Trên *internet* thiếu gì lời rao hàng bán thuốc nở ngực tự nhiên chẳng đụng tới dao kéo. Đây là một đoạn tiêu biểu: "Tại sao phải tốn 5000 USD để giải phẫu ngực trong khi bạn có thể có bộ ngực lớn ra 1 — 2 cup size, đẹp tự nhiên mà chỉ tốn có 240 USD? Các bạn gái muốn có một bộ ngực cao, có rãnh tự nhiên, căng tròn, đẹp hấp dẫn, xin đến với thuốc nở ngực *Cleavage Plus*. Đây là một sản phẩm mới, nóng bỏng và sẽ là cơn ác mộng cho giới bác sĩ chuyên khoa giải phẫu thẩm mỹ ngực... Uống một tháng, ngực bắt đầu căng to. Uống từ 2 đến 4 tháng, to ra 1/2-1 *cup size*. Uống từ 4 đến 6 tháng, to ra 1 — 2 *cup size*. Mua 4 chai tặng ngay 2 chai, giá chỉ có 60 USD/chai." Một bà ở Gia Lâm, Hà Nội, 55 tuổi đã nghe lời quảng cáo, dùng thử và gặp... ác mộng đúng như lời quảng cáo. Có điều là ác mộng không phải cho giới bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ mà cho ngay chính đương sự! Hai tháng sau khi uống bà cảm thấy thường xuyên chóng mặt, ngực có to ra không thì chưa biết nhưng ngón tay, ngón chân phình to ra, mặt bị biến dạng, phải vào bệnh viện cấp cứu! Theo các bác sĩ thì thuốc làm nở ngực quảng cáo trên thị trường thực chất là một dạng bổ sung hormone giúp phát triển mô ngực. Chúng xuất hiện dưới nhiều tên như *Placenta X-A; Placenta X-B; Cleavage Plus; Perfect Women Crème; Contour Crème*... Tuy nhiên kết quả thực sự thì còn phải chờ, không biết ra sao!

Cô con gái tỉ phú khách sạn Paris Hilton lúc nào cũng loay hoay muốn chọc vào mắt thiên hạ để mọi người phải nhớ tới mình. Cô làm được nhiều thứ lắm. Ăn diện không giống ai, tung ra phim sex với bạn trai, đóng một chương trình truyền hình ngớ nga ngớ ngẩn mang tên *Simple Life*, hợp với cô ca sĩ quậy Britney Spear trà đình tửu quán... Ví nàng ra sao, cả bàn dân thiên hạ đã rõ từ chân tơ kẽ tóc. Đó là một thứ khiêm nhượng. Tựa như chanh quít... ủng! Thế mà bỗng nhiên, vào một tối đẹp trời, cô nàng xuất hiện với chanh quít bỗng vươn lên thành một thứ gần như là bưởi. Thiên hạ căng mắt ngạc nhiên. Dao kéo chi đây! Một dân Hồ Ly Vọng gặp cô tại một bữa tiệc đã không bưng miệng được. *"Ngực cô ấy lớn hơn bình thường. Mọi người cứ trố mắt ra nhìn. Ai cũng biết người cô ấy có chút xíu nên khách khứa đêm đó mới ngạc nhiên như thế!"* Hỏi mận thì mận cứ ỡm ờ. Chẳng gật mà cũng chẳng lắc. Cứ lơ mơ như thế cho "chúng nó" bàn ra tán vào. Thế mới là nghệ thuật quảng cáo!

Siêu mẫu Phi Thanh Vân của Việt Nam thì huych toẹt có sao nói vậy người ơi! *"Còn nhớ khi mang bộ ngực mới, lần đầu tiên đứng dậy, tôi bị ngã chúi về phía trước vì cơ thể mất thăng bằng. Nhưng bây giờ tất cả đã trở thành một phần cơ thể tôi. Nếu phải lấy ra chắc chắn tôi sẽ tự tử!"* Ghê chưa! Ai bảo con người chỉ cần lá, con người cũng cần trái nữa chứ! Nhưng nguyên cớ vì sao mà nàng Phi Thanh Vân này lại cần có thêm... trái mới? Bởi vì ham lên sân khấu! Sau khi đã chịu khó đọc tất cả các sách về giải phẫu thẩm mỹ để nghiên cứu, năm 2003, Phi Thanh Vân mới quyết định leo lên bàn giải phẫu. *"Tôi ôm điện thoại gọi tới tất cả bệnh viện trong thành phố và cuối cùng tìm ra một nơi làm ngực với giá 45 triệu đồng. Tìm đến bệnh viện đúng dịp có bác sĩ nước ngoài về áp dụng phương pháp mới trong giải phẫu thẩm mỹ ngực, tôi đăng ký làm vật thí nghiệm với chi phí 55 triệu đồng. Thông thường túi có tuổi thọ 10 đến 20 năm, nhưng lần này tôi may mắn được đặt túi ngực vĩnh viễn... Cảm giác đầu tiên nằm trên giường mổ, tay trái truyền nước biển, tay phải truyền máu, bị một loạt bóng đèn rọi thẳng xuống mặt, vẫn ám ảnh tôi đến tận bây giờ. Khi*

mở mắt ra, tôi thấy mình nằm trong phòng hồi sức, toàn thân đau nhức không thể cử động nổi dù chỉ năm đầu ngón tay. Cuộc giải phẫu lớn mất gần 4 tiếng đồng hồ khiến 11 ngày sau tôi mới có thể xuất viện."

Để... đổi trái cây trên người, vất vả như vậy. Nhưng bù lại thì có show lia chia lại thêm các đại gia chạy theo hàng đàn. Trái cây, dù là trái giả bằng nhựa, vẫn cứ như quả bóng bay kéo sự nghiệp cùng với tiền tài danh vọng lên cao. Cũng tại Sài Gòn, cô người mẫu Tuyết Lan đã đùng đùng đi mua trái lớn chỉ vì tranh nhau chiếc áo đẹp! Trong một *show* diễn, một người mẫu đàn chị đã chơi gác cô bằng... ngực để chiếm chiếc áo đẹp bằng câu nói cao ngạo: "Ngực tao đẹp hơn ngực mày!" Ngay sáng hôm sau, Tuyết Lan tìm tới một thẩm mỹ viện liền tức khắc. Bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ thành thực khuyên cô không nên giải phẫu vì "ngực chị khá đẹp và hợp với dáng người nên không cần phẫu thuật thêm." Cô không chịu. Bác sĩ khuyên chỉ nên độn thêm vào túi cỡ 200 ml, cô cũng không chịu, đòi chơi cỡ 250ml. Chiếc túi nước 250ml này quả được việc. Từ một cô người mẫu hạng tép riu luôn bị bắt nạt, cô đã leo lên hàng vơ-đét lúc nào cũng có năm bảy anh đại gia đông bạc lăng xăng chung quanh.

Trồng trái nhựa trên ngực không phải khi nào cũng suông sẻ như vậy. Cô người mẫu kiêm diễn viên khá nổi tiếng của thành phố Sài Gòn Lê Hải Thanh là một thí dụ. Cô cũng đã cẩn thận thăm dò chán chê mới quyết định đi nâng cấp vòng số 1. Cô chọn cỡ 225ml. Sau hơn ba giờ phẫu thuật, khi tỉnh dậy, cô tá hỏa tam tinh: ngực một nơi, túi một nẻo! Chờ cho vết thương lành cô bắt sửa lại ngay. Ông bác sĩ thiếu bàn tay mát đành phải lôi cái túi nhựa vô duyên ra và hoàn lại tiền. Nhưng những vết sẹo chằng chịt trên ngực thì cô phải giữ lại suốt đời. Cô người mẫu nổi tiếng vì tài săn đại gia Kiều Mỹ Tiên thì vô duyên một cách khác. Vác hai ngàn đô Mỹ đi phẫu thuật cho hơn chị hơn em, cô nhận lãnh hai gò bồng đảo sưng đỏ và nhức nhối. Lấy túi nước ra rồi lại bỏ túi khác vô, bảy lần tất cả mà thất bại vẫn hoàn thất bại!

Bảy lần mà ăn thua chi! Cô nữ diễn viên bốc lửa người Mễ Tây Cơ Sabrina Sabrok chơi luôn 12 lần! Lần nâng cấp mới nhất cô nhét thêm vào mỗi bên ngực sơ sơ có 1 kí nâng trọng lượng cả hai bên lên tới 9 kí. Chín kí, chia đều ra thì mỗi bên 4 kí rưỡi. Là to bao nhiêu, tôi quả không hình dung được. Mà lớn như thế nào là đến... cỡ thợ mộc? Muốn hai trái phồng lên bao nhiêu là ý của chủ nhân nhà vườn nhưng trong việc gia cố đôi gò giới y khoa cũng định ra cái mức đàng hoàng. Cứ để tùy theo ý thích thì có mà... rách! Mức đó là bao nhiêu tôi cũng chẳng tìm hiểu làm chi. Có dùng tới đâu mà hỏi! Thông thường thì khoảng từ 275 cc tới 800 cc. Từ 800 cc đến 1000 cc là ngoại hạng. Nói theo danh từ chuyên môn là thuộc loại DD. Kỷ lục nhồi nhét vào một lần tới 1200 cc là thuộc về một phụ nữ giấu tên. Chỉ biết bà này có bộ ngực *naturel* cũng đã thuộc hàng... đại gia rồi! Loại ngực tấn công ra phía trước có ưu điểm gì, đứa bé bốn tuổi cũng đã biết. Nhưng có ưu thì cũng có nhược. Vác một bộ ngực ngồn ngộn rất có cơ may té sấp về phía trước như nàng chân dài Phi Thanh Vân đã có kinh nghiệm. Ngoài cái bất tiện đi đứng còn có nguy cơ bị đau lưng và đau đầu. Đau lưng thì có thể hiểu được nhưng tại sao lại đau đầu thì khó hiểu quá. Tôi cũng chịu không hiểu nổi. Tôi biết một bà bẩm sinh trời cho đôi gò bồng đảo lớn lao hơn người rất nhiều. Khi mới bắt đầu lên trung học thì các thày đã khó giảng bài trong lớp rồi. Có lẽ vì bận nuốt nước miếng! Bạn học cũng quấy rầy lia chia đến phát bực. Khi về già thì không chịu nổi. Chẳng phải vì bị quấy rầy mà vì đôi trái quá cỡ níu cái lưng già xuống đau chịu không nổi. Riết rồi phải đi giải phẫu. Cũng là giải phẫu nhưng là giải phẫu... ngược. Để lấy bớt ra cho nhẹ nhõm!

Cũng lấy ra nhưng là lấy của giả ra là trường hợp của chị Linh ở Hà Nội. Chị đi giải phẫu nâng ngực mà không cho chồng biết. Khi anh biết được thì anh giận. Giận tới hai tuần. Hết giận cũng không đụng tới thứ của giả trên ngực vợ. Vợ hỏi, anh cho biết là anh cảm thấy mình ôm mớ *silicon* chứ đâu có ôm vợ! Anh chồng cứ tự cấm vận như vậy, chị Linh không chịu nổi phải đi lấy túi độn ví ra!

Báo VNExpress ở trong nước đã làm một cuộc khảo sát. Câu hỏi như thế này: "Bạn nghĩ gì về việc vợ / bạn gái đi phẫu thuật thẩm mỹ?" Có 2343 phiếu trả lời. Chỉ có 10,7% cho là rất tốt. Còn lại thì... lắc đầu: 38,8% ầu ơ "cũng được, miễn là an toàn"; 28,9% "không hưởng ứng vì tôi không thích của giả"; 21.5% "không đồng ý vì sợ nguy hiểm"!

Hai trái bên phải bên trái cân phân là bề mặt, dưới bề mặt cộm cộm này có những tuyến vú. Người có tuyến vú bình thường, người trời cho có thêm tuyến vú phụ. Rắc rối ở cái lòng

quảng đại không đúng chỗ của trời này. Theo bác sĩ Nguyễn Chấn Hùng, Giám Đốc Bệnh Viện Ung Bướu Sài Gòn, thì vào tuần thứ sáu của thai kỳ, mô tuyến vú bắt đầu phát triển theo đường sữa từ nách đến vùng bẹn. Vào tuần thứ chín, đường sữa này bị thoái hóa và chỉ còn lại tuyến vú ở bên ngực. Tuy nhiên có trường hợp đường sữa không mất đi mà giữ nó suốt đời nên có những tuyến vú phụ hay tuyến vú lạc chỗ. Chuyện đi lạc này nhiều khi rất lạ. Như nơi một bà người Ba Tây, 22 tuổi, tuyến vú phụ này đã chu du xuống tới tận gan bàn chân trái! Nó cũng y chang hai bà chị trên ngực. Một đầu ví tròn xoe, có quầng thâm bao quanh, lại có thêm tí lông tơ bao phủ!

Bất thường kiểu khác là kiểu nhất bên trọng nhất bên khinh. Thay vì cân phân hai bên thì chỉ có một bên, bên kia là... mặt bằng phẳng lì! Đó là trường hợp mắc hội chứng Poland. Nhiều khi cả hai bên cùng phẳng lì như nhau!

Ngược lại, không bơm, không độn mà tự nhiên tòa thiên nhiên cứ ngạo nghễ với non sông. Ngạo nghễ một cách quá đáng. Kể cũng phiền! Một em bé 15 tuổi ở Sài Gòn bị tuyến vú phì đại vì xáo trộn bất thường về nội tiết tố. Ngực em cứ to dần cho tới... 15 kí! Đây là trường hợp đặc biệt vì thường chỉ phì lên tới 1,2 kí hoặc 1,5 kí thôi. Nhưng tại bệnh viện Saint Paul ở Hà Nội, các bác sĩ đã giải phẫu một bệnh nhân 26 tuổi, sau khi sanh, tuyến vú cứ phình lên. Chỉ trong vòng sáu tháng đã đạt tới kích thước dễ nể: nặng bốn kí và dài nửa thước! Trái mướp này nằm trải dài xuống tới quá rốn.

Con cháu bà Triệu có khác! Nói cho vui vậy thôi chứ bà Triệu của chúng ta đã bị mấy anh ba nói... ẩu. Bị thua trận vì một nhi nữ, các anh Tàu căm giận bịa ra chuyện ví của vị nữ anh thư đất Việt dài tới... ba thước! Thực ra vào thời đó, theo phong tục tập quán, phụ nữ thường phải quấn vải cho vòng số 1 không vươn lên được. Có lẽ bà Triệu của chúng ta, vì là con nhà võ nên vóc vạc to lớn hơn người, ngực chắc cũng nhỉnh hơn thường tình chút ít. Các anh xâm lược bị bà đuổi chạy có cờ nên phóng đại lên cho đỡ quê. Làm như bà không phải là người mà là... con ma vú dài trong khám Chí Hòa vậy!

04/2007

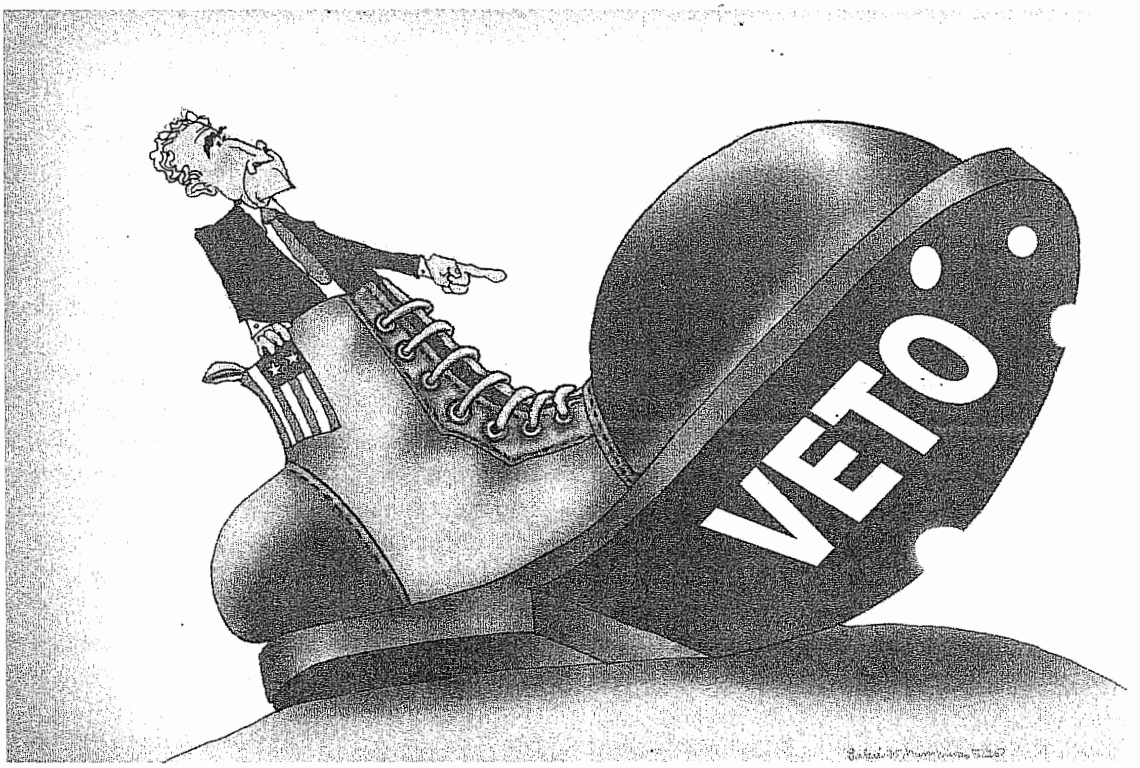

TẮM

Bon chen cho lắm, tắm cũng cởi truồng! Câu nói này không phải của tôi mà là của dân gian. Dân gian nói thì thường phải trúng. Cái vụ tắm táp này thì trúng đứt đuôi rồi khỏi phải bàn ra tán vào lôi thôi. Nhìn quanh, chúng ta thấy có

nhiều vị lúc nào cũng cho là mình quan trọng, com-lê cà vạt suốt ngày đêm. Khi đi ngủ họ có cởi bộ đồ lớn ra không thì tôi không biết nhưng khi tắm chắc chắn phải rũ bỏ mọi sự. Để châm chọc những nhân vật quan trọng này, chúng tôi thường giễu là chắc khi đi tắm họ cũng vẫn mặc đồ lớn!

Thực ra đồ lớn đồ nhỏ gì, tắm là cứ phải tô hô hết! Tô hô như vậy không nên để ông mặt trời nghía vào. Phải cửa đóng then cài, một mình mình biết một mình mình hay. Ai lại như cái ông tinh nghịch nhất nước Trạng Quỳnh. Thấy bà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đang dội nước trong nhà tắm lại đòi gõ cửa vào... tham quan. Dĩ nhiên bà nữ sĩ đâu có cho coi *free* như vậy được. Bà ra điều kiện. Nếu đối được câu đối bà ra thì... mãn nhãn. *Da trắng vỗ bì bạch.* Đối đi! Trạng Quỳnh chịu thua. Miệng chưa mở được thì cũng đừng đòi mở mắt! Nhiều chục năm sau, đồn rằng có người đối được câu đối này. *Trời xanh màu thiên thanh.* Vế đối khá chỉnh. Chỉ có một điểm chưa được là từ "vỗ" là một động từ trong khi từ "màu" không phải động từ. Nhưng nếu bà nữ sĩ họ Đoàn có dễ dãi OK thì chắc cũng chẳng có chuyện gì xảy ra. Thứ nhất là vì người đối được là một nhà sư. Thứ hai là thời gian đối đã cả trăm năm sau khi vế đối được ra. Vậy nên, thứ nhất bậc tu hành chắc cũng không có nhu cầu... mặn mà cỡ đó. Thứ hai, là lúc đối được mà bà Đoàn có gật đầu thì cũng chẳng còn gì đáng xem!

Tắm thường chỉ một mình. Tắm hai mình có thể nguy hiểm. Nguy hiểm cỡ nào thì tùy tình huống. Tắm với bồ nguy hiểm một cách. Tắm với vợ nguy hiểm cách khác. Tắm... hơi có lẽ nguy hiểm hơn cả. Hết hơi như không! Tôi không có tính cường điệu nên không hư cấu được chuyện chết người này. Đành phải dựa vào tin tức. Chuyện sau đây xảy ra vào chiều ngày 4 tháng 3 vừa qua ở Hạ Long, một địa điểm du lịch ở miền Bắc nước ta. Anh Đào Ngọc P. , 39 tuổi, vào phòng xông hơi với một nữ tiếp viên tại nhà hàng Cây Cọ. Một tiếng đồng hồ sau vẫn chưa thấy họ ra, nhân viên nhà hàng mới vào coi sự tình. Họ phát hiện ra cả hai người đã chết ở tư thế ngồi trong bồn tắm mà trên người không một mảnh vải che thân! Các chuyên gia pháp y khám nghiệm hai tử thi đã cho biết là không có nước trong phổi và trên người không có dấu vết thương tích hoặc phù sưng. Chỉ có tắm thôi mà chết, không hiểu tại sao.

Phòng tắm dùng để tắm. Ai chẳng biết vậy! Biết như vậy không chắc là đúng. Từ sau ngày Sài Gòn đổi tên, rất nhiều phòng tắm, nhất là trong các chung cư, trở thành chuồng heo! Đổi đời, phòng tắm đổi nhiệm vụ, quay một góc 180 độ, đang từ một nơi giữ vệ sinh thành một nơi thiếu vệ sinh nhất. Một anh năn nỉ bạn:

"Anh làm ơn giúp tôi một tay khiêng con heo này về nhà tôi với!"

"Để làm chi vậy?"

"Tôi sẽ mang nó bỏ vào trong phòng tắm."

"Anh định nuôi heo trong đó à?"

"Không! Chỉ để trả thù vợ tôi!"

"Chuyện chi lạ vậy?"

"Chẳng là bà ấy luôn tự hào là cái gì cũng biết cả. Tôi vừa nói giá xăng lên. Bà ấy liền bảo biết rồi. Tôi nói chuyện thảm sát trong trường học ở Mỹ, bà ấy cũng bảo biết rồi."

"Chuyện ấy có liên quan gì tới con heo này đâu?"

"Liên quan chứ! Tôi bỏ con heo này vào phòng tắm. Chiều nay, bà ấy về nhà thế nào cũng chui vào phòng tắm trước. Bà ấy sẽ chạy ra và la lên với tôi; 'Có con heo trong phòng tắm.' Tôi khẽ quay đầu lại, nhẹ nhàng nói: 'Biết rồi'!"

Bà vợ này phải là người thích tắm nhưng chắc chắn bà không hơn được ông bạn nhà thơ Trang Châu của tôi. Đi chơi xa với Trang Châu cứ chóng mặt vì sự vào ra phòng tắm của chàng. Trong cuốn bút ký "Về Biển Đông" thuật lại cuộc đi vớt người tị nạn vượt biên vào năm 1988, chuyện tắm táp chiếm khá nhiều chỗ trong cuốn sách. Cứ vài trang sách, ông ấy lại tắm. Tắm từ Phi Luật Tân tới Singapore! Xuống tàu, nơi nước ngọt bị hạn chế, ông ấy cũng vẫn cứ say mê chuyện tắm như thường! *"Mỗi ngày, mỗi người chỉ được tắm một lần và chỉ được mở hai lần nước: lần đầu để dội cho ướt người, sau đó thoa xà bông và lần thứ hai dội cho sạch xà bông, mỗi lần lâu không quá một phút. Quần áo phải dùng ngay nước tắm để giặt."*

Ông Trang Châu tắm nhiều nhưng có biết tắm không? Tắm có gì khó mà biết hay không biết. Cứ dội nước ào ào, thoa xà bông, kỳ cọ, rửa sạch xà bông, lau khô người là xong chứ gì! Không dễ dàng như vậy. Theo các chuyên viên thẩm mỹ thì tắm rắc rối hơn nhiều. Phải qua nhiều công đoạn. Trước hết phải dùng miếng sơ mướp hay bàn chải chà xát mạnh khắp thân người để giúp máu huyết lưu thông và tẩy sạch những chất dơ trên da. Tiếp theo là dùng đá bọt hay cọ rửa chân để tẩy đi lớp biểu bì

khô cứng trên da chân giúp làm mềm chân. Hơi nước nóng trong bồn tắm làm giãn nở các lỗ chân lông trên da mặt, nếu da mặt có những nốt mụn đầu đen thì lợi dụng sự giãn nở này để nặn mụn ra. Tắm xong, lau khô bằng cách chà xát mạnh trên khắp người cho máu lưu thông. Nếu trên người có những chỗ lông cần tẩy đi thì cần làm ngay lúc này. Vì sau khi tắm, da đã sạch, lớp tế bào chết đã bong ra, tẩy lông có kết quả hơn lúc khác. Xức kem dưỡng da khắp người để giúp da cân bằng độ ẩm cần thiết. Dưỡng da mặt với loại kem dùng cho mặt. Chót hết là làm móng tay, móng chân vì lúc này da mềm rất dễ cắt. Tuy nhiên không nên giũa móng tay móng chân vì sau khi bị ngâm trong nước, móng đã bị mềm, yếu, không chịu nổi lực ép.

Tắm đúng qui cách nó rắc rối như vậy, mất công lắm. Chắc chỉ dành cho quí bà rỗi rãi. Đàn ông chúng tôi chắc không ai muốn tắm táp nhiêu khê như vậy. Tắm chỉ có nghĩa là mở vòi hoa sen ào ào như tập trận là xong.

Ta cởi quần áo
Ta vặn nước
Nước chẩy từ đầu đến chân
Ôi khoái,
Nước chẩy từ trời
Chẩy từ Hoàng Hà
Chẩy từ mây
Từ núi cao
Từ suối
Từ sông
Bây giờ đến
Đến tóc
Đến vai
Đến lưng
Đến bụng
Đến những chỗ đó
Đến những nơi em gọi là mặt trời
Đến những nơi em gọi là muông thú.
(Nguyên Sa)

Tắm ào ào như vậy sảng khoái biết bao! Nước sông nước suối chẳng mất tiền mua. Cô đào Angelina Jolie nổi tiếng vì đã lãnh giải Oscar nhưng cũng nổi tiếng sau khi nhận nuôi chú bé Thiện của Việt Nam thì lại phải bỏ nhiều tiền ra để tắm. Vào cuối tháng giêng năm nay, cô trả 700 đô thuê một phòng tại khách sạn Shutters, một khách sạn loại xịn bên bờ biển ở Santa Monica, California , trong có hai tiếng đồng hồ chỉ để cùng cậu con trai nuôi Maddox vào tắm một cái rồi... *check out*! Điều lạ là cô có hai căn biệt thự tại ngay chính thành phố Santa Monica này!

Cái ngông của cô đào chiếu bóng Mỹ này nhắc người ta nhớ tới những màn tắm trong phim ảnh. Tắm là một thủ thuật câu khách trong nghệ thuật thứ bảy. Muốn cho phim ăn khách cứ cho nhân vật nữ vào phòng tắm là tiện nhất. Trong các phim nghệ thuật thì cảnh tắm thường có công dụng và cần thiết cho diễn biến của phim. Còn tắm chỉ có mục đích cho khán giả mãn nhãn trong các phim thương mại thì các diễn viên cứ cởi lia chia trong phòng tắm. Dĩ nhiên phải là các nữ diễn viên. Nam diễn viên chẳng bao giờ cần tắm cả! Tắm trong các phim sản xuất ở Việt Nam được coi như... truyền thống. Nếu có cảnh bộ đội hành quân trong rừng vắng thì thế nào cũng gặp một vài cô sơn nữ khỏa thân tắm trong dòng suối. Cái sự tắm táp đó có tác dụng gì trong diễn tiến của phim hay không thì bất biết. Miễn là... phơi ra! Đến cụ Đồ Chiểu cũng không được tha! Không, cụ Đồ Chiểu thì không cần tắm nhưng cô Kiều Nguyệt Nga (*Khoan khoan ngồi đó chớ ra / Nàng là phận gái ta là phận trai*) màn buông trướng rủ là thế mà cũng phải tắm suối trong phim Lục Vân Tiên. Nữ diễn viên trong vai Kiều Nguyệt Nga phần đầu đã phải khỏa thân lội suối cùng cô tỳ nữ Kim Liên chính là hoa hậu Hà Kiều Anh. Còn cuốn phim "Chuông Reo Là Bắn" được trình chiếu trong dịp Tết năm nay thì khỏi nói. Các nữ diễn viên tắm rửa liên miên rất ư là sạch sẽ. Một bạn trẻ đã đưa lên *blog* lời bình phẩm như thế này: "Điểm đặc biệt của phim này là rất nhiều cảnh diễn ra trong bồn tắm. Mưu kế được nghĩ ra trong bồn tắm, hả hê cũng trong bồn tắm, nói chuyện điện thoại cũng phải leo vô bồn tắm ngồi mới nói được. Sự tức giận, bất lực, thất vọng cũng ở trong bồn tắm. Chết cũng phải trần truồng mà chết trong bồn tắm!"

Những tia nước
Tỏa từ cái búp sen
Vuốt ve thân hình em
Tinh khiết
Ngày im lắng
nghe chiếc kim gõ nhịp
Từ chiếc đồng hồ trên vách
gõ theo trái tim
lăn trên da em
mảnh xà bông mềm
tiếng bọt vỡ như lời thầm thì của biển
bông nở đơm trên làn da lãng mạn
Cõi hồn anh phấp phới tưới nhụy hoa.

Tôi chưa có dịp hỏi nhà thơ Quan Dương xem

những câu thơ trên có phải được làm trong lúc ông đang tắm không. Bởi vì phòng tắm là cái nôi của những ý tưởng. Đã nhiều lần, đang hồi bí không biết cho nhân vật trong truyện hành động ra sao để đẩy câu chuyện đi, tôi đã cầu cứu tới phòng tắm. Thường thì rất được việc. Trong khi tắm những ý tưởng lạ bỗng nảy ra. Hình như sự tự do tuyệt đối của con người trong lúc thân thể không bị ràng buộc quần áo, đầu óc đang được những tia nước xối xả kích thích đã làm nảy sinh ra những suy nghĩ khác lạ. Tôi nghĩ là rất nhiều bạn văn thơ của tôi chia sẻ được kinh nghiệm này. Anh Don Ha là một nhà địa ốc, 38 tuổi, sinh sống tại Nam Auckland, Tân Tây Lan, chẳng viết lách gì nhưng cũng nảy ra được những quyết định mới lạ trong khi tắm. Anh vừa làm mọi người tá hỏa vào cuối tháng giêng năm nay khi quyết định bỏ ra hai triệu đô để mua một chú ngựa đua. Đây là con ngựa đua đắt giá vào hàng thứ ba trong lịch sử ngựa đua của Tân Tây Lan từ trước tới giờ! Kỷ lục thuộc về con ngựa Don Eduardo được mua với giá 3,6 triệu đô vào năm 2000, thứ nhì là con Saperavi được mua với giá 2,2 triệu đô vào năm ngoái, 2006. Giữa một đám đông nhốn nháo suýt soa vì cái giá kinh khủng mà một anh di dân gốc Việt vừa đặt, anh ký giấy tờ và cho biết là anh nảy ra ý nghĩ mua chú ngựa đua này trong lúc tắm! Anh Ha giải thích thêm: " Đa số các ý tưởng có tính cách đột phá táo bạo của tôi đã diễn ra khi tôi đang đứng dưới vòi sen."

Chẳng đứng dưới vòi sen nhưng cũng có những ý tưởng khác người là bà Bille. Bà người Đức vô gia cư, vô nghề nghiệp, 44 tuổi xanh này nhất định chỉ tắm tại các vòi nước công cộng. Khi tắm dĩ nhiên là bà nhông nhông tấm thân 136 kí giữa bá quan thiên hạ. Nhiều thịt không phải là ưu điểm khi trình diễn dưới mắt người khác nhưng cũng sốn mắt người qua đường. Cảnh sát Munich đã 21 lần ghi giấy phạt bà nhưng bà cứ tỉnh bơ mang đầy đủ xà bông, dầu gội đầu ra tắm trước mắt mọi người. Đưa bà vào các trung tâm dành cho người vô gia cư để tắm, bà không chịu. Munich hiện có tới 183 vòi phun nước công cộng. Tha hồ mà tắm táp!

Cái vụ tắm ngoài trời của bà Bille coi bộ được. Nhưng tắm ngoài trời ở cái tuổi 44 coi bộ không được. Cứ nhỏ nhít như những lần tắm mưa ngày bé của chúng ta mới thần tiên. Con trai con gái cứ nhông nhông chạy ra sân cho những giọt mưa lạnh quất xuống người. Cơn mưa của đất trời như những ân sủng làm thơm thêm chùm kỷ niệm ngây thơ. Có ai tắm mưa ngày thơ mà quên được những kỷ niệm một thời tuổi nhỏ. Ông bạn Luân Hoán của tôi thì nhất định không quên. Ông ấy nhớ kỹ lắm.

nhớ xưa, hồi mới lên mười
chiều chiều mưa tạt thềm mời tắm mưa
chạy ra ngõ rợp tàu dừa
vuốt đầu, vuốt mặt, thì vừa gặp em
tóc tơ đã ướt chềm nhềm
hai bàn tay bụm cái thềm tinh hoa
em lên sáu, bảy, thôi mà
sao hai con mắt tôi đà xốn xang?
mười năm sau, trở về làng
mưa, chiều, tôi núp dưới hàng keo xanh
em không tắm nữa, đã đành
cõi xưa, nhìn trộm, để dành cho ai?

Em không tắm nữa vì tổng ngồng ngoài trời ở cái tuổi tổng ngồng rồi coi sao tiện. Nhưng ở Việt Nam bây giờ người ta sống không có tuổi. Lớn sầm đầu như sinh viên mà vẫn cứ trai gái thản nhiên tụm ba tụm bảy tô hô tắm hồ. Tắm như vậy gọi là... tắm tiên. Tắm tiên là tắm tổng ngồng giữa trời coi những cặp mắt của thiên hạ như... nơ pa! Ngay sát nách Sài Gòn, tại huyện Dĩ An, có những hồ Bãi Tràm hay Hồ Đá 621 do những mạch nước ngầm chảy vào những hố do những người khai thác đá bỏ lại tạo thành. Cảnh vật nơi đây rất lãng mạn, tình tứ và im ắng. Chiều chiều sinh viên nam nữ thường rủ nhau ra tắm tiên. Nam cũng như nữ, không một mảnh vải che thân, từng cặp giỡn nước thoải mái, giặt giũ tự nhiên. Tắm xong, họ chở nhau vào sâu phía trong, nơi vắng người, ôm ấp và quấn vào nhau giữa sự chứng giám của đất trời!

em bơi nghiêng cọng hoa
em lặn chao mặt nước
gió chiều vàng xuýt xoa
làm sao không mơ ước?

lòng trải cùng nước xanh
tình nở như hoa súng
đất trời nào rộng bằng
trái tim đang chín ửng

yêu em yêu dòng sông
yêu em yêu bờ cát
em lội qua mấy dòng
cả dòng thơ bát ngát
(Luân Hoán)

Tắm như thế mới là tắm chứ!

04/2007

Website: www.songthao.com

THANH NAM

VÕ PHIẾN

LTS. *Ngày giỗ của nhà văn Thanh Nam vào tháng Sáu, nhân dịp này Thế Kỷ 21 đăng bài viết về Thanh Nam của nhà văn Võ Phiến và một số bài khác để tưởng nhớ ông.*

Nhà văn Thanh Nam

Thanh Nam tên thật là Trần Đại Việt, sinh ngày 26-8-1931, di cư vào Nam trước hiệp định Genène 1954. Ông kết hôn với nữ văn sĩ Túy Hồng, và cùng Nguyên Sa chủ trương tạp chí Hiện Đại ở Sài Gòn.

Sang Hoa Kỳ năm 1975, ông đã cùng nhà văn Vũ Đức Vinh chủ trương tờ Đất Mới, tạp chí Việt ngữ đầu tiên của người Việt lưu vong tại Tacoma, tiểu bang Washington. Ông mất tại đây ngày 2 tháng Sáu, 1985.

Các tác phẩm của ông: Hồng Ngọc (1957), Người nữ danh ca (1957), Giấc ngủ cô đơn (1963), Buồn ga nhỏ (1963), Còn một đêm nay (1963), Bầy ngựa hoang (1965), Giòng lệ thơ ngây (1965), Những phố không đèn (1965), Mấy mùa thương đau (1968)...

Thơ Thanh Nam? Đối với đa số độc giả, đó là chuyện mới lạ trong bao nhiêu cái mới lạ, bất ngờ, xảy ra sau cuộc đổi đời tháng 5-1975. Trước, ở Việt Nam độc giả chỉ biết có một Thanh Nam tiểu thuyết gia thôi.

Tuy vậy, đối với những bạn bè thân với ông từ lâu thì thơ Thanh Nam là chuyện không có gì để ngạc nhiên cả. Đêm 28-5-1983, tại Seattle, trong dịp ra mắt tập *Đất khách*, ông Vũ Đức Vinh đã cho biết từng đọc thơ Thanh Nam từ năm 1946. Bấy giờ Thanh Nam mới mười lăm tuổi.

Làm thơ mà không chịu chuyên về thơ, không muốn xuất hiện với đời như một thi sĩ, cái đó — dù mới lạ hay không mới lạ — cũng là chuyện đáng ngẫm nghĩ. Thanh Nam thuộc về hạng người xem viết văn là viết cho người thiên hạ, mà làm thơ là để riêng mình. Viết văn là việc làm đều đều mỗi ngày, là nghề nghiệp, là sinh kế, là sự nghiệp công danh, là chuyện hơn thua với đời; văn là cái để đem ra lôi cuốn quần chúng, để thu hút cảm tình v.v... Còn làm thơ, là cái chỉ để "ngôn chí."

Làm thơ ư? Một năm một lần, vài năm một cơ hội, họa hoằn, khi tỉnh rượu lúc tàn canh, hoặc mình đối diện với mình hoặc trong chỗ bạn bè tâm đắc đôi ba kẻ, mới phóng tay viết một câu. Viết cho mình, cho bạn. Viết chơi, ngâm nga chơi, rồi bỏ đấy. Tiện thì đăng báo, rồi quên đi, chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện in thành sách, làm thành tác phẩm. Như thế cho đến một lúc nào đó trong đời, bỗng dưng...

Bỗng dưng mà Cao Tần in thơ, mà Mai Thảo in thơ, mà Nghiêm Xuân Hồng in thơ v.v... Và Thanh Nam in thơ.

Đấy, Thanh Nam không phải là trường hợp duy nhất, cho nên nói ông thuộc về "một hạng người." Hạng người ấy chờ đến "một lúc nào đó" mới sực nghĩ tới việc in thơ. Trong trường hợp này, lúc đó là cái lúc "đổi đời." Sau 1975, sau cuộc di cư sang Mỹ, thơ văn không còn là hoạt động nghề nghiệp nữa, là sinh kế, là công danh nữa, chẳng qua là "ngôn chí" cả. Cộng đồng di dân là bạn bè "cùng một lứa bên trời" với nhau, thì "ngôn chí" sao chẳng cho nhau nghe?

Thơ như thế không là món hàng văn nghệ. Thơ như thế, nó là tâm sự, là can tràng. Cho nên chất chứa chân tình.

Nhờ cái chân tình ấy, những bài thơ rất "cũ" của Thanh Nam đọc không thấy sáo, lại có sức truyền cảm. Thơ Thanh Nam cũ ở thể điệu, cũ ở lời lẽ, cũ luôn ở các chủ đề. Ông làm một ít bài lục bát, mấy bài hành... vậy thôi. Lời lẽ có hơi hám tiền chiến, chẳng "hôm nay" tí nào. Còn chủ đề? Ở đây chúng ta nói về những bài thơ trước 1975, nhưng thực ra trước hay sau, chủ đề của ông không thay đổi mấy: tình bằng hữu, rượu, phiêu dạt, tuổi tác, sòng đời, tuồng đời...

Nói chung, từ ngôn ngữ đến đề tài, có lúc

ông gợi nhớ đến Vũ Hoàng Chương, thường khi đến Nguyễn Bính. Thanh Nam than với con:

Tiếng bạc đời cha gieo đã lỡ
Chiều tà không gỡ nước cờ sai.
('Bài hành đón tuổi bốn mươi')

thi sĩ Vũ Hoàng Chương bảo:

Ngoài ba mươi tuổi duyên còn hết
Một ván cờ thua ngã bóng chiều.
('Ngoài ba mươi buổi')

và Nguyễn Bính cũng từng kêu:

Trôi giạt dám mong gì vấn vít
Sòng đời thua nhẵn cả thơ ngây.
('Trời mưa ở Huế')

Cái trôi giạt ấy của Nguyễn Bính ứng chiếu với cái phiêu bạt của Thanh Nam:

Mười lăm năm đó từ phiêu bạt
Đứa vợ con yên, đứa lạc loài.

Bài 'Hành phương Nam' của Nguyễn Bính mở đầu bằng én nhạn:

Hai ta lưu lạc phương Nam này
Đã mấy mùa qua én nhạn bay.

thì bài hành đón tuổi của Thanh Nam cũng tung én nhạn ngay từ đầu:

Én nhạn về Nam xuân rồi đây
Chợt thèm ly rượu, chút mưa bay...

Có phải vì tương đắc với Kiên Giang ở chỗ cùng thích Nguyễn Bính mà Thanh Nam đã đề tựa cho một thi tập của Kiên Giang? Cùng thích Nguyễn Bính, nhưng giống thì Kiên Giang giống ông Nguyễn Bính của giai đoạn đầu, Nguyễn Bính lục bát, chân quê; còn Thanh Nam thỉnh thoảng phảng phất cái cốt cách hào sảng của Nguyễn Bính thất ngôn, cổ phong, Nguyễn Bính của giai đoạn những bài hành.

Thanh Nam không có ý định nói gì khác lạ, không có cố gắng tìm cái độc đáo. Trông ông không lạ mắt, không khác ai, vậy mà ông vẫn là ông, không lẫn với ai. Bởi vì ông chân thành, đôn hậu.

Có lần viết về Vũ Hoàng Chương, trên tạp chí *Đuốc Tuệ* (Hoa-thịnh-đốn, tháng 10-1976), Thanh Nam bảo khi được biết rằng ông Vũ Hoàng Chương uống rượu thì "tôi lại càng khâm phục Vũ Hoàng Chương thêm nữa (...) Ai có thể ngờ nổi một người chưa bao giờ uống một ngụm rượu nào mà làm nổi những câu..." Vũ Hoàng Chương quả có những câu say ngả nghiêng tuyệt vời đáng khâm phục lắm. Và giá Thanh Nam có đọc thơ say của Hoàng Hương Trang chắc chắn ông càng khâm phục gấp mấy.

Riêng phần ông thì Thanh Nam uống rượu đều đều (trong thơ), thậm chí uống cả khi ru con:

Lại đây con nhỏ, con yêu dấu
Bố uống cho con ly rượu này.
.....
Ngủ đi con, ngủ đi yên giấc
Cha ru con bằng hơi rượu say.

Uống thế mà không thấy Thanh Nam say sưa, càng không say đến nỗi tung hê cả xiêm y, đến nỗi nổi lửa đốt tơi bời mái tây của ai... Vũ Hoàng Chương tưởng tượng say, và tưởng tượng đốt nhà, rồi lại đòi "nghiêng chân rốn bể mà xem lửa bùng." Ối! Thanh Nam không phải là người thích to chuyện như thế. Ông rỉ rả thôi, giản dị thôi, cho nên ông nói gì ta tin nấy. Ông nói uống rượu, ta tin là ông đang uống, uống liên miên, mỗi câu mỗi uống ('Đêm cuối năm uống rượu một mình'). Ông nói buồn, ta thấm buồn ngay:

Rượu mời ta rót cho ta
Bạn gần không tới, bạn xa chưa về
Rót nghiêng năm tháng vào ly
Mắt nheo bóng xế, tay che tuổi buồn.

Có gì đâu: rót rượu, nheo mắt, che tay, vậy thôi.

Ông nói phiêu bạt thì đời ông quả có hai lần phiêu bạt lớn. Và khi ông nói đến bằng hữu thì ta tin ngay vào những giao tình đậm đà, thắm thiết. Ông không phải người vui miệng nói ngoa, không phải kẻ gặp ai quàng vai bá cổ đấu hót tùm lum trong chốc lát rồi quên nhau. Nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh có dịp nhắc đến mối tình bạn trong sạch giữa ông, Thanh Nam, và Thanh Nga: trong nhiều năm trời đêm đêm ba người bạn chí thân, (sau khi tan buổi hát của Thanh Nga) cùng ăn uống trò chuyện có khi đến sáng. Nhà văn Vũ Đức Vinh kể lại câu chuyện ít tháng trước khi Thanh Nam qua đời bốn nữ danh ca Việt Nam từ các tiểu bang xa xôi bay về Seattle, đến tận giường bệnh của ông trong nhà thương, nâng Thanh Nam dựa vào thành giường để các nàng hát riêng cho nghe những bài bình sinh ông thích nhất; nhà văn ấy cũng kể lại chuyện bạn bè nườm nượp tại nhà Thanh Nam ở Sài Gòn và ở Seattle v.v...

Con người mến bạn và được bạn bè yêu mến rộng rãi ấy, khi qua đời đã làm ông Đặng Tiến kêu than: "Thanh Nam mất đi, nhiều đứa viết văn trong bọn chúng tôi thấy bản thân mình như mất đi một chút nhân hậu, một chút tư cách." (Tạp chí *Đoàn Kết*).

Cái nhân hậu ấy là nét đẹp của con người, mà cũng là của thơ Thanh Nam. Nhân hậu không cần thứ nhân hậu "mới".

7-1993

BÀI HÀNH ĐÓN TUỔI BỐN MƯƠI

THANH NAM

Ên nhạn về nam xuân rồi đây
Chợt thèm ly rượu, chút mưa bay...
Gọi về trong đáy hồn lưu lạc
Những bước chân xưa nhạt dấu giày

Bạn cũ hãy nương theo rét lạnh
Về đây cùng nhập một cơn say
Uống ly thứ nhất mừng tao ngộ
Cho tiếng cười lên vỡ tháng ngày

Vào cuộc hành hương tìm gặp lại
Cõi trời xanh biếc tuổi thơ ngây
Trong veo cặp mắt chưa vương bụi
Chân chiếu còn thơm ngát mộng trai

Chí lớn chia nhau đầy gác nhỏ
Bụi hồng chưa khiến tóc xanh phai
Đồng tiền mừng tuổi ngày nguyên đán
Canh bạc đời chưa lột trắng tay

Dăm bảy lòng sông ôm biển cả
Coi đời dưới mắt nhẹ không ai
Còn mê nhập cuộc sầu chưa bén
Thân thể chưa đau cát bụi này

Gió nổi mười phương trời buổi đó
Với ngày như lá tháng như mây
Lầu sương từng buổi đùa nhan sắc
Gấc ngủ thềm khuya rộn tiếng hài

Chiều xuống đã nghe lòng rộn rã
Gió lên hồn ngỏ phố vui mời
Ca trường, hí viện, xuân như hạ
Đời thả trôi vào nhịp phách lơi

Lãng đãng khói sương trời tưởng nhớ
Ly này xin cạn hết chua cay
Mười lăm năm đó từ phiêu bạt
Đứa vợ con yên, đứa lạc loài

Viết mướn đã bao thằng mệt mỏi
Sang giàu đếm được những ai đây?
Lưới đời chân đã bùn nhơ vướng
Mắt vẫn trời cao rướn cánh tay

Cuộc chiến nay chừa dăm bảy mạng
Thôi thì rượu đó, uống cho say
Rót thêm ly nữa chào năm cũ
Tuổi bốn mươi rồi, thương lắm thay!

Lận đận lý nào theo trọn kiếp
Tối tăm không lẽ mãi đêm dài?
Niềm thê nhi đó giờ yên phận
Nợ áo cơm này nặng trĩu vai

Năm tháng sức trai mòn mỏi mãi
Nụ xuân đời đã lánh tầm tay
Vở tuồng nhạt nhẽo màn chưa hạ
Vai kép buồn kia vẫn giễu hoài

Nhìn lại trời xuân vừa khép kín
Thơ hồng, tuổi ngọc tiếc thương ai...
Nghiêng chai, thêm một ly này nữa
Trên vách sầu ta đổi bóng gầy

Chợt tiếng con thơ cười lảnh lót
Nhìn con, lòng bỗng thấy xuân đầy
Lại đây con nhỏ, con yêu dấu
Bố uống cho con ly rượu này

Ly rượu mừng con tròn mộng đẹp
Niềm vui hoa nở tháng năm dài
Ngủ đi, con hỡi mai khôn lớn
Đời sẽ bình yên không lửa gai

Trong vắt hồn con nguyên khối ngọc
Lượng xuân đời chẳng khép vòng tay
Nhìn con giây phút lòng tan biến
Những chuyện ân thù, những đắng cay

Tiếng bạc đời cha gieo đã lỡ
Chiều tà khôn gỡ nước cờ sai
Trắng tay nhìn lại còn con đó
Hy vọng đời cha mẹ kiếp này

Tăm tối căn phần cha đã chịu
Cánh hồng con hẳn sẽ xa bay
Ngủ đi con, ngủ đi yên giấc
Cha ru con bằng hơi rượu say

Cha ru con bằng lời thống khổ
Trong nhục nhằn mê sảng đêm nay
Chếnh choáng lòng khuya men đã ngấm
Nghe ngoài đêm tối tiếng mưa rơi

Vọng lời xao xác hồn năm tháng
Chuyển nhịp mùa xanh lại đất trời
Bắt chước cổ nhân nâng chén rượu
Mừng xuân thay áo mới cho đời
Mười năm thêm một bài thơ nữa
Viết tặng riêng mình tuổi bốn mươi...

Sài Gòn 1970

NGHÌN TRÙNG
Thanh Nam

TÚY HỒNG

Tôi xin cảm ơn Tòa Soạn Thế Kỷ 21 đã tưởng niệm Thanh Nam trong số báo này.
Túy Hồng

Thành phố Ramsey khốn khổ ngâm lạnh. Bầu dưỡng khí chúng tôi đang thở toàn một màu xám chì. Lề đường, cột điện đóng tuyết buốt băng, hàng cây cao cố gắng đứng thẳng. Thời gian lo âu thở dài. Gió thổi thốc ngược từ dưới lên đập mạnh vào hông nhà. Trời màu lam tê tái, mây màu lưu huỳnh, giá băng đóng trên mặt đường màu trắng. Không một con chó nào dám xông ra khỏi nhà đi đêm, không một con mèo nào nhẩy lên mái ngói gào kêu. Khi chúng tôi theo họ đạo đi lễ về thì tấm khăn len choàng cổ Thanh Nam đóng băng và hơi thở chàng nặng.

Trước khi đi nhà thờ, Thanh Nam đã nướng sẵn trong lò sưởi một viên gạch để khi trở về sẽ gói vào tấm vải len cho vào mền. Mấy thằng con kêu: "nóng quá bố ơi!" rồi chúng đạp tung tấm chăn xuống thảm.

Năm 1975 tị nạn trên đảo Guam, Thanh Nam đã kêu đau cổ vì bị một vết xước bên trong cuống họng ngày nào cũng ho. Chàng giải thích: "Anh ho từ cổ trở lên, chứ không phải từ phổi bật ra. Đau cổ không sao, đau ngực mới đáng sợ."

Khi ra trại, Thanh Nam không uống nước cam được nữa, chàng nhăn mặt khi nhìn trái chanh chua. Rượu chát ấm cổ chàng nhâm nhi mỗi ngày, bia và thuốc lá thì không làm sao bỏ được!

Đầu tháng tư 1976, chúng tôi nói "Amen" với họ đạo rồi dời về Seattle. Thời tiết tây bắc hiền và bao dung kẻ nhát lạnh không như thứ khí hậu miền đông. Thanh Nam cười bảo: "Thời tiết Seattle chỉ lạnh chừng này thôi sao? Cửa sổ chỉ một lớp kính, ở New jersey, cửa sổ phải ba lớp dày, máy sưởi chạy bằng hơi nước phát ra tiếng ồn êm ái."

Về đất mới, Thanh Nam bớt ho và dễ thở hơn, mỗi ngày nhâm nhi rượu chát và tì tì nhậu budweiser. Và, chàng nhớ bia 33.

Nhưng sau chừng vài ba năm, Thanh Nam lại ho ra máu. Nhiều bữa tối, chàng không nuốt nổi miếng cơm kẹt nửa chừng trong cổ, phải uống nước đẩy xuống. Đi khám bệnh, bác sĩ cho uống trụ sinh thấy bớt. Khi cơn ho trở lại, cũng trụ sinh luôn. Lập đi lập lại nhiều lần, trụ sinh đâm nhờn. Bạn bè ai cũng khuyên nên đi rọi hình, thử test.

"Anh đau lâu quá rồi, phải đi bác sĩ ở nhà thương Mỹ."

"Ở Mỹ, sao không đi nhà thương Mỹ?"

Thanh Nam cãi: "Moa chắc là cổ moa bị nhiễm trùng, uống trụ sinh chắc sẽ khỏi."

Thanh Nam không đi nhà thương mà chỉ đi vào nhà bếp nấu phở.

Trên cổ chàng dần dần hiện ra những cục tròn nhỏ, từ từ lớn dần thành khối u. Cuối cùng, chị Lai Hồng khuyên được chàng và chở chàng đi khám bệnh.

Bác sĩ Faith giải phẫu cổ chàng, cắt bỏ ống nói và ống dẫn hơi rồi khoét một cái lỗ nhỏ cho chàng thở.

Dr. Faith giảng: "Loại cancer này sau khi giải phẫu thì thường khỏi bệnh, nhưng vì để lâu quá, bệnh đã lan ra những bộ phận khác. Nếu biết sớm, cắt bỏ đi thì tuy mất tiếng nói nhưng còn giữ được cái mạng."

Tôi đặt câu hỏi: "Chồng tôi có thể sống được bao lâu?"

"Several months."

"Nghĩa là bao nhiêu năm? Thưa bác sĩ."

" I don't know."

Chín năm chung sống ở Sài Gòn, Thanh Nam không phải là người chồng tốt. Chúng tôi lấy nhau có đám cưới nhưng không có hôn thú. Khi con gái đầu lòng học hết lớp mẫu giáo, chàng

mới chịu đóng tiền đút lót một ông lý trưởng ở Quảng Nam để ông ta cấp cho một tờ hôn thú lậu và làm giấy thế vì khai sinh cho con.

Giấy tờ giả làm xong, Thanh Nam nói: "Anh rất quý bạn bè bằng hữu. Giữa bạn và vợ, nếu bắt buộc phải chọn một, thì em là người anh bỏ."

Bạn hiền của Thanh Nam là tất cả đàn ông chàng đặt lòng thành và tình hiếu hữu. Khi đất nước còn chia đôi hai khối hận thù, miền Nam nằm dưới miền Bắc, chính quyền miền Nam cải tổ toàn thể cục diện, thành lập bộ chiêu hồi tượng trưng bằng một vòng tay ấm dang rộng ra để ôm lấy anh cán binh Việt cộng quay về chính nghĩa. Lòng Thanh Nam cũng bao la như cánh cửa chiêu hiền, cũng rộng mở như thùng thư trước ngõ mang tên số nhà chàng ở, cũng ấm như hộp P.O. Box. đặt trong sở bưu điện và nhẹ như con tem dán vào góc bì thư gửi tình theo gió mang đi.

Huy Quang VDV bảo:

"Nó với MT. chơi đêm ngủ ngày, một đằng thì uống bia, một đằng thì đánh bài, một năm dọn nhà bốn lần, vợ moa cấm moa chơi với hai tay này."

Nhà văn trẻ Nguyễn Thiếu Nhẫn cũng nói: " Có... có khi... hồi còn độc thân ở Sài Gòn, anh Thanh Nam tiêu nguyên một tháng lương vừa mới lãnh ra... trong... một đêm."

Tháng chạp năm 1966, tôi gặp Thanh Nam lần đầu và lấy chàng ngay trong ngày cuối tháng đó thì Thanh Nam đã là một lực sĩ đuối sức trên hai vòng đua tình và tiền.

Khi một phụ nữ gặp gã đàn ông chưa quá vài lần mà đã ngủ với hắn ngay và lấy hắn làm chồng liền, đó là hoả hoạn của tình dục, của hoang dâm bấy lâu đè nén đã thừa cơ bật dậy. Những cuộc hôn nhân vội vã như thế này thường xuyên có thể đưa đến đổ vỡ, nhưng Thanh Nam và tôi lì lợm chung sống với nhau hoài bên bầy con bốn đứa. Hôn nhân của chúng tôi đứt đôi vì có một cái chết.

Thanh Nam xoè bàn tay ra:

"Em ngửi tay anh có thơm mùi nho khô không?"

Những điếu thuốc lá Pall Mall nhẹ thơm mùi nho khô. Những ngón tay thuôn dài của Thanh Nam nám màu khói thuốc. Thanh Nam ngồi đâu thì chỗ đó tất phải có lon bia Hams và bao thuốc lá Pall Mall màu đỏ bầm.

Dr. Faith bảo: "Thuốc lá có thể gây ung thư cổ họng."

Đến với Thanh Nam trong tình yêu vỡ lòng là Hồng Ngọc, cô gái yểu mệnh chết non trước đợt di cư 1954. Hồng Ngọc là tên truyện viết đầu tay của Thanh Nam, người yêu nhỏ lìa đời trong tuổi thanh xuân 18, lúc dong chơi trên ngọn đồi cát màu vàng loãng, dưới hình mặt trời tròn như cái đĩa đồng và những khối mây lớn xù lông trắng đục.

Khi ung thư giết chàng lần mòn, Thanh Nam vẫn mộng thấy nàng:

Cùng với giá băng em trở lại.
Tóc xưa Hồng Ngọc thuở xuân nồng.
Thương yêu siết nhẹ vòng tay cũ.
Em gọi tình xa tỉnh giấc gần.
Thanh Nam.

Sàigòn cũng có những tháng ngày ướt mưa và sương rơi từ những đường thẳng trên cao xuống các mái tôn và ống máng trong hẽm dài, Thanh Nam khoác áo ra đi theo hướng ánh điện đỏ vàng dẫn tới rạp hát Bích Thuận lúc trên sân khấu người đẹp Bích Sơn đang diễn xuất một màn ca kịch bi thương, để đêm đó Thanh Nam về nhà rung đùi uống bia, đốt thuốc lá viết câu đối đăng lên báo Thẩm Mỹ:

" Kiều nữ Bích Sơn, nàng đứng nhìn gì trên núi biếc?"

Rồi mũi tên Cupid lại chỉ đường Thanh Nam đến một sân khấu vĩ đại hơn , một vòng quay ánh sáng chói mắt hơn, một đám đông xô bồ chen chúc người mộ điệu: Đoàn ca kịch Thanh Minh Thanh Nga. Chàng đã bứng cây si từ Kiều nữ Bích Sơn sang Kỳ nữ Thanh Nga, huy chương vàng quý báu nhất của miền Nam trái ngọt cây lành. Cải lương ngọt như sầu riêng, mít tố nữ, ổi xá lị, mãng cầu dai.

Trưa Lái Thiêu xưa vườn tiếp vườn.
Trĩu cành trái ngọt thở hương thơm.
Thanh Nam.

Hồi đó, nếu Sài Gòn là hòn ngọc Viễn đông thì Thanh Nga là một của những hòn ngọc Sài Gòn. Đêm đêm, nàng hát nhạc vàng, ca vọng cổ, đóng tuồng tích trên bục gỗ... nàng có một cuộc đời thật để sống và nhiều cuộc đời ảo cũng để sống... nàng có tiền , vàng, và nhà... Nhưng quả thật Thanh Nga là người nữ tù bị nhốt trên sân khấu, là Hằng Nga ngủ ngày, xa cuộc đời ,xa xã hội, nàng viễn mơ và viễn thị không mấy hiểu cuộc đời .Những lúc

không lên sân khấu, nàng đã đọc truyện tình do Thanh Nam viết và đọc những bài phóng sự kịch trường Thanh Nam đề cao nàng. Tình yêu quả có thật giữa họ. Thanh Nam, với công việc của một ký giả kịch trường, bao phen đã khó khăn xông vào bedroom của nàng để phỏng vấn viết bài cho báo. Thanh Nga ngay ngắn ngồi tiếp chàng trong chiếc kimono đẹp như tranh vẽ. Họ nhìn nhau qua khói ấm tách trà nhỏ.

Nay đã nghìn thu vào tĩnh mịch,
Những anh hùng cũ mỹ nhân xưa.
Thanh Nam

Khi còn ở quê nhà trước năm 1975, Thanh Nam đã phát hiện sở thích đi chợ mua đồ ăn. Mấy bà hàng xóm trong hẽm cụt Lý Thái Tổ thỉnh thoảng ré lên cười:

"Coi kìa! ông nhà báo đi chợ để vợ ở nhà."

"Đôi giày láng lườm của ổng dính dơ bùn chợ hết rồi! Coi coi... ông ta cố giấu bó rau muống trong túi ny lông nhưng cái bó muống nó dài quá, nó cứ thòi ra không thụt vào."

Ngày tháng êm trôi trước khi bệnh, Thanh Nam đi chợ không do dự, mỗi tuần lễ ba lần sau giờ làm việc cho báo Đất Mới. Hồi còn ở miền đông, ông bạn Trần Đình Hồng Lâm đã kêu: "Tính toa sao lạ vậy, chứ moa thì không thể nào muốn đi chợ chút nào hết!"

Tôi lắc xắc xen vô: "Safeway, Fred Meyer, Alberson... là những nơi chỗ vui chân mà Thanh Nam mến thích, còn tôi thì mỗi tuần lễ đi chợ một lần là quá cỡ!"

Ba thằng con trai cũng thường theo bố mẹ đi chợ hồi mới đến Seattle. Một sáng chủ nhật, Thanh Nam hối hả giục cả nhà đi Safeway mua xương bò nấu phở Bắc. Nấu phở mệt phờ người ra, nấu xúp bui-da-bét... lòng tôi cũng bét nát ra luôn với món xúp này... ai trong cái nhà này phải đứng nhặt giá, rửa rau, cắt củ cải, xắt hành, thái thịt bò, nướng gừng, luộc bánh phở và may một cái túi nhỏ xíu đựng gia vị phở Bắc quê hương... Khi công việc của người bếp phụ xong, đầu bếp chính Thanh Nam bước vào bên bếp điện, mở tủ lạnh lấy xương bò ra tắm rửa kỳ cọ, cắt bỏ mấy cục mỡ thừa vứt đi, rồi nêm vào thùng nước dùng ba muỗng nước mắm, một dúm bột ngọt, một cục đường phèn Quảng Nam, nửa cục đường phổi Quảng Ngãi!

Chàng phân tích: "Người Huế không nấu ăn ngon được vì họ ăn cay quá, nấu phở cần phải tận tình đứng vớt bọt, nhưng đừng vớt mỡ thẳng tay quá! Khi thưởng thức tô phở, em nên biết rằng phở cần chút nước béo, vài ba giọt sao óng ánh."

Cầm đôi đũa cả trở lát thịt xào lăn trên chảo mỡ, Thanh Nam bảo: "Ở Việt Nam, anh đã ăn cải làn, bí đao, bầu... Sang đây, anh không thể nào ăn zucchini và brocoli được. Ăn phải đúng cách, nấu phải đúng kiểu, món nào ra món đó."

Một chiều thứ bẩy trong Safeway thịt bò bán đại hạ giá, buy one get one free. Thừa lúc Thanh Nam mãi chọn mấy miếng thịt thăn, thịt mông, ba rọi... thằng con lớn đẩy xe đi chất hai két nước ngọt.

Thanh Nam nạt: "Không được mua nhiều nước ngọt như vậy."

Thằng bé vặn hỏi: "Tại sao không được hả bố? Coi! Bố mua bao nhiêu két bia kìa!"

"Bố lớn, mày nhỏ."

"Mình equal mà bố."

Tôi chen vào: "Mình bình đẳng mà bố."

Khi đồng hồ trong chợ chỉ đúng vào số 5 , thời gian ấm nhất của ngày, thằng con lớn đòi về nhà gấp, Thanh Nam bảo tôi gọt vỏ khoai tây, cắt thành khối vuông nhỏ để chàng làm mashed potatoes. Cao thủ đầu bếp trong ngôi nhà Lỗ Tấn này sở trường nhiều món chứ không phải một vài! Khoai tây nghiền bấy xong, Thanh Nam trộn thịt jambon vào rồi dùng thìa lớn múc ra bốn đĩa cho bốn đứa con đang há miệng như bốn cái mỏ hoét.

"Non quá bố ơi!"

Thanh Nam cười giỡn thằng Cu Tý: " Bố ngon mà con... À bố tên gì?"

"Xanh Nam!"

Thanh Nam quay lại bếp điện xúc thêm một đĩa khoai bấy đưa cho tôi:

"Em ăn đi."

Thứ bẩy tuần sau, trẻ con không chịu đi shopping với bố mẹ. Khi ở chợ về, tôi chạy vội vô nhà, vì mấy ngày trước, họ đạo ở miền đông điện thoại cho biết đã gửi hai thùng áo quần và đồ chơi cho trẻ con.

Thanh Nam khệ nệ xách hai túi đồ ăn từ xe vào bếp cất giọng cà khịa:

"Ra xe đem đồ ăn vào chứ em, em để một mình anh phải xách hai cái túi này nặng... nặng nặng... đựng hai ga lông sữa bò ở trong."

Ba thằng con vội chạy ra bê đồ ăn vào một phút xong ngay.

Ba năm trôi mau, vầng trăng chưa qua hết mấy chu kỳ sáng tối thì Thanh Nam vào bệnh

viện, mổ, khám và tái khám.

Sau cuộc giải phẫu rùng rợn, Thanh Nam vẫn gượng gạo khoẻ mạnh, bộ mặt thụng xuống dưới áp lực của ống nhựa, ống hút đặt trong mũi trong miệng.

Từ ngày mất tiếng nói , chàng viết: "Ngày xưa ăn chơi, sang Mỹ bỏ chơi chỉ còn ăn... Một thằng khoái ăn ngon như anh mà trời không cho đớp."

Rồi lại viết: "Cái khổ của kiếp người là chỉ có một đời để sống mà lại có quá nhiều đời khác để mơ."

Mỗi tuần lễ, Thanh Nam đều soạn sẵn một thực đơn:

_ Chủ nhật ngày 10 tháng 6: Cơm thịt bằm xào dưa leo hoặc cà chua nhồi thịt.

Canh sườn heo rau cải xanh, hoặc bí đao.

_Thứ hai ngày 11 tháng 6:

Gà nấu nấm ăn với cơm hoặc bánh mì.

Thứ ba :

Spaghetti ăn với sauce cà chua.

Gà nấu nấm (left over)

Thứ năm ngày mười bốn tháng sáu:

Phở.

Ngâm gạo nếp nấu xôi.

.....

.....

Thanh Nam đọc sách, ôm kinh Phật tụng âm thầm, cố gắng tập thể dục thực hành những lời thiền chỉ dạy. Hàng phục vọng tâm, an trụ chân tâm. Có những đêm thức giấc, đứng sau cửa kính mờ, Thanh Nam nhìn ra ngoài trời không trăng sao, có những ngày an phận nín câm, Thanh Nam đi tới đi lui, ngồi nằm... Có khi con cái tan trường về, Thanh Nam vui cười nấu ăn, coi tivi, lòng thư thái an lành như lá bạch dương êm ái chạm vào nhau khi có gió. Còn tôi ngồi bên cạnh, tôi nghe bộ tiêu hoá của chàng réo sôi ùng ục, đồ ăn cử động trong bao tử, chuyển từ ruột non tới ruột già xuống hậu môn. Bằng hữu đến thăm, gửi thư gửi thiệp chúc mừng. Thơ và văn, thiền và thuốc, và những cơn đau khủng khiếp vỡ đầu bể ngực từ cái ống nhựa đặt trong cổ thay thế cho thanh quản, khí quản gì đó phải cắt bỏ vứt đi, và từ những phản động hoá học của thuốc mê, thuốc tỉnh, thuốc viên, thuốc nước, thuốc bột, trụ sinh, an thần, morphine.

Thi sĩ Huyền Không, tức là Hoà thượng Thích Mãn Giác, viết thư thăm, gửi theo hai câu thơ.

Ta từ vô sinh tử về chơi,
Ngồi trên chóp đỉnh, mỉm cười với trăng.
Huyền Không

Thầy Mãn Giác khuyên tôi đừng quá sợ hãi bệnh hoạn của thân xác, nên an nhiên tự tại — chữ của nhà Phật — có nghĩa là mặc kệ, để đó, dẹp đi... chấp nhận cái bất hạnh, như cậu bé mỉm cười với trăng. Tôi hãy chuẩn bị lo cho Thanh Nam một ba lô nhẹ, một va li nhỏ để chàng dễ dàng xách theo trong chuyến đi chót. Đôi mắt sắt đá của tôi có bao giờ biết khóc? Thầy Mãn Giác vẫn dạy tôi những bài Thiền học để tâm tính đằm lại. Người Mỹ đã bắt đầu học Thiền để mưu lợi cho sức khoẻ và cầu an cho tâm thần. Sao tôi mãi mãi mang nặng những khổ đau vô thần? Chàng em trai của tôi vẫn mắng tôi như vậy.

Thanh Nam đem xấp giấy ra viết xuống: "Thích Mãn Giác ngày xưa có theo Cộng sản không?"

Trông Thanh Nam lúc đó giống như một chiến sĩ H.O. Tôi trả lời:

"Không. Báo Mỹ bảo Thầy là một chiến sĩ chống Cộng. Thầy là một Thiền sư vẻ mặt tương tợ như một Samurai trong các môn võ thuật Nhật bản."

Tôi kéo ra từ trong trí nhớ mấy câu thơ của thi sĩ Huyền Không :

Chùa xưa mái ngói cũ,
Trèo lên kéo cây sào.
Đêm khuya rồi không ngủ,
Khều rụng bao nhiêu sao.

Thầy Mãn Giác một lần hỏi tôi: "Chị TH còn nhớ tên người đàn bà Việt Nam đầu tiên vào chùa tu là gì không?"

Sư Huyền Không hứa sẽ gửi thêm một số tài liệu Phật pháp trong đó có chương bàn về Mạn Đà La.

Thầy Mãn Giác ngày xưa tu học ở chùa Bảo Quốc Huế, du học tại Nhật Bản.

Chùa Bảo Quốc xưa, một hàng thông xanh, một một luống cải xanh. "Gió thông đưa kệ tan niềm tục, hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời." Bướm bướm toả ra một đoàn rộng cánh bay, ve ve thì tụ lại trong các lùm cây. Gần chùa có một tiệm cho thuê xe đạp, hai ba cái lốp xe bằng cao su và những xích sắt treo vào vách. Ngày đó một mình, tôi đạp xe qua cầu Ván, rượt tới Morin, ghé Sát-Făn-rông mua bánh choux à la crème,

rồi phóng tới ngã giữa. Tiệm cho thuê sách Ngô Văn Mạch mở cửa bảy ngày trong tuần. Tôi ký tên vào cuốn sổ cũ mướn mấy cuốn tiểu thuyết của văn sĩ Thanh Nam về nhà đọc.

Thanh Nam đã viết quá nhiều tiểu thuyết loè loẹt màu sắc xã hội đắng cay, viết một

cách dễ dàng và kiếm sống bằng ngòi bút của mình... Chàng viết cho bà nội trợ đọc, cô bán hàng đọc, nữ sinh, nữ công chức đọc... và đã bắt đầu viết khi tuổi đời còn sớm bảnh mắt, khi trí khôn và sức học chưa đủ cho một người cầm bút. Thanh Nam dùng thì giờ để đi chơi nhiều hơn thì giờ ngồi viết bài. Đây là một lỗi lầm không phải nhỏ. Người tu sĩ bỏ đời theo đạo, người nghệ sĩ, kẻ đã nghe tiếng gọi của nghiệp dĩ từ cao xanh, phải cố gắng thí phát thì giờ của mình vào nghệ thuật. Người nghệ sĩ Việt Nam luôn luôn nên cố gắng trau dồi khả năng, tức là phải học hỏi thêm. Trước cái đẹp, nhà văn cảm xúc mười phần, hắn viết xuống trên giấy, người đọc chỉ nhận được một phần. Kịch sĩ, ca sĩ, văn thi sĩ, trong mấy kẻ sĩ đó, kịch sĩ đóng hài kịch tức là những cây cười cần phải học thêm nhiều hơn ai hết. Hề cần phải học. Hề là kẻ phải hiểu biết nhiều, sâu rộng và lanh trí mới ứng khẩu nói ra những lời chọc cười.

Với truyện dài, Thanh Nam thất bại. Với truyện ngắn, tức là các sáng tác nhỏ đã đăng trên các báo Hiện Đại, Sáng Tạo, Thế Kỷ 20, Thanh Nam không thất bại. Tập truyện

"Buồn Ga Nhỏ" xuất bản năm 1962, tái bản lần thứ nhất năm 1965 và tái bản lần thứ hai tại hải ngoại năm 1983 cho thấy rằng Thanh Nam là cây bút viết truyện ngắn có ích cho tiếng Việt.

Sau năm 1975, Thanh Nam làm được tập thơ "Đất Khách."

Thi sĩ Nguyên Sa gọi điện thoại khen: "Moa không ngờ Thanh Nam làm thơ hay đến như vậy. Nếu moa bị đày đi Côn Đảo hoặc bị đưa sang Reunion, moa chỉ mang theo bên mình mỗi một tập thơ 'Đất Khách' mà thôi."

Bác sĩ Nguyễn Đăng Diệm ở Seattle cũng đã nói giữa toà soạn báo Đất Mới:

"Phải chăng bệnh ung thư đã khiến Thanh Nam làm được một cái gì..."

Nhà văn trẻ Chu Vương Miện, một cây bút chủ lực của nguyệt san Văn trước 1975, cũng viết thư thăm :

"Anh buồn quá! Thơ anh thật tuyệt vời, anh Thanh Nam ạ..."

Trước năm 1975 ở Việt Nam, chợt xuất hiện các nhà văn nữ viết tự truyện. Theo giáo sư Sharon O'brien giảng dạy tại đại học Dickinson college, lối viết tự truyện chỉ thành công một phần nhỏ trong văn chương mà thôi. Đưa cái tôi vào tác phẩm, vạch sống áo để lộ tấm lưng ra, giải bày đời tư trên giấy trắng... người viết tự truyện thường bị phê bình là thiếu đề tài, nghèo tư tưởng. Ngoài ra, văn tự truyện còn bị nói là thời thượng.

Trái lại với văn tự truyện, thơ tự tình được đề cao lên. Bà Huyện Thanh Quan với mấy bài tả cảnh u hoài tình non nước, Cao Bá Nhạ với khúc tự tình oan khiên đau khổ đã được đưa vào sách giáo khoa dạy học, và hậu thế còn lấy tên họ đặt tên đường.

Nói chung, thơ gồm hai phần: lời và ý. Mỗi chữ mỗi câu là một sự cố tình sắp đặt gồm có âm thanh, vần điệu và màu sắc. Mỗi ý tưởng là phần thân và tâm của thi sĩ. Thơ tự tình của Thanh Nam, chữ và nghĩa không chênh lệch mấy, chữ nhiều và nghĩa cũng khá nhiều, là tâm thần bất ổn của người lìa nước ra đi lòng nao nao nỗi sầu viễn xứ và nỗi buồn quốc hận ba mươi tháng tư.

Canh bạc trần gian dù thắng bại
Nẻo về đất lạnh giống nhau thôi.
.....
Ghé thân lữ thứ trăm miền
Nỗi buồn nào cũng mang tên Sài Gòn.
.....
Giống như người lính vừa thua trận.
Nằm giữa sa trường nát gió sương.
.....
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đất vô cùng giá tự do.

Thanh không khéo tay làm thơ tình. Ta có thể tạm kết luận rằng Thanh Nam làm thơ vì tình bạn và lòng hiếu hữu. Rõ ràng tình bạn đã đuổi tình yêu đàn bà ra khỏi lòng chàng:

Uống say mai sớm bạn lên đường
Thân lại nương nhờ chốn viễn phương
Trăm hận nghìn đau nào sánh nổi
Tấm lòng lưu lạc nhớ quê hương
Ta như giông bão tan rồi hợp
Trôi giạt còn hơn sóng đại dương.

Tình quê hương trong thơ Thanh Nam thật dịu dàng qua từng ngón tay lẳng lơ của

Chàng:

Hai mươi ba tuổi gặp Sài Gòn
Như gặp người yêu chưa phấn son.
Bở nghỡ làm quen thành phố lạ
Mặn nồng nhiệt đới nắng trao hôn.
Thanh Nam.

Thỉnh thoảng Thanh Nam cũng làm một vài câu thơ vui.

Buổi Sáng
Ngó ra buổi sáng quê người
Tiếng xe lăn bánh, nhịp đời bon chen.
Giã từ ngôn ngữ đã lâu
Hôm nay thèm nói một câu chửi thề.
Hoặc
Bụi đời đầy đã lòi cơn sốt
Mang chuyện tương lai tháu cáy hoài.

Lâu lâu ,chàng lại viết câu đối:

"Vừa mới Tết bính thìn, chín Tết ôm hờn xa tổ quốc.
Giờ xuân giáp tí, một xuân nào hẹn cùng quê hương."

Thanh Nam mất sau gần mười năm ở Mỹ, xác được hoả thiêu trong một nhà táng lúc đó hoa xum xê nở banh ra. Hoa auriculas, hoa thrift và một vài hoa lạ không có tên trong tự điển Việt Nam.

Giữa xấp giấy chàng viết nguệch ngoạc trong những tháng ngày mất tiếng nói, có một đoạn nhỏ: "Anh nhận thấy mấy đứa con sao dại khờ và vô tâm quá, chúng cứ tự nhiên... Nếu chúng nói được những câu buồn thương này nọ, chắc lúc anh ra đi , anh sẽ khó cất bước, khó..."

Tôi vội cãi: "Con Tì nó ăn ít quá mà anh, còn ba thằng đực thì cứ quanh quuẩn ở trong nhà không nói năng... Bà y tá bảo rằng tình cảm của trẻ con đôi khi còn biểu lộ ở sự học có sút kém hay không..."

Ngày hôm sau Thanh Nam viết xuống tiếp: "Hôm nay bảo thằng Cu dẫn hai em nó đi phố chơi đi. Lấy tiền lì xì mà đi bus và tiêu cho sướng. Mười hai giờ trưa về."

Thơ tức là người.Thanh Nam mang một lòng hiếu hữu thương bạn hiền. Tình đàn bà, người đàn bà trong thi tập "Đất khách" và trong cuộc đời ngắn hạn, bất hạnh của Thanh Nam, không được vẽ và chiếu ra rõ nét, không biết chàng đã nhung nhớ ai trong dĩ vãng khi đang nằm trên chăn gối hiện tại:

"Nửa khuya nghe động tiếng mưa buồn
Mái lạnh hiên người giọt giọt tuôn.
Chăn gối bỗng thơm mùi dĩ vãng
Dịu dàng mộng cũ ghé môi hôn."
Mộng cũ-Thanh Nam.

Người tức là thơ. Thanh Nam đau yếu nhưng tình bạn trong chàng vẫn dồi dào sức khoẻ:

"Xin chào bằng hữu gần xa
Dẫu chưa quen biết đã là anh em."
.....
Ôi hỡi quê hương bè bạn cũ
Những ai còn mất giữa sa mù
.....
Ôi bạn ôi ta, chiều đã xế
Phù sinh thương mình ly rượu xuông

Sau hết, Thanh Nam có biệt tài làm báo, làm tổng thư ký toà soạn, làm chủ bút bao sân tất cả mọi công việc viết lách. Trang trong thiếu bài, trang cuối còn mấy chỗ trống, Thanh Nam tìm bài khác lắp vào vá vào trám hết tất cả mọi lỗ khuyết ngay tức khắc. Chính chàng đã đề nghị quý vị chủ báo miền Nam ngày nào, hãy đưa phần tiểu thuyết vào trang hai để độc giả dễ dàng xếp đôi tờ báo lại ngồi đọc chuyện tình bất cứ chỗ nào.

Nhiều người bảo rằng khi đến giai đoạn cuối, cancer gây ra những cực hình tra trấn dã man, những cơn đau xé xác thân ra, bệnh nhân kêu rên ngày đêm không ăn ngủ... chỉ mong được chết để giải thoát... Nhưng Thanh Nam đã mất tiếng nói, mất âm thanh để kêu đau... Ba thằng con bất hiếu ngủ chung giường đâu có biết cha sắp chết, chúng nằm xoay ngược trở ngang, hất gối xuống giường, đạp mền xuống thảm. Thanh Nam chỉ biết ghi vào hồi ký "đau, đau, đau"...

Trước khi đi hôn mê, Thanh Nam đã viết xuống "Người nghệ sĩ có những lúc sống cẩu thả, buông thỏng dây cương luân lý, nhưng em nên nhớ rằng từ ngày lấy em, anh không bao giờ phản bội thể xác em."

Đôi mắt Thanh Nam to nhưng cạn và mờ đục, lúc đó ánh lên nhìn thẳng mặt tôi. Tôi thấy tôi hiện diện trong cái nhìn thật thà đó: ở chàng, tình nghĩa vợ chồng cũng quý báu như lòng hiếu hữu ái mộ bạn hiền.

Ngày 27 tháng 5 năm 2007

HỒN XƯA TIẾNG XƯA

TRẦN THỊ LAIHỒNG

Thuở sinh thời, anh Thanh Nam từng đốt lò hương cũ nhắc lại những tài danh vang bóng một thời, nay tôi cũng xin mượn đề mục ***Hồn Xưa Tiếng Xưa*** *do anh phụ trách trên báo* ***Đất Mới,*** *để tưởng niệm chính anh, người đã sống trọn vẹn cho bạn bè và văn học nghệ thuật.*

Qua một số tác phẩm, qua suốt thời gian mười hai năm cùng làm việc tại Đài Phát thanh Tiếng Nói Việt Nam Cộng Hoà – *anh Thanh Nam trong Ban Tao Đàn với thơ nhạc, tôi trong ban tin tức* – cho đến Tháng Tư năm 1975 di tản ra đảo Phú Quốc, được bốc sang tàu lớn lênh đênh suốt tuần trên Thái Bình dương, rồi vào nước Mỹ tạm trú cùng trại tỵ nạn Indiantown Gap tiểu bang Pennsylvania, tôi chỉ biết, không làm quen bắt quàng.

Tôi chỉ quen anh Thanh Nam và chị Túy Hồng nhiều kể từ năm 81 cùng làm việc tại Tòa Soạn báo Đất Mới – tờ báo đầu tiên của người tỵ nạn tại Seattle, mệnh danh là *đô thị ngọc bích emerald* – tiểu bang Washington. Tờ báo được Chương trình Tỵ Nạn tiểu bang tài trợ, do Huy Quang Vũ Đức Vinh chủ nhiệm, anh Nguyễn Văn Giang trị sự, anh Thanh Nam Chủ bút, và tôi Tổng Thư ký thay thế anh Mai Thảo vừa rời Đất Mới sau hai năm cộng tác để về Quận Cam tục bản tờ Văn.

Anh Thanh Nam phụ trách các mục văn học nghệ thuật, chị Tuý Hồng chỉ đưa bài, mục *Đất Mới Đời Mới Người Vẫn Cũ,* truyện dài *Sạn Đạo,* và *Tay Che Thời Tiết,* không mấy khi đến toà báo. Anh Vũ Đức Vinh mục *Người Trung Niên,* và giải đáp thắc mắc liên quan đến chương trình tỵ nạn, vấn đề tạm trú, định cư... anh Phạm Xuân Vinh phần tiếng Anh. Ngoài ra, còn có sự hợp tác của anh Nguyên Phong và bỉnh bút Nguyễn Văn Nha. Tôi giữ phần tin tức, đi dự các buổi họp liên hệ người tỵ nạn, viết tường thuật, đi phỏng vấn, viết phóng sự. Riêng anh Nguyễn Văn Giang chăm lo trình bày hình thức, trải bài, giao dịch, in ấn, và phát hành.

Hồi đó, tức là cuối thập niên 70 đầu 80, chưa có computer, Đất Mới dùng máy điện tử IBM có quả cầu chữ không dấu, phải bỏ dấu bằng bút micron rất nhỏ nét, và bài cuả ai người đó trách nhiệm đánh máy.

Những trang văn học nghệ thuật do Thanh Nam phụ trách có mục *Hồn Xưa Tiếng Xưa, Sinh hoạt Văn Nghệ, Góp Vần Họa Điệu, Làng Say Xướng Họa, Chuyện Quanh Bàn Nhậu...* điểm sách, giới thiệu băng nhạc băng hình. Anh ký nhiều tên khác nhau: Việt Trần – *đổi ngược họ tên cha mẹ đặt* – Viễn Khách, Tiểu Lưu Linh, Đồ Say...

Trong lúc chúng tôi làm việc, thỉnh thoảng có anh chị em văn nghệ sĩ địa phương hoặc những bạn yêu văn chương chữ nghĩa đến thăm, trong số có cô Lê Thu Hương, các anh Xuân Hiến, Quốc Lâm, Đoàn Châu Mậu, Đỗ Thành Nhơn, Lê Chí Thành, Nguyễn Thượng Tiến, Phạm Tấn Quý, Hoàng Ngọc Minh tức Minh Gô, Lê Ngọc Hồ, Lý Quốc Ngọc... Họ thường trò chuyện ở phòng ngoài và chỉ tạt qua chào chúng tôi. Chỉ có anh Nguyên Phong và vài thân hữu vào phòng trong. Riêng anh Nguyên Phong thì chúng tôi luôn luôn thú vị, vì Nguyên Phong vui chuyện có thể thao thao thảo luận nhiều đề tài, kể từ kiếm hiệp đến trinh thám, từ thơ văn Việt Nam qua sách báo thế giới, phải nói là của kho vô tận.

Điểm đặc biệt tương đồng giữa anh Thanh Nam và anh Nguyên Phong, là cả hai thích làm những món ăn đặc biệt. Nguyên Phong sở trường *bouillabaisse*, còn anh Thanh Nam thì hầu hết là các món ăn quê hương mà tôi sẽ kể ở phần sau.

Thơ văn Thanh Nam đã có nhiều người nhắc nhở. Tác phẩm của anh có khoảng ba mươi truyện ngắn chuyện dài, một hồi ký viết văn làm báo đăng dang dở trên tờ Văn, chưa kể viết

nhật ký hiện chị Túy Hồng còn ôm ấp gìn giữ.

Trong một bài tưởng niệm trên Văn Học, chị Túy Hồng đã viết: *"Thanh Nam và tôi, đời chúng tôi không biết đã viết được bao nhiêu truyện dài, nhưng mối tình của chúng tôi, đó là truyện dài hay nhất."* Mọi người hẳn đều mong mỏi tập truyện dài này sớm hoàn thành.

Trong khi chờ đợi, riêng tôi thích *Gã Kéo Màn,* vì cho rằng người kéo màn tuy đứng sau hậu trường lại là người nhìn thấy trọn hai mặt ánh đèn sân khấu, không những theo dõi tài tử diễn tuồng mà còn quan sát ghi nhận phản ứng khán giả, và là người có thể nói là đầy đủ thẩm quyền xác định giá trị buổi trình diễn. Tôi thích truyện ngắn *Buồn Ga Nhỏ,* ví như cuộc đời của chính tác giả, từ một ga nhỏ nhìn những chuyến tàu mang *hạnh phúc buồn như những toa đen* đi qua, để lại những kỷ niệm buồn nho nhỏ, nhẹ nhàng.

người xếp ga với ngọn đèn cô độc
ngó hững hờ ngọn đèn đỏ trên tay
tàu qua rồi lâu lắm vẫn chưa hay ...
(Buồn Ga Nhỏ, thơ Thanh Nam, chưa hề in)

Truyện này đăng lần đầu tiên trong tờ *Hiện Đại* của các anh Nguyên Sa và Thái Thủy vào năm 1960 ở Sàigon và sau đó, năm 1962, được xuất bản thành sách cùng nhiều truyện ngắn khác với nhan đề *Buồn Ga Nhỏ,* hai năm sau tái bản lần thứ nhất tại Sài Gòn, và lần thứ hai ngay tại Seattle, năm 1983.

Anh Thanh Nam còn đặt lời một số bản nhạc của thân hữu như Hoàng Trọng, Ngọc Bích, Nguyễn Hiền... Tôi viết đoạn này trong lúc nghe *Mai Hương* hát *Đẹp Giấc Mơ Hoa* của *vua tango Hoàng Trọng*, một trong nhiều bản nhạc do Thanh Nam đặt lời. Mai Hương là người được anh yêu mến nhất không những vì giọng hát cao sang thánh thót dịu tình mà còn vì tính nết thuần hậu. Anh có làm một bài thơ về Mai Hương, chị Tuý Hồng còn lưu giữ.

Những truyện của Thanh Nam phần nhiều là chuyện kể, ghi những cảm nghĩ chân thật mà thấm đậm, đơn sơ mà sâu sắc, trải rộng những ý tưởng giản dị mà thuần hậu. Rất thuần hậu. Thuần hậu như tính riêng của anh mà bất cứ ai quen biết thân sơ đều quý mến.

Nhưng chân thật nhất, sâu sắc nhất, thuần hậu nhất, là tập thơ *Đất Khách*. Chỉ một *Đất Khách* đã thực sự giá trị để đời. Chỉ xót xa đau đớn ngậm ngùi, không hằn học, không thù hận. Chỉ mười sáu bài, không ai sánh kịp. *"Thơ hay không cần phải làm nhiều,"* như Hoài Thanh Hoài Chân viết trong *Thi Nhân Việt Nam* khi nói về thơ. Như *Giả Đảo* đời Đường bên Tàu, ba năm chỉ hai câu, ngâm lên là rớt nước mắt, mà cả nghìn sau còn thấm đậm: *nhị cú tam niên đắc/ nhất ngâm song lệ thùy!*

Tại tòa báo Đất Mới, *cõi viết* cuả anh Thanh Nam phía bên phải tôi, quay lưng ra cửa sổ. Một giỏ hoa tím hồng cành lá tím lục buông dài bên cửa sổ cạnh chỗ tôi ngồi. Viết đến đây tôi hình dung ngay một Thanh Nam tay phải cầm bút hí hoáy trên giấy, tay trái kẹp điếu *Pall Mall* khói lam vờn nhẹ, cạnh đó là lon bia *Hamms* màu xanh có những giọt lạnh long lanh đọng ngoài. Khi thấy khói thuốc vờn nhanh, mặt anh đỏ lựng, người rung tít, tôi biết là anh đang đà cao hứng thú vị.

Anh ít nói, và khi nói thì dồn dập rất nhanh như muốn dành lời. Về sau này, tôi có nhận xét với Túy Hồng, rằng dồn dập dành lời phát từ tiềm thức anh báo trước có ngày sẽ mất tiếng nói. Chị cũng nhớ lại một biến cố nhỏ lúc mới tạm trú trại tỵ nạn *"bóc một trái cam ăn, bỗng nhiên anh nghe buốt xót một bên cổ. Sáu năm sau, chỗ đau ấy là thảm kịch mất tiếng nói bây giờ."*

Trong nhiều dịp chuyện trò sau này, và trong bài *Đến Khi Mất Tiếng Nói* đăng trên *Văn Học* số tưởng niệm Thanh Nam nhân giỗ đầu, chị Túy Hồng nhắc lời anh từng nói *"giữ lòng trung thành với em từ sau ngày cưới,"* và chị trân trọng xác nhận *"tôi yêu Thanh Nam hơn hết những người tôi yêu."*

Về hạnh phúc, Túy Hồng cho biết *"Hạnh phúc, tôi hơi thiếu một tí. Một tí, vì Thanh Nam không ăn được món Huế."* Anh bảo: *"Huế nấu nướng, Bắc ăn không được!"* Anh chê món bún bò Huế là... tục, cơm hến rắc rối nhiêu khê, bánh khoái rườm rà, bánh bèo bánh lá lạnh miệng.

Anh là người sành ăn kén ăn, thích ăn ngon nấu đúng điệu. *Muốn ăn phải lăn vào bếp,* nên thường đích thân làm những món thích khẩu để tự thưởng thức và chia sẻ. Bất cứ lúc nào đến thăm cũng đều được ăn, có khi là món cua biển đắt tiền, món dồi tràng khó kiếm (hồi đó), mà có khi chỉ là bì đậu chấm tương hoặc... mì gói mì ly chế nước sôi. Của trân quý hay tầm thường đều được anh soạn sửa tỷ mỷ và thưởng thức thú vị với thói quen chép mệng chanh chách chen lẫn *"Bon! Bon!"* trong lúc cả hai đùi rung tít cộng hưởng.

Món đơn giản nhất mà ai cũng thích là đậu rán. Bì đậu cắt miếng vuông vừa miệng, dùng giấy bản thấm ráo nước trước khi cho vào chảo dầu đun thật nóng. Tương phải là hiệu Cự Đà nêm nếm lại cho vừa khẩu vị. Bì đậu rán phải vàng đều và nở phồng, cắn ngoài dòn mà trong mềm, vị đậu bùi béo quyện tương ngậy mùi kích thích vị giác cùng cực, nên lắm khi anh mải mê rán, xong miếng nào vớt ra dĩa cho ráo, ngoảnh lại chỉ còn trơ... hai mảnh!

Sau khi anh Thanh Nam mất, mỗi dịp tôi qua Quận Cam ghé thăm, anh Mai Thảo biết ý, lại đưa ra Viễn Đông ăn đậu rán chấm mắm tôm pha, kèm rau muống chẻ và rau kinh giới. Anh chỉ uống rượu nhìn tôi ăn, nhưng tôi biết là anh đang nhớ tới anh Thanh Nam người bạn chí thiết từ thuở còn ngoài Hà Nội, mà anh là người xe duyên cho đôi Thanh Nam Túy Hồng.

Thường chúng tôi hay họp mặt sau khi báo in xong, tại nhà Thanh Nam Túy Hồng, hoặc luân lưu một nhà bạn khác. Đám nữ lưu chúng tôi học ở anh nhiều món ăn thần sầu: nộm rau muống, chả cá Thăng Long hay Lã Vọng, cá thu kho riềng nước chè, ốc giả ba-ba, giò heo giả cầy, cua rang muối, cá om thìa là, canh chua cá giấm, canh bún cá rô, cá chép chiên dòn, các món bún ốc bún riêu bún thang dưa góp dưa hành... v.v. và v.v... Riêng món phở thì dù có học và thực tập cách mấy cũng không tài nào theo kịp thầy!

Tôi rất nghịch ngợm, đặt tên lại những món đó tùy số vật liệu và gia vị cần dùng để dễ nhớ: nộm *Thất Tình,* chả cá *Thập Tứ Nữ Anh Hào,* cá thu kho *Ngũ Long Công Chúa,* ốc *Thập Nhị Sứ Quân,* giò heo giả cầy *Bát Tiên,* cua rang *Mười Thương,* bún ốc *Bát Bửu Tứ Qúy,* dưa hành *Lục Dục*... Lỡ có ai thắc mắc những tên quái dị đó thì tôi được dịp ngoan cố, ví dụ món nộm *Thất Tình* (ái, ố, hỉ, nộ, ai, cụ, dục) thì rau muống ai cũng thích nếu bỏ *g* sẽ là *muốn* (ái), kinh giới liên hệ kinh sợ (cụ), tép tươi vào chảo mỡ trở màu hồng vui (hỉ), da heo (dục), mắm tôm đi đôi với gắt gỏng giận hờn (nộ), mè đi với mè nheo dễ ghét (ố), chanh chua vào mắt là khóc (ai)... Món nộm *Thất Tình* này, theo anh Mai Thảo, *đã được cái bang văn nghệ ghi vào sổ vàng ẩm thực* từ ngày còn ở quê nhà.

Món phở Thanh Nam rất đặc biệt. Phải thấy anh trước bếp hồng săn sóc nồi nước dùng thật trong thật thơm, trụng bánh vừa mềm vừa dai, trần thịt đủ tươi đủ chín, trong lúc Túy Hồng thái hành ngò nhuyễn mịn, bày húng quế ngò gai giá trụng, đích thân đãi bạn, thì mới thấy rõ tâm tình của hai người đối với bạn bè.

Anh mơ ước mở *Quán Nghệ sĩ,* chuyên bán phở và một số thức ăn thuần túy, có phòng đọc sách báo và nghe nhạc Việt, cuối tuần có thêm các món nhậu lai rai, và thỉnh thoảng sinh hoạt văn nghệ. Ý muốn cung cấp những món ăn tinh thần lẫn thực chất, tạo cơ hội mọi người gần gũi, nhất là giới trẻ có dịp biết những nét đẹp hương vị quê hương.

Chưa có *Quán Nghệ sĩ,* chúng tôi vẫn thường đến với nhau, ôn lại những kỷ niệm cũ, nhắc lại những bài thơ, những bản nhạc, những vở kịch ngày trước mà anh là người biết và nhớ nhiều. Chúng tôi cũng bàn về sinh hoạt cộng đồng, chương trình văn nghệ, và có khi buổi họp mặt trở thành một màn văn nghệ bỏ túi bất ngờ đầy hào hứng. Thanh Nam kể chuyện tếu, ngâm thơ, những đoạn trong vở kịch *Ông Lái Đò,* và *Trấn Thủ Lưu Đồn.* Anh thích nhạc, sành nhiều bản nhưng ít hát. Có một hôm nghe tôi *ư ử* bản *Trào Lòng* của *Hữu Châu* và than phiền quên mấy đoạn, anh bèn hát tiếp và cho biết từng trình diễn hoạt cảnh *Tiểu Lưu Linh* đó trên sân khấu *Nhà Hát Lớn* ở Hà Nội. Tôi rất thích bài *Trào Lòng,* và về sau khi anh bệnh nặng, tôi tiếp tay mấy kỳ *Chuyện Quanh Bàn Nhậu* trên *Đất Mới,* cao hứng ký tên là *Thất Tửu Muội* để nhớ về *Tiểu Lưu Linh.*

Về sức khoẻ, thường ngày anh Thanh Nam vẫn ghiền thuốc lá và uống bia. Từ bàn nhìn qua, tôi luôn luôn thấy anh nhả khói không ngừng và nhâm nhi bia không mồi. Anh hay hắng giọng, hay khạc. Hỏi thì bảo đau cổ họng, và bác sĩ cho trụ sinh đã ba tháng không thấy giảm. Tôi phản đối việc dùng trụ sinh dài dài, cố thuyết phục anh đổi bác sĩ, và đích thân lấy hẹn, đưa anh ngay vào bệnh viện Group Health. Bác sĩ khám và tức khắc làm *biopsy*. Kết quả là anh bị ung thư thanh quản, phải mổ. Anh không nói được nữa mà phải mang một máy khuếch âm làm biến tiếng, nên chỉ bút đàm.

Tôi không nhớ rõ bao lâu thì bệnh tình anh tạm được chặn ngưng. Nhưng khi kha khá, anh lại tiếp tục viết, thu hẹp còn bốn trang trên Đất Mới. Một trong bài viết nhắc lại *Tháng Tư Phú Quốc*, trong số ra ngày 15-4-84, tức là hơn một năm trước khi anh giã từ bạn bè, giã từ *cõi viết*. Sau đây là trích đoạn:

***9** năm trước, đúng vào tháng này – cuối tháng 4,1975 – chúng tôi "nằm" ở Phú Quốc để chờ tàu Mỹ tới "bốc". Nơi chúng tôi tạm trú nguyên*

là một trại quân cảnh sau đổi thành nơi giam giữ tù binh Việt Cộng, một khu trại rộng lớn với những căn nhà trống hoác như những kho hàng, một phía giáp biển, một phía giáp rừng, xa hẳn xóm làng chung quanh, hàng ngày muốn đi chợ phải thuê Honda ôm vì chợ cách đó ít nhất cũng 5 cây số. Mỗi gia đình được chia cho một khoảng nhỏ vừa đủ trải chiếu nằm, không giường, không nệm. Chúng tôi ở đó từ ngày 21 tháng 4, sau khi Tổng thống Thiệu từ chức.

Nhớ là thời gian này trăng thật sáng. Đêm đêm không thể ngủ sớm, bọn tôi leo lên một mô đất cao trong sân trại, nhậu lai rai để trao đổi với nhau những băn khoăn, thao thức về chuyến đi sắp tới. (...) Chúng tôi ngất ngưởng ngồi nhâm nhi với nhau cho tới khuya mới chịu trở về chỗ ngủ cuả mình. Chưa bao giờ chúng tôi thấy "cần" gặp nhau như lúc đó, dù rằng gặp nhau cũng chẳng giúp đỡ được gì cho nhau. Câu hỏi buồn rầu đêm nào cũng được đặt ra và không ai tìm được câu trả lời: "Tương lai rồi sẽ ra sao? Những gì chờ đợi chúng tôi trong những ngày sắp tới?"

(...) Tháng Tư thứ 9 đã trở về. Tháng Tư Đen của mọi tấm lòng Việt Nam hướng về quê nhà địa ngục, tù đày. Tháng Tư về cùng với muà Xuân quê người nhưng thời tiết vùng Tây Bắc này vẫn gió buốt mưa dầm như những ngày giữa Đông miền Bắc quê xưa. (...) Nhìn qua khung cửa sổ, không gặp lại được vầng trăng Tháng Tư Phú Quốc 9 năm về trước, nhưng trong hồn tôi dào dạt ánh trăng xưa...

Kể từ ngày anh mất tiếng nói, chị Túy Hồng và tôi có nhiều dịp gần nhau hiểu nhau hơn khi cùng ra vào bệnh viện, chia sẻ những lo âu, nhắc nhở nhiều kỷ niệm.

Thời gian anh nằm bệnh, các cuộc họp mặt tạm ngưng và thay vào là những cuộc thăm viếng. Khi anh có vẻ khá, chúng tôi tiếp tục đến với nhau, ngầm xích lại gần nhau hơn trong những tháng ngày còn lại của người anh cả khả kính, người bạn hiền hòa đáng quý, dù anh không còn phong độ như trước nhưng đức độ anh vẫn tỏa rộng.

Không khí những buổi họp mặt dạo sau này có phần sinh động hơn trước, và từ đó có những sinh hoạt như *Đêm Thơ Đất Khách* giới thiệu tập *Đất Khách* của Thanh Nam, có sự hiện diện diễn ngâm của Hoàng Oanh, ca nhạc với Mai Hương, Xuân Thu và tay đàn tranh Tạ Như Việt, rồi đêm nhạc thính phòng giới thiệu tập *Giữ Đời Cho Nhau* của nhạc sĩ Từ Công Phụng, giới thiệu *Buồn Ga Nhỏ* tái bản, cũng có mặt Xuân Thu và Mai Hương. Đây là giai đoạn tổ hợp xuất bản *Tin Yêu* do Thanh Nam chủ trương hoạt động khá mạnh. Anh còn dự tính tổ chức *Đêm Hà Thanh* tại Seattle khi được tin nàng ca sĩ giọng vàng của xứ Huế vừa đến Mỹ, đồng thời ráo riết chuẩn bị xuất bản và giới thiệu tập *Thơ Cao Tần.*

Hai dự định này đều không thành, vì bệnh anh không giảm.

Một lần bên giường anh tại nhà đường Othello, Tuý Hồng dựa trên bục cửa sổ tỉ tê sùi sụt bảo sẽ đi tu sau khi Thanh Nam ra đi, tôi có ân cần nhắc đến bốn cháu, bốn tác phẩm chung của hai người: - con Ty, thằng Cu, thằng Ốc Sên, thằng Tý (*Hồng Ân, Đại Bằng, Đại Vũ, Đại Thuần*) – và dám lên giọng về chuyện tu tại gia trong nuôi dạy vun quén bốn tác phẩm này.

Khi tôi viết bài này, cháu Cu tức là Đại Bằng đem hai con nhỏ từ Seattle về Aloha thăm mẹ, và chị đang nấu phở cho con và cháu, bận rộn tíu tít ríu rít với con cháu chung quanh, trong khi bài viết của chị chưa hoàn tất.

Nhắc lại chuyện cũ, trong số những buổi họp mặt nhỏ giai đoạn bệnh tạm thời được kiểm soát, anh Thanh Nam đã tham gia với tất cả hăng say như biết rằng sẽ không còn bao lâu. Chúng tôi cũng hăng say mà lòng mỗi người đều ứa lệ, vì cũng biết sẽ không còn bao lâu nữa...

Tôi ghi lại đây một trong những buổi họp mặt, tại nhà anh chị Nguyễn Tất Đắc:

...*Phạm Tấn Quý* – mệnh danh là *Quý phổi bò* hoặc *Quý ruột để ngoài da*, vì trước 75 có lần bị thương ruột lòng thòng trốn trại bệnh ra phố... nhậu – *giọng oang oang:*

- Tiếp tục phần văn nghệ... tạp nhạp, đây là một màn độc, rất độc, dưới sự điều khiển của nhạc trưởng Thanh Nam. Hai giọng ca Song Hồng của xứ Huế – một màu hồng thẫm và một loài chim huyền sử – *sẽ hợp ca một bài rất Huế là Thương về Xứ Huế của Minh Kỳ.*

Nhiều tiếng cười rúc lên, chen những xào xạc xì xầm:

- Chi mà loạn Huế rứa!

Anh Thanh Nam đứng dậy. Chiếc đũa trong tay phải vung vẩy nhịp ba, chăm chú giữ nhịp, ra hiệu hai nàng Hồng cùng cất tiếng. Một nàng giọng nhỏ như tiếng muỗi và một nàng vừa hát vừa che miệng khúc khích, bị anh trừng mắt chúm môi suỵt phải lập nghiêm và bắt hát lại.

Rồi hai giọng ca không hề tập dượt với nhau cũng quyện được vào nhau. Đến phần cuối bài, Thanh Nam buông đũa đưa tay mời một nữ nhân và cả hai quay mấy vòng luân vũ chấm dứt màn độc.

Đến lúc này thì mọi người coi có vẻ hào hứng lắm, không cần ai lôi kéo mời mọc. Dược sĩ Nguyễn Văn Nha đứng dậy:

- Tới phiên tớ chứ!

Rồi đổi giọng rất Huế:

- Dzà, thưa mấy bạn, tui sinh ợ ngoài Bắc, dzưng cưới vợ Huệ nên chi tui cũng biết mô tê răng rứa bên ni bên nớ o nớ o tê và ăn ớt với bún bò khá tới. Tui còn mê luôn mấy món bánh lá chả tôm bánh bèo bánh ít bánh khoái bánh nậm nem nướng nem lụi cơm hến cơm âm phủ... Ây là tui dzờ dzà tui đọ. Bựa ni dzà tui trổ tài ngâm thơ giọng Bình Trị Thiên cho mấy bạn nghe. Dzà tui ngâm bài Màu Tím Hoa Sim của Hữu Loan. Dzưng mà dzờ anh bạn ruột để ngoài da trổi giọng trầm hùng phụ họa để mình có màn thi nhạc giao duyên cho đủ điệu, hị !...

Rồi anh Thanh Nam trở bệnh nặng, phải vào nhà thương nằm liệt.

Sinh hoạt quan trọng nhất vào muà Xuân 1985, nhân kỷ niệm 10 năm, *Đất Mới* tổ chức Đại Nhạc hội gây quỹ giúp gia đình anh Thanh Nam trong giai đoạn cuối bệnh tình, khoảng ba tháng trước khi anh vĩnh viễn giã từ bè bạn vào tháng Sáu năm đó. Chương trình này gồm thi ca nhạc kịch, quy tụ mười mấy nghệ sĩ, trong số có Mai Hương mới chịu tang Mẹ – kịch sĩ *Kiều Hạnh* – vào cuối tháng 3, Quỳnh Giao, Hà Thanh, Hoàng Oanh, Khánh Ly, Minh Hiếu, Ngọc Minh, Giao Linh, Thanh Tuyền... Bốn cô nhóm thứ nhất ở với tôi, nhóm kia ở bên nhà vợ chồng Phạm Tấn Quý. Các cô đã vào bệnh viện quây quần quanh giường, thăm hỏi, và anh bút đàm. Sau đó, các cô liên tiếp hát những bản nhạc do Thanh Nam đặt lời, trong khi anh thiêm thiếp thưởng thức, nét mặt an hoà với nụ cười nhẹ trên môi, và bàn tay lần lượt siết những bàn tay... Hoàng Oanh vừa đi hành hương Lourdes có mang về một bình nước thánh, đã bôi lên trán anh và rải quanh người. Nhắc lại kỷ niệm này, Mai Hương nhớ là lúc đó ai cũng nén lòng cố giữ bình thản, nhưng vừa bước ra khỏi nhà thương là chúng tôi ôm nhau khóc oà...

Tuý Hồng ngày đêm túc trực trong Group Health. Chúng tôi luân phiên ra vào thăm nom, ủ rũ, ngơ ngác. Anh chỉ nhìn chúng tôi, giơ ngón tay ra hiệu chào. Khi hơi khoẻ, anh ra hiệu Túy Hồng đưa giấy bút và ráng viết viết trò chuyện. Thường thì anh mê man, nhưng còn nghe được chúng tôi hỏi han và trả lời bằng cách siết tay.

Một lần vào thăm vào giữa trưa, anh thiêm thiếp trong cơn đau mê. Túy Hồng và tôi ngồi cạnh cửa sổ. Tôi nhắc lại giấc mộng của anh muốn có một tờ báo, và bỗng nẩy ý đề nghị thực hiện nhưng chủ trương những cây bút đàn bà. Chúng tôi say sưa tranh nhau nói, tranh nhau phác họa chương trình, khuôn khổ và nội dung tờ báo... cho đến khi tôi chợt ngẩng đầu, bàng hoàng thấy cánh tay phải Thanh Nam vươn thẳng cao. Thấy vẻ mặt tôi, Tuý Hồng quay lại. Cả hai chúng tôi ùa đến cạnh giường. Túy Hồng nắm tay Thanh Nam, dịu dàng tha thiết vỗ về:

- Thanh Nam, em đây! Anh biết tụi em đang bàn gì không? Anh nghe hết rồi chứ?

Nét mặt anh thay đổi, có khí sắc sinh động. Mắt anh he hé mở, mí mắt khẽ rung. Riêng bàn tay, bàn tay phải còn mạnh của anh, siết chặt tay Tuý Hồng. Phải chăng anh có ý tán đồng, hay muốn ngăn cản chúng tôi bước sâu vào nghiệp dĩ hệ luỵ của cuộc đời viết văn làm báo?

Tôi nhìn sững hai bàn tay. Bàn tay nào nhẹ nhàng nâng niu làn hơi ca ngâm thơ nhạc diễn tả trên sân khấu, bàn tay nào thoăn thoắt trên mầu *đồng hoa* hay *mùn sẩu*, bàn tay nào vân vê tẩu phiện, bàn tay nào ghiền khói *Pall Mall*, bàn tay nào vung vẩy pha trộn mùi vị quê hương, bàn tay nào nâng niu túi thơ bầu rượu, bàn tay nào khơi động chữ nghĩa dạt dào trên những trang thơ xuất thần, những thiên truyện ngắn chuyện dài nhân tình ấm lạnh... Quản bút và thếp giấy vẫn còn kia, mà bàn tay Thanh Nam định mệnh bắt phải sớm chối từ.

Thôi đã xa rồi cánh chim quyên trắng và rặng núi xanh. Thanh Nam đã yên giấc mộng bình thường bên đôi cánh xanh của loài thiên nga. Riêng màu hồng thẫm còn ở lại, mắt chong khô quãng đời góa bụa.

Ngày tiễn biệt anh vào *Nhà Quàn Columbia* - nơi trước đây lần đầu đi qua, anh Mai Thảo đã thốt quở *nhà ai mà đẹp đến thế* - chúng tôi mỗi người một tay, đẩy quan tài anh vào lò huyệt thiêu. Tôi cũng ké bàn tay đưa tiễn, và thầm nguyện giữ tình bè bạn với Túy Hồng, như anh từng trọn mọi tình bằng hữu, dẫu *bạn gần chưa đến bạn xa chưa về* ...

Trần thị LaiHồng
Hoa Bang, cuối tháng 5, 2007

ĐẤT KHÁCH, thương nhớ Thanh Nam

ĐẶNG TIẾN

Thơ Việt in ở nước ngoài càng ngày càng nhiều, nhất là ở Bắc Mỹ. Nhưng thơ hay, không nhiều. Nhất là thơ hay mà vượt lên khỏi những hận thù, mê chấp, càng hiếm.

Đất Khách của Thanh Nam là một trong những dòng nước trong hiếm hoi đó. Tôi xin giới thiệu với bạn đọc, trong một niềm đau đớn vô biên. Là Thanh Nam không còn nữa. Anh đã vĩnh viễn bỏ chúng ta từ ngày 2 tháng Sáu 1985, sau một cơn bệnh dài và đau đớn ở phổi, tại Seattle, Mỹ, nơi anh và vợ, nhà văn Túy Hồng, định cư từ thời di tản, tháng Năm 1975. Anh thọ được 55 tuổi.

Ở các đô thị miền Nam ngày xưa, Thanh Nam nổi tiếng về văn xuôi, truyện dài, truyện ngắn. Ít ai được đọc thơ anh, tuy thỉnh thoảng anh đăng báo vài bài. ***Đất Khách*** do nhà xuất bản Sống Mới, Arkansas, ấn hành năm 1983, gồm khoảng hai mươi bài thơ, một số làm trong nước trước 1975. Toàn tập vẫn nhất trí : hồn thơ và lời thơ của Thanh Nam trước sau không thay đổi.

Đất Khách là cuộc sống lưu lạc xứ người. Nhưng thật ra nó là nỗi nhớ triền miên một thế giới đã xa xăm. Ngay những bài thơ làm ở quê nhà đã mang những xa cách của lưu đày, với rất nhiều chia ly, mất mát. Trong thơ, cũng như văn xuôi của Thanh Nam , nổi bật hai điểm : lòng nhân hậu và niềm nhớ khôn khuây.

Là người Hà Nội, nhưng khi rời kháng chiến về thành, thì anh đã lạc loài :

Ta về chân bước bơ vơ
Ngựa xe lạc nẻo kinh đô nhọc nhằn
Men say thu ấy chưa tàn
Nhớ thương chùng một âm đàn xót xa.
(1951)

1953, anh vào Sài Gòn thì lại nhớ Hà Nội bằng những câu tha thiết :

Hà Nội ơi, ôi biết đến bao giờ
Ta lại thấy bóng Tây Hồ bát ngát
Gió Trúc Bạch hương sen nồng ngây ngất
Chiều Cổ Ngư phượng đỏ một khung trời
Tuổi học trò xe đạp lượn từng đôi
Những chủ nhật trên đường vui mở hội
Trời xanh biếc đẹp như màu cốm mới
Yêu làm sao kỷ niệm tuổi hai mươi
Mới ngày nào nay đã quá xa xôi
Hỡi cặp mắt và nụ cười phố Huế
Trong xa cách hãy giữ giùm ta nhé
Những sớm thu, chiều hạ hẹn hò xưa
(...) Đêm Sài Gòn trở lạnh những mùa mưa
Thấy hiu hắt cơn gió thu Hà Nội
(1953)

Những câu thơ Hà Nội trong sáng, chân thành. Hay ở trong chân tình của người viết. Sau cái tuổi hai mươi hoa bướm, về sau này, trên đất Mỹ, thơ Thanh Nam vẫn giữ cái nét thật thà, đôn hậu như thế, dù những kỷ niệm có phần mờ đi:

Đất khách năm tàn vẫn gió mưa
Ngồi bên ly rượu đón giao thừa
Nhìn qua khung cửa mờ hơi nước
Chợt nhớ mưa phùn đất Bắc xưa
(...) Trong góc hồn đau dĩ vãng buồn
Vẫn còn xanh ngát cõi xuân non
Tưởng như khói pháo chưa mờ nhạt
Trên lối hoa đào trải mộng thơm.
(1982)

Những nét hiện thực của cái Tết miền Bắc: mưa phùn, khói pháo, hoa đào... Nhưng trong thơ Thanh Nam, cả văn xuôi nữa, nó thấp thoáng mơ hồ như một thiên đường trong ảo giác «*nhớ cái dạo ở Hà Nội... Cái dạo ấy sao mình sung sướng thế nhỉ?*» (truyện ngắn Quyên, 1958). Đời không bao giờ đẹp bằng mộng. Thơ là khả năng của ngôn ngữ ảo hóa được sự thực thành cõi mộng. Vì vậy mà cuộc đời mới cần thơ và chịu đựng thi nhân.

Thơ nhớ thương dĩ vãng xưa nay không hiếm; nó còn mòn sáo nữa là khác. Nhưng ở Thanh Nam, nó bủa giăng trên tất cả tác phẩm, văn cũng như thơ, và tạo ra được những hình ảnh

nhức nhối:

Ngó đời lăn lóc vòng xe
Rã rời xích chuyển ê chề bánh quay
Ngó lui hun hút đêm dài
Những xuân đã lánh, những đời đã xa
Rót thêm ly nữa mời ta
Cái say như muốn chuyển qua cái sầu
(...) Bốn mươi lăm tuổi quay nhìn
Cái trôi cùng với cái chìm đuổi theo.
(1974)

Trong sinh hoạt văn nghệ các đô thị miền Nam trước 1975, Thanh Nam là một tác giả ăn khách, sống hoàn toàn vào ngòi bút và sống thong thả. Nhưng vẫn thương nhớ không nguôi. Phải chăng là vì, trong thâm tâm, anh chưa toại ý?

So với văn chương thời đó, thì Thanh Nam có phong cách riêng, là lối hành văn đôn hậu diễn đạt lòng nhân đạo dạt dào, thỉnh thoảng nhắc đến truyện Thạch Lam. Anh thương cảm những người đàn bà lỡ bước trong một xã hội nhiều cám dỗ, một cô bé nghèo khó phải đi ăn trộm, một anh kép phụ, một người đánh xe thổ mộ mơ ước một cánh đồng xanh. Sống nhờ ngòi bút, từ 1949 anh phải viết truyện đăng báo hàng ngày; loại truyện này, có lúc không đều tay, có lúc phải chiều theo thị trường - nghĩa là thị hiếu. Thậm chí, 1966, chính quyền Sài Gòn đã cấm in ba cuốn tiểu thuyết của anh. Thanh Nam đã tâm sự về kiếp nhà văn thời đó:

Mười lăm năm đó từ phiêu bạt
Đứa vợ con yên, đứa lạc loài
Viết mướn đã bao thằng mệt mỏi
Sang giàu đếm được những ai đây?
Lưới đời chân đã bùn nhơ vướng
Mắt vẫn trời cao rướn cánh tay.

Đọc văn xuôi Thanh Nam, biết gạt bỏ cái phần thời thượng, ta sẽ thấy hình ảnh của nhà văn chân trong bùn, tay vói trời xanh, là một hình ảnh thật.

Thanh Nam là bậc hiền giả lạc loài trong một xã hội bon chen. Rồi cũng phải bon chen để sống. Phạm vi bài này không cho phép tôi dài dòng về truyện của Thanh Nam. Gần đây, anh có cho tái bản tập truyện *Buồn ga nhỏ*. Đề nghị gia đình cho in tiếp *Cánh đồng xanh phía dưới*, gồm những truyện thuộc loại hay nhất trong văn chương Sài Gòn thời đó.

*

Một khía cạnh của thơ Thanh Nam, gần gũi với độc giả hơn: tâm sự người Việt lạc loài trên đất khách.

Tuyết đổ dày thêm, đêm lạnh buốt
Người về phòng nhỏ, bóng cô đơn
Mở chai bia lạnh thay cơm tối

Ngồi đọc thư nhà, lệ chứa chan.
(1981)

Bài thơ chỉ vỏn vẹn có bốn câu. Đúng là «tứ tuyệt» của cổ thi. Nghĩa là không có điều gì thêm. Và không nên thêm điều gì.

Có lúc anh rộng lời hơn. Cùng một giọng thơ cổ điển, Thanh Nam vạch lên nền trời lưu lạc những nét thơ bi tráng:

Uống say mai sớm bạn lên đường
Thân lại nương nhờ chốn viễn phương

Trăm hận nghìn đau nào sánh nổi
Tấm lòng lưu lạc nhớ quê hương
Ta như giông bão tan rồi hợp
Trôi giạt còn hơn sóng đại dương
"Lận đận bên trời chung một lứa»
Say càng chua xót, tỉnh càng thương
Tháng năm xa mãi thời hoa mộng
Râu tóc thêm gần với tuyết sương
Trên đất tạm dung, đời tạm trú
Còn gì ngoài mối hận mênh mang
Tuổi già ví tợ thân tơ mỏng
Cuộc sống trăm cơn gió bạo cuồng
Ôi loạn, ôi ta, chiều đã xế
Phù sinh thương mình ly rượu suông.

Đau khổ của Thanh Nam là tâm sự chung của nhiều người Việt ở nước ngoài, đã ra đi trong hoàn cảnh này hay hoàn cảnh khác. Khí hậu trong thơ anh, đằm thắm, chừng mực, hơi xa xưa một chút, là khí hậu của lứa tuổi trung niên tàn mộng.

Thanh Nam đã có lần chua cay ghi lại những cảm giác cụ thể, những năm đầu tiên đến Mỹ (1977):

Chấp nhận hai đời trong một kiếp
Đành cho giông bão phũ phàng đưa
Đầu thai lần nữa trên trần thế
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt
Tập làm con trẻ nói ngu ngơ
Vùi sâu dĩ vãng vào tro bụi
Thân phận không bằng đứa mãng phu
Canh bạc chưa chơi mà hết vốn
Cờ còn nước đánh phải đành thua
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đắt vô cùng giá Tự Do.

Hai câu cuối thấm thía và chua xót. ***Đất Khách*** của Thanh Nam, như lòng anh, là một thế giới rộng mở. Giữa muôn trùng tranh chấp, và mê chấp, đọc thơ Thanh Nam như thoát ra ngoài hệ lụy:

Lòng như trăng tỏ, hồ im sóng
Thấy rõ hư huyền chuyện trước sau.

Có lúc mình phải biết quên mình để yêu được một ánh trăng. Đối với những kẻ yêu thơ, yêu đất nước, quê hương, bạn bè, thơ Thanh Nam tỏa ra một ánh sáng dịu dàng, như ánh trăng muôn đời trong cổ thi, trong ca dao. Ánh sáng trong xanh mang về những mùa thu đã xa xôi mà vẫn còn hiu hắt trong lòng ta. Thơ Thanh Nam buồn, man mác êm dịu, chứ không ảo não, bi lụy. Vì trong tận cùng của nhớ nhung, Thanh Nam còn tin ở con người, tin ở cuộc sống, và tin ở quê hương như một giá trị bất diệt, như một "vầng trăng nơi đáy sông."

Có người cho rằng thơ Thanh Nam không mới, về ý lẫn lời. Vì anh không làm thơ để làm thơ, hay để thành thi sĩ. Anh đã nổi danh trong nhiều địa hạt khác, nhất là tiểu thuyết. Anh làm thơ, như người xưa, để gửi một chút tâm sự mà anh không ký thác được trong tiểu thuyết - phần lớn viết để đăng báo hàng ngày. Anh làm thơ cho mình để đánh dấu một quãng đời, và cho bạn bè: anh in thơ là để lưu chút tình riêng cho những kẻ:

Cùng một lứa bên trời lận đận

Anh không theo khuynh hướng nào, mà cũng không mong tạo trường phái.

Do đó Thanh Nam không băn khoăn sáng tạo ngôn ngữ, mà chỉ cần nói lên lòng mình, ở những cung bậc vừa với sự lắng nghe của bằng hữu. Ngọn gió xưa ngân trên cung đàn cũ, làm sóng sánh một ánh sao khuya - đó là thơ của Thanh Nam - hôm nay đã muôn đời im tiếng.

Thanh Nam mất đi, nhiều đứa viết văn trong bọn chúng thôi thấy bản thân mình như mất đi một chút nhân hậu, một chút tư cách. Những năm dài lâm trọng bệnh, anh vẫn cố gắng viết hồi ký «Hai mươi năm viết văn làm báo ở Sài Gòn,» một tư liệu quý hiếm sau này sẽ trở thành thiết yếu cho người viết văn học sử. Thư cho bạn bè ở xa, anh vẫn khoe mình khỏe - để cho đời khỏi bận tâm.

Canh bạc trần gian dù thắng bại
Nẻo về đất lạnh giống nhau thôi.

Lời dặn dò của Thanh Nam soi đường cho chúng ta tìm lại nhau, gần nhau hơn.

Đặng Tiến, 20-6-1985
đọc lại 26-5-2007

ĐẶNG TIẾN

Nhớ Thanh Nam

Dưới trăng, đêm trước, người treo kiếm,
Xuống ngựa, quỳ nâng một đóa hồng.
Đêm sau, trăng hỏi, hoa thùy lệ:
Đất khách người năm có lạnh không?
25-6-1985

Ba Sơn Dạ Vũ

NGUYỄN HƯNG QUỐC

LTS. Bài Ba Sơn Dạ Vũ mà Thế Kỷ 21 đăng lại một phần trong chủ đề tưởng niệm Thanh Nam nguyên đã được đăng trên tờ Văn Xã số 3, tháng 7 năm 1990 trong dịp báo này làm số chủ đề "15 năm văn học lưu vong." Trong bài, nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc giới thiệu ba nhà thơ Cao Tần, Thanh Nam và Mai Thảo, mà theo ông "cả ba người đều có một đặc điểm giống nhau: trước năm 1975, ở miền Nam, họ là những nhà văn, chuyên về văn xuôi; sau năm 1975, bỗng dưng họ, cũng như một số khá đông nhà văn khác, quay sang thơ, làm thơ nhiều và làm thơ hay. Đây là một trong mấy hiện tượng nổi bật nhất trong sinh hoạt Việt Nam lưu vong."

Thế Kỷ 21 xin trích đăng từ bài này phần nói về Thanh Nam và Mai Thảo, hai nhà thơ đã rời bỏ chúng ta.

*

Tựa đề bài viết này mượn ý từ bài thơ *Dạ vũ ký bắc* của Lý Thương Ẩn, một nhà thơ lớn đời Đường:

Quân vấn quy kỳ vị hữu kỳ,
Ba sơn dạ vũ trướng thu trì.
Hà đương cộng tiễn tây song chúc,
Khước thoại Ba Sơn dạ vũ thì.

Tạm dịch:

Bạn hỏi ngày về? Chưa biết được,
Ba sơn mưa tối nước ao đầy.
Bao giờ chung bóng song tây nhỉ,
Kể chuyện Ba Sơn mưa tối bay.

"Ba sơn," trong bài thơ này, theo nghĩa hẹp, chỉ những ngọn núi vùng Tứ Xuyên nói chung; theo nghĩa rộng, chỉ một vùng đất khách, xa lắc quê nhà. Và "dạ vũ" trong bài thơ này, không chỉ là một trận mưa đêm. Nó còn là một nỗi bùi ngùi ứa ra trong tâm hồn của người lữ thứ.

Thơ Việt Nam lưu vong, từ năm 1975 đến nay, tôi có cảm tưởng, cũng giống như hình ảnh "Ba sơn dạ vũ" trong thơ Lý Thương Ẩn ngày nào. Bao nhiêu bài thơ, bấy nhiêu cơn mưa buồn hiu hắt. Mưa đau vì quốc nạn. Mưa sầu vì ly hương. Mưa sủi nước mắt theo từng bước chân lạc lõng trên xứ lạ quê người. Mưa. Mưa lê thê.

Chìm trong những trận mưa lay bay hay tầm tã, ở người này có thêm một nét phẫn nộ; ở người khác có thêm một nét nghênh ngang; ở người khác nữa, có thêm một nét hùng tráng, bừng bừng ý chí đấu tranh. Nhưng dù gì thì gì, cái không khí chung của toàn cảnh thơ Việt Nam lưu vong vẫn là cái không khí của một trận mưa dầm.

(...)

THƠ THANH NAM

Thanh Nam làm thơ ít, rất ít. *"Tôi viết văn là do sinh kế thúc đẩy, còn làm thơ thì chỉ khi nào cao hứng lắm mới làm"*; lời Thanh Nam tâm sự trong một thiên hồi ký viết dở dang đăng trên tạp chí *Văn* tại Hoa Kỳ. Những giây phút cao hứng như thế, tiếc quá, thật họa hoằn. Sinh năm 1931, mất năm 1985, trong 55 năm sống ở đời với 35 năm cầm bút, Thanh Nam đã cho xuất bản hơn 30 tác phẩm, trong đó chỉ có một tập thơ. "Đất khách *là thi tập duy nhất mà Thanh Nam đã ngâm với cái chết đang chờ, với cơn đau ung thư, với nỗi buồn được che kín và để hở"* (Túy Hồng, tạp chí *Văn*, Hoa Kỳ, số 5 tháng 6.1986, tr.5).

Đất khách gồm 16 bài thơ. Nhìn từ góc độ không gian sáng tác: một bài hoàn thành tại Hà Nội; năm bài hoàn thành tại miền Nam Việt Nam; mười bài hoàn thành tại Hoa Kỳ. Nhìn từ góc độ thời gian sáng tác: bài thơ cũ nhất là bài *Phai mòn* năm 1951; hai bài thơ mới nhất là bài *Mưa cũ* và bài *Cõi xuân non* năm 1982.

Từ năm 1983, năm *Đất khách* được xuất bản, đến năm 1985, năm Thanh Nam mất, Thanh Nam làm thêm hai bài thơ nữa: *Phố cũ thay tên* và *Gửi người trốn tuyết*. Cả hai đều là thơ tuyệt cú.

Xuyên qua thời gian đằng đẵng hơn ba mươi năm, ở những địa điểm và trong những hoàn cảnh khác nhau, người ta thấy thơ Thanh Nam

không thay đổi. Nổi lên, đậm nét và rất nhất quán, trong thơ Thanh Nam, một tư thế: cô đơn; một tâm sự: u hoài; một âm điệu: tiêu tao, một phong cách: trầm lắng.

Xuân Diệu, ngày trước, có hai câu thơ dễ thương:

Đã bao lúc màu hoa đem nhớ tới
Biết nhớ ai, đành chỉ nhớ xa xôi.

Dường như nhà thơ nào cũng có, ngay giữa hồn mình, những ngọn cỏ lau đìu hiu xa vắng để thỉnh thoảng ngân lên xào xạc, gửi niềm nhớ vào cõi xa xôi. Niềm nhớ ấy, Quang Dũng gọi là "thương nhớ ơ hờ," Huy Cận gọi là "trời rộng nhớ sông dài," Vũ Hoàng Chương gọi là "nhớ quê dằng dặc," Thanh Nam cũng nhớ, hơn nữa, ông còn chìm đắm triền miên trong nỗi nhớ. Người khác, trước và sau nỗi nhớ xa xôi kia, quay về với cuộc sống gần gũi, cụ thể, trước mắt, với những mùa xuân *nắng ửng khói mơ tan,* với những *mùa hoa thu hoa cúc vàng lưng giậu,* với những người bố, người mẹ *chân quê,* với những *em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc.* Riêng Thanh Nam, một ngọn khói chiều, một lần bay lên là không hẹn hò trở lại, cứ lãng đãng mãi trên cao. Như *sương nương theo trăng ngừng lưng trời.*

Năm 1951, mới hai mươi tuổi, Thanh Nam đã gặp gỡ Thanh Quan trong bài *Phai mòn*:

Ta về chân bước bơ vơ
Ngựa xe lạc nẻo kinh đô nhọc nhằn
Men say thu ấy chưa tàn
Nhớ nhung chùng một tơ đàn xót xa.

Đó là một định mệnh. Từ ấy về sau, mãi đến ngày từ trần, ngày 2 tháng 6.1985, tiếng đàn Thanh Nam lúc nào cũng có một âm giai trầm trầm, buồn buồn, hiu quạnh.

Thanh Nam không sống trong hiện tại bao giờ. Trong thơ Thanh Nam, hiện tại nào cũng cũng âm thầm buồn thảm, khuất sau một cõi sương mù, chìm trong cơn mưa rơi hay trong tuyết lạnh. Ngòi bút Thanh Nam chưa một lần ghi nhận vẻ đẹp nào trong hiện tại. Ngay cả lúc Thanh Nam phấn khởi, sôi nổi nhất như lúc sáng tác bài *Buổi đầu* vào ngày 30.4.1976 thì ông cũng không nhìn thấy gì trước mắt và chung quanh. Sự hào hứng, được diễn tả một cách trừu tượng, *"cây vui trổ lá, nụ mừng đơm hoa"* vừa sáo vừa có một vẻ gì ngượng ngùng.

Thanh Nam sinh ra tại Nam Định, lớn lên tại Hà Nội, nhưng lúc ở Hà Nội, Thanh Nam không ngừng ngậm ngùi buồn, than trời Hà Nội thiếu màu xanh, đời sống Hà Nội như nước đọng ao tù, không khí Hà Nội đã tàn lụi những mùa xuân, và bản thân ông, giữa Hà Nội, *tuổi hai mươi sớm phai mòn ước mơ.* Chỉ đến năm 1953, vào Sài Gòn, nhớ lại, Thanh Nam mới thấy Hà Nội đẹp và đâm ra nhớ Hà Nội quay quắt. Nhớ ngất ngây từng kỷ niệm. Nhớ nôn nao *từng cặp mắt và nụ cười phố Huế.* Nhớ bâng khuâng những sớm thu, chiều hạ hẹn hò xưa. Nhớ. Nhớ chất ngất.

Rồi đến năm 1975, lưu lạc trên đất khách, nhớ lại, Thanh Nam mới thấy Sài Gòn đáng yêu vô hạn. Ông nhớ Sài Gòn cồn cào. Nhớ *nhịp xe buổi sớm.* Nhớ *ánh đèn hẻm khuya.* Nhớ cả *tiếng mưa pháo kích bốn bề thủ đô.* Nhớ da diết. *Nỗi buồn nào cũng mang tên Sài Gòn.*

Thái độ từ chối hiện tại của Thanh Nam thể hiện rõ nhất là trong bài *Khi về hỏi liễu* được sáng tác năm 1962 tại Đà Nẵng, có lẽ sau khi Thanh Nam gặp gỡ và chia tay một người con gái nào đó. Bài thơ không có không khí ngậm ngùi của sự biệt ly. Thanh Nam không buồn. Ông chỉ nhớ. Ông quên bẵng cái con phố ông đang đứng giã từ người yêu để tưởng tượng mình đang ở trong một tương lai xa lắc nhớ nhung về:

Mai ta về con phố xưa còn đẹp
Để những giờ tan học dạo cùng em
Nhìn tay ngọc lẩn trong tà áo khép
Bước ngập ngừng trên những nẻo đường quen.

Con phố hiện tại tự nhiên biến thành một con phố xưa.

Tất cả những hình tượng đẹp đẽ và thơ mộng nhất trong thơ Thanh Nam đều là những hồi quang của quá khứ. Chỉ có trong quá khứ mới có *trời xanh biếc đẹp như màu cốm mới; chiều Cổ Ngư phượng đỏ một khung trời,* mới có *ngày như lá, tháng như mây; gió lên hồn ngỏ phố vui mời.*

Ít có ai nâng niu kỷ niệm như Thanh Nam. Kỷ niệm được ví với một nụ hôn và quá khứ cũng có mùi, mùi thơm ngào ngạt:

Chăn chiếu bỗng thơm mùi dĩ vãng
Dịu dàng mộng cũ ghé môi hôn.

Hồi tưởng, với Thanh Nam, là một cuộc hành hương:

Vào cuộc hành hương tìm gặp lại
Cõi trời xanh biếc tuổi thơ ngây.
Có khi, đau đớn hơn, là một sự truy điệu:
Chợt nghe từ đáy hồn thương tích
Vẳng tiếng kèn truy điệu mộng xưa.

Chính nỗi u hoài triền miên ấy khiến cho

Thanh Nam đâm ra lạc loài trong cuộc sống. Hiện tại nào, ở đâu, với Thanh Nam cũng là đất khách. Hà Nội là đất khách: *Ta về chân bước bơ vơ*. Sài Gòn là đất khách: *Giữa Sài Gòn lạc lõng bước chân thơ*. Và dĩ nhiên, nước Mỹ, nơi Thanh Nam tị nạn từ năm 1975, lại càng là một đất khách:

Giữa đời chợt thấy bơ vơ
Chân đi, hồn rợn mơ hồ chốn xưa.

Cũng chính nỗi u hoài triền miên ấy tạo ra trong thơ Thanh Nam một phong cách ít nhiều cổ kính. Thơ Thanh Nam không mới. Đứng về phương diện nghệ thuật, ông không có được sự cách tân nào cả. Từ ngôn ngữ đến hình tượng đến nhạc điệu, tất cả đều quen thuộc, có lúc mòn sáo. Thanh Nam không làm thơ tự do. Thơ tám chữ ông sử dụng hai lần trong bài *Khi về hỏi liễu* và trong bài *Hà Nội* nhưng không thành công. Sở trường của Thanh Nam là ở thể lục bát và thể thất ngôn, hai điệu đàn truyền thống.

Cái mới của Thanh Nam là ở cảm hứng.

Nếu cảm xúc chủ đạo của thơ Thanh Nam là sự u hoài thì cảm hứng chủ đạo của Thanh Nam là cảm hứng về sự mất mát. Dường như hai khía cạnh này có quan hệ khắng khít với nhau. Khác với người được gọi là "thực tế" thường nhạy cảm trước những lộc non đang nẩy, những người mang tâm trạng u hoài thường nhạy cảm trước những chiếc lá nhuốm vàng. Cả hai đều có thể có vai trò tiên phong trong một giai đoạn văn học. Người này là cánh én báo hiệu mùa xuân, người kia là ngọn gió heo may dắt mùa thu về. Cái tài hoa lớn nhất của Tú Xương là phát hiện sớm hơn ai hết những trận địa chấn làm lung lay bao nhiêu giá trị cũ. Cái tài hoa lớn nhất của Tản Đà là phát hiện sớm hơn ai hết những làn sóng xôn xao trong tâm hồn con người ở cái thuở chớm nhận thức mình là một cá nhân, một cá thể.

Thanh Nam thường hay ngơ ngác trước những hiện thực mới song ông lại cực kỳ tinh nhạy đối với từng đổ vỡ, từng sự phôi pha. Tâm hồn Thanh Nam hầu như cứ chìm đắm miên man trong những giấc mộng nhưng thơ Thanh Nam lại là một chuỗi dài những lần vỡ mộng cay đắng. Cách mạng tháng tám năm 1945 từng gieo vào lòng Thanh Nam những nỗi say sưa ngây ngất để rồi sau đó ít lâu ông lại thất vọng não nề phải bỏ kháng chiến về thành với một *tâm tư nặng trĩu u hờn*. Vào Sài Gòn, sống bằng ngòi bút để lại một lần nữa xót xa thấy đời mình như một vòng xe lăn lóc *rã rời xích chuyển ê hề bánh quay*. Năm 1975, bỏ nước ra đi để tìm tự do, Thanh Nam càng thấm thía cực độ về những mất mát trong đời:

Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đất vô cùng giá tự do.

Thơ Thanh Nam, ở một khía cạnh nào đó, có thể nói là nhật ký của những cơn say. Theo lời kể của nhiều người, trong đó có nhà văn Túy Hồng, vợ Thanh Nam, Thanh Nam hay uống bia và nghiện rượu. Tư thế uống bia và uống rượu của Thanh Nam thường lặng lẽ đến là tội nghiệp. *Đối với bóng mình ta say với ta*. Không phải cơn say nào cũng giống cơn say nào. Năm 1970, trong *Bài hành đón tuổi 40*, là một cơn say nhẹ nhàng.

Bắt chước cổ nhân nâng chén rượu
Mừng xuân thay áo mới cho đời
Mười năm thêm một bài thơ mới
Viết tặng riêng mình tuổi bốn mươi.

Năm 1974, trong bài *Đêm cuối năm uống rượu một mình*, cái say đã nhuốm vị cay đắng:

Rượu mời ta rót cho ta
Bạn gần không tới, bạn xa chưa về
Rót nghiêng năm tháng vào ly
Mắt nheo bóng xế, tay che tuổi buồn
Rót đầy băng giá cô đơn
Rót thao thức nhớ, rót hờn giận quên.

Năm 1979, trong bài *Khúc ngâm trên đất tạm dung*, Thanh Nam say một cách vật vã, đau đớn:

Uống đi, uống cạn cơn cuồng nộ
Rót hết cho nhau những bẽ bàng.

Nói đến cái say cũng là nói đến cái sầu. Say vì sầu. Càng say lại càng sầu. Thơ Thanh Nam: *Cái say như muốn chuyển sang cái sầu*. Những cơn say chếch choáng trong thơ Thanh Nam do đó, thật ra, chỉ là những nỗi sầu đang quằn quại trong tâm hồn Thanh Nam.

Trước năm 1975, Thanh Nam sầu vì thời thế, vì những bất như ý trong cuộc đời, đặc biệt, trong cuộc đời của một văn nghệ sĩ:

Mười lăm năm đó từ phiêu bạt
Đứa vợ con yên, đứa lạc loài.
Viết mướn đã bao thằng mệt mỏi
Sang giàu đếm được những ai đây?
Lưới đời chân đã bùn nhơ vướng,
Mắt vẫn trời cao rướn cánh tay.
Cuộc chiến nay chừa dăm bảy mạng
Thôi thì rượu đó, uống cho say.

Sau năm 1975, Thanh Nam sầu vì thân phận của người lưu vong, vì số phận bi thương của đất nước:

Chấp nhận hai đời trong một kiếp

Đành cho dông bão phũ phàng đưa
Đầu thai lần nữa trên trần thế
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt
Tập làm con trẻ nói ngu ngơ
Vùi sâu dĩ vãng làm tro bụi
Thân phận không bằng đứa mãng phu.

Cái sầu trước 75 gắn liền với nỗi nhớ nhung bâng quơ nên nhẹ nhàng như một tiếng thở dài hiu hắt. Cái sầu sau 75 gắn liền với nỗi hận mất nước nên nặng nề, quằn quại, nhuốm một vị chua cay, bi phẫn, có lúc như một tiếng khóc nghẹn ngào:

Giống như người lính vừa thua trận
Nằm giữa sa trường nát gió mưa
Nhắm mắt cố quên đời chiến sĩ
Làm thân cây cỏ gục ven bờ.

Thanh Nam hay nói về sự trôi giạt. *Đất khách* là tập nhật ký về sự trôi giạt. Trôi giạt trên quê hương. Trôi giạt từ quê hương ra nước ngoài. Ở nước ngoài, trôi giạt từ miền đất này đến miền đất khác:

Trôi giạt từ Đông sang cõi Bắc
Hành trình trơ một gánh ưu tư.

Có lúc Thanh Nam tự ví mình như một cánh bèo lênh đênh:

Rồi đây hiu hắt thân bèo giạt
Trôi nổi quê người ai nhớ thương.

Bài *Gửi người trốn tuyết*, một trong hai bài thơ cuối cùng của Thanh Nam, buồn não nề:

Rượu cũ chưa trao lời giã biệt
Tháng giêng tuyết đã trắng lưng trời
Dẫu trong gang tấc hay ngàn dặm
Trôi giạt về đâu cũng xứ người.

Mà xứ người, trong thơ Thanh Nam, chỉ là một cõi đoạn trường:

Trên đất tạm dung, đời tạm trú
Còn gì ngoài nỗi hận mênh mang.
Thanh Nam có kinh nghiệm thấm thía:
Trăm hận nghìn đau nào sánh nổi
Tấm lòng lưu lạc nhớ quê hương?

Tôi yêu bốn câu thơ này trong bài *Khúc ngâm trên đất tạm dung*:

Tuổi già ví tựa thân tơ mỏng
Cuộc sống trăm cơn gió bạo cuồng!
Ơi bạn, ôi ta, chiều đã xế
Phù sinh thương mình ly rượu suông!

Với bạn là "ơi": gọi. Với mình là "ôi": than. Câu cuối sáu vần bằng, một tiếng đàn chùng, xót xa vô hạn.

Và bốn câu này nữa, cũng thuộc bài thơ trên, thật thê lương:

Dằn chén, lòng đau thương tích rợn
Gào lên, da thịt xích xiềng vang
Bàn tay bất lực che ngang mặt
Người ơi, người ơi, sao đoạn trường...

Hơi thơ tha thiết và thống thiết cực độ. May, trong hoàn cảnh bế tắc và tuyệt vọng ấy, Thanh Nam tìm được một chỗ ẩn náu: kỷ niệm.

Đêm nay ta đốt sầu lưu lạc
Trong khói men nồng hạnh phúc xưa.

Trở về cái cõi lãng đãng khói sương trời tưởng nhớ, Thanh Nam bắt gặp một mùa xuân non xanh ngát:

Trong góc hồn đau dĩ vãng buồn
Vẫn còn xanh ngát cõi xuân non
Tưởng như khói pháo chưa mờ nhạt
Trên lối hoa đào trải mộng thơm.

Giữa cõi xuân non ấy, Thanh Nam hóa thành một ánh trăng:

Lòng đau chợt lắng niềm dông bão
Bắt gặp vầng trăng nơi đáy sông.

Thơ Thanh Nam là một dòng sông, ở đó, vừa có những cánh bèo giạt vừa có một vầng trăng long lanh. Những cánh bèo giạt là chứng tích của những sự mất mát, của những sự phôi pha, là cái phần *"lưới đời chân đã bùn nhơ vướng."* Vầng trăng long lanh là chứng tích của một tâm hồn thoát ra ngoài tục lụy, *thấy rõ hư huyền chuyện trước sau,* là cái phần *"mắt vẫn trời cao rướn cánh tay."*

Thanh Nam tự coi mình là một *gã trung niên nơi đất khách*. Trung niên và đất khách. Một cái gì đã xế ở một nơi nào rất xa xôi.

Có thơ Thanh Nam, bao nhiêu người trung niên nơi đất khách bớt đi cảm giác lẻ loi. Những nỗi niềm của họ, nhờ thơ Thanh Nam, trở thành một cơn mưa phùn rơi lắc rắc trên khung trời tưởng nhớ lãng đãng những khói và sương.

THƠ MAI THẢO

Hẳn Mai Thảo phải thích bài *Ta thấy hình ta những miếu đền* lắm, ông mới lấy tựa bài này đặt tên cho cả tập thơ. Mai Thảo thích, tôi đoán, có lẽ vì bài thơ thể hiện cô đọng một tư tưởng mà ông hằng ôm ấp:

Ta thấy tên ta những bảng đường
Đời ta, sử chép cả ngàn chương.

Không nên nghĩ Mai Thảo, ở vào cái tuổi ngoài sáu mươi, đâm ra ngạo thế, như một số nhà thơ trẻ, vì phẫn chí, giả vờ nghênh ngang. Ở hai câu kế tiếp, Mai Thảo giải thích:

Sao không, hạt cát sông Hằng ấy
Còn chứa trong lòng cả đại dương.

Hạt cát và đại dương. Là gì nhỉ? Là cái cực tiểu và cái cực đại trong *Nam Hoa Kinh* đấy.

Trong suốt tập *Ta thấy hình ta những miếu đền*, Mai Thảo chỉ nhắc đến mấy chữ Nam Hoa Kinh có ba lần: một lần trong bài *Bờ cõi khởi đầu* và hai lần trong bài *Thơ say trên máy bay*, tuy nhiên, ở hầu hết những bài thơ khác, nếu để ý, người ta sẽ bắt gặp, đâu đó, thấp thoáng, lung linh, một chút ánh sáng dịu dàng và lặng lẽ đến từ vầng trăng *Nam Hoa Kinh*.

Trong nền thơ Việt Nam hiện đại, có lẽ Mai Thảo và Chế Lan Viên là hai nhà thơ chịu ảnh hưởng tư tưởng Trang Tử sâu sắc nhất. Thơ của họ phần lớn như một chiếc võng đong đưa giữa hai bờ cực tiểu và cực đại, giữa một bên là thế giới của cá Côn, của chim Bằng và một bên là thế giới của con ve, của chim cưu.

Có điều, Chế Lan Viên chỉ chịu ảnh hưởng của Trang Tử một thời gian ngắn, từ sau tập *Điêu tàn* đến những năm đầu của kháng chiến chống Pháp. Sau đó, tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, một triết thuyết xây dựng trên căn bản sự mâu thuẫn, dấu ấn của Trang Tử trong thơ Chế Lan Viên càng lúc càng mờ. Cái cực tiểu và cực đại trở thành hai phạm trù riêng biệt, thậm chí, đối lập nhau. Vầng trăng Nam Hoa Kinh vẫn còn đấy, trong thơ Chế Lan Viên, nhưng chỉ còn là một vầng trăng khuyết, hay nói như Thanh Tâm Tuyền, trong một câu thơ thật đẹp: "*Một đoá trăng tàn lẩn lút bay.*"

Ở phương diện này, Mai Thảo đi xa hơn Chế Lan Viên: thỉnh thoảng ông đạt đến cái nhìn "huyền đồng." "Huyền đồng" là vượt lên trên tinh thần nhị nguyên, không còn áy náy về những sự mâu thuẫn, không còn băn khoăn về những cái lớn, cái nhỏ, cái đúng, cái sai, cái mình và cái không phải mình. "Huyền đồng" là ý thức về cái Một: con người và vũ trụ là Một ("Vạn vật dữ ngã đồng nhất" - *Nam Hoa Kinh*, thiên 'Tề vật luận'.)

Cái nhìn "huyền đồng" này được Mai Thảo diễn tả khá hoàn chỉnh trong bài *Cục đất*:

Biển một đường khơi xa thẳm xa
Núi vươn trượng trượng tới mây nhoà
Thì treo cục đất toòng teng giữa
Cho cái vô cùng vẫn nở hoa

Biển và núi là những cái cực đại, cục đất là cái cực tiểu. Cái cực tiểu ở đây lại là "hoa" của cái cực đại. Vẫn có khác nhau đấy. Nhưng khác mà không biệt. Trong đoá hoa kia có đất có biển có núi có cả những áng mây xa, nghĩa là có cái vô cùng. Thì thành là Một.

Cục đất và biển và núi là Một; hạt cát và đại dương là Một; cái "tiểu ngã" và cái "đại khối" (tức vũ trụ, theo chữ dùng trong Nam Hoa Kinh) là Một. Vậy tại sao Mai Thảo lại không có quyền nghĩ là bao nhiêu huyết lệ trong trời đất đều phát sinh từ huyết lệ mình; bao nhiêu vòng quay của vũ trụ đều phát sinh từ hạt bụi của mình, từ đó, tiến xa hơn, nhìn thấy hình ảnh của mình trong những miếu đền, giữa những trầm hương nghi ngút; trong những công viên, giữa những tượng thờ nghìn bệ; trong trời cao, giữa những vì sao chi chít; trong lịch sử, giữa những trang sách nặng trĩu tên người? Tại sao không?

Kết quả của cái nhìn "huyền đồng" là một tinh thần ung dung tự tại, cái tinh thần "không ham sống, không ghét chết, ra không vui, vào không sợ, thản nhiên mà đến, thản nhiên mà đi" (*Nam Hoa Kinh*, thiên 'Đại Tông Sư'), hay nói như Mai Thảo, trong bài *Sáu mốt*, là cái "tinh thần Nguyễn Bỉnh Khiêm":

Sáu mốt cùng ta đứng trước thềm
Đợi trời thả tặng chút xuân thêm
Trời thôi tặng phẩm, xuân còn hết?
Còn cái tinh thần Nguyễn Bỉnh Khiêm.

"Tinh thần Nguyễn Bỉnh Khiêm," trong ý nghĩa tuyệt đối của nó, là một trạng thái "chân không" tịch lặng, trong ngần, ở ngoài mọi gió bão, xa lắc những xôn xao:

Sao phải đợi chờ chim én báo
Một đoá vui người đủ tuyết tan
(Tin xuân)

Tuyết, đâu phải chỉ là tuyết. Tuyết, ở đây, còn là một cục bướu ung thư đang phục kích trong thân hình Mai Thảo. Mai Thảo kể, cái lần đầu tiên, sau khi rọi hình, biết chắc ông bị ung thư, vị bác sĩ quen đã yêu cầu ông nằm lại phòng khám để nghỉ ngơi, nhưng Mai Thảo đã từ chối. Ông ra về. Đi bộ. Ghé vào một quán rượu. Gọi một chai Cognac. Đem cái cay của cuộc đời đổ vào cái đắng của lòng mình. Dần dần, ông coi cái cục bướu ung thư trong thân thể mình như một người bạn để thỉnh thoảng lại chuyện trò:

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện
Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn
Nó nghĩ sao rồi nó lại cho.

Bệnh ở trong người thành bệnh bạn
Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân
Gối tay lên bệnh nằm thanh thản

Thành một đôi ta rất đá vàng.
(Dỗ bệnh)

"Không hiểu," theo tôi, là một trong những bài thơ tuyệt cú hay nhất của Mai Thảo và là một trong những bài thơ tuyệt cúa hay nhất của thi ca Việt Nam:

Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao, khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi.

Đáng để ý hơn cả, trong bài thơ trên, là hai chữ "chẳng sạo." "Chẳng sao," rất bất cần. Bất cần cái chuyện "có triệu điều không hiểu." Bất cần cả cái chuyện "khi đã nằm trong đất." Câu cuối, như một vì sao xa xăm, mở ra những chân trời vời vợi.

Hiểu hay không hiểu, rốt cuộc, thì cũng vậy thôi mà:

Có lúc nghĩ điều này điều nọ
Cảm thấy hồn như một biển đầy
Có khi đếch nghĩ điều chi hết
Hệt kẻ ngu đần cũng rất hay.
(Có lúc)

Và cả cái chết nữa, trong bài "Món đất" sáng tác sau khi tập *Ta thấy hình ta những miếu đền* xuất bản, đăng trên tạp chí Văn số 88 ra vào tháng Mười 1989, Mai Thảo cũng hình dung như một bữa tiệc:

Đất tưởng còn xa trời vẫn gần
Giờ đất đã gần trời xa dần
Khăn bàn trải sẵn cùng thân thế
Đợi chiếc khay trời món đất ăn.

Hơi hai câu thơ đầu, tôi rất thích: nó có hình ảnh một đường nghiêng. Khởi đầu là "đất tưởng," hai chữ vần trắc, trên cao, thoải xuống từ từ với chữ "gần" được lặp lại hai lần và cuối cùng, xuống thật thấp, tận thung lũng sâu và rộng với ba chữ vần bằng thoi thóp "trời xa dần." Té ra, bên trong cái dáng vẻ điềm tĩnh, rất Trang Tử của mình, tâm hồn Mai Thảo vẫn có một chút đìu hiu.

Ở trên, tôi có viết thỉnh thoảng Mai Thảo đạt đến cái nhìn "huyền đồng." Chỉ thỉnh thoảng thôi. Không phải luôn luôn. Mai Thảo chỉ giữ được thái độ thanh thản, ung dung khi đối diện với những vấn đề có tính chất siêu hình, những vấn đề liên quan đến cuộc đời, đến con người, đến kiếp người nói chung. Nhưng khi đối diện với những vấn đề cụ thể hơn, đến đất nước, đến hoàn cảnh lưu vong, đến bạn bè mình và bản thân mình đang trầm luân trong thời cuộc, thơ Mai Thảo biến thành những tiếng mưa thầm:

Bước một mình qua ngưỡng cửa năm
Nhân gian tịch mịch tiếng mưa thầm
(Trừ tịch)

Mưa thầm. Những cơn mưa lê thê và tái tê của quốc nạn cứ tuôn rơi dào dạt trong lòng mọi người Việt Nam. Mưa sướt mướt trên trại giam có Nguyễn Sỹ Tế, có Phan Nhật Nam, có Tô Thuỳ Yên... vác thánh giá. Mưa ngùi ngùi thương "*những Thanh Tâm Tuyền trăm năm đã xa*," "*những Vũ Hoàng Chương nghìn ngày đã khuất*," những Bùi Giáng "*ngày ca múa khóc cười giữa chợ,*" "*tối tối về chùa đêm làm thơ.*" Mưa phơi phới bay theo Mai Thảo trên đường vượt biển "*giữa đất tận trời cùng giữa chỉ một mình ta.*" Mưa giàn giụa trên Vũ Khắc Khoan, trên Nghiêm Xuân Hồng, trên Võ Phiến, trên Mặc Đỗ, trên Thanh Nam, trên Tuý Hồng... đội mũ gai nơi cõi lưu đày. Mưa. Mưa trùng trùng. Mưa điệp điệp. Những tiếng mưa thầm và những giọt mưa đen:

Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Mưa thả đều trong giấc ngủ đen
(Đợi bạn)

Mưa. Mưa trên niềm nhớ nhung quê hương không nguôi:

Nhánh hương thắp nửa này trái đất
Bay đêm ngày về nửa bên kia
(Năm thứ mười)

Mưa. Mưa rơi trên từng ngày, từng ngày trôi giạt:

Mỗi ngày một gạch mỗi ngày giam
Lên bức tường câm cạnh chỗ nằm
Gạch miết tới không còn chỗ gạch
Gạch vào trôi giạt tới nghìn năm
(Mỗi ngày một)

Mưa từ quá khứ xa mưa tạt về:
Đôi lúc những hồn ma thức giấc
Làm gió mưa bão táp trong lòng
Ngậm ngùi bảo những hồn ma cũ
Huyệt đã chôn rồi lấp đã xong
(Quá khứ)

Mưa. Vẫn mưa. Mưa trong những tách trà buổi sáng. Để thành một "ngụm đau trời đất" dành cho kẻ ly hương:

Trà đựng trong bình trí nhớ câm
Rót nghiêng từng ngụm nỗi đau thầm
Hoà chung cùng ngụm đau trời đất
Là mỗi ngày ta mỗi điểm tâm
(Điểm tâm)

Có lúc Mai Thảo tự nhủ:

Đừng khóc dẫu mưa là nước mắt
Đừng đau dẫu đá cũng đau buồn
(Em đã hoang đường từ cổ đại)

Thì cũng là một cách tự động viên. Làm sao mà hết não nề được khi vẫn còn đây, mỗi ngày, những bước chân lang thang giữa phố người, những mắt nhìn ngơ ngác giữa "*rừng vô tuyến, ống thu lôi.*"

Làm thân sư tử cao nghìn trượng
Tự thuở xa rừng khóc chẳng thôi
(Manhattan)

Thanh Nam, lúc còn sống, từng có một kinh nghiệm thấm thía:

Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đắt vô cùng giá Tự Do
(Thơ xuân đất khách)

Chắc chắn Mai Thảo cũng từng chia xẻ kinh nghiệm ấy:

Tôi tự do phơi phới một đời
Sao từng lúc lòng còn nhỏ lệ
(Thơ say trên máy bay)

"Từng lúc" khác với "đôi lúc." "Từng lúc" là triền miên một nỗi đau dài thỉnh thoảng ứa ra một giọt nước mắt nghẹn ngào. Nỗi đau hoá thành đất thành trời thành chiều thành đêm:

Ngồi tượng hình riêng một góc quầy
Tiếng người: kia, uống cái chi đây?
Uống ư? một ngụm chiều rơi lệ
Và một bình đêm rót rất đầy
(Một mình)

Tôi ngờ là, trong những bài thơ say của Việt Nam, hiếm có bài nào bi thiết và tha thiết như bài thơ nói về cái say của bức tượng lữ thứ này.

Bức tượng? Vâng, một bức tượng bất động lặng lẽ như một khối buồn câm:

Tựa lưng vào vách tường thân thuộc
Trong cõi riêng buồn lại thấy ta
(Bộ đồ cũ mặc)

Trong bài "Lộ trình," Mai Thảo tự gọi mình là một bức tượng: "tượng người vô giác."

Xe lao chở tượng người vô giác
Vào ngả lâm chung lối tử hình

Bức tượng ấy, giữa cõi nhân gian, bước từng bước lạc lõng và lạc loài. Ấn tượng nổi bật nhất toát lên từ thơ Mai Thảo là ấn tượng nặng nề, day dứt của sự cô đơn. Mai Thảo có đông bạn bè. Trong tập *Ta thấy hình ta những miếu đền*, có khá nhiều bài Mai Thảo viết về bạn bè, viết cho bạn bè, viết nhân lúc đi thăm viếng bạn bè. Có điều, từ hơi thơ đến hình tượng thơ đến cảm xúc thơ, người ta vẫn thấy dường như bao giờ ông cũng lẻ loi. Ông thường làm thơ trên đường đi chứ không phải lúc đã đến.

Thơ Mai Thảo rất ít tiếng động. Cho dù có tiếng động đi nữa thì những tiếng động ấy cũng chỉ được dùng để làm đậm nét thêm cái lặng lẽ, cái tịch mịch trong tâm hồn Mai Thảo. Đi giữa rừng giữa suối; rừng xôn xao, cũng mặc; suối ào tuôn, cũng mặc, Mai Thảo vẫn chìm đắm trong cõi trời đất quạnh quẽ của riêng ông. "*Với buổi chiều ta giữa lối buồn.*" Đó là Mai Thảo. "*Tai đã từ bao lạc tiếng đời.*" Đó là Mai Thảo. "*Đi dưới mưa một mình.*" Đó là Mai Thảo. Và cũng là Mai Thảo nữa, cái bằn bặt não nề này:

Ngất đỉnh cây kia gió thét gào
Trọn mùa. Thành động biển trên cao
Bến ta tối khuất từ xa biển
Bờ chẳng còn ngân tiếng sóng nào
(Santa Ana Winds)

Tôi yêu bài thơ "Không hiểu" dẫn trên, tôi cũng yêu lắm bài thơ "Không tiếng" dưới đây, rất Đường thi, ngỡ như một bài thơ thiền:

Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cành không hay
Vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in cái bóng gầy

Bài thơ mang tựa đề là "Không tiếng" nhưng thật ra nội dung lại nói đến chuyện không hình: "Không tiếng" chỉ ám chỉ sự đi về lặng lẽ; đi, đi rất sớm; về, về rất trễ. Nhưng ai đi? ai về? Cả hai câu đều thiếu chủ từ. Không ai đi, không ai về cả. Cái dấu mà đôi lúc vầng trăng tìm thấy chỉ là một cái bóng gầy nơi vách tường. Chỉ là cái bóng thôi. Chỉ là cái ảo thôi. Thế đấy, cái con người từng thấy tên mình trên các bảng đường, thấy hình mình ở những miếu đền lại cũng thấy nữa, thấy rất rõ cái hư vô, cái hư ảo của cả kiếp mình.

Cái ảo ấy lại cưu mang một nỗi buồn rất thực:

Tả ngạn đời ta một nhánh hoa
Bên kia hữu ngạn vẫn thơm và
Hương bay thần chú qua lìa đứt
Mỗi tới bên này mỗi lệ sa
(Tả ngạn)

Thơ Mai Thảo, những bài làm sau 1975, có thể nói là những giọt lệ rơi trên một triền núi thẳm, cái triền đi xuống những thung sâu. Đôi lúc, Mai Thảo dùng động từ "khóc," nhưng thơ của ông, rất lặng lẽ, chỉ là những tiếng khóc thầm, những nỗi đau thầm. Tất cả đều âm thầm. Như những tiếng mưa thầm.

Thơ Mai Thảo là những tiếng mưa thầm rơi trên Nam Hoa Kinh./.

những cánh hoa trắng trên cây khô

THẢO TRƯỜNG

Từ hàng ghế dành cho giáo dân nhìn lên bàn thờ, ông lão quan sát nơi thờ phụng Chúa của bà lão. Gọi là Chúa của bà lão là vì vợ ông khi chưa ngã bệnh thường hay giành lấy hết tất cả phúc đức, khôn ngoan về cho mình, cho nên đã có lần ông lão nói: "Tất cả là của em, nước Mỹ này là của em, thế gian này và nước Chúa kia cũng đều là của em." Bây giờ bà bị bệnh nặng không đi đứng được, nằm một chỗ, đàn con bèn giao cho bố cái sứ mệnh cao cả là thường trực ở nhà săn sóc và coi chừng má chúng nó. Ông than "thoát khỏi nhà tù xã hội chủ nghĩa, lưu vong sang Mỹ lại sa vào một nhà tù khác tinh vi hơn." Hai ngày cuối tuần ông được nghỉ "xả hơi" vì đàn con đông đảo của ông chúng thay phiên nhau đến săn sóc mẹ.

- Bố đi chơi đâu cho khuây khỏa thì đi đi.

- Đi đâu bây giờ?

- Thì bố ra quán cà phê ngồi nhâm nhi tán gẫu đỡ buồn.

Ông nói:

- Lúc chín giờ thi sĩ điện thoại rủ ra "quán cháo lú" của kịch tác gia, bố nói chờ lát nữa có đứa nào đến coi bệnh nhân tôi sẽ tới. Chờ mãi đến trưa mới có cậu út đem fast food tới, lúc đó bố chỉ còn cách xách laptop ra vườn sau ngồi gặm hamburger ở bãi cỏ, chứ còn làm gì được nữa, họ về hết rồi còn đâu.

Từ đó ông tính kế cho riêng ông.

Sáng chủ nhật thức dậy sớm, uống cà phê xong, vào ngó bà lão thấy vẫn còn nằm ngủ ngáy khò khò, ông bèn mặc quần áo đẹp trốn ra khỏi nhà.

*

"Tôi trốn ra khỏi nhà đi chơi với em. Mà đi đâu bây giờ? Chúng ta không có một nơi ẩn náu. Cả thế gian này không có một chỗ nào cho chúng ta ẩn náu đâu em."

Thôi đành lại đến nhà thờ. Nước Chúa ở khắp mọi nơi, cho khắp mọi người. Xung quanh phần đông là những ông bà Mỹ già. Tôi thì một mình nên bèn nhìn lên bàn thờ Chúa mà nghĩ tới em. Hôm nay là mùa chay nên bàn thờ được trang trí theo phong cách năm sự thương khó. Những tấm màn màu tím than rất lớn từ trên cao rũ xuống chỉ mang hình vẽ vỏn vẹn một cọng gai, loại gai thường nhìn thấy trên đầu Jesus Christ trên đường thánh giá tới đỉnh đồi đóng đinh. Không rõ nhà vẽ kiểu nào, có phải là linh mục chánh xứ không, đã trưng bày hai cây khô với bốn cây nến. Em có để ý không, tôi thì tôi thấy ở búp những cọng cây khô có loáng thoáng một vài bông hoa trắng rất nhỏ, hoa trắng rất ít và rất nhỏ, em phải chú ý tinh mắt mới nhận ra, chứ nếu em chỉ mê mẩn vì tình, chỉ nghĩ tới hình ảnh khác, chỉ nghĩ tới *đôi mắt của cái lão ngậm tẩu nhìn như không nhìn ai*... thì em sẽ chẳng thể nhìn thấy mấy đốm hoa trắng bé tí teo trên búp cây khô. Hai cây khô rất đẹp nhưng tôi lại lấy làm tiếc nếu như designer chỉ chọn đặt một cây khô nở hoa với một ngọn nến lung linh ánh lửa ở bàn thờ Chúa cho ngày hôm nay và cho cả ngày mai thì sẽ trọn vẹn hơn cho tất cả. Đó chỉ là ý nghĩ và mong muốn của riêng tôi. Nhà thiết kế có ý tưởng và lý do riêng của họ. Người nữ không có cơm ăn không có áo mặc hay nhân vật nữ có cuộc sống đầy đủ phè phỡn trưởng giả, ai thương tâm hơn ai? Phải là thế nào đây mới là tội nghiệp?

Trốn nhà đi tư tình với em, rủ em đến nhà thờ quì trước bàn thờ Chúa. Rủ là rủ tưởng tượng sung mãn thôi chứ giờ này em đang làm việc bên cạnh cái *lão ngậm tẩu* ở không gian miền đông nước Mỹ. Tôi một mình nhưng tôi vẫn cứ bắt em phải quì gối bên cạnh tôi trước mặt Chúa và nói "I do." Đến cái tuổi "khọm" sắp "tỏi" tôi mới dám trốn bà lão ra khỏi nhà, mới dám bày đặt yêu thầm nhớ trộm, mới bắt đầu tập

tành ngoại tình, mới thèm muốn cầm tay em, thèm muốn được em chạy đến ôm hôn ở sân bay, muốn được đưa em đi thăm Huế, thăm Nam Định...

*

Bà phước ngồi cạnh thấy ông lão chỉ ngồi nhìn mà không ca hát, dì bèn đưa cho ông quyển thánh ca của nhà thờ, đã mở sẵn trang có bài hát cả nhà thờ đang hát, dì chỉ ngón tay vào câu ca cho ông khỏi mất công lần mò tìm tòi. Ông thank you sister, dì không nói gì mà chỉ hát theo mọi người. Ông lẩm bẩm hát theo dòng người. Dì phước đã lớn tuổi, dì trông coi trường học của giáo xứ, dì biết ông là người sáng sáng đi theo bà lão đến nhà thờ. Bà lão đi lễ, ông chỉ là người đi theo, phải đi theo bà để coi chừng mấy đứa cháu yêu của bà, nhưng dù sao thì ông cũng được lây cái tiếng siêng năng đi lễ nhà thờ hàng ngày. Cả hơn chục năm rồi chứ ít sao, đến thánh cả Joseph còn biết mặt ông chứ đừng nói sister hiệu trưởng.

Ethan và Nick đi đâu cũng mang theo xe tăng tầu bò súng ống đạn dược, có khi cả mặt nạ chống hơi độc trong chiến tranh vi trùng. Ở nhà thờ hai đứa thường chui xuống dưới gầm ghế mai phục, bố trí súng ống, khi nghe giáo dân đọc "Our father..." là tự động chúng vứt bỏ hết vũ khí, chui ra khỏi hầm, đứng lên, cầm lấy tay ông hoặc tay ông bà Mỹ nào đó ở bên cạnh. Hai Mỹ con không biết đọc: *"Lậy cha chúng tôi ở trên trời..."* nhưng chúng biết bài kinh *"Our father..."* Chúng còn biết bắt tay và chúc: *"peace to you..."* nữa. Ông nhìn và thích thú vô cùng. Cả mấy ông bà Mỹ già bên cạnh cũng nhìn lũ trẻ cháu ông và cười thích thú như ông.

Ông lão nghĩ, nếu như trời thương, hai thằng cháu ông, mai này lớn lên chẳng may được mời "hồi loan", hoặc "tìm đường cứu nước" trở về, nhảy lên làm tổng bí thư, chủ tịch nước, chúng sẽ áp dụng chính sách quốc phòng toàn dân, bắt người ta khi đi lao động, con trâu đi trước cái cầy theo sau, phải luôn đeo khẩu súng trường dài thoòng trên lưng còng, sẵn sàng chiến đấu. Hoặc là thằng nào được làm tổng thống ở nước Mỹ, sẽ vận động quốc hội ra đạo luật buộc nhân dân Mỹ phải đem theo người cái mặt nạ chống hơi độc, khi làm việc, khi đi chơi, khi ngủ, cũng như khi yêu...

Nhưng mà này ông lão, nếu sau khi chúc bình an của Chúa cho nhau xong, chúng có cầm lại vũ khí thì ông cũng cảm thông cho chúng chứ ?

*

Qua hình ảnh bà phước Mỹ, tôi nhớ lại hình ảnh soeur Josephine ở trường Thánh Tâm phố Hàng Thao thành phố Nam Định thuở xưa. Không biết ngày ấy do đâu mà tôi lại lọt vào học trường con gái do các bà sơ dạy. Năm đó tôi còn nhỏ học Cours Élémentaire. Năm sáu nhóc học chung với cả lớp con gái mà tôi lại to đầu hơn cả. Cũng may suốt năm học tôi đều đứng nhất lớp, cưỡi đầu cả con trai ông tỉnh trưởng sở tại. Có lần quan năm tây commandant secteur đến thăm trường, quan tây xí xô hỏi chuyện, sơ Josephine chỉ tôi gọi đứng lên, quan tây bước đến xoa đầu ông lỏi, rút trong túi ra một nắm tiền đông dương thưởng cho nhét vào tay. Cả lớp con gái sầm xì bàn tán. Sơ Josephine cũng cười tươi hãnh diện. Tôi thì ngẩn người ra như một thằng ngố. Cũng trong lần đến thăm trường ấy mà đồn hiến binh tây đóng ở căn nhà cổng tu viện phải dọn đi nơi khác. Hồi mới chiếm lại thành phố, tây đóng đồn hiến binh ở đó để lính lê dương không giám đến phá phách dòng tu, nay tình thế đã có phần ổn định, rút đi chỗ khác cho nhà dòng được yên tĩnh. Và học trò chúng tôi mới được đi ra đi vào cổng chính phố Hàng Thao thay vì phải chui qua cổng phụ ở phố Hàng Sũ. Nhưng niên học sau bọn con trai chúng tôi cũng không còn được học ở trường Thánh Tâm nữa mà phải qua học bên trường con trai École Servir. Và cũng từ đó tôi không bao giờ còn được trông thấy sơ Josephine kính yêu của tôi nữa.

Tôi mang món tiền "tây quăng" về đưa cho bố, hình như đó là khoản tiền "thu nhập" đầu tiên tôi kiếm được trong đời. Nhưng có một điều lạ, trong số học trò con gái có hai cô em chơi thân với nhau đều tỏ vẻ thán phục tôi, nhiều lần trò chuyện hai người con gái ấy đã nói là họ rất muốn học giỏi được như tôi. Hai cô đều có tên tây và tên Việt, nhưng tôi chỉ nhớ tên Việt của họ. Nhớ đến nỗi sau này, mấy chục năm sau này, khi cần chọn cho mình một bút hiệu, phụt nhớ, tôi đã dùng hai chữ tên của hai cô bạn học thời xa xưa ấy. Tên hai cô bạn nhỏ dính chặt vào trong trí não tôi. Cũng như tên của sơ Josephine mãi mãi cho đến già tôi vẫn nhớ mồn một. Lạ thế, bao nhiêu bạn học khác không nhớ, bao nhiêu các bà sơ khác cũng không hề nhớ một mảy may nào, nhưng sơ Josephine, thì hiển hiện trong trí nhớ tôi. Bây

giờ đã lão, dĩ nhiên sơ Josephine còn lão bà nhiều hơn nữa, nhưng nghĩ tới, hình ảnh sơ vẫn là tươi trẻ phúc hậu đẹp đẽ lòa xòa trong bộ y phục nữ tu với chiếc mũ cánh trắng trên đầu. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng sơ Josephine đã qua đời, tôi nhớ tới sơ là nghĩ ngay đến hình ảnh sơ thuở ấy. Và bây giờ ngồi dự lễ nhà thờ bên cạnh bà phước sister Mỹ, nhớ lại, cũng vẫn là hình ảnh sơ Josephine tươi trẻ ngày nào mặc dù tuổi tác thì sơ Josephine hơn bà phước hiệu trưởng trường học nhà thờ nhiều lắm.

*

Grandparent Day ông lão đến trường tham dự buổi học với hai đứa cháu, còn đang lớ ngớ tìm lớp, sister đến vỗ vai ông chào hỏi và giúp ông tìm ra ngay lớp học. Hôm đó hai đưa cháu thay phiên nhau vẽ bàn tay ông úp vào bàn tay của nó xong tô mầu, hai bàn tay hai mầu khác nhau, rồi nó vẽ ông có râu ria đầy đủ chỉ trông không giống ông mà thôi. Chúng còn phỏng vấn ông những câu rất hóc búa, trong đó có câu "ông yêu ai hơn trong hai người bố nó và mẹ nó" ông khôn lỏi trả lời "Ông yêu cả hai bằng nhau." Rồi câu tiếp "Bố của ông và mẹ của ông ai là người nghiêm khắc hơn," ông cũng vẫn khôn lỏi "Cả hai đều nghiêm khắc như nhau." Nhà trường chụp hình ông cháu, cô giáo nói hãy cười lên, cả ông cả cháu đều cười. Khi nhận được hình, mẹ chúng nó mua một cái khung rất đẹp cài hình vào rồi để trên bàn của ông. Ngày nào ông cũng nhìn thấy ông, thấy Ethan, thấy Casey cười. Casey cười mỉm, Ethan cười ngoác miệng nghịch ngợm, không hiểu anh ta còn nhớ môn võ liếm đất cổ truyền? Riêng ông, nụ cười trên môi ông sao thấy như xa xôi hoang vắng. Chẳng lẽ lúc đó, lúc vui với những đứa cháu thương yêu, ông chợt nhớ tới một người nào, ông chợt nhớ tới một nhân vật hư cấu nào. Ông nói lảng:

- Trẻ con chúng đẹp đẽ xinh xắn, chụp hình chung với ông đen đủi xấu xí, già yếu bệnh tật, làm hỏng cả tấm hình, hỏng cả nghệ thuật.

- Bố trẻ cũng đẹp mà già cũng đẹp, khỏe mạnh cũng đẹp mà ốm đau bệnh tật cũng đẹp, đen đủi cũng đẹp, xấu xí cũng đẹp, mập mạp cũng đẹp, quần áo luộm thuộm cũng đẹp, đầu bù tóc rối cũng đẹp. Bố nói đúng cũng hay, bố nói sai cũng hay...

- Thật không?

- Thật chứ. Chín mươi chín phần trăm. Bằng cớ là má mê bố suốt cả đời, mê lúc bố trẻ mà mê cả lúc bố không còn trẻ. Bố ở nhà cũng mê mà bố đi làm tù binh cũng mê, bố ở gần cũng mê mà bố đi xa cũng mê. Thậm chí lúc "nàng" còn thanh xuân mê bố đã đành, bây giờ nằm liệt một chỗ mà cũng vẫn còn gọi với ra "bố bố em em" thì quả là "bà lão" si tình bố quá thể còn gì.

Ông lão thở dài:

- Mẹ ghê gớm mà con cũng ghê gớm. Nhưng mà sao chỉ có chín mươi chín phần trăm?

- Cũng phải chừa lại một phần trăm để yêu bản thân mình chứ.

*

Ông lão lái xe ra khỏi nhà thờ, phải về thôi, không chừng giờ này bà lão đã thức dậy, đang chờ phục vụ, "đồng chí thủ trưởng đang đợi đồng chí cần vụ" ở nhà, cứ ở đấy mà vung vít.

Ba con vịt con đứng chơi giữa đường, ung dung, đủng đỉnh... Ba nàng mới lớn, bộ lông còn vàng vàng và lú nhú. Hình như ba nàng mới từ công viên thoát ra đây, có vẻ nhởn nhơ, coi đường sá là của mình, coi xe cộ chạy vùn vụt trên đường không ra gì, coi thên hạ như "ne pas"... Ông lão phải dừng xe lại thôi, bấm còi nhè nhẹ không ăn thua có lẽ vì ba nàng không thích cái lối mắng mỏ bằng máy kiểu mỹ. Ở Mỹ nghe nói: thứ nhất là đàn bà trẻ em, thứ hai là chó mèo, thứ ba là cây cỏ, thứ tư là chim muông cá kiểng... Chắc vịt gà ngan ngỗng thả rông ở công viên cũng thuộc giai cấp quí tộc thứ tư, cũng thuộc loại chim muông cá kiểng cần được tôn trọng bảo vệ vì cũng là tài sản quốc gia, tài sản xã hội chủ nghĩa thiêng liêng. Dừng xe một lát chờ quí cô nương tránh lên lề đường cho bản thân tôi nhờ, nhưng các nàng không vội... "đi đâu mà vội mà vàng, mà vấp phải đá mà quàng phải dây, đủng đỉnh như chúng chị đây..."

Trong khi ông cố nhẫn nại nhường nhịn ba cô, thì cái bà lái xe đằng sau, có lẽ không thấy việc làm tôn trọng luật lệ và tôn trọng văn minh của ông nên bấm còi xe thúc giục! Trước tình thế ấy, ông phải làm sao đây. Ông mới đi lễ nhà thờ về, mới đi gặp người tình của ông về, ông đang cần phải về nhà gấp vì chủ của ông đang đợi... Ba nàng phía trước, một bà phía sau, có hiểu cho lòng ông không?

Cuối cùng thì ba cô (ông cũng chỉ đoán mò, vì thấy cả ba đều xinh đẹp, chứ đâu đã phân biệt được đực cái) cũng lên vỉa hè đứng nhìn xuống đường xem ông tháo chạy. Về tới nhà

quả nhiên bà lão đã... bò ra tới bếp. Ông hết hồn vì rằng nàng đã nhiều lần ngã lăn đùng ra bếp không ngồi dậy được đến khi được cứu. Những lần xảy ra sự cố như thế nhân dân nó biết nó phê phán bố chúng nó thiếu quan tâm nhiệm vụ.

*

Sau nhiều tháng ốm đau liệt giường liệt chiếu, bà bỏ cả đạo, chủ nhật phục sinh là lễ buộc, ông đưa bà đến nhà thờ. Ông dẫn bà vào chỗ của người tàn tật, lúc đầu bà không chịu có lẽ vì xấu hổ không muốn người khác thấy mình tàn tật, nhưng rồi ông dỗ dành: "Nước Mỹ họ đã chuẩn bị cho bà đủ thứ, từ chỗ đậu xe đặc biệt dành riêng, đến chỗ ngồi rộng rãi tiện nghi ở nhà thờ, rạp hát, xe bus, tầu điện... chỗ nào bà cũng được ưu tiên, sao bà không hưởng? Không biết nước Mỹ họ đã làm gì ác đức mà đến nông nỗi phải trả nợ đời đến thế, lo cho người Mỹ già đã đành, nay phải cung phụng cho di dân như bà đủ thứ tiện nghi. Chắc tại vì bà là đồng minh trong chính sách quốc tế toàn cầu!"

"Này em, hôm nay em có thấy cây khô đã có nhiều, rất nhiều hoa trắng nở ra ở đầu cành. Không chỉ một hai cánh trắng nhỏ xíu khó thấy như bữa trước, mà là xum xuê. Rất dễ thấy. Ai cũng thấy. Cả nhà thờ đều sẽ nhìn thấy. Không chỉ riêng anh. Nhưng anh vẫn sẽ chỉ cho em. Để anh và em cùng nhìn thấy hoa trắng đã nở rộ trên cành cây khô..."

Những tấm màn màu tím vẽ gai góc cũng đã được thay thế bằng những tấm màn trời xanh, biển xanh, với làn sóng bạc mát mắt.

Bà lão ngồi ghế dành riêng cho người què, nhưng ông lão chưa què nên ông ngồi ở hàng ghế sau để lo săn sóc cho bà phía trước. Ngồi ở hàng ghế dành cho người què linh mục sẽ phải mang mình thánh Chúa đến tận nơi mời bà xơi, mang rượu nho tức là máu thánh Chúa đến tận miệng mời bà uống. Bà không đến với Chúa được thì Chúa đến với bà vì Chúa lòng lành vô cùng.

Thực phẩm của trời thì như thế, còn thực phẩm trần gian ở nhà bây giờ bà lão hoàn toàn phải ăn theo tiêu chuẩn ông lão định mức. Bà không được lựa chọn, kén cá chọn canh, ông lão cho gì bà hân hoan mà hưởng. Nhưng trình độ bếp núc của ông rất giới hạn, có khi "food to go" cho tiện. Đàn con cũng rất hay giúp bố, mỗi khi có dịp tạt qua nhà thăm bố mẹ, anh chị nào cũng ghé tiệm ăn mua một hai món gì đó đem tới, bà lão ốm đau ăn uống qua loa, còn bao nhiêu ông lão thanh toán. Do đó bà lão càng ngày càng gầy đi, xuống một trăm pounds rồi xuống chín chục... trong khi đó ông lão phải ăn cố cho hết đồ ăn, bao nhiêu cơm thừa canh cặn không để dư không bỏ phí, tội ngập đầu của trời mười đời không có, ở ngoài bắc đói rã họng... trọng lượng cơ thể ông tăng dần lên tới hai trăm pounds, mập ú, đi đứng dềnh dàng, mang chứng bệnh mập phì dễ chết! Nhưng có lần ông lão nói với bà

- Em đừng có chết. Em sẽ chỉ chết sau bố. Mà bố thì thọ tới 94 tuổi, cô thầy bói riêng của bố nói bố sẽ sống khỏe tới chín mươi tư tuổi lận.

Bà lão nói:

- Ý bố muốn em chôn bố chứ gì, bài cũ hát hoài.

- Đúng vậy. Bố thích khi mình "tỏi" có đủ ba người nhào vào ôm hôm gỗ khóc lóc thảm thiết...

- Bố đào đâu ra những ba người quởn đời rỗi hơi như thế?

- Thì chỉ là bố thích được như thế thôi mà. Còn thực tế thì... một người có lẽ cũng đừng hòng, chẳng thấy em què giò đó sao, què làm sao mà "diễn" nổi cái vai sầu bi như thế. Người số một đã thấy khó thực hiện rồi...

- Này, yêu cầu đừng dùng chữ què nghe ghê quá, không nhớ lũ con nó dặn dò bố đừng bao giờ dùng lời nói nặng với má sao?

- Ờ, không thích thì thôi, nhưng què thì nói là què, có làm sao đâu, dễ gì tự nhiên được mang cái tước hiệu handicap.

- Thế còn người thứ hai, thứ ba... là ai vậy?

- Đến ngày đó ai có lòng tới khóc lóc thì em sẽ biết, sẽ thấy, chứ bố làm sao mà thấy được nữa!

Rồi ông lão nói sang chuyện khác:

- Nếu em chết trước lũ con nó sẽ không mua đồ ăn đem tới nữa đâu, chúng mua là mua cho mẹ, vắng mẹ rồi chỉ còn bố thì bố lái xe ra quán ăn mấy hồi... Vắng em là bố bị "thất thu" ngay...

Bà lão xịu mặt:

- Bạc! Chỉ ăn!

Đến khi bỏ tiền vào rổ, ông cũng lấy trong bóp ra một đồng đưa vào tay bà vì ông biết bây giờ bà không có tiền rủng rỉnh như hồi còn khỏe mạnh. Hồi bà còn khỏe mạnh bà nắm giữ việc chi tiêu trong nhà, ông khỏi phải bận tâm lo

lắng, ông đóng vai người vô sản chuyên chính một xu teng không có trong túi vì mọi việc đã có nhà nước lo. Bây giờ bà nằm đó, ông phải lãnh trách nhiệm trước lịch sử, từ việc đi chợ nấu nướng rửa chén bát nồi niêu ly tách đũa thìa dao thớt... phát sẹo cả hai bàn tay, đến việc lau nhà, giặt đồ, cắt cỏ, lái xe, ký check trả tiền bill, làm bác sĩ khám bệnh kiêm y tá chích thuốc... Lantus, 30 units, chích bụng dưới lỗ rốn, mỗi buổi sáng lúc chín giờ. Vạch áo ra cho bố xoa alcohol. Già rồi có gì mà mắc cỡ. Kim tiêm Mỹ chích ngọt không, đâu có đau. Bố là một y tá cừ khôi. Ông "đốc" Cổn cũng phải công nhận, chứ cô Teneese khen là đương nhiên.

Ông làm tất cả mọi việc trong nhà. Hồi trước ông gọi bà là cai ngục và ông tự nhận mình là tù khổ sai, bây giờ ông làm cai ngục bà làm tù, bà phải chờ ông ban phát thứ gì thì được thứ ấy, tù không được phép đòi hỏi, kể cả việc chi cho bà một đồng dollar mỹ bỏ vào quĩ chi tiêu nhà thờ. Ông lão nói:

- Bố cho em tiền bỏ vào quĩ nhà thờ.

Bà lão cầm đồng tiền nhưng có vẻ ngơ ngơ, ông lão phải giảng giải vào tai bà:

- Nhà thờ phải chi tiêu nhiều thứ, nhà thờ cũng phải trả tiền điện, nước, gas, cắt cỏ, hoa lá, máy lạnh máy sưởi, hút bụi... thì mỗi người phải góp vào chứ. Nhà Chúa cũng cần có những nhu cầu tiện nghi thông thường, ở nước chậm tiến kém phát triển nhu cầu thấp nhưng ở nước công nghiệp phát triển cao thì nhu cầu cũng cao hơn, nhà Chúa ở đây cũng cần chi tiêu nhiều hơn. Nếu ở quê nhà, với thị trường hối đoái bây giờ, một tờ này bố có thể đổi ra cho em được những ba tờ năm ngàn còn dư tiền lẻ (ông trưởng ty ở Quảng ngãi đọc là "ba tơ nem"), em cúng vào nhà Chúa được những ba lần mà vẫn sang trọng, như thế cũng tấm vé vào cửa nước thiên đàng mua ở trong nước rẻ hơn mua ở Mỹ, em thấy không. Tờ tiền này bố cho em để em góp mua ticket vào cửa nước thiên đàng ở thị trường Mỹ. Bố lo cho em đủ thứ, lo cho em đời này và lo cho em cả đời sau nữa.

Khi chúc bình an cho nhau, bắt chước mấy ông mấy bà Mỹ già họ hôn môi nhau thắm thiết, ông lão cũng sang trọng như tây, lật mặt bà ngửa lên rồi hôn ngược như trời giáng trên trán bà, hai tay ông vuốt nhè nhẹ hai bên tai bà, rồi ông thì thầm lời nói yêu đương muôn thuở cố hữu của ông: "*cục nợ*." Hình như bà lão cảm động vì được gọi là cục nợ, hai tai bà run run. Ông lão nhìn thấy rõ những sợi lông tơ trên làn da trắng muốt xanh xao nơi tai nơi cổ của bà một thoáng gợn sóng cánh đồng cỏ may dưới chân núi Mây Tào.

Mấy thằng cháu yêu của ông lão khi tới giây phút chúc bình an cho nhau, chúng còn biết quẳng vũ khí, còn ông, ông chỉ biết bắt chước người ta hôn nhau, ông chỉ biết bắt chước người khác thôi à? Thế có khi nào ông biết bắt chước con cháu ông không? Ông thật đáng ở tù. Ông thật đáng giam vào ngục thất cấm cố, khổ sai, chung thân. Ông thật đáng bị bà nội chúng nó quản lý. Rồi ông còn đáng cho "bà trẻ" của chúng nó nhốt ông mãn đời! Một gông cùm ông đã chịu không thấu, chui đầu vô một gông cùm nữa, thử hỏi ông chịu được bao lăm dưới hai cái ách thống trị đó?

Những người yêu ông đều phải chịu cực nhọc vất vả vì ông nhưng ông cứ lơ mơ không biết tới. Bà lão nhà ông có hai nốt ruồi trên hai vai nhưng ông đâu có biết. Ở với nhau mấy chục năm, con đầy nhà, cháu đầy đàn, ông vẫn vô tình không biết bà vợ ông có hai nốt ruồi trên hai vai. Mãi đến khi người tình của ông chỉ cho ông thấy hai nốt ruồi trên hai vai cô và kể ông nghe về chuyện tướng số vận mạng.

Từ thời thơ ấu, má bảo cái nốt ruồi trên vai con sẽ làm con khổ suốt đời. Rồi con sẽ phải gánh vác bao nhiêu việc nặng nhọc cho chồng, cho đời. Nay cái nốt ruồi vẫn còn đó. Y khoa ngày nay có thể giúp "tẩy" cái chấm đen đó khỏi làn da một cách dễ dàng, nhưng bác sĩ sau khi làm xét nghiệm đã nói "nó không lan rộng, không chảy máu, không độc hại... thì việc gì mà đụng tới nó." Cô nói đùa chê bác sĩ này dở nhưng ông lại khen ông bác sĩ này giỏi. "Đúng, nó không gây thù gây oán gì với cô, nó tự nhiên mà có ở chỗ đó, nó vô tội, thì tại sao lại tẩy nó đi, tại sao lại cắt nó đi, tại sao cô lại muốn tiêu diệt nó." Rồi ông tiếp: "Cô muốn thay đổi số mạng bằng cách đó sao? Xóa đi một nốt ruồi là sẽ thay đổi được thân phận ư? Không cần phải làm như thế. Gánh nặng là do cô "ôm" vào, đâu phải tại nó đem đến, mà gánh nặng có khi lại rất dễ chịu, rất thú vị thì sao..."

Thế rồi khi về nhà săn sóc cho bà lão, nhớ tới hai cái nốt ruồi trên hai vai người tình, ông lão mới chú ý đến vai của bà. Và ông giật mình thấy trên vai bà cũng có nốt ruồi, hai chấm hồng ở hai bên vai. Ông ngớ ngẩn hỏi bệnh nhân:

- Em... cũng có nốt ruồi trên vai à?

Rồi ông sờ tay trên những chấm hồng ấy,

ông ngớ ngẩn thêm một lần nữa:

- Sao em không nói, sao em không khoe với bố từ ngày ấy, từ ngày cưới ấy?

Bà lão bực mình, đang đau ốm què quặt, tự nhiên lại hỏi bà những chuyện vớ vẩn không đâu vào đâu, nghe ngứa cả tai, bà lão lậu bậu:

- Việc đó là việc của ông. Ông phải biết tới nó. Sao tôi lại phải nói, sao tôi lại phải khoe cái đã làm tôi khổ suốt một đời.

Tình hình gay cấn, khi nào bố bố em em là hòa bình, khi nào ông ông tôi tôi là căng thẳng rồi đó. Ông lão lặng thinh rút lui. Mỗi khi cảm thấy tình hình căng thẳng là ông tìm đường rút lui. Ông luôn luôn là kẻ bỏ chạy. Ông luôn luôn là kẻ thua ngay từ khi cảm thấy bắt đầu gay go. Ông rất sợ gay go. Ông rất sợ phải đối kháng. Thậm chí ông còn rất sợ to tiếng. Ông là kẻ sợ đàn bà, ông là kẻ sợ vợ. Ông luôn luôn áy náy sợ làm họ buồn lòng và ông cũng luôn luôn là kẻ làm họ buồn lòng.

Về phòng riêng, ông nhớ tới bà nuôi tù, ông lão nhấc điện thoại gọi ra nước ngoài. Lát sau có tiếng trả lời, ông hỏi ngay:

- Chú muốn hỏi em một việc, em có nốt ruồi trên vai không, nốt ruồi mà người ta cho là số phận gánh vác ấy. Có không?

Đầu dây có tiếng trả lời:

- Có. Có từ hồi nhỏ. Hai chứ không phải một. Hai chấm hai bên vai. Mà sao tự nhiên chú lại hỏi chuyện đó. Bộ hồi đó chú không để ý nhìn thấy nó sao?

Ông lão ngẩn ngơ lòng. Thì ra không phải một mà là nhiều người lo gánh vác cho ông, nhiều người vất vả khó nhọc vì ông. Vậy mà từ trước tới nay ông cứ như một kẻ dửng dưng thờ ơ lãnh đạm. Ông hưởng thụ mà chẳng nghĩ gì tới nỗi vất vả của người săn sóc mình. Ông là một kẻ vô tâm, bất nghĩa. Ông chính cống là một kẻ bạc tình!

*

"*Em cũng là cai ngục.*"

"Em áp giải tôi từ tây sang đông, từ đông sang tây, từ nam ra bắc, từ bắc xuống nam, từ nơi này tới chỗ khác, suốt mười bảy năm ròng qua mười tám trại tù. Em áp giải tôi theo chu kỳ ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ. Em áp giải tôi đi vòng quanh nước Mỹ, đi vòng quanh thế giới. Em dắt tay tôi đến tận điện Hòn Chén, về tận đền Trần. Em đánh đu trên vai tôi qua những cánh đồng sình lầy và những vườn hoa sặc sỡ thơm tho. Em đòi tôi tập bơi cho em từ địa ngục sang thiên đàng rồi bơi lại từ thiên đàng sang địa ngục. Em cột chặt tôi trong vòng tay em êm ái và những bận rộn không ngơi.

Em cho tôi cái gì thì tôi được thứ ấy. Em hẹn tôi đến sân bay và khi gặp nhau em cũng chủ động chạy nhanh đến hôn môi tôi tự nhiên trước mặt mọi người. Cả đời tôi chưa có ai hôn tôi ở nơi công cộng và tôi cũng chưa bao giờ hôn ai ở nơi công cộng như thế. Khi ở Việt Nam thì không dám làm vậy vì không ai làm vậy, chạy sang tới Mỹ tôi chưa có người tình kiểu Mỹ nào, cho nên tôi vẫn là một kẻ nhà quê.

Đừng nói đến kiểu Mỹ, ngay kiểu ta, tôi cũng vẫn chỉ là một kẻ ngố, hai mươi tuổi viết quyển truyện tình đầu tay cũng chưa có lấy một người tình thật sự, chưa có một mối tình thật sự mà chỉ là những sao chép, cóp qua cóp lại, nghe hơi bắc nồi chõ, lấy chuyện tình của người ta, của bạn bè xung quanh, có khi họ cũng chỉ phịa ra cho lãng mạn cuộc đời... làm nền cho tác phẩm của mình! Bất chợt em hôn tôi, em hôn tôi đằm thắm dịu dàng, tôi thấy như thế suốt cuộc không vận năm giờ đồng hồ qua năm ngàn dặm bay từ miền tây sang miền đông nước Mỹ.

Em đúng là *cai ngục* thứ thiệt của tôi đó.

Em chủ động gọi thức ăn và rượu vang cho tôi. Thì đã bảo cai tù cho gì tù nhân được nấy. Không đòi hỏi. Không phản đối. Chấp hành thôi. Thậm chí, khi tôi cần đi chuyển em gọi tắc xi, nói cho tài xế biết nơi tôi đến, trả tiền trước, rồi ôm hôn tôi, xong mới nhét tôi ngồi vào xe. Dặn dò không được đi lang thang mẹ mìn nó bắt đem sang Cu ba bán cho ông Fidel, em không chuộc được. Lại dặn thêm xong việc nhớ về sớm. Về thẳng nhà. Tắc xi tới cửa em sẽ trả tiền. Đừng lo. Không lo. Xe chạy rồi em còn đứng nhìn theo.

Đi làm việc ở đâu em cũng mang tôi theo. Khi em dự hội họp, tôi ở lại phòng khách sạn với cái laptop mà tưởng tượng. Nhớ là sự thật và hư cấu, mỗi thứ đều chín mươi chín phần trăm. Khi nào chán tưởng tượng hoặc tưởng tưởng không nổi nữa thì lấy game boy ra bấm chơi chờ em về. Những game Head on, Alley way... anh phải thật nhanh mắt nhanh tay bấm, dĩ nhiên chơi game boy là phải cần nhanh trí rồi, nhưng khi chơi Puzzle boy, Tetris... anh còn phải tính toán hợp lý nữa mới được. Con trai em hồi nhỏ nó đạt được trên trăm ngàn điểm ở Tetris là chuyện thường, anh cũng cố được một trăm ngàn điểm sẽ có thưởng, nếu đạt mức đó anh đừng vội tắt máy và hãy đợi Nintendo biểu

diễn cho anh xem trên màn hình một pha phóng hỏa tiễn ngoạn mục. Hỏa tiễn của game để xem chơi đỡ buồn không phải những thứ hỏa tiễn chống hỏa tiễn, bảo vệ lãnh thổ. Mọi việc đều đã được sắp xếp, lập trình. Em yêu anh vô cùng. Anh yêu em vô cùng. Yêu không biết thế nào mà nói."

*

"Anh không được làm gì cả. Anh không được có cái ý nghĩ kinh doanh trong đầu. Anh không cần phải làm xuất bản. Anh 'chế' ra cái gì đó rồi mặc kệ trời đất trăng sao muốn mưa nắng dãi dầu thế nào cũng được. Có người làm cho anh. Có người lo cho anh. Nếu mà anh phải bận tâm đến những việc khác sẽ không tốt cho việc của anh. Anh chỉ phải làm mỗi một công việc mà anh phải làm, và cũng chỉ có anh làm được việc đó mà thôi, người khác làm việc đó sẽ khác. Anh có hiểu không? Anh có hiểu em nói gì không? Vậy thì anh phải nghe em. Vậy thì anh phải ở không. Vậy thì anh phải không được làm gì khác cả, ngoài cái việc của chính anh. Anh có sứ mệnh ở không. Ở không để làm việc đó.

Các con anh họ đã nói anh chỉ được làm mỗi một việc là không làm gì cả. Đúng không? Anh đã chiều chuộng vợ anh. Anh đã chiều chuộng các con anh. Anh đã làm họ vui lòng. Đúng không? Và em cũng được anh chiều chuộng. Em cũng được anh cho em hạnh phúc. Vậy hãy nghe em đừng làm việc gì khác ngoài công việc chính của anh. Những người thân yêu xung quanh anh luôn luôn làm cho anh vui và luôn luôn làm cho anh khổ. Em cũng thế, em cũng là người thân yêu của anh và em cũng muốn làm cho anh vui, em cũng muốn làm khổ anh.

Em là thân yêu của anh, vì chính anh, đã liều mạng làm một việc sai nguyên tắc, đã giữ gia đình em, mẹ em, chị em em ở lại bên này thay vì bị lôi kéo, bị đẩy sang phía bên kia. Việc này ít người biết và có lẽ chính anh cũng không nhớ, nhưng em và gia đình em đều ghi nhớ. Bởi vì từ đó chúng em đã được sống theo cách sống của mình. Cả gia đình em đều coi anh là người trong nhà. Riêng em, đến nay, vì những chuyện *tưởng tượng*, (k.s.m.), em còn bắt anh phải là người trong nhà *của em*. Vì thế em chăm sóc anh. Vì thế em yêu anh. Vì thế em làm khổ anh."

*

"Tôi trốn ra khỏi nhà đi chơi với em. Mà đi đâu bây giờ? Chúng ta không có một nơi ẩn náu. Cả thế gian này không có một chỗ nào cho chúng ta ẩn náu đâu em."

Trong mỗi người đều có một khoảng trống. Trong tôi cũng có một khoảng trống. Năm hai mươi tuổi tôi gọi nó là cái hố, mỗi người đều bị một cái hố trong lòng. Tôi nghĩ là trong em cũng có khoảng trống. Từ bao năm nay khoảng trống đó vẫn tiềm tàng trong em, nó không rõ rệt, nhưng nó là như thế. Em đã từng tìm cách lấp khoảng trống đó trong em, và có lúc em đã tưởng em lấp đầy được, nhưng em ạ, lấp một cái hố trện đường đi có thể được, nhưng khoảng trống trong lòng con người ta thật khó biết ra sao.

Em càng làm vườn, trồng cây, tưới hoa, em càng xúc tuyết, càng xây tường, càng quần quật vất vả bao nhiêu thì khoảng trống đó càng lúc càng hoang vu thêm ra. Em càng khổ công bồi đắp cho ngôi nhà sàn trên đồi của em bao nhiêu thì ngôi nhà đó sẽ càng hoang vu hơn nữa. Tôi biết như vậy vì rằng khoảng trống trong tôi cũng càng lúc càng hoang vu như thế.

Có lúc tôi cũng đã tưởng em sẽ là người lấp đầy khoảng trống trong tôi, nhưng thời gian đi qua tôi đã nhận ra rằng em cũng đã làm cho khoảng trống trong lòng tôi rộng thêm mà em không biết! Bởi vì ai yêu tôi cũng đều làm cho lòng tôi tan nát cả. Càng yêu tôi nhiều càng làm cho lòng tôi lún sâu thêm.

Cái hố cuộc đời tôi mỗi lúc mỗi sâu thêm, càng ngày càng sâu thêm. Để có thể tỉnh táo mà làm ra được những thứ mình muốn làm ra, và để tồn tại, tôi luôn luôn phải chống lại tình yêu. Có lẽ cái hố sẽ chỉ không còn nữa khi nào tôi không tìm cách lấp đi.

Em cũng vậy, sẽ có một lúc nào đó khoảng trống trong lòng em được lấp đầy, cái lúc nào đó em không tưởng tượng được, và em sẽ lấp đầy không phải bằng những cách em vẫn làm, mà bằng những thứ em đã tự để vuột khỏi tay em.

Lòng em sẽ không còn khoảng trống, em yêu.

Tiết trời sẽ làm nẩy nở ra những bông trắng tinh khôi trên những cành cây có lúc tưởng đã khô. Mà tiết trời thật sự thì không đoán mò được, không cãi qua cãi lại được, lại càng không nên khắc nghiệt. Mọi thứ đều đã có tiên tri từ khi khởi đầu, tiên tri từ lúc mới *thử lửa*...

...(trích chương 4, tiểu thuyết Cơn Sốt 4)

Kỉ niệm 380 năm Nam Bắc phân tranh (1627 – 2007)

NGHĨ VỀ ĐÀN TẾ CHIẾN SĨ TRẬN VONG CỦA TƯỚNG NGUYỄN PHÚC HIỆP

TÂM KHAI

Dân tộc Việt Nam vừa trải qua hai cuộc chiến tranh Ba mươi năm (1945 – 1975) và một cuộc phân ly Nam Bắc Hai mươi năm (1955 – 1975).

Nội chiến và chia cắt lãnh thổ, chia cắt dân tộc bao giờ cũng là một thảm họa. Kể từ kỳ độc lập đầu tiên sau Bắc thuộc với triều Ngô ngắn ngủi (938 – 944), nước Việt Nam đã rơi vào thời kỳ nội chiến và phân ly: Thời kỳ 12 sứ quân. Đó là kinh nghiệm dân tộc đầu tiên: Độc lập phải đi liền với thống nhất. Thống nhất là điều kiện tất yếu để giữ vững độc lập đồng thời độc lập phải đi đôi với thống nhất, ý nghĩa độc lập mới trọn vẹn.

Sau thời kỳ vững mạnh dưới hai triều đại Lý Trần (1009 – 1400) và Hậu Lê (1427 – 1527), Đại Việt đã bắt đầu một cuộc khủng hoảng. Uy Mục và Tương Dực mở đầu thời kỳ suy yếu của chế độ quân chủ trung ương lập quyền.

Đến Lê Chiêu Tông và Cung Hoàng thì "Thiên tử" chỉ còn là những con rối trong tay các triều thần có thế lực, mặc sức tranh giành quyền lực và củng cố địa vị. Đó là những dấu hiệu báo trước viễn cảnh tan rã của chính quyền trung ương để dẫn đến tình trạng địa phương cát cứ và nội chiến tương tàn trong hơn một thế kỷ rưỡi tiếp theo.

Năm 1533, khi Nguyễn Kim dựng vua Lê Trang Tông ở núi rừng Thanh Hóa, chính là mở màn cho cuộc phân ly gần ba trăm năm (1533 - 1802).

Nam Bắc triều Lê-Mạc là cuộc phân ly đầu tiên của thời kỳ này. Tuy nhiên cuộc chiến Lê-Mạc chưa phải là một cuộc chiến đe dọa sự thống nhất dân tộc.

Vùng đồng bằng sông Hồng-Thái Bình ở phía bắc và vùng châu thổ sông Mã, sông Cả ở phía Nam từ lâu vốn là một chủ thể thống nhất. Mật độ dân số và tiềm lực kinh tế rõ ràng chưa thuận lợi cho một thế chia cắt. Tuy nhiên cuộc chiến tranh Lê-Mạc này tạo điều kiện để dẫn đến cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn (1627 – 1672) và sự phân ly lãnh thổ về sau.

Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 – 1585), một nhà dịch học, địa-chính trị học, đã tổng kết về thời đại ông: **Cả thiên hạ đua theo về lợi.**

Toàn thể xã hội bị chi phối bởi cuộc tranh giành quyền lợi. Tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước thương dân của Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi không còn nghe ai nhắc đến. Chỉ có "dung" (yên thân) và "lợi". Nguyễn Bỉnh Khiêm đã quá rõ tâm can của các cá nhân và dòng họ thế lực đương thời. Nguyễn Bỉnh Khiêm đã tiên đoán cái thế chia hai thiên hạ từ khi Nguyễn Hoàng trốn chạy vào Thuận Hóa (1558). "Bên kia dãy Hoàng Sơn..." chính là miền đất Thuận Quảng. Tại sao chiếm lĩnh miền Thuận Quảng lại là kế dung thân muôn đời? Phải chăng sự mở mang lãnh thổ về phía Nam đã sẽ hình thành những trung tâm chính trị mới mà trước tiên là Thuận Hóa, tạo tiền đề cho cuộc phân ly và chính sự phân ly, đối lập Nam-Bắc, đã thúc đẩy cuộc Nam tiến vào tận vịnh Xiêm?

Cuộc hôn nhân Huyền Trân và Chế Mân năm 1306 đã đưa hai châu Ô và Lý trở về với Đại Việt (*trở về* là ý tưởng của Lê Quý Đôn). Thuận Hóa mau chóng trở thành một vùng trọng yếu ở phía Nam biên cương tổ quốc. Lê Lợi giải phóng giang sơn, Lê Thánh Tông hành quân về phía Nam đều có sự đóng góp quan trọng của quân Thuận Hóa. Đến nửa đầu thế kỷ 16, Thuận Hóa đã là một vùng "núi non trùng điệp, vàng sắt chất chứa, sông bể mênh mông, cá muối, hào soạn tha hồ khai thác."

Thuận Hóa và Quảng Nam với chúa Tiên Nguyễn Hoàng mau chóng trở thành miền đất hứa và khi mất (1613) Nguyễn Hoàng đã để lại cho Nguyễn Phúc Nguyên một giang sơn đủ đối đầu với họ Trịnh.

Cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn đã khởi đầu 14 năm sau: 1627 và kéo dài 45 năm (1627 - 1672) với bảy lần đại chiến! Để phục vụ cho

cuộc nội chiến tương tàn đó, Trịnh và Nguyễn phải vơ vét đến tận cùng sức người và sức của của Đàng Ngoài và Đàng Trong. "Bắt lính" là nỗi sợ hãi của nhân dân. Năm 1630, quân Nguyễn tiến chiếm nam Bố Chính, giết quan châu lấy hết tiền kho và **"biến hết dân làm lính"** (!) Thử tưởng tượng một vùng đất nông nghiệp và ngư nghiệp mà nay không còn lấy một người đàn ông cày ruộng và đi biển!

Ở ngay trên "miền đất hứa" mà chúa Nguyễn "vỗ về thu phục nhân tâm" việc bắt lính cũng diễn ra như là lùng bắt tội phạm.

"Mỗi năm, vào khoảng tháng ba, tháng tư, quân nhân đi ra các làng bắt dân từ mười sáu tuổi trở lên, những người thân thể cường tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre giống như cái thang nhưng hẹp hơn, để giải về phủ sung quân. Vào quân đội rồi, mỗi người chuyên học một nghề. Kế phân nhau đi theo các chiến thuyền để tập luyện. Có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự ở theo vương phủ làm xâu, tuổi chưa được sáu mươi chưa được về làng cùng cha mẹ vợ con đoàn tụ. Hằng năm thân thích đem quần áo, vật thực đến thăm mà thôi" (Hải ngoại kỷ sự).

Đàng ngoài thơ văn bình dân phản ánh nỗi khổ của người phụ nữ có chồng, con bị bắt lính, xông pha chiến trận để tranh quyền đoạt lợi cho nhà chúa:

Lính vua, lính chúa, lính làng,
Nhà vua bắt lính cho chàng phải xa
Giá vua bắt lính đàn bà,
Để em đi đỡ anh và bốn năm
...
Chém cha cái số chết hoang,
Làm cho thiếp phải gánh lương theo chồng
Gánh từ xứ Bắc, xứ Đông,
Đã gánh theo chồng lại gánh theo con!

Đó là tiếng khóc, tiếng nguyền rủa của những người vợ, người mẹ, nạn nhân gián tiếp của cuộc nội chiến. Còn bản thân người lính? Họ ý thức rất rõ về tính chất phi lý của cuộc nội chiến tương tàn. Họ oán giận các thế lực đã buộc họ cầm gươm giáo chém giết lẫn nhau. Kẻ chém, người bị chém có cùng chung số phận.

"Tao và mày đều là loài người cả, sao lại nhẫn tâm hại nhau? Chỉ vì các chúa tranh giành nhau, đến nỗi tao và mày đều phải chết ngoài số mệnh!"

(Trịnh Nguyễn diễn chí)

"Đời trước phò nhà Lê, chỉ một mình chúa Nguyễn Chiêu Huân [Nguyễn Hoàng] có công đầu. Mà chúa Nguyễn có được một góc đất này thì chưa xứng công kia.

Nay, một mình chúa Trịnh ta một mình coi bốn trấn, thiên hạ đều nắm trong tay, mà còn tham được thêm không chán (!) cho nên đem quân đi tranh giành, đến nỗi chúng ta chết không đúng số, mất cha mẹ, bỏ vợ con. Đó là cái lẽ gì ?"

Nói rồi, đều lớn tiếng cả giận. Từ đó Bắc quân đều sinh oán ngầm.

Để thúc giục họ hăng say tấn công, hãm thành, các tướng chỉ huy phải cho họ uống rượu cấp nộ (rượu chóng say)!

Rõ ràng trong cuộc chiến bốn mươi lăm năm, người lính không có lòng căm thù quân địch mà các tướng lãnh muốn kích thích họ. Họ không chia sẻ tính chất "chính nghĩa" của cuộc chiến mà cả hai bên Trịnh Nguyễn đều muốn vỗ ngực giành về phía mình.

Chính tinh thần phản chiến đã khiến một người lính Bắc quân nào đó mách bảo cho người lính Nam quân cách dập tắt lửa của vũ khí **"diều dẫn hỏa"** và cách tránh thương vong vì loại trái phá **"một mẹ sinh năm con."** Cũng trong tinh thần phản chiến ấy mà lính Nam quân (binh Nghệ An) **"hoặc bắn súng không đạn, hoặc múa gươm không chém và bỏ về mất quá nửa ..."**

Trong hơn một trăm năm mươi năm, chỉ thấy có hai nhân vật nhìn ra cảnh núi xương sông máu, chiến tranh tương tàn là đại họa cho nhân dân. Đó là Mạc Ngọc Liễn và Tôn Thất Hiệp (Nguyễn Phúc Hiệp)

Mạc Ngọc Liễn trước khi chết đã viết thư cho vua Mạc Kính Cung:

"Nay họ Lê đã dấy lên được, ấy là trời đã định, còn dân ta thì có tội tình gì mà nỡ để khổ mãi vì chiến tranh? Vậy nên ta đành phận lánh mình ở nước ngoài. Chớ đừng có đem lòng cạnh tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân nước mình!"

Tôn Thất Hiệp, con của chúa Hiền vương Nguyễn Phúc Tần, Nguyên soái của Nam quân trong trận quyết chiến cuối cùng 1672, chứng kiến cái chết thảm khốc **"không đúng số"** của hàng vạn quân lính hai bên, đã "ngộ ra tính chất tàn hại phi lý của cuộc chiến tranh nồi da xáo thịt đã kéo dài gần nữa thế kỷ!"

Cuộc chiến vừa chấm dứt, ngay tại mặt trận ông đã cho Nam quân mai táng các Bắc quân đã tử trận mà Bắc quân để lại và thiết lập hai đàn tế. Một cho Nam quân và một cho Bắc quân.

"... bèn truyền lệnh lập đàn tế kính cẩn các tướng sĩ Nam quân ... và các Bắc quân tử trận, để cho u hồn được thỏa ..."

Bèn lập một đàn ở trong thành Trấn Ninh để tế Nam quân và một đàn ở ngoài thành để tế Bắc quân. Đều dùng lễ thái lao mà tế.

BÀI TẾ NAM QUÂN

Xót thay,
Hỡi các tướng sĩ đã mất trong trận !
Chúng ngươi:
Chí nức tang hồng,
Uy trương mạnh liệt !
Hằng lo nán sức để tòng quân,
Luôn quyết dốc lòng mà báo chúa.
Hét hò hổ thét; muốn nuốt sống lũ giặc kia,
Nhảy nhót ưng bay, sao số trời đành ngắn ngủi!
Giữa chiến trường, chết ấy nên danh,
Xông giáo mác, công lưu chẳng hủ!
Nghĩ tình nghĩa đau xót không kham,
Đặt đàn tế, khoa nghi đã đủ!
Hỡi các ngươi!
Họp nghe lời mời
Ai ai xúm tới,
Hưởng rượu thịt, chung dự ***tiệc buồn***
Lĩnh vàng bạc, trở về Âm phủ
Khuây lòng tướng sĩ ***nghìn sầu***
Tỏ rõ ân tình vạn thuở
Phách có linh nên trở về giúp vợ con
Hồn có thiêng hãy tìm về xứ sở!

Hưởng cúng tế vô cùng,
Hộ cháu con mãi mãi
Ô hô ! Xót thay !
Cúi mời tới hưởng

BÀI VĂN TẾ BẮC QUÂN

Xót thay !
Các ngươi !
Chí dốc rán cung dâu,
Danh muốn ghi thẻ lụa.
Vì chúa 'Không ngại bác đòng'
Ra sức liều mình tên đạn.
Bởi chúa ngươi không lượng sức mạnh hèn,
Khiến chúng ngươi phải xông pha sắc, nhọn.
Nào quân binh chưa có phẩm hàm,
Nào tướng sĩ đã là hầu bá,
Thình lình lửa phát côn cương,
Thoạt chốc thân về âm phủ.
Hoặc lênh đênh chết chóc trên sa trường,
Hoặc chạy vạy lấp vùi nơi hiểm hóc !
Hoặc vì súng đạn lâm thương,
Hoặc bị đao thương đâm chết !
Hoặc không quen thuỷ thổ bị đau,
Hoặc rơi xuống hố hầm mà thác.
Hoặc đắm chìm trong sông suối bay hồn,
Hoặc đói khát giữa bụi rừng mất xác !
Than ôi !
Sống chửa thành công,
Tiếc nhỉ !
Chết mà không ích
Nay vâng lời đại đức dũ thương,
Sắm sửa đặt lễ nghi đàn pháp
Mời thì cảm thông,
Tế thì lại hưởng.
Từ nay thì vạn thảm tiêu tan
Sau lại nghìn sầu cởi bỏ.
Hỡi các ngươi !

Tìm về nước cũ
Sẵn người ruột thịt nối chưng thường,
Nhận đúng làng mình, đừng ở xa xôi làm lữ khách !
Ô hô !
Xót thay !
Tuế mời tới hưởng.

"Tế xong, nguyên soái hiệp đức trong lòng xót xa không dứt."

Nguyên soái hiệp đức (Tôn Thất Hiệp) từ mặt trận trở về

"Thình lình phát lòng Bồ đề, bắt đầu mộ đạo từ bi, bèn dựng một ngôi am nhỏ ở xa khách quán (phía Bắc thành Hoá Châu). Thường thường đốt hương lễ Phật, hỏi đạo thăm thiền, đặt pháp, cầm kinh, đọc huyền, tụng chú.

Từ đó, lánh xa sắc đẹp, sơ với của cải, vui cùng hạt thiện rễ nhân, có thể ví với tính hạnh mộc công (một vị tiên đời Hán)."

(Trích Nam triều công nhgiệp diễn chí – Trịnh nguyễn diễn chí)

Vậy mà người đời không mấy người chia sẻ với nguyên soái Tôn Thất Hiệp – Đông cung thế tử là Nguyễn Phúc Diễn cho rằng: Hiệp đức lo việc cầu huyền bí để mưu đồ việc lớn, tranh ngôi anh", muốn phá Tĩnh am ở Khách quán.

Tôn Thất Hiệp liền dời Tĩnh Am về Vân Thê và trở thành một vị thiền sư ngộ đạo.

Đàn tế của nguyên soái Tôn Thất Hiệp khiến chúng ta liên tưởng đến các đàn tế Trung, Nam, Bắc vừa qua của thiền sư Nhất Hạnh./.

Một vị thầy sống hạnh nghèo nàn

CỔ SAN

Có thể nói thiền sư Nhất Hạnh là một trong vài vị tăng sĩ làm ra tài sản lớn nhất trong giới tu sĩ Phật Giáo Việt Nam, nếu tính về lợi tức do bản quyền các cuốn sách mà ông trước tác, nhất là những cuốn được dịch ra nhiều thứ ngoại ngữ như Anh, Pháp, Đức, Ý, Tây ban nha, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, v.v... Các tu viện do thiền sư thành lập tu tập theo pháp môn của ông, dù tại Pháp, Mỹ hay Việt Nam, nơi nào cũng có những thiền đường vĩ đại chứa hàng ngàn người. Nhưng trên mặt khác, những ai từng thăm viếng thiền sư tại các thất mà ông cư trú, dù là tại Làng Mai, hay tại các tu viện tại nước Mỹ như Rừng Phong, Lộc Uyển, đều thấy rõ lối sống vô cùng giản dị và đơn sơ của ông.

Trong phòng khách ở căn nhà tiền chế (moblie home) của ông tại Tu viện Lộc Uyển, ngoài bàn thờ Phật nho nhỏ, chỉ có một cái bàn thấp cùng dăm tọa cụ, một vài chậu hoa tươi, bộ chén uống trà. Trong phòng ngủ chỉ có một cái giường rất thấp, đúng ra là tấm đệm đặt ngay trên mặt đất, vài cuốn sách báo và một bàn viết có cây đèn, cùng hai cái ghế, một để ngồi viết, một để nghỉ ngơi.

Một Phật tử từ Los Angeles tình cờ đi tới tu viện Lộc Uyển (Deer Park monastery) vùng Escondido (California) đưa một cô em gái từ Việt Nam qua chơi, đã được vô thăm chỗ thất của thiền sư Nhất Hạnh. Cô Phương ngạc nhiên thấy "vị thầy nổi tiếng mà sống trong căn phòng đơn giản quá sức." Người dẫn cô tới thăm thất của thiền sư Nhất Hạnh cho biết: "Bao nhiêu lợi nhuận thầy kiếm được đều dùng để duy trì các trung tâm tu học của thầy tại Pháp, Mỹ và nay tại Việt Nam. Ngoài ra tăng đoàn Làng Mai còn hỗ trợ các công tác xã hội liên tục từ thập niên 1960 tới nay, như mở trường mẫu giáo cho trẻ quê nghèo, cấp học bổng v.v..."

Lối sống thanh bạch đó, người ta đã thấy nơi Thiền sư Nhất Hạnh từ lâu. Chúng tôi một lần qua Pháp cách đây vài năm, có may mắn được phỏng vấn anh Thanh Hương, hiện nay cùng gia đình đang sinh sống tại ngoại ô Paris.

Anh Thanh Hương nguyên là một tu sĩ từ khi còn trẻ, từ năm 1970, anh đã ra sống cuộc đời của một cư sĩ. Khi còn sống trong Phật Học Viện ở Việt Nam trước năm 1966, anh đã dự nhiều lớp do thầy Nhất Hạnh giảng dậy, và sinh lòng cảm mến và khâm phục. Anh được học bổng qua Nhật trước năm 1975, nhưng sau khi đến Nhật Bản anh muốn chọn đi nơi khác, đã viết thư cho thầy. Anh được Thiền sư Nhất Hạnh bảo trợ qua Pháp, nên sau đó đã có dịp sống bên cạnh ông thầy suốt những năm đầu thập niên 1970, trong cùng một căn phòng. Gần 40 năm sau, anh kể lại cuộc sống bên cạnh vị thầy cũ mà không kiềm chế được xúc động.

"Thầy Nhất Hạnh thời đó đã được rất nhiều người kính nể và được nhiều tổ chức cũng như cá nhân hỗ trợ để làm công tác từ thiện... Tôi là người duy nhất sống bên cạnh thầy, ở cùng một phòng, ăn cùng một mâm, vì căn ấp thầy thuê được rất nhỏ. Tôi được thầy nuôi nhưng thầy để cho tôi rất tự do, hầu như không bao giờ bắt tôi theo ý ông hết... Mỗi ngày, Thầy và tất cả chúng tôi, có chị Cao Ngọc Phượng, tức là sư cô Chân Không bây giờ, cùng anh Steve, mấy người Pháp, người Mỹ mà tôi đã quên tên, làm việc chung với nhau trong căn nhà nhỏ đó.

"Các anh các chị chắc cũng biết thầy không chịu được mùi thuốc lá, thầy ghét khói thuốc lắm. Trong mấy năm tôi ở bên thầy, tôi vẫn không bỏ được thói quen hút thuốc đã nhiễm từ khi còn ở Việt Nam. Chúng tôi ở chung một phòng, hai người hai cái giường, lắm khi trời lạnh tôi hút thuốc trong phòng. Nhưng trong những năm đó tôi không bao giờ nghe thầy than hay trách mắng một câu nào về mùi khói thuốc. Thầy nhẫn nhịn, có lúc tôi nghĩ mình hãy thử xem thầy nhẫn được đến đâu, nhưng tôi không bao giờ thấy thầy bỏ mất tính nhẫn.

"Mỗi ngày, các người Việt và người ngoại quốc đến làm việc, viết văn thư, viết các lời

kêu gọi cứu giúp các nạn nhân chiến tranh ở trong nước, mọi người đều quỳ bò viết trên nền nhà, vì văn phòng chỉ có một cái bàn thấp. Thời đó, thầy nhận được rất nhiều tiền hỗ trợ từ bốn phương gửi tới để thầy làm các công tác xã hội tại Việt Nam. Các tổ chức quốc tế từ Hà Lan, từ Anh quốc, từ Đức ký những ngân phiếu hàng trăm ngàn mỹ kim để giúp công tác xã hội của Trường Thanh niên Phụng sự Xã hội. Có lúc tôi đã hỏi tại sao thầy không trích một số tiền "viện trợ" đó mua sắm bàn ghế để văn phòng có vẻ khang trang hơn, nhất là khi cần tiếp khách ngoại quốc. Nhưng, thầy nhất định không bao giờ dùng tới một đồng nào trong số tiền người ta giúp. Phần thầy, ông chỉ sống bằng lương dạy học ít oi của một giảng viên bán thời gian trong Institut de France và ở đại học Sorbone, Paris...

"Thầy trò chúng tôi thường phải mua thực phẩm nuôi chim để lựa gạo, đúng hơn là lựa gạo tấm ra mà nấu cơm, vì đa phần trong đó là thóc và trấu... Mà cơm thì không một bữa nào đáng gọi là bữa cơm cả!"

Anh Thanh Hương bật khóc khi nhớ lại cuộc sống hàn vi bên ông thầy khổ hạnh. Sau cơn xúc động, anh Thanh Hương nói tiếp:

"Nếu phải tôi là Thầy thời đó, thì ít nhất tôi cũng tự cho phép trích ra một phần tiền người ta gửi tới – coi như 'công tác phí' để mua thực phẩm hay mua vé xe buýt chứ? Tôi không thể sống quá khổ hạnh như thầy! Nhưng mình là học trò thì phải tu theo ông thầy thôi... Sau khi đã quen đường sá và ngôn ngữ, tôi mới bắt đầu kiếm việc làm để thêm chút phương tiện mua rau đậu phụ cho thầy..."

Anh Thanh Hương cũng nói về chiếc áo lạnh mới duy nhất mà thiền sư Nhất Hạnh đã mua ở chợ

THANH NAM

Đêm Cuối Năm Uống Rượu Một Mình

Tặng Ngọc Dũng

Rượu mời ta rót cho ta
Bạn gần không tới, bạn xa chưa về
Rót nghiêng năm tháng vào ly
Mắt nheo bóng xế, tay che tuổi buồn
Rót đầy băng giá cô đơn
Rót thao thức nhớ, rót hờn giận quên
Thôi, đừng. Thôi hãy nằm yên
Ngủ ngoan đi nhé cơn điên thuở nào
Cho ta với bóng cùng nhau
Ngất ngư rót mãi tỉnh vào cơn say
Bốn mươi lăm tuổi rồi đây
Lá xanh còn được bao ngày phù du?
Rót đau thân thế mơ hồ
Nửa khôn ngoan thức, nửa rồ dại mê
Ngó đời lăn lóc vòng xe
Rã rời xích chuyển ê chề bánh quay
Ngó lui hun hút đêm dài
Những xuân đã lánh những đời đã xa
Rót thêm ly nữa mời ta
Cái say như muốn chuyển qua cái sầu...

Bốn mươi lăm tuổi rồi sao?
Ngó gương xưa thấy tóc râu rối bù
Trán hằn dăm lũng ưu tư
Cuộc chơi trần thế dường như mỏi mòn
Sóng nhồi, thác đẩy, mưa tuôn
Đời như cuối hạ, mộng còn đang xuân.

Bốn mươi lăm tuổi quay nhìn
Cái trôi cùng với cái chìm đuổi đeo
Tiếc gì trận gió thu reo
Tóc xanh phơ phất chạy theo mộng vàng
Hỡi ta, ngày xế năm tàn
Rượu mời sao chẳng rót tràn đau thương
Uống say mai sớm lên đường
Đấu trường lại múa dăm đường võ quen
Ru ta, này khúc ưu phiền:
"Ngủ ngoan đi nhé, cơn điên thuở nào..."

Sài Gòn 1974

trời vào một mùa đông, khoảng năm 1971. Hai thầy trò đi chợ trời mua mấy thứ cần thiết, anh Thanh Hương thuyết phục ông thầy mua một chiếc áo lạnh, vì tấm áo của thầy đã cũ và sờn rách trông thảm quá. Ngần ngại mãi, thầy mới mua. Mua áo về rồi, mỗi lần xỏ tay vô là thầy lại cởi áo ra treo lên mắc. Ông nói với anh Thanh Hương: "Mặc áo mới trông kỳ lắm!" Cái áo mới đó được để yên trong tủ cho tới lúc có phái đoàn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất qua Paris trong thời gian đang họp bàn hiệp định ngưng bắn, thầy Nhất Hạnh đem ra tặng thầy Huyền Quang. Anh Thanh Hương lấy làm thú vị về câu chuyện này, nên đã đứng chụp hình chung với thầy Huyền Quang khi thầy mặc cái áo mới của thầy Nhất Hạnh tặng. Anh nói, *"Chắc chiếc áo lạnh đó bây giờ vẫn còn ở trong ngôi chùa nào đó, một trong những nơi mà Thầy Huyền Quang đã bị quản thúc trong các năm qua."*

Anh Thanh Hương hiện nay không còn liên lạc thường xuyên với Thiền sư Nhất Hạnh, anh thường tới giúp làm Phật sự tại chùa Khánh Anh, Paris. Nhưng nhắc tới vị thầy cũ đã có lúc sống bên anh, trong óc anh còn nhớ lại hình ảnh một người cùng anh làm những công việc tay chân khi cùng nhau tu sửa căn nhà ở miền quê gần Paris, là nơi thầy trò về ở, sau khi chiến tranh ở Việt Nam chấm dứt và các hoạt động cứu trợ ở Việt Nam cũng phải chấm dứt vì TrườngThanh niên Phụng sự Xã hội bị giải tán. Thầy cũng làm những công việc sửa nhà, đẩy chiếc xe cút kít, hoặc quét giọn sau khi làm xong việc, như tất cả các đệ tử đến làm giúp. Anh mỉm cười khi nhắc lại: *"Tôi từ bé được mẹ nuôi, vào chùa thì có bá tánh nuôi, cả đời tôi không biết nấu cơm bao giờ. Mỗi ngày, trong những ngày tôi mới sang Pháp thầy lo nấu cơm, canh, rồi chính thầy mời tôi ra ăn. Tôi ngượng quá, sau cũng phải tập nấu cơm để phụ giúp thầy."*

Anh Thanh Hương được thầy Nhất Hạnh khuyến khích học tiếng Pháp. Thầy bảo anh mỗi lần thầy đi dậy học, anh hãy theo thầy đi học luôn. Nhưng có nhiều bữa anh ngủ quên, nghỉ học luôn, thầy cũng không mắng. Đến cuối khóa anh bị thầy đánh rớt vì không học đủ, anh cũng chịu, mà thầy cũng không nói một lời trách mắng. Hình ảnh thầy trong trí nhớ của anh là một vị tăng sĩ sống trong cảnh bần hàn và đạo hạnh.

Sống đúng thân phận một "bần tăng," ngày nay dù thiền sư Nhất Hạnh được các nhà xuất bản trả hàng triệu mỹ kim tác quyền, nhưng ông dùng tất cả tiền bán sách cũng như tiền cúng dường của các khóa sinh tu học tại Làng Mai hay các khóa tu khắp thế giới, để nuôi các đệ tử tu sĩ và phát triển phong trào tu học ở khắp nơi. Thầy cung cấp phương tiện cho khoảng 500 tăng ni tu học tại Pháp, Mỹ và Việt Nam. Nhu cầu hoằng pháp cứu khổ ngày càng nhiều. Nghe tin ông đầu tỉnh Đà Nẵng đang xin thiền sư lập một một trung tâm Làng Mai tại tỉnh đó. Một trung tâm khác sắp được thành lập tại Chiang Mai, Thái Lan. Tại Hoa Kỳ, tu viện Rừng Phong và trung tâm Thanh Sơn (Vermont) không đủ chỗ cho thính chúng nên tăng đoàn Làng Mai đã dọn về một trung tâm rộng hơn tại tiểu bang Nữu Ước. Tu viện mới có tên là Bích Nham (Blue Cliff), nguyên là một Resort có cảnh trí đẹp và nhiều phòng ốc; chỉ cần xây lên một thiền đường lớn nữa là mấy chục tăng thân vùng Nữu Ước có chỗ về tu tập.

Trong các tự viện, thiền sư Nhất Hạnh bắt buộc các tăng ni theo đúng thanh quy giới luật nhà chùa, không nới lỏng mặc dù đã được "hiện đại hóa" theo cuộc sống của thế kỷ 21. Hai cuốn Giới bản tân tu của khất sĩ và nữ khất sĩ, do tăng đoàn Làng Mai ấn hành năm 2004, đề cập tới những sinh hoạt hiện đại như Internet, lái xe hơi v.v... Cũng có thêm các quy tắc mới như không được có điện thoại riêng, không xe gắn máy hay xe hơi riêng, và khi vào Internet phải có một bạn tu cùng vào để khỏi bị đi lạc.

Mỗi tăng ni sinh khi xuất gia theo thiền sư Nhất Hạnh ông đều phải từ bỏ hết của cải riêng bằng cách đem tặng làm phước hay trao lại cho gia đình – và "sống nghèo hành đạo" theo ông thầy. Cô Chân Diệu Nghiêm (Jina), trụ trì chùa Cam Lộ Xóm Hạ Làng Mai, nguyên trước kia là một thiền sư tu theo truyền thống Nhật Bản, đã từng đi giảng pháp, dùng tài sản riêng của cô – vì cô thuộc một dòng họ giầu có. Từ cuối năm 1990, cô về thực tập thêm với thầy Nhất Hạnh tại Làng Mai. Và mấy năm sau, cô Jina đã từ bỏ hết của cải riêng, bỏ chiếc áo tu màu đen của thiền Nhật Bản để mặc mầu nâu sồng đặc biệt Việt Nam, và sống cuộc đời giản dị, không có chút tài sản riêng - giống hệt như các huynh đệ, tỷ muội khác trong làng.

Điểm tựa tâm linh hiện đại và dư luận

TRẦN TIẾN DŨNG

Có nhiều câu hỏi được mở ra sau chuyến về Việt Nam lần thứ hai của thiền sư Thích Nhất Hạnh và đoàn tăng thân Làng Mai. Những câu hỏi không nhằm vào sự kiện: Đại Trai Đàn Chẩn Tế Giải Oan thành công mở mức độ nào mà chỉ hướng đến tầm ảnh hưởng hiện tại của Thiền Sư Nhất Hạnh và pháp môn Làng Mai ở nội địa.

Lúc ở trong sân chùa Bát Nhã ở Bảo Lộc, chúng tôi có dịp tiếp chuyện với một sư cô trẻ, vì tôn trọng nên chúng tôi không nêu pháp danh sư cô người Hà Nội này. Sư cô tâm sự: "Do nhân duyên kiếp trước thế nào ấy mà lúc lên chùa Quán Sứ tình cờ đọc được kinh Pháp Hoa nên tôi có ý định xuất gia, lúc ấy tôi không biết tu học với ai, ban đầu định tìm cách sang Tây Tạng, nhưng rồi qua báo chí biết được thông tin về Sư Ông, biết nước mình có một vị thiền sư nổi tiếng như thế nên tôi quyết tâm xuất gia với Sư Ông." Một cô gái trẻ, rất đẹp, người Hà Nội không do gia cảnh hay do tình duyên mà phát tâm tìm chánh pháp là một việc đáng phục. Sư cô cho biết thêm: Sư cô không cho là mình là trường hợp cá biệt nhưng cũng không cho rằng rồi đây sẽ có nhiều người trẻ như cô xuất gia tìm chánh pháp. Dù sao qua trường hợp này, người ta có quyền có hy vọng về tương lai Phật Giáo Việt Nam bởi ai cũng biết, hơn nhiều thập niên sống dưới chế độ CS những cơ sở nền của đạo Phật ở các tỉnh phía Bắc hầu như chỉ còn lại những mái chùa, các sư bà sư ông cô độc, luôn thiếu vắng các các tăng tài trẻ tuổi.

Trong khi đó ở Sài Gòn nhiều người trẻ tuổi mà chúng tôi có dịp tiếp xúc có vẻ biết nhiều thông tin hơn về ảnh hưởng mang tầm thế giới về tâm linh và tư tưởng của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh. Ở một gia đình Phật tử đang sinh hoạt trong một ngôi chùa phía sau chợ Phạm Văn Hai, các thiếu nam, thiếu nữ khi được hỏi về Sư Ông họ đều bài tỏ sự ngưỡng vọng thầy Nhất Hạnh. Chuyện hướng về Sư Ông ở đây mang nhiều tính truyền miệng kế thừa, bởi ngày xưa, cha mẹ họ cũng một thời là người hâm mộ tác giả " Bông Hồng Cài Áo."

Khi nói về tầm ảnh hưởng của Sư Ông lên giới trẻ và Phật Tử trong nước, nhiều người thấy ra một điểm chung là: Hâm mộ sư ông Làng Mai như là một nhân vật lớn của Việt Nam là việc có thật nhưng tấm lòng của họ hướng về Sư Ông lại không giống như cách các tính đồ thuần thành kính trọng một cao tăng.

Lúc ở chùa Bát Nhã dự khóa tu học đầu tiên ở Việt Nam của Tăng Đoàn Làng Mai, chúng tôi trò chuyện với một thiếu nữ đến từ một làng chài ở Bình Thuận, chị nói: "Làng chúng tôi chỉ có một ngôi chùa, các sư cô tốt lắm. Chúng tôi không biết gì về Sư Ông, chỉ nghe các Sư Cô nói trước mấy tháng là Sư Ông sẽ về giảng pháp, chúng tôi đóng tiền bao xe đến đây. Các sư cô ca ngợi Sư Ông dữ lắm, trước lúc đến đây chúng tôi tưởng nghe Sư Ông thuyết pháp giảng kinh, ai dè nghe rồi thấy không phải, thú thiệt không biết phải nói sao, khó nói quá!"

Tập thở, thiền hành, buông thư, an lạc trong chánh niệm... Không có gì nghi ngờ về tính hiệu quả của phương pháp ấy trong việc giải quyết các vấn nạn của con người trong xã hội hiện đại. Nhưng vì sao người thiếu nữ xuất thân từ gia đình ngư dân mà chúng tôi tiếp xúc lại "không biết phải nói sao, khó nói quá!"

Hơn 80% dân Việt Nam hằng ngày phải đối diện với những vấn nạn xã hội rất cổ điển, trong đó đương nhiên là phải lăng xăng tìm cầu qua đức tin phước báo, tài lộc để hy vọng thoát nỗi ám ảnh đói nghèo. Và điều cuối cùng dù không phải ai cũng nói ra là mong muốn tu hành để có một kiếp sau tốt hơn. Những động lực cầu đạo đó vừa là sức mạnh giúp họ ham sống vừa là giấc mơ đẹp để nương tựa hàng ngày. Giá trị lớn về an trú trong hiện tại theo một cách hiểu giản đơn nào đó là xa lạ, là không thể hiểu nổi, là của những người dư ăn dư mặc...

Trong câu chuyện với Sư cô trẻ người Hà Nội, chúng tôi có hỏi: "Tu ở đây Sư cô có phải tham gia khóa Phật học nào của giáo hội không?" Câu trả lời của Ni Sư làm chúng tôi bất ngờ. "Tu theo pháp môn của Sư Ông không phải tham gia các lớp Phật Học ở bên ngoài. Và học bằng tiếng Anh!" Chúng tôi tạm hiểu là cácTăng và các Ni ở trẻ đây được đào tạo để

hướng đến việc phổ biến pháp môn Làng Mai ra thế giới. Chúng tôi bỗng nhớ đến câu nói nhỏ của một người đàn ông đứng cạnh tôi trong buổi pháp thoại của thầy Nhất Hạnh ở thiền đường, ông ấy nói: "Không phải chỉ đàn hát, không khí ở đây giống như ở nhà thờ Tin Lành ở xóm nhà tôi." Chính từ câu nói của người đàn ông mà tôi nhớ đến một cái email của một người bạn Việt kiều Úc. Anh ấy khuyên tôi nên nhìn và tự hào là có một pháp môn, một thiền sư Việt Nam đủ sức "giải quyết những vấn đề tinh thần-tâm linh của nhân loại ở thế kỷ này."

Tất nhiên là chúng tôi không cho rằng những vấn nạn của xã hội Viêt Nam là bất biến. Những ai mỗi ngày phải đối diện với sự xuống cấp văn hóa, xã hội, chính trị... đến mức không thể hiểu nổi, mọi người đều cảm thấy cần một đức tin để nương tựa. Liệu pháp môn của Sư Ông có cơ sở thực tế để trở thành điểm tựa mới cho đức tin của đại chúng không!?

Có nhiều ý kiến khác nhau trước kết luận rằng: Những người trẻ ở Việt Nam hôm nay không những đang lãnh đạm với những vấn đề chính trị, văn hóa xã hội mà họ còn không thích ngó tới những giá trị tinh thần, tâm linh. Sự kiện thiền sư Thích Nhất Hạnh về nước làm Phật sự, tuy việc thông tin sự kiện này, trong cách nhìn của nhiều người là "không nghiêm túc" khi, trong các áp-phích, Sư Ông được quảng cáo như một ngôi sao ca nhạc. Có thật chuyện một người tu hành xuất hiện như cách một diễn viên ngôi sao, nhất là trong mắt những người trẻ là không có hiệu quả không?

Nhưng do truyền thống lâu dài, cách nhìn về các vị cao tăng trong lòng đại chúng hầu như khó thay đổi. Trong tâm thức của đại chúng các vị cao tăng thường định hình trong thế giới huyền năng giải thoát và đức độ siêu phàm. Hình ảnh về một vị sư thầy lấy những vấn nạn xã hội ngay trong kiếp sống hiện tại mà mỗi người đang cưu mang để hướng đạo vẫn còn xa lạ. Và phải chăng từ lúc này đại chúng bắt đầu hé lộ: Tin rằng rồi sẽ tới lúc chúng ta đủ niềm tin thay đổi cách nhìn về một vị cao tăng trong thời hiện đại. Một người có thể là Phật sống, có thể là thầy nhưng trên hết người đó luôn chọn cho mình vị trí là một người bạn chân thành với mỗi người, trong biển khổ thời hiện đại của đại chúng. Nhưng lúc này biết tìm đâu hình mẫu một vị cao tăng hiện đại như thế!

THANH NAM

Sài Gòn

Tháng Tư – Thoắt bảy năm tròn
Bảy năm hình ảnh Sài Gòn chưa phai
Bảy năm: cơn ác mộng dài
Con tàu biệt xứ trôi hoài mỗi đêm...

Sài Gòn, ôi những thân quen
Nhịp xe chợ sớm, ánh đèn hẻm khuya
Vang trong hồi tưởng não nề
Tiếng mưa pháo kích bốn bề thủ đô
Giữa đời chợt thấy bơ vơ
Chân đi, hồn rộn mơ hồ chốn xưa
Không gian quen thuộc bất ngờ
Tưởng nghe lạc trận gió mùa thổi qua
Nỗi buồn nhức buốt xương da
Trong cơn đồng thiếp thấy ta trở về
Thấy anh em, thấy bạn bè
Thấy tù ngục, thấy chia lìa tóc tang
Bảy năm thức ngủ kinh hoàng
Lạnh tanh no ấm, bẽ bàng thương yêu
Ta đi giữa xứ đìu hiu
Lòng nghe hoang vắng như chiều cuối năm...

Tỉnh cơn mê sảng âm thầm
Ngó ra đất khách mưa xuân hững hờ
Tháng Tư, cơn sốt đầu mùa
Gợi trong tiềm thức những giờ oan khiên
Ghé thân lữ thứ trăm miền
Nỗi buồn nào cũng mang tên Sài Gòn.

TƯỜNG THUẬT BUỔI PHÁP THOẠI CỦA THIỀN SƯ NHẤT HẠNH

QUYỀN LỰC VÀ HẠNH PHÚC

Tại Trung Tâm Festival Huế hôm 1.4.2007

TÂM NGUYÊN KHƯƠNG

Vấn đề tha hóa nhân sự là vấn đề cơ bản làm cho đất nước chậm tiến, chứ không phải pháp môn nào có thể chuyển hóa cho đất nước tiến nhanh được. Vì thế muốn đất nước tiến nhanh, phải chuyển hóa con người đang có quyền lực.

Thiền sư Nhất Hạnh trả lời một câu hỏi trong pháp thoại "Quyền Lực và Hạnh Phúc"

Sau hơn một tháng hoằng pháp tại Sài Gòn bắt đầu từ ngày 20.2.07, Thiền sư Nhất Hạnh và Tăng đoàn Làng Mai đã đến phi trường Phú Bài, thành phố Huế lúc 8 giờ 30 phút sáng ngày 23.3.07. Hàng trăm Tăng Ni và Phật tử đã có mặt rất sớm để đón tiếp Tăng đoàn trong niềm hân hoan trọn vẹn.

Chiều ngày 1.4.07 tại Trung Tâm Festival Huế bên bờ Hương Giang, Thiền sư Nhất Hạnh đã trình bày pháp thoại với chủ đề "Quyền Lực và Hạnh Phúc" trước một thính chúng ngồi trong phòng hội độ 200 người, gồm các khách mời thuộc các ban ngành, giới trí thức, thương gia và tu sĩ ở cố đô Huế.

Bên ngoài sân cỏ rất đông quần chúng, trên cả ngàn người, theo dõi pháp thoại qua màn hình rộng. Buổi pháp thoại được sự tài trợ của đông đảo các tầng lớp, đặc biệt là công ty khách sạn Hương Giang và ông Giám đốc Trung Tâm Festival Huế.

Câu chuyện của Frederic và Claudia:

Frederic là một doanh nhân người Đức ở tuổi 45, tài ba, khá thành công. Claudia, phu nhân của ông đã từng tham gia khóa tu dành riêng cho giới doanh thương tổ chức ở Làng Mai. Trong buổi pháp đàm chia xẻ khi kết thúc khóa tu, Claudia đã kể lại chuyện của đời bà.

Lúc đầu ông bà có một đời sống rất nhiều hạnh phúc. Frederic là một doanh nhân năng động, tài ba và có tinh thần trách nhiệm. Yêu thương vợ, Frederic hăng say làm việc và chia sẻ với vợ niềm hy vọng khi đã có đủ quyền lực và tiền bạc họ sẽ có một cuộc sống lý tưởng, họ sẽ nghỉ ngơi và không còn chú tâm đến việc gì khác nữa.

Vì quá lao đầu vào công việc, Frederic không còn tâm ý và thời gian để chăm sóc bản thân ông, chăm sóc vợ và hai đứa con của mình. Từ đó, Claudia bắt đầu cảm thấy lẻ loi, cô đơn, vì thiếu sự chú ý và săn sóc của chồng. Claudia ghi tên học đại học để lấy bằng tiến sĩ, sau đó học thêm về khoa tâm lý học và bắt đầu thực tập như một nhà tâm lý trị liệu.

Nhiều lúc Claudia đã than thở với chồng về sự thiếu vắng tình cảm đó; Frederic tuy vẫn thương vợ nhưng lấy cớ là cơ sở kinh doanh chưa tìm được người đủ khả năng thay thế, và hứa hẹn với Claudia trong một thời gian ngắn khi tìm được người thay thế anh sẽ có nhiều thì giờ cho em và cho các con. Điều hứa hẹn đó cứ lặp đi lặp lại nhiều lần mà đời sống gia đình vẫn không thấy gì thay đổi. Ngày người con trai Phillip vào bệnh viện mổ tim, Frederic đang ở nước ngoài thu xếp một dịch vụ thương mãi không về kịp để thăm con, Claudia phải thức luôn bảy giờ đồng hồ bên cạnh con trai mình. Cả đến lúc Claudia phải vào bệnh viện để mổ bướu thì Frederic cũng không về được để ở bên cạnh vợ. Frederic chẳng nghĩ gì đến hạnh phúc trong hiện tại mà chỉ cắm đầu chạy theo cái ảo ảnh của tương lai: sẽ có nhiều tiền, sẽ có nhiều quyền hành rồi sẽ sống hạnh phúc...

Nhưng ước mơ đó vẫn mãi mãi là ước mơ vì sau đó Frederic bị tai nạn xe hơi, chết vào lúc 51 tuổi, để lại đau thương cho cả một gia đình. Và ba tháng sau, ban Quản Trị đã tuyển được vị giám đốc mới điều hành công ty mà trước đó Frederic luôn nghĩ rằng chỉ có mình Frederic không ai khác có thể thay thế điều hành doanh nghiệp.

Trong kinh "Người Áo Trắng" đức Phật có tuyên thuyết: "hiện pháp lạc trú" tức là sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại:

Đừng luyến tiếc quá khứ
Đừng lo lắng tương lai
Quá khứ đã qua rồi
Tương lai thì chưa tới

Tất cả chúng ta người nào cũng muốn thành công trong sự nghiệp của mình, muốn có nhiều tiền, nhiều danh vọng, nhiều quyền hành, ba thứ quyền lực của thế gian, nhưng nếu không có thì giờ và khả năng để sống trọn vẹn trong giây phút hiện tại, thì chúng ta chưa thực sống đời sống của chúng ta.

Câu chuyện về người nữ sĩ quan Cảnh Sát Hoa Kỳ

Bà Cheri Maples, Đại Úy Cảnh Sát tiểu bang Wisconsin đã từng tham dự một khóa tu cùng với tăng đoàn Làng Mai tổ chức vào năm 1991.

Thấy được những lợi lạc từ trong khóa tu đối với nghiệp vụ của mình và các đồng nghiệp, Cheri Maples đã tình nguyện giúp Tăng Đoàn trong việc tổ chức khóa tu khác vào tháng 10 năm 1993 tại Greenlake Madison, tiểu bang Wisconsin, dành riêng cho những người có phận sự giữ an ninh và trật tự trong xã hội, các nhân viên cảnh sát, các vị quan tòa, các vị quản đốc các trại tù... Hồi đó ban tổ chức Làng Mai nhận được nhiều thư phản đối cho là khóa tu trộn lẫn tôn giáo vào chính quyền, dù khóa tu đó có chủ đề "Protecting & serving without stress and fear" (bảo vệ và phụng sự mà không có sự căng thẳng và sự sợ hãi), không thiết trí bàn thờ Phật, không có đốt hương, không có tụng kinh... Những tham dự viên đến khóa tu là chỉ để học thở, học mỉm cười, học thư giản, học đi, học ngồi, học ăn cơm chánh niệm để buông bỏ mọi căng thẳng, đau nhức trong thân, trong tâm, để đừng sợ hãi trong khi thi hành nghiệp vụ nguy hiểm, để có khả năng truyền thông bình thường với những người đồng nghiệp, với tội phạm, với bạn bè, với người trong gia đình...

Cheri Maples đã thọ tam quy ngũ giới, và 14 giới tiếp hiện tuy chưa được truyền đăng Giáo Thọ nhưng có khả năng tổ chức, hướng dẫn thực tập cho giới cảnh sát không những trong tiểu bang Wisconsin mà còn trong các tiểu bang khác ở Hoa Kỳ.

Bà được ông Thị Trưởng thành phố Madison tặng cho một văn phòng khá lớn trong Tòa Thị Sảnh để mở lớp huấn luyện thiền sinh, thành lập tăng thân, một đoàn thể tu tập, tuần nào cũng thực tập và hướng dẫn tu tập cho những người cảnh sát và cho cả dân chúng địa phương nữa. Cheri Maples được sự yểm trợ mạnh mẽ của ông Thị Trưởng thành phố Madison, và từ bấy đến nay đã tổ chức hơn 400 khóa tu cuối tuần gọi là ngày Chánh Niệm cho giới cảnh sát ở trong nước. Hiện nay đại úy cảnh sát Cheri Maples chịu trách nhiệm về tất cả các cảnh sát viên có nhiệm vụ chăm sóc những người đang ở trong quy chế phải bảo quản và những người tuy đã được phóng thích nhưng vẫn còn bị giám sát trên toàn bang Wisconsin.

Cheri Maples biết là có một tiểu bang đứng sau mình và cho mình quyền lực lớn nhưng nhờ tu tập Cheri Maples biết sử dụng quyền lực của mình rất đúng phép. Khi gặp một người làm điều sai trái, Cheri sẽ không nói: anh làm sai anh sẽ bị bỏ tù. Cheri nói: rủi cho anh quá, tôi cảm thấy rủi cho anh quá, ngày xưa tôi cũng có những lầm lỗi như vậy, nó làm cho tôi đau khổ, và tôi đã thoát được nhờ sự thực tập và mong anh cũng làm được như tôi vậy. Nói được những lời dễ thương như vậy bởi Cheri thay vì dùng quyền lực đã biết sử dụng điều mà đạo Phật gọi là ái ngữ.

Cùng tham dự trong phái đoàn cư sĩ tháp tùng Tăng Đoàn Làng Mai về thăm Việt Nam, Cheri có mặt trong buổi thuyết giảng tại Trung Tâm Festival Huế và đã được Thiền sư Nhất Hạnh mời lên chia xẻ với đại chúng. (Sư cô Đẳng Nghiêm dịch thoát nghĩa).

Kính bạch Thầy,

Con cảm thấy lòng tràn ngập tình thương khi nói tới vị Thầy mà con trân quý nhất. Con muốn nói là đất nước Việt Nam đã làm cho con rất là xúc động, có một phụ nữ Việt Nam đã mời con về nhà ăn cơm, đối với con đây là một biểu hiện của sự cởi mở, của sự bao dung, của tình thương rất là lớn của con người Việt Nam, con xin cúi đầu khâm phục.

Năm 1991, con đến Làng để tham dự khóa tu đầu tiên với Thầy, với Sư cô Chân Không và các Thầy, các Sư cô khác. Đó là lần đầu tiên con tiếp xúc với Pháp Môn tu tập Chánh Niệm và nó đã làm thay đổi cuộc đời của con. Lúc đó con còn là nữ cảnh sát viên trẻ làm việc được bảy năm. Sau khóa tu khi mà con trở về sở làm của mình thì con không hiểu tại sao mọi người rất là dễ thương với con? Nhưng sau đó con nhận thấy rằng, với cái năng lượng mới của con đã làm thay đổi mọi người, và trái tim của con từ từ mở ra lần nữa. Thay vì dùng cái quyền của mình để ép buộc người khác, bắt người khác nghe theo, thì con bắt đầu tìm hiểu về họ, tập

nhìn từ cái nhìn của họ. Và điều quan trọng nhất mà con đã học được là khi mình được cái quyền lực của cả tiểu bang giao cho mình và được rất nhiều người hậu thuẫn sau lưng mình thì mình phải rất là khiêm cung với điều đó. Vì khi người cảnh sát lạm dụng quyền lực đó lúc không cần thiết thì nó sẽ làm ảnh hưởng đến danh tiếng của người cảnh sát cho cả nước và cho toàn thế giới.

Có một điều rất tuyệt vời xảy ra là trong khóa tu có cảnh sát viên và người dân trong thành phố đó đến thực tập chung với nhau. Sau khóa tu nầy khi mà một người cảnh sát phải bắt giữ một phạm nhân thì người cảnh sát đó xá chào những người trong đoàn thể, cộng đồng đó và con có nói với người cảnh sát làm việc với con là một khi mình xá chào những người phạm nhân coi như mình **đã về, đã tới** *rồi đó.*

Bây giờ con thấy điều quan trọng nhất của con là tạo dựng nên được những cộng đồng mà người ta có thể đến làm việc với nhau và nâng đỡ cho nhau và giữ gìn an ninh trật tự trong các khu phố của họ mà không cần đến sự can thiệp của những người cảnh sát. Như vậy chúng con, những người cảnh sát khỏi cần phải làm việc nữa.

Và điều cuối cùng mà con muốn nói là bây giờ việc làm của con không còn khó nữa, ngày xưa con khổ rất nhiều với công việc. Nhưng nhờ với sự thực tập con biết học cách tưới tẩm những hạt giống hạnh phúc, đó là sự có mặt cho chính con và cho những người khác. Nếu mà con có sự **như lý tác ý** *ở trong cái tâm của con thì con có thể làm những điều tốt, những điều đúng mà không cảm thấy như mình có quyền khi làm những điều đó.*

Tất cả những điều con đã và đang làm được, đó là nhờ công ơn của vị Thầy mà con là một đệ tử rất thành tâm. Con mang ơn tất cả các Thầy và các Sư cô đã giữ cái nền tảng căn bản này cho tất cả chúng con. Con rất mang ơn là được về Việt Nam và có mặt trên đất nước này và con sẽ mang đất nước của quý vị, đất nước của Thầy đi bất cứ nơi nào mà con đi và con sẽ thực tập cho tất cả quý vị và con sẽ thực tập cho tất cả mọi người trên thế giới này.

Ông Cấp Cô Độc – hình ảnh một doanh nhân thời Đức Phật

Trong thời Đức Phật có một doanh gia rất giàu có và thành công tên là Cấp Cô Độc. Thực tên ông là Sudatta – danh từ Cấp Cô Độc là tên dân chúng trong vùng đặt cho ông có nghĩa là người thường cấp dưỡng cho những người neo đơn nghèo khó không nơi nương tựa. Ông là đệ tử tại gia của đức Thế Tôn. Tuy rất bận rộn với công việc kinh doanh, ông vẫn có thời giờ đưa vợ con đi nghe Phật thuyết pháp mỗi tháng một lần. Ông là một thương gia có tài, giàu có, có tâm từ bi rộng lớn, nên biết chăm sóc lo lắng cho những người cùng khổ trong vùng. Ông đã từng cúng dường Đức Phật thửa đất ông mua lại của Thái Tử Kỳ Đà để xây tu viện cho các thầy tu tập trong năm đầu tiên Đức Thế Tôn tới hành đạo ở Xá Vệ Quốc. Bởi có tình thương rộng lớn, ông thường giúp đỡ đồng nghiệp khi có khó khăn. Có một độ ông bị phá sản nhưng ông không đau khổ phiền muộn, vì những bạn bè năm xưa đã trở lại giúp đỡ ông khiến ông xây dựng lại cơ nghiệp nhanh chóng.

Có lần ông đưa mấy trăm bạn bè trong giới doanh thương đến yết kiến Đức Thế Tôn và được nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng "kinh Người Áo Trắng," là một kinh dạy cho người cư sĩ. Trong kinh Đức Phật đã nói đến cụm từ "Hiện pháp lạc trú" có nghĩa là phải biết sống an lạc hạnh phúc trong giây phút hiện tại. Trong giây phút hiện tại có đầy đủ những mầu nhiệm của sự sống; có trời xanh, thông reo, có chim hót, hoa nở, có mặt người thương của mình...

Có những người cứ nghĩ về quá khứ quá nhiều đau thương hoặc quá nhiều hiểm hách bây giờ không còn nữa, để rồi tự giam hãm mình trong ngục tù của quá khứ, không cho mình có khả năng sống đích thực trong hiện tại.

Có những người cứ nghĩ về tương lai, quá lo lắng sợ hãi về một tương lai bất định rồi chẳng còn thì giờ để sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại; ta tự đánh mất ta và đánh mất những người ta thương yêu. Tương lai ở đây đã trở thành một nhà tù độc quyền phung phí tất cả thì giờ và năng lượng của ta.

Thiền hành là phương pháp đi từng bước chân vững chãi thảnh thơi, là một trong những phương pháp giúp chúng ta có thể áp dụng để tập sống trở lại một cách sâu sắc mỗi giây trong đời sống hằng ngày.

Quyền lực và hạnh phúc

Phần lớn chúng ta đều nghĩ rằng hạnh phúc được làm bằng **danh vọng, quyền lực và tiền tài**. Ba nguyên tố đó tạo thành một thứ quyền lực thế gian do đó mọi người đều muốn thêm uy quyền, thêm tiền bạc và thêm danh vọng.

Trong thực tế nhiều người có uy quyền rất lớn, tiền bạc rất nhiều, danh vọng rất cao nhưng vẫn không có hạnh phúc. Họ rất cô đơn, họ có nhiều sợ hãi, họ chán nản cuộc sống.

Nhà văn hào Pháp Jean Jacques Rousseau đã nói: "Những người có quyền lực lớn nhất không bao giờ thấy mình có đủ quyền lực." Mình cứ quả quyết tin là khi có nhiều quyền lực thì có thể làm được tất cả những gì mình muốn làm, muốn sở hữu tất cả những gì mình muốn có, thực tế không hẳn là như vậy, cũng đã có không ít những người có quyền lớn, danh vọng cao, tiền bạc nhiều mà vẫn đau khổ cực cùng.

Trái lại trong đạo Phật vẫn có nói đến quyền lực, hay uy quyền, một thứ quyền lực khác với quyền lực thế gian. Nó là một loại năng lượng đem lại hạnh phúc cho mình và cho người khác. Trong văn học, đạo học và triết học đông phương có nói đến chữ **ĐẠO** và chữ **ĐỨC.**

ĐẠO là con đường, con đường tinh thần, con đường tâm linh trong đời sống của mỗi chúng ta. Nếu thiếu một con đường tâm linh thì chúng ta thiếu rất nhiều cho dù chúng ta có nhiều tiền, nhiều quyền năng và nhiều danh vọng. Mỗi một chúng ta, bất cứ hành xử trong lãnh vực nào, chính trị, kinh tế, thương mại, giáo dục... chúng ta phải có một đời sống tâm linh hằng ngày. Nếu thiếu chiều hướng tâm linh đó, chúng ta không thể nào tháo gỡ những bức xúc, phiền muộn, khó khăn, tuyệt vọng, mâu thuẫn, tác động mỗi ngày trong đời sống chúng ta.

ĐỨC là một năng lượng. Trong đạo Phật có ba loại đức mà chúng ta có thể chế tác được. Người tu xuất gia hay người tu tại gia phải tu tập để chế tác ba loại năng lượng đó:

Thứ nhất là **đoạn đức.** Đoạn là chặt đứt, chặt đứt những đam mê, những thù hận, những phiền muộn, những tuyệt vọng của mình. Nếu không chặt đứt được những tâm hành bất thiện đó thì mình không thể nào có hạnh phúc được, chặt đứt được rồi thì mình sẽ trở thành một con người nhẹ nhàng, thanh thản, an lạc. Muốn làm được điều đó mình phải có pháp môn để tu tập, có thầy để hướng dẫn và phải có bạn để đồng tu và sách tấn cho nhau.

Thứ hai là **trí đức.** Trí đức là tuệ giác tức là cái thấy sâu sắc về sự thật, còn gọi là Trí Tuệ Bát Nhã. Trí ở đây không phải là kiến thức thế gian thâu lượm trong học hỏi ngoài đời, tuy cũng cần thiết cho sự tu tập của hành giả, nhưng nếu bị vướng vào thì nó có thể là một trở ngại cho tuệ giác. Tuệ giác đây là sự giác ngộ, là trí tuệ của Bụt và Bồ Tát. Nó có khả năng giúp mình cắt đứt phiền não và chế tác được những tình cảm cao thượng của từ, bi, hỷ, xả. Nó giúp mình tháo gỡ nhanh chóng những khó khăn của mình

TÔ THÙY YÊN

DU MỘNG

Trải kiếp ngoài hoang vu,
Lùa chăn huyễn ảo.
Giữa sao rộ đêm tạnh,
Lần vết thiên thu.

Bao năm rồi chưa xuống lại làng.
Gió bạt mờ những nhắn hỏi.
Nàng có còn theo chị theo em,
Rải đồng tiếng hát?

Nấn ná thời gian lưu ngụ ta
Ngỡ ngàng ân hạn.
Xa vời chó sủa,
Sương trăng cửa động không tìm ra.

Co thân trùm nỗi lạnh,
Ngăn ngắt hồn nhức lại chiêm bao.
Ngùi ngùi tiếng nói bu chan mặt
Mơ màng em lẩn quất quanh ta.

Mất chiếc áo để quên,
Nhớ dấu cành sen đó.
Dải Ngân Hà rã loang trời rỡ,
Tiếc đêm thức một mình.

Kẻ lên về được dặn
Đừng ngó lại tiền căn.
Buông mặc duyên khởi mây sóng cuốn,
Ngờ đã thật xa quên.

và cũng cả của kẻ khác nữa.

Thứ ba là **ân đức**. Ân đức là khả năng chấp nhận, tha thứ và bao dung. Có đủ các khả năng đó mình sẽ cảm thấy trong lòng khoẻ khoắn, thanh thản, không còn vướng bận hận thù, đố kỵ. Tình yêu thương đó, sự tha thứ đó biểu hiện trong mắt mình, trong cách mình nhìn, trong cách mình nói năng.

Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn diễn tả Đức Quán Thế Âm bằng 5 chữ "**từ nhãn thị chúng sanh**" có nghĩa là đem mắt thương nhìn mọi người. Khi biết nhìn người khác bằng con mắt tha thứ và thương yêu, thì mình khoẻ trước nhất, người kia cũng khoẻ vì cảm thấy được thương yêu và tha thứ. Khi dùng những lời nói nhẹ nhàng, hòa ái để giúp người thấy được con đường đi, giúp họ thoát khỏi mê lộ mà họ đang vướng mắc, chúng ta đang thực tập chế tác **ái ngữ** trong việc truyền đạt với mọi người.

Con người có đủ ba đức đó thì "*tùy xứ tác chủ*" tức là ở đâu mình cũng nắm được quyền tự chủ của mình, mình là con người tự do và "*lâm xứ tác chân*" tức là ở đâu mình cũng là con người thật của mình chứ không phải ở giữa công chúng thì mình như thế này mà vào buồng riêng thì mình thành con người khác. Mình là cái chân thật của chính mình, mình không cần phải mang mặt nạ để khi xong việc thì gở mặt nạ xuống vất đi.

Một người có ba đức đó thì hạnh phúc rất lớn và có khả năng ban hạnh phúc cho rất nhiều người. Khi đã thành công thì đó là một thứ thành công không làm hại ai, không làm khổ người khác, một sự thành công trong đó mình không là nạn nhân cho sự thành công của mình, đó là một sự thành công có phẩm chất đạo đức.

Đạo Phật không lên án người muốn làm giàu, những người muốn thành công trong lãnh vực chính trị hay kinh tế. Nhưng đạo Phật khuyên trong khi đeo đuổi sự nghiệp chính trị hay kinh tế mình phải có một chiều hướng tâm linh. Mình phải hành xử trên cơ bản của **Tình Thương và Trí Tuệ**.

Trường hợp ông Cấp Cô Độc, một thương gia trong thời Đức Phật tại thế là một thí dụ điển hình.

Trong tạp chí *Fortune* ở Hoa Kỳ mỗi năm có giới thiệu 100 doanh nghiệp đứng đầu thế giới để quần chúng biết mà góp vốn đầu tư. Tất cả những doanh nghiệp đó đều cùng một mẫu số chung là được quản trị và điều hành bằng **tình thương**. Trong lúc đi tìm những kế hoạch để đạt mức lợi nhuận cao nhất họ vẫn không quên nghĩ đến những phương pháp cải tiến doanh nghiệp phục vụ phúc lợi đại chúng và phúc lợi của những người trong doanh nghiệp. Phải biến doanh nghiệp của mình thành một cộng đồng, một gia đình trong đó mọi người có thì giờ chăm sóc nhau, tìm hiểu nhau và giúp đỡ nhau. Đó là đạo đức trong doanh nghiệp.

Trong đạo Phật uy quyền của một ông thầy đối với đệ tử không phải tại vì mình là chủ chùa, là sư trưởng mà mình có đoạn đức, có trí đức và ân đức. Cái uy quyền đó do **từ bi** mà có chứ không phải do nguyên tắc: thầy nói thì mọi đệ tử đều phải nghe theo bởi thầy là chủ chùa. Trong chính trị cũng vậy, người lãnh đạo cũng phải xây dựng trên ba đức đó nhờ vậy mình sẽ sử dụng địa vị, quyền hành một cách khôn khéo, không tạo ra đối kháng, bất mãn, hận thù. Nếu thiếu ba đức đó thì quyền hành, tiền bạc, tham nhũng sẽ làm ung thối tất cả, kể cả bản thân người lãnh đạo. Có được ba đức đó tức là đoạn đức, trí đức và ân đức, các nhà doanh nghiệp, các nhà chính trị... đều là những Bồ Tát giữa cuộc đời.

Trong đạo Phật quý vị đã từng nghe Đức Thế Tôn dạy rằng chúng ta không cần phải bươn chải về tương lai mới có hạnh phúc. Chúng ta có thể có hạnh phúc trong giờ phút hiện tại, ở đây và bây giờ.

Vì vậy trở về giây phút hiện tại, đừng để cho tương lai cuốn hút hết thì giờ và năng lượng của mình đó là điều rất quan trọng mà chúng ta phải rút ra từ trong đạo Phật. Trở về như vậy không phải là chuyện dễ vì chúng ta có thói quen chạy về tương lai. Chúng ta phải chận đứng cái đà đó để trở về với từng bước chân, từng hơi thở, để tập sống chánh niệm trong đời sống hằng ngày, sống sâu sắc và thảnh thơi để tiếp xúc với sự mầu nhiệm của sự sống trong giây phút hiện tại.

*

Huế sau một ngày nóng bức đã tìm lại được cái mát mẻ của mùa Xuân. Phải chăng đó là cái tươi mát của dòng Thiền Tào Khê qua bài tụng "Tào Khê dòng nước biếc" do Tăng đoàn Làng Mai đồng ca mở đầu chương trình hay là những hạt giống của đoạn đức, trí đức và ân đức đang bắt đầu nẩy mầm trong tâm tư một thành phần quyền lực xứ Huế qua bài pháp thoại ""Quyền Lực và Hạnh Phúc" của Thiền sư Nhất Hạnh. Có thể là cả hai.

Từ ngoại cảm tới trai đàn giải oan

CAM VŨ

Nhu cầu tâm linh của dân tộc Việt Nam

Nhiều nghệ sĩ lớn của Việt Nam từ xưa đến nay khi cảm nhận về lịch sử thường không quên "cõi bên kia" như đó là phần không thể thiếu được để làm nên lịch sử. Lịch sử, nhất là lịch sử Việt nam, là một chuỗi đấu tranh, trong đó chiến tranh đóng một vai trò lớn, và phần quan trọng để làm nên các trang lịch sử đó là những người đã ngã xuống trên trận mạc và các biến động tranh chấp. Người nghệ sĩ thay mặt cho tâm thức của cộng đồng mình nhắc nhở về những người đã chết, tâm hồn mẫn cảm của họ thao thức nhiều với những người đã đem mạng sống của mình để tạo thành một bức tranh mới cho lịch sử.

Sự cảm thông ấy từ lâu đã thành truyền thống trong đời sống tinh thần của người Việt Nam, có khi thô thiển trong đại đa số dân giã để sau này bị xem là mê tín dị đoan, hoặc có thể kết tinh thành những áng văn thơ bất hủ của các bậc nghệ sĩ trí thức, trải từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đặng Trần Côn trong bản chữ Hán, rồi Đoàn Thị Điểm trong bản dịch Chinh Phụ Ngâm, khi viết về chiến trận, bên cạnh khí thế oai hùng của "chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt," vẫn không quên hình ảnh:

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi
Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi
Chinh phu tử sĩ mấy người
Nào ai mạc mặt, nào ai gọi hồn...

Một cảnh buồn thảm thiết. Người nghệ sĩ lớn của dân tộc, khi mở lòng nhìn vào mặt trái của lịch sử, thì bỗng bỏ hết chính kiến, bỏ hết phe phái, để chỉ nhìn thấy sự mất mát đau thương dằng dặc của chính đồng bào, đồng loại mình.

Nguyễn Du, với bài *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* nổi tiếng, bày tỏ tấm lòng bi mẫn của mình đối với hàng loạt cái chết thảm thương khiến hồn người chết sau đó không siêu thoát được. Tác giả tuồng như đã "thấy" được nỗi bơ vơ, lạc lõng, lang thang tội nghiệp của hàng đàn hàng lũ oan hồn, và đặt cho lương tâm người sống một trách nhiệm làm sao giải thoát cho họ. Một vài hình ảnh oan hồn liên quan đến chiến tranh trong Văn Tế Thập Loại chúng sinh:

Nào những kẻ bài binh bố trận
Vâng mệnh sai lĩnh ấn nguyên nhung
Gió mưa thét rống đùng đùng
Phơi thây trăm họ làm công một người

Khi thất thế cung rơi tên lạc
Bãi sa trường thịt nát máu trôi
Bơ vơ góc bể chân trời
Nắm xương vô chủ biết vùi vào đâu

Trời xâm xẩm mưa gào gió thét
Khí âm ngưng mù mịt trước sau
Năm năm sương nắng dãi dầu
Còn đâu tế tự, còn đâu chưng thường.
.....
Trong chiến trận xem người như rác
Thân đã đành đạn lạc tên rơi
Lập lòe ngọn lửa ma trơi
Tiếng oan văng vẳng, tối trời càng thương.

Trong thế kỷ 20, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước khoảng thời gian trước 1945 khi viết những bản nhạc lịch sử cũng trải qua nhiều giây phút sống với các oan hồn tử sĩ của những trang sử mà mình đang hồi nhớ. Với *Hát Giang Trường Hận* thì:

Đêm khuya âm u ai khóc than trong gió ngàn
Xác quân Trưng Nữ Vương rơi ngổn ngang bên nước tràn
Hồn ai đang thổn thức trên sông
Hồn quân Nam đang khóc non sông...

Sát khí ngất đất bao lớp thây vương bóng huyền
Không gian như lắng nghe bao oan hồn đang xao xuyến
Xót thương ôi Nữ Hoàng trẫm thân
Dù mạng vong lửa hờn chưa tan...

Với *Ải Chi Lăng* thì:

Hồi nhớ tới vó câu tập tễnh lướt qua làn khói – Giáp chiến!

Hồi nhớ tới bóng muôn cờ xí phất qua hùng vĩ – Cố tiến!

...

Lời ai nỉ non trong mây
Hồn ai thở than nơi này?
Lời gió hay lời muôn ngàn quân sĩ đã chết
Hồn gió hay hồn ai còn thương tiếc?...

Phạm Duy thì ngay khi cuộc chiến tranh sắp bắt đầu, đã nhìn thấy cái kết quả không tránh được của can qua. Ngay từ năm 1945 ông đã viết:

Mờ trong bóng chiều
Một đoàn quân thấp thoáng

Quân này là quân ma, họ đã ra đi chiến đấu và đã ra người thiên cổ, ông dùng ngay hình ảnh ấy để lay động lòng người đang đứng trước cuộc chiến giữ nước

Ra biên khu trong một chiều sương âm u
Âm thầm chen khói mù
Bao oan khiên đang về đây hú với gió
Là hồn người Nam nhớ thù.

Một thanh niên đang ở độ tuổi ngoài hai mươi, mang bầu máu nóng phụng sự cho đất nước mà đã sớm nhìn ra những hình ảnh của "cõi bên kia" như thế thì cũng là chuyện lạ. Bài *Nợ Máu Xương* lại càng lạ hơn nữa, vừa hiện thực vừa siêu thực, tả toàn cảnh chết chóc vì chém giết

Ai nghe không sa trường lên tiếng hú?
Tiếng lầm than, những tiếng người đời quên.
Đi lang thang tiếng cười vang tiếng hú
Xác không đầu nào kia?

Ông đã dùng những hình ảnh cổ điển của thi ca để vẽ nên sự chết chóc, sau đây vẫn là một đoàn quân ma đang tiến... về trời:

Lá rụng tơi bời
Đoàn quân tiến qua làng.
Từng thanh kiếm đứt ngang,
Từng lớp áo rách mướp,
Từng cánh tay rụng rời!
Qua làn mây trắng
Đoàn quân tiến về trời
Âm rung tiếng sa trường...

Đến trận chiến tranh Nam Bắc 1954 – 1975 thì sự tàn phá và chết chóc đã vượt tất cả các trận chiến khác trong lịch sử Việt Nam trước đây, nhưng có cái lạ là ngay trong thời gian đánh nhau trong Nam cũng như ngoài Bắc không có tác phẩm văn nghệ nào đề cập đến "cõi bên kia" như ta đã thấy trong các thời kỳ trước qua các ví dụ trên đây. Có thể giải thích: phía miền Nam vẫn duy trì đời sống tâm linh nên cả thể xác lẫn linh hồn người chết trong cuộc chiến đã được kính cẩn đón nhận bởi chính phủ và gia đình, bởi tôn giáo và tín ngưỡng nên coi như phần lớn đã được an ủi, siêu thoát, "không có vấn đề" một cách trầm trọng; phía miền Bắc bị áp đặt chủ thuyết duy vật và vô thần, coi con người chết là hết nên trong cuộc chiến dù chết chóc đau thương đến mấy người ta vẫn lờ đi, xác chết thì gặp đâu vùi đấy, và vấn đề tâm linh thì chẳng bao giờ được nói tới. Kết quả là gì? Sau khi cuộc chiến chấm dứt, trên đất Bắc bắt đầu rộ lên phong trào đi tìm mồ mả của những kẻ chết trong chiến tranh – đặc biệt những người "sinh Bắc tử Nam" – và như một hệ quả tất nhiên, một số tác phẩm văn chương, dù là ít oi, đã bắt đầu nói đến các hiện tượng ma quái của các nơi chiến trường xưa (Bảo Ninh – *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, Dương Thu Hương...) và đặc biệt nhất là sự xuất hiện các nhà ngoại cảm để giúp đỡ, hướng dẫn công việc đi tìm mồ mả.

Chủ thuyết Mác-xít đã đơn giản hóa thế giới một cách cùng cực khi quy tất cả cuộc sống của con người vào duy nhất có một thứ là vật chất, và vội vã phủ nhận tất cả thành tựu hàng ngàn năm của loài người về nhiều khía cạnh khác của con người, trong đó sự chiêm nghiệm về tâm linh đã kết tinh rất cao trong các truyền thống tôn giáo lớn. Với một nền khoa học thực nghiệm vừa mới bước được vài bước tương đối vững chắc lúc ban đầu, họ tưởng thế là đã nắm được cả xâu chìa khóa để mở tất cả những vấn đề của nhân loại: một sự ngây thơ và ngớ ngẩn cực kỳ lớn lao. Họ mới sờ vào được cái đuôi con voi mà đã lớn tiếng nói rằng con voi có hình thù như cái chổi. Hồ Chí Minh và đồng đảng của ông đã đem "cái chổi" ấy của lý thuyết mác-xít đặt lên đầu dân chúng Việt Nam bắt phải tin theo, và đập phá tan hoang nền tâm linh của dân tộc trên nửa nước phía Bắc, vốn đã tồn tại mấy ngàn năm. Thế nhưng đời sống thật có những quy luật riêng của nó: với ngần ấy người chết chóc bị bỏ bê không ngó ngàng tới, bỗng nhiên cả xã hội miền Bắc phải tự tìm lấy một cách giải quyết, bất chấp những chưởi bới sỗ sàng lúc ban đầu của đảng Cộng sản: hủ lậu, mê tín dị đoan! Người ta cúng bái, người ta tìm thầy bói toán, người ta bỏ công bỏ của đi vào núi thẳm rừng sâu tìm hài cốt thân nhân... Hình như từ nhu cầu bức thiết ấy của cả một dân tộc (hiểu như một toàn thể, cả cõi dương lẫn cõi âm), những nhà ngoại cảm chân

chính bắt đầu xuất hiện, làm cầu nối hai cõi âm dương, và đã giúp cho không biết bao nhiêu gia đình tìm được hài cốt của thân nhân mình, đem lại sự an ổn cho hồn người đã chết cũng như sự bình yên trong cuộc đời người đang sống. Cuộc sống được cân bằng dần dần, sau khi thuyết duy vật đã làm đảo lộn một cách thê thảm gốc rễ của Việt Nam trong mấy mươi năm.

BÙI GIÁNG

MAI SAU EM VỀ

Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không
Ta đi còn gửi đôi giòng
Lá rơi có dội ở trong sương mù?

Những thương nhớ lạnh bao giờ
Đường thu chia ngả chân trời rộng thênh
Đây phồn hoa của thị thành
Đây hồn thủy thảo khóc tình ngửa ngang
Càn khôn xưa của riêng chàng
Xưa đài vũ trụ thiếp mang riêng mình
Bây giờ đón bước em xinh
Sầu đau nhan sắc bất bình ra sao.

Phong trào tìm mộ nhờ ngoại cảm

Trong nước Việt, từ đầu thập niên 1990, hiện tượng Ngoại Cảm nổi bật lên từ Bắc vô Nam, vì nhờ các nhà ngoại cảm mà rất nhiều người tìm ra mộ phần của thân nhân đã chết, mất xác trong chiến tranh. Có hàng trăm nhà ngoại cảm khắp ba miền đất nước, trong đó nổi tiếng nhất là cô Phan Thị Bích Hằng, các ông Nguyễn Văn Nhã, Nguyễn Văn Liên, Dương Mạnh Hùng, Nguyễn Khắc Bảy v.v... Sau ba Đại Trai Đàn Chẩn Tế Giải Oan tại Sài Gòn, Huế và Sóc Sơn (Hà Nội), do tăng đoàn Làng Mai chủ xướng, phong trào ngoại cảm lại được dân chúng bàn tới nhiều hơn.

Theo báo chí Hà Nội, hàng chục ngàn ngôi mộ các quân nhân chết trong chiến tranh được các nhà ngoại cảm tìm ra, do thân nhân họ yêu cầu, hoặc do những lời nhắn gửi của người từ cõi âm. Người Cộng Sản duy vật vốn tin rằng Chết là Hết; nhưng trước phong trào đi tìm mộ tử sĩ của dân chúng, nay họ đã lập ra bộ môn Cận Tâm Lý (do tướng Chu Phát trách nhiệm), chuyên khảo sát về hiện tượng Ngoại Cảm. Bộ phận này thuộc Trung Tâm Nghiên Cứu Tiềm Năng Con Người, do tổ chức các hội khoa học tại Hà Nội thành lập.

Theo ông Vũ Thế Khanh, tổng giám đốc một công ty tin học ứng dụng, ở Việt Nam có gần 100 nhà ngoại cảm có khả năng đặc biệt, trong đó chỉ chừng mươi người có thể tìm mộ một cách xuất sắc. Còn số người lừa bịp, tự phong cho mình khả năng ngoại cảm, thì phải hàng ngàn. Theo các nghiên cứu sơ khởi, các nhà khoa học VN nhận biết có bốn con đường dẫn tới khả năng ngoại cảm: do bẩm sinh, sau các trận ốm hoặc bị chấn thương nặng (điện giật, chó dại cắn...); do thiền định hoặc do huấn luyện (?).

Theo ông Khanh, các thiền sư đắc đạo có khả năng ngoại cảm nhưng các vị không màng tới chuyện thi triển các thần thông như thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông v.v... nên chúng ta không được biết họ. Ngoài đời, cũng theo ông Khanh, nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Nhã hiện đang sống tại Sài Gòn, là người nhờ thiền định mà có được tầm nhìn rất xa, giúp được nhiều người tìm ra mộ thân nhân – ở mãi các vùng quê xa xôi Bắc Việt. Ông thường giúp người, không nhận thù lao, và nhiều khi không cho các thân chủ gặp mặt... Ngày nay, ông Nhã đã bỏ nghề ngoại cảm, chuyên lo tu tập và ấn hành kinh sách của hòa thượng Thanh Từ.

Nhà ngoại cảm nổi tiếng nhất trong nước hiện nay là cô Phan Thị Bích Hằng, sanh năm 1973 tại một làng quê nghèo tỉnh Ninh Bình. Năm 1990 cô và một người bạn gái cùng bị chó dại cắn, cô bạn chết nhưng cô thoát hiểm nhờ gia đình hết lòng cứu chữa. Sau đó, cô bắt đầu nhìn thấy những người đã chết từ lâu (như bà nội, bà ngoại của cô v.v...); rồi cô có khả năng nhìn thấy cái chết gần kề của người sống trong làng... Bị gia đình và dân làng coi như người điên, cô đã chứng tỏ được sự lành mạnh tinh thần của mình bằng cách thi được vào đại học Kinh Tế. Càng ngày cô càng có nhiều khả năng ngoại cảm nhiều hơn: cô nhìn thấy người chôn trong mộ dưới lòng đất sâu, nhận biết hình dáng và nghe được tiếng nói của các nhân vật

quá cố. Cô tiếp xúc được với "linh hồn"còn ở trong các ngôi mộ đó, dù thân xác đã rữa nát hết... Trong ngày giỗ tổ, cô Bích Hằng tìm ra được mộ ông tổ bốn đời mà gia đình thất lạc từ lâu.

Từ đó, cô đi sâu vào việc đi tìm mộ giúp những gia đình có con chết trận, mất xác.Trong hàng ngàn câu chuyện đi tìm mộ, lý kỳ và khó tin như truyện phong thần đời xưa; chuyện mà nhiều người biết nhất, là trường hợp Giáo sư, cựu phó thủ tướng Trần Phương tìm ra mộ cô em gái: Cô Khang bị Tây giết rồi quăng xác xuống sông Luộc từ đầu thập niên 1950. Sau đó là chuyện ông Toàn Thắng, (con trai tướng Trần Độ, tức Tạ Ngọc Pháp), đã tìm được mộ bà cô ruột là Tạ Thị Câu (chị gái của ông tướng, hoạt động cho Việt Minh trước ông em, từ năm 1939). Bà bị Tây bắt năm 1941, và gia đình chỉ được tin là bà đã chết ngày 29/9/1944, mà không biết xác bà ở đâu.

Cựu phó thủ tướng Trần Phương là một người Mác–xít, chỉ tin ở khoa học, không bao giờ cúng lễ trong gia đình. Nhưng sau khi nhờ ông Nguyễn Văn Nhã và cô Bích Hằng tìm được mộ em (cách năm bà từ trần cả nửa thế kỷ), với nhiều chứng cớ kỳ lạ, ông đã phát biểu:

"Hài cốt em tôi thì tôi đã tìm thấy, nhưng những con đường bí ẩn dẫn đến kết quả ấy thì vẫn là bí ẩn. Khám phá ra những bí ẩn ấy không phải là điều dễ dàng. Tôi chỉ từ kinh nghiệm mình mà nêu lên vài vấn đề để các chuyên gia về lĩnh vực này xem xét..."

Ông Trần Phương cho rằng ông có căn cứ để tin là mình "đã gặp linh hồn của em tôi, anh tôi và chị tôi, cả linh hồn cụ Giám là người chôn cất em tôi, cụ An là người chứng kiến... Cháu Bích Hằng đã nhận diện được linh hồn, thậm chí nhận diện được linh hồn qua tấm ảnh; đã nghe được tiếng nói của linh hồn. Như vậy linh hồn phải tồn tại dưới một dạng vật chất nào đó, có hình thù, có tiếng nói. Đã là một dạng vật chất thì vật lý học, hóa học, y học, sinh học, với những phương tiện quang học và điện tử tinh vi, hẳn sẽ có ngày tìm ra."

Ông Trần Phương rất thắc mắc về thế giới của những linh hồn người chết, không biết họ ảnh hưởng thế nào tới thế giới người sống và họ tồn tại như thế vĩnh viễn hay chỉ một thời gian? Khả năng ngoại cảm là do đâu mà có?...

Cô Phan Thị Bích Hằng đã tự thuật ngày 25 tháng 3, 2007, trước hàng ngàn người tại chùa Hoằng Pháp (Hóc Môn), về công việc tìm mộ mà cô làm từ khi có khả năng ngoại cảm, trước mặt quý sư Giác Ngộ trụ trì chùa Hoằng Pháp, và đại đức Nhật Từ.

Cô cho biết từ năm 1996 tới nay, cô đã giúp thân nhân người chết tìm được 2,567 ngôi mộ, trong số đó chỉ có 17 trường hợp không thành công. Các ngôi mộ này ở nhiều vị trí rất phức tạp: trên núi cao, trong rừng sâu, dưới lòng sông rạch... Cô cho biết, người tìm mộ thân nhân phải có lòng thành, tha thiết tới việc này, thì cô sẽ thành công nhanh.

Sống cuộc đời bình thường của một phụ nữ có gia đình, cô Bích Hằng có khả năng nhìn được người nằm trong mộ, và nghe được họ nói chuyện. Lần đầu tiên nghe được tiếng người cõi âm, là khi cô nghe thấy tiếng nói của bà cụ mẹ Giáo sư Mai Hữu Khuê. Do đó, cô là nhà ngoại cảm tìm được nhiều mộ nhất, vì ngoài yêu cầu của người sống, cô còn đưa tin tức dùm một số các người cõi âm tới cho gia đình họ. Các âm hồn, qua cô, còn mách bảo cho biết vị trí một số mộ của những người lân bang với họ; như trường hợp mộ của nhà cách mạng Lương Ngọc Quyến (khởi nghĩa tại Thái Nguyên 1917).

Chính vì có các khả năng này mà cô đã chứng minh được để mọi người tin rằng thế giới cõi âm là một hiện thực, tồn tại dưới các tần số sóng âm, từ trường khác với chúng ta (cõi dương).

Ngoại cảm trong ánh sáng của đạo Phật

Theo thượng tọa Nhật Từ, khả năng ngoại cảm tương đương với các thần thông như thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông của chư Phật, của chư Bồ tát và các thiền sư chứng đạo. Quý ngài có thể nhìn và nghe rất xa, xuyên thấu mọi vật chất như đất, đá, núi sông v.v... Thời gian và không gian không còn giới hạn được quý ngài. Hơn nữa, quý ngài còn hiểu được tâm ý đối tượng (tha tâm thông). Chúng ta ai cũng có những khả năng tâm linh này nhưng chưa khai mở được ra đó thôi. Con người bình thường, khi có một tai nạn lớn, thì tâm thức họ có thể bật ra được các khả năng kỳ diệu – như cô Bích Hằng do vết thương chó cắn, ông Nguyễn Văn Chiếu, do bị điện cao thế giật suýt chết.

Các nhà ngoại cảm khi mô tả sắc tướng và phiên dịch các lời nói của người âm, họ đều ở trong tình trạng tỉnh táo: tiếng nói không thay đổi, khuôn mặt và hình sắc không khác. Họ hoàn toàn không giống các đồng cô bóng cậu...

họ chỉ có khả năng nhìn và nghe hơn người thường mà thôi.

Thượng tọa Nhật Từ cho rằng vấn đề thông tin được với cõi âm qua các nhà ngoại cảm, là một tiếng chuông cảnh tỉnh rất lớn, khiến cho những người hoàn toàn theo duy vật chủ nghĩa phải giật mình: sau khi chết, không phải là hết chuyện! Thân thể con người sau khi chết sẽ biến đổi, tan rã và trở về với tứ đại: đất, nước, gió, lửa. Tâm thức chúng ta cũng sẽ tan biến vào giòng sống của vũ trụ, để rồi khi hợp đủ duyên, sẽ biểu hiện ra một thân mạng mới – hay dở tùy theo nghiệp lực mình đã tạo ra trong suốt cuộc đời mình. Nhưng khi bị gục ngã bất ngờ trong chiến trường, chết vì bom đạn trong chiến tranh, đa số người ta không được siêu thoát – và với ảo tưởng sâu dày về cái Ngã trường tồn, những người đó bám víu vào hình tướng cũ của mình; đau khổ triền miên vì có nhiều ray rứt, nhiều chuyện dở dang, chưa giải quyết. Cảm giác mất mát, tiếc nuối hay ân hận của người chết khiến cho tâm thức họ không bước được vào cảnh giới tốt đẹp hơn. Chết rồi mà không siêu thoát, không được đầu thai vào kiếp khác, các người âm đó vẫn tưởng như mình còn sống, tiếp tục tham/sân/si và bị vướng mắc, đau khổ, y như khi còn sống vậy.

TUỆ SĨ

BÌNH MINH

Tiếng trẻ khóc ngân vang lời vĩnh cửu
Từ nguyên sơ sông máu thắm đồng xanh
Tôi là cỏ trôi theo dòng thiên cổ
Nghe lời ru nhớ mãi buổi bình minh

Buổi vô thủy hồn tôi từ đáy mộ
Uống sương khuya tìm sinh lộ viễn trình
Khi nắng sớm hôn nồng lên nụ nhỏ
Tôi yêu ai, trời rực sáng bình minh?

Đôi cò trắng yêu nhau còn bỡ ngỡ
Sao mặt trời thù ghét tóc nàng xinh?
Tôi lên núi tìm nỗi buồn đâu đó
Sao tuổi thơ không khóc buổi bình minh?

Trong bài giảng tại chùa Ấn Quang ngày 8 tháng 4, 2007, thượng tọa Nhật Từ đã phân tích các nguyên nhân đưa tới hiện tượng bùng phát của Ngoại cảm. Theo ông: các nhà ngoại cảm xuất hiện tại nước Việt nhiều nhất, so với các xứ khác trên thế giới, vì nhiều lý do, nhất là :

* Chiến tranh quá lâu trên đất nước Việt Nam – với người Trung Hoa (một ngàn năm), người Pháp (100 năm); và cuộc nội chiến (21 năm) giữa hai miền Nam Bắc gây ra bao cảnh tương tàn, khổ hận. Các nhà ngoại cảm thông tin được dùm người cõi âm, để cảnh tỉnh người sống biết quay về con đường đạo đức, sống thiện lành hơn.

* Tình trạng tiến bộ vật chất trong khung cảnh toàn cầu hóa khiến cho người dân Việt dễ bị tha hóa, cho việc mưu toan làm giàu là quan trọng nhất - thỏa mãn cuộc sống vật chất là mục tiêu của cuộc sống. Các nhà ngoại cảm nhắc nhở chúng ta về nghiệp dĩ, luân hồi, về tái sanh v.v... để biết đường mà sám hối, cảnh tỉnh.

Thượng tọa Nhật Từ cũng giải thích các hiện tượng Ngoại Cảm như sau:

1. Cõi âm của các linh hồn chưa siêu thoát, chính là cảnh giới Ngã quỷ – một trong sáu cõi mà kinh Phật thường nói tới: Trời – Người – Atula- Ngã Quỉ – Súc sanh. Ngã quỷ là cõi của những người chết mà chưa thoát được cái Ngã chấp về mình. Thân chết nhưng tâm còn vướng mắc, còn chấp vào xác thân cũ, nên không siêu thoát sang các cảnh giới khác được.

2. Đối với cái nhìn Phật giáo: "thân này không phải là tôi," khi chết đi, xác thân mình sẽ bị hủy hoại, mục nát, biến đổi vì tứ đại tan rã... nhưng tâm thức chúng ta sẽ được chuyển đổi, biểu hiện ra trong những thân mạng mới, tức là đầu thai sang kiếp khác. Nếu nghiệp dĩ đã nhẹ nhàng, ta sẽ được siêu thoát, vượt qua được vòng sinh tử của cõi luân hồi, nhập vào cõi Phật.

3. Phật giáo cũng nói tới các thần thông mà chư Phật cùng các Bồ Tát, các Thiền sư cao cấp đã chứng nghiệm được. Theo thượng tọa Nhật Từ, các nhà ngoại cảm là những con người bẩm sinh hay vì một tai nạn, một biến động

đặc biệt, đã khai mở được vài ba loại thần thông đó. Họ có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông và tha tâm thông: nhìn thấu qua đất đai, rừng núi, nhìn từ nơi rất xa, nghe được những âm thanh mà người thường không nghe nổi – và đọc được tâm tình của người khác, dù người đó sống hay đã chết.

Thượng tọa cũng cho rằng hiện tượng ngoại cảm không phải là chuyện mê tín dị đoan. Các nhà ngoại cảm thứ thiệt không như các cô đồng cậu bóng, khi tiếp xúc với người cõi âm, họ vẫn tỉnh táo và nói tiếng của họ không đổi giọng. Họ chỉ diễn tả những gì nhìn thấy và nhắc lại những gì người âm muốn thông tin qua họ mà thôi.

Oán cừu tồn tại dai dẳng giữa những người đang sống ở cõi dương cũng như các mối oan khiên của người cõi âm chưa giải được, sẽ gây ra thêm nhiều khổ não cho dân tộc. Trong văn hóa Phật giáo mọi người đều tin vào thuyết "âm siêu- dương thái": người chết siêu thoát, thì người sống mới thái bình.

Thượng tọa Nhật Từ cũng cho rằng các nhà ngoại cảm đã vén lên bức màn của cõi âm mà Phật đã đề cập tới trong giáo lý luân hồi, tái sinh. Với những thông tin từ các nhà ngoại cảm, người ta hiểu được vì sao các chùa vẫn cúng tế cô hồn, hướng dẫn cho họ dễ siêu thoát. Các trai đàn giải oan là đàn tràng tập thể do nhiều tu sĩ đạo hạnh thực hiện, đem nghiệp lực thanh tịnh ra giúp cho các oan hồn được giải nghiệp, nhẹ nhàng.

Cô Phan Thị Bích Hằng cùng nhiều đồng bạn đã tham dự một trai đàn bạt độ tại chùa Linh Thắng tỉnh Di Linh vào cuối tháng Ba 2007, sau đại trai đàn giải oan tại chùa Vĩnh Nghiêm do tăng đoàn Làng Mai tổ chức cùng chư tăng miền Nam. Cô Bích Hằng cho biết, cô đã nhìn thấy rất nhiều hương linh – trẻ có già có, lành có, khuyết tật cũng nhiều... Họ dắt díu nhau tìm vào cửa Phật để được nghe kinh, được siêu độ. Cô cảm nhận được năng lượng thanh tịnh và thánh thiện của quý vị tu sĩ khi họ tụng kinh, cầu nguyện, và cô rất xúc động. Cô Bích Hằng "rất tin vào sự siêu độ của nhà Phật. Bằng sự thanh tịnh và cả tấm lòng từ bi của quý thầy qua lời kinh Phật dạy, các hương linh nghe hiểu và sẽ xả bỏ được oan nghiệt, từ đó họ mới mong được sám hối và siêu thoát. Đó cũng là điều mà các hương linh thường nhờ tôi nhắn với gia đình họ: nên cầu siêu cho họ. Tôi mong sao một số tỉnh thành trên cả nước, tại những nơi mà chiến tranh xảy ra ác liệt nhất như Quảng Trị, Quảng Nam, Điện Biên Phủ, và các tỉnh Tây Nguyên... những nơi chưa có chùa thì nên lập chùa và có nhiều trai đàn chẩn tế như thế này để mà cầu nguyện cho các oan hồn được mau siêu thoát. Thú thật, thầy cúng thì rất nhiều nhưng tôi vẫn cứ tin vào nhà chùa vì tôi tin vào đức độ, lòng từ bi và cái tâm trong sáng của quý thầy..."

Dương an, âm siêu?

Thế giới người âm có ảnh hưởng hay không trên dương thế là chuyện nhiều người thắc mắc. Nhưng, khi tâm an, người sống chắc cũng sẽ ảnh hưởng không ít trên người thân đã khuất bóng. Nếu có sự kiện "âm siêu dương thái" thì cũng có chuyện "dương bình an, âm siêu thoát." Khoa học ngày nay cũng chia sẻ cái nhìn "tương tức" của đạo Phật.

Đạo Phật và cách thực hành, theo cách giảng dạy của các thiền sư hiện đại, là một lối sống tích cực, giúp cho mọi người chuyển đổi cái tâm để sống một cuộc đời bình an, hạnh phúc hơn rất nhiều. Người Âu Mỹ vốn tin vào khoa học thực nghiệm, hiện nay cũng đang đổ xô đi tìm thiền. Và giới khoa học gia về thần kinh não bộ đang làm nhiều cuộc thử nghiệm quan trọng về ảnh hưởng của thiền tập trên não bộ.

Đại sư trẻ tuổi Tây Tạng Yongey Mingyur (sinh 1975), trong cuốn sách mới (The Joy of Living), đã dùng các thông tin về khoa học thần kinh mới nhất để lý giải về những ích lợi thực tiễn của Thiền quán. Theo đại sư Yongey và theo những thử nghiệm mới đây trong khoa thần kinh não bộ, thì sự thực tập thiền định (tinh chuyên) có thể làm gia tăng hoạt động tại các trung khu não bộ liên quan tới hạnh phúc và lòng từ bi. Thiền không chỉ giúp cho con người có sự chú tâm, bình thản để vượt qua các khó khăn tâm lý, mà thiền còn là phương pháp giúp họ trở về với lòng Từ Bi, sự Hiểu Biết chân thật – những bản tánh vốn có sẵn trong tâm mỗi người...

Những con người có khả năng sống với sự bình an nội tại, họ có nhiều hấp lực và ảnh hưởng thiện lành trên người khác, trên môi trường. Người xưa có câu "Người quân tử ở đâu thì nước ở đó trong hơn, cỏ xanh hơn..." Sự an bình của người sống có ảnh hưởng không ít trên người chết. Vì vậy, phải chăng đạo lực và tâm thanh tịnh của các vị tu sĩ có thể giúp cho người cõi âm được siêu thoát, khi họ lập ra các đàn tràng để cầu nguyện, siêu độ cho các oan hồn?

Tường thuật của học trò người Mỹ

về chuyến đi 2007 của Thiền Sư Nhất Hạnh

(Sau đây là bản dịch trích đoạn bài viết của anh David Nelson, một người Mỹ đã đi theo tăng đoàn Làng Mai suốt từ Saigon ra Huế, Đà Nẵng, Nha Trang và Hà-nội. Đoạn sau là từ bài của Victoria Emerson, theo tăng đoàn tu học ba tuần từ Saigon ra Huế).

... Hôm nay ngồi trong chiếc xe bụi bặm của tôi tại California, tâm tôi vang lên vài câu hỏi: "Cuộc hành hương về quê của Thầy sẽ tạo ra những kết quả nào? Cuộc du hành khắp nước (Việt Nam) để giảng dạy, hướng dẫn cho bao người thực tập cũng như làm các trai đàn giải oan, hàn gắn những vết thương sâu thẳm trong lòng bao người, bao gia đình - những vết thương do chiến tranh thời quá khứ, tất cả có ý nghĩa ra sao?"

Tôi đã tận mắt, nhìn thấy bao người được hưởng kết quả của phép thực tập thiền hành, thiền thở, tập sống tỉnh thức với Thầy. Họ tìm lại được niềm vui và hạnh phúc trong những giờ phút hiện tại. Thật là những kinh nghiệm không thể quên. Khi nào thì các xã hội quá nhiều nỗi khổ – ngay cả Hoa Kỳ- sẽ sẵn sàng để hàn gắn các vết thương? Ai là người có khả năng và trái tim vĩ đại để giúp họ?

Tại Việt Nam, dù không được thông tin qua báo chí (vì thông tin bị chính quyền kiểm soát) về các trai đàn chẩn tế giải oan, hàng chục ngàn người vẫn tới tham dự các buổi lễ siêu độ cho những oan hồn nạn nhân của hai cuộc chiến tranh với Pháp và Mỹ v.v... Đã chứng kiến tận nơi, đã tham dự cùng thầy Nhất Hạnh những buổi lễ biểu hiện tình thương lớn lao của Thầy dành cho người Việt Nam, nếu không nói là cho muôn loài, cây cỏ và đất đá, chúng tôi phải làm sao để có thể tiếp tục thể hiện được tấm lòng từ bi đó? Chúng tôi, những người trong tăng thân Tây phương, đã bỏ bao tiền bạc và thì giờ để theo bước chân Thầy.

Thực ra, thầy Nhất Hạnh có thể chỉ sống tại Làng Mai để bảo tồn năng lượng quý báu cho tự thân, lâu lâu giảng pháp thoại và tiếp tục viết sách, truyền bá những tri giác của người. Vì sao mà vị sư già trên 80 tuổi lại có được năng lực thể chất và tâm linh cùng với lòng từ bi vô hạn của một vị Bồ Tát, để mà cố gắng chữa lành những vết thương cho quê hương của ông? Chính chúng tôi, người Tây Phương, nhiều lúc cũng bị kiệt sức (thể chất và tinh thần) vì phải sinh hoạt theo chương trình của tăng đoàn. Hình như thầy chỉ việc dùng khả năng của đức Phật, có sẵn trong mình ông, nên thầy mới có được sức mạnh và những tri kiến, đi trên con đường cứu khổ đó...

Trong các buổi pháp thoại áp chót gần Hà Nội, Thầy giảng về Kinh Pháp Hoa, kinh Kim Cương và vài kinh khác, trong đó có Kinh quán niệm hơi thở; Kinh người biết sống một mình... Những người tới tham dự thuộc giới kỹ nghệ và doanh thương Việt Nam, đã học bằng những kinh nghiệm thực tế của thầy trò chúng tôi ở phương Tây -nơi mà sự tìm cầu hạnh phúc qua tiền tài, quyền lực và danh vọng, sắc dục v.v... đã nhiều phần chỉ đưa tới khổ não. Đạo Phật rất hấp dẫn chúng tôi, người Tây phương, vì nó rất khoa học, và nó giúp chúng tôi giải quyết những vấn đề nội tâm, cũng như các vấn đề về môi trường...

Thầy luôn luôn nhắc nhở, nói đi nói lại hoài rằng con người và môi trường cùng chia sẻ với nhau chung một số phận. Nếu chúng ta tiếp tục làm ô nhiễm và tàn phá môi trường thiên nhiên, là chúng ta sẽ đi tới chỗ tự hủy diệt mà thôi....

Trong bài pháp thoại chót tại chùa Trung Hậu, thầy đã giảng thật kỹ lưỡng, nhấn mạnh về đề tài Thương Yêu cho thính chúng tỉnh Vĩnh Phúc. Thương yêu làm bằng các yếu tố hiểu biết, từ bi và trí tuệ. Tình yêu và liên hệ không phải chỉ là vấn đề cá nhân – đó là đề tài người Tây phương chúng tôi ai cũng cần thực tập. Liên hệ, thương yêu, là chuyện tương quan với gia đình và xã hội. Hạnh phúc của gia đình và xã hội có ảnh hưởng mạnh mẽ tới thương yêu. Cha mẹ và con cái phải học cách lắng nghe và nói những lời ái ngữ để thật sự hiểu mình và thấy được mình có trong người kia...

Thầy đã nói: hiện nay nhiều trẻ 14 – 15 tuổi, vì bắt chước theo Ti-Vi và vài loại âm nhạc giải trí mới, đã vướng vào sắc dục quá sớm mà không hiểu Tình Yêu nghĩa là gì. Sự đau khổ, thất vọng của chúng sẽ được truyền xuống thế hệ sau, và con cháu của chúng sẽ lại đi vào con đường nhiều khổ lụy đó.

Cuối bài pháp thoại, thầy cho rằng bài học về Tứ Vô Lượng Tâm (Từ-Bi-Hỷ-Xả) cần phải được giảng đi giảng lại nhiều lần cho tuổi trẻ, để chúng

được sống Hạnh phúc – sau khi hiểu thế nào là Tình thương yêu chân chính, đích thực. Thương yêu nhau là làm bạn nhau – một tình bạn chân thực giữa người với người.

Sau buổi pháp thoại, vị thầy già trụ trì chùa Trung Hậu đã lên tiếng, nói rằng nhờ bao đời phúc ấm của tổ tiên nên thính chúng tại đây mới được nghe Thầy giảng một bài pháp đặc biệt hay và nhiều năng lượng đến như vậy.

Sau mỗi khóa tu (ba tuần) trong chuyến hành hương theo chân Thích Nhất Hạnh, các cư sĩ được yêu cầu viết lại công phu tu tập và các thành quả của họ để tới cuối khóa trình lên Thầy. Sau ba tháng theo thầy, chúng tôi cuối cùng phải từ biệt, không thể theo Thầy đi hoằng pháp tiếp tại Hồng Kông và Thái Lan... Tôi thật sự kinh ngạc khi biết Thầy sẽ tiếp tục hoằng pháp tại Âu và Mỹ Châu, sau khi từ Á Châu trở về Làng Mai nghỉ ngơi ít bữa... Tôi cầu mong cho Thầy và tăng đoàn luôn giữ được sức khỏe và may mắn trên con đường Bồ Tát của họ. (**David Nelson** – *tháng 5/2007*)

Trích bài của Victoria Emerson:

"...Tôi là một người sanh ra tại Hoa Kỳ. Tổ tiên tôi có gốc rễ từ nhiều sắc dân như Đức, Ái Nhĩ Lan, Pháp và Anh. Tôi theo Thiên chúa giáo, đi tìm gốc rễ tâm linh trong nhiều nhà thờ khác nhau, nhưng chưa từng nghĩ mình sẽ theo đạo Phật...

Nay, tôi đã học và thực tập đạo Bụt theo thầy Nhất Hạnh được năm năm. Hầu như mỗi ngày tôi lại khám phá ra một vài điều mới lạ trong tôi hay trong những người sống gần tôi. Đã đọc khoảng 15 cuốn sách và tu học nhiều khóa tại Làng Mai, Lộc Uyển v.v... tôi được nghe Thầy giảng nhiều lần về chữ tăng thân (Sangha), và tôi nghĩ mình đã hiểu ý nghĩa chữ đó: Sangha giống như một gia đình tâm linh, trong đó mọi người cùng thực tập đạo Tỉnh Thức. Tôi thực tập theo ba tăng thân tại miền Nam California. Trong đó, tôi được học hỏi và hướng dẫn về Kinh điển, Giới luật, sự chấp nhận, tình bằng hữu... Tôi hiểu được giá trị của tinh thần muốn học hỏi và chuyển hóa của mỗi người trong tăng thân, cũng như tinh thần giúp ích đồng loại của họ.

Nhưng mãi tới khi tôi theo Thầy Nhất Hạnh đi Việt Nam gần đây, tôi mới hiểu và sống trọn vẹn ý nghĩa sâu xa của hai tiếng Tăng Thân. Tôi rất may mắn được tham dự vào phái đoàn các cư sĩ đi theo Thầy về hoằng pháp tại quê hương của Thầy lần thứ hai vào tháng 3/2007...

Mỗi buổi sáng, chúng tôi tới địa điểm mà Thầy sẽ nói pháp, đứng phía sau các thầy cô trong tăng đoàn Làng Mai để đi vô chùa. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy nhiều người Việt Nam vái chào chúng tôi, những cư sĩ Tây phương. Chẳng bao lâu tôi hiểu ra: chúng tôi đều có liên hệ với nhau hết. Tôi hiểu họ chào chúng tôi như để cảm ơn phái đoàn quốc tế từ bao nhiêu xứ đã tới Việt Nam để hỗ trợ cho công việc mà Thầy Nhất Hạnh làm cho xứ sở của họ.

... Tôi từ từ hiểu rằng qua liên hệ của tăng thân, chúng tôi tiếp sức cho nhau, tạo ra năng lượng cho nhau. Mỗi ngày tới chùa, Thầy cần chúng tôi chung quanh để hỗ trợ, để có thêm năng lượng. Lúc nào tôi cũng thấy Thầy khỏe khoắn, hạnh phúc. Thầy có chung quanh "gia đình" – có tăng thân của người. Tôi chợt hiểu sự thiếu thốn tình gia đình của riêng tôi, khi mới lớn lên và cha mẹ quá bận rộn với công việc. Trong gia đình tăng thân mới thành lập đây, sự hỗ trợ nhau thật sự đáng quý, ai cũng có tấm lòng mở rộng, mọi người đều hết lòng chăm sóc cho nhau. Chúng tôi biết luôn luôn có người lo lắng dùm để chuyến đi của chúng tôi được thoải mái. Cảm giác được an ổn đó khiến chúng tôi có thêm hạnh phúc.

Tôi nhận ra rõ hơn tình tăng thân khi tôi bị trúng độc vì ăn một trái cây chưa rửa kỹ. Chỉ trong giây lát, chung quanh tôi bao nhiêu là tăng thân. Nào tăng thân người Việt, nào người Tây Ban Nha, Pháp, Mỹ, Ấn Độ, Đức... ai cũng hỏi han, giúp đỡ tôi hết lòng. Tuy bị đau bụng, nhưng tôi thật sung sướng.

Thời tiết Việt Nam thật khắc nghiệt, nóng khủng khiếp. Chúng tôi mặc áo tràng màu xám nhạt, tuy vải mỏng nhưng luôn ướt đẫm mồ hôi. Tôi tự hỏi, không hiểu sao thầy và các tăng ni chịu nổi cái nóng với bộ đồ nâu và thêm lễ phục màu vàng khoác ngoài nữa? Nhưng hình như thời tiết không làm phiền chi họ. Bao giờ Thầy cũng tươi cười khi đi vô, như một bông sen trong hồ nước mát vậy.

Vì đâu mà thầy luôn luôn bình thản, thanh tịnh và thánh thiện như vậy được? Đối với tôi, Thầy thể hiện những gì đức Phật đã chỉ dạy. Thầy sống từng giây phút hiện tại. Có thể ông cảm thấy nóng, nhưng ông *sống* trong hiện tại, với cái nóng đó, chung quanh có học trò... thật là tuyệt diệu. Tôi bắt đầu hiểu rằng muốn sống được với hiện tại giống như Thầy, chúng tôi cần có tăng thân. Thầy lấy năng lượng của tăng thân quanh người, và tôi cũng vậy. Chuyện làm việc và sống cô độc trong văn hóa Bắc Mỹ, thật không hợp lý chút nào...

(Victoria Emerson, đang tập sự để trở thành một cư sĩ Tiếp Hiện).

Cây trên sườn núi

TIỂU HUYỀN

Trong tu viện Bát Nhã (Bảo Lộc), ngày 3 tháng 3 năm 2007 vừa qua, khi một thiền sinh hỏi "Vì sao Đề Bà Đạt Đa, chuyên phá đức Phật, lại cũng được coi là có công đức? Như vậy nếu con cũng phá thì có được coi là có công đức hay không" Thiền sư Nhất Hạnh đã trả lời:

"Đức Thế Tôn có nói rằng là Đề Bà Đạt Đa, người gây ra khó khăn cho tăng đoàn, cho đức Thế Tôn, cũng đóng góp một phần nào đó cho sự lớn mạnh của tăng đoàn và của đức Thế tôn. Nó có nghĩa là khi mình tu học mà gặp những trở ngại thì mình có cái duyên để tu tập thêm ngõ hầu vượt thắng trở ngại đó. Và những trở ngại đó làm cho mình lớn lên, mình học hỏi, mình vượt thắng được những trở ngại đó. Con đường tu luôn luôn có những trở ngại...

"Có những người phá phách, có những người bôi xấu, có những người nói oan cho mình. Nhưng mà nếu mình biết tu thì mình có thể vượt thắng được những cái đó và mình lớn lên. Cũng như cái cây mọc trên sườn núi. Núi toàn là đá sỏi, không có đất thịt nhiều và có mưa gió rất nhiều. Vì vậy nên cái cây sống trên sườn núi nó cắm rễ rất sâu và đứng rất vững trước mưa gió. Còn những cây mọc trên đồng bằng mà đất rất mềm thì mỗi khi có gió mạnh nó có thể ngã xuống một cách dễ dàng.

"Cho nên càng có nhiều trở ngại, càng có nhiều châm biếm, nói xấu, phá hoại thì sự tu học của mình càng vững thêm. Và vì vậy những người phá hoại, gây những khó khăn – như Đề Bà Đạt Đa – trở thành một cái tăng thượng duyên, tức là một điều kiện giúp mình lớn lên. Mình biết ơn người đó, gọi là nghịch tăng thượng duyên. Nghịch tăng thượng duyên là những cái trở ngại nó làm cho mình vững mạnh lên. Thành ra trên đường tu mình có thể gặp những khó khăn như vậy trong gia đình, trong chùa, trong huynh đệ, trong bạn bè. Cái người đó ham danh ham lợi, không có tu thiệt, và gây ra những khó khăn ở trong chùa, trong chúng. Nếu mình không tu giỏi thì mình thối chí, mình cho đó là những trở ngại khiến mình không tu được. Nhưng mà nếu mình quyết tâm thì chính những trở ngại đó giúp cho mình lớn lên, vượt thoát, mình không đau khổ vì những cái đó. Trái lại mình lớn lên và coi thường những cái đó.

"Như tôi chẳng hạn, trên bước đường tu của tôi, tôi gặp rất là nhiều khó khăn, nhiều chướng ngại. Hàng triệu người nói tôi là người Cộng Sản, hàng triệu người nói tôi là tình báo CIA. Họ viết bài, họ nói xấu, họ nói tôi có một vợ hai con! Nhưng mà tôi không có đau khổ gì hết. Và tôi thấy thương yêu những người đó. Và chính những cái đó làm cho mình vững mạnh lên. Ban đầu thì mình hơi xính vính, mình hơi chán, mình hơi buồn. Nhưng mà nếu mình chết chìm trong những cái đó thì làm sao lớn lên được? Cho nên những trở ngại trên đường tu, những trở ngại trên đường sự nghiệp của mình có thể giúp mình lớn lên, và thành công hơn. Do đó cho nên một hôm đức Thế tôn đã tán thán Đề Bà Đạt Đa. Nhưng nói thế không có nghĩa là đức Thế Tôn nói tất cả quý vị đều nên chống đối, đều nên phá hoại chánh pháp! Không có như vậy đâu! Những người chống báng chánh pháp, phá hoại tăng đoàn, gây khó khăn cho người tu thì những người đó có lỗi. Còn mình tu thì những cái đó giúp cho mình trưởng thành mau hơn. Cái nghĩa nó là như vậy, chứ không phải đức Thế tôn khuyến khích mọi người đều làm như Đề Bà Đạt Đa. Không phải vậy đâu."

Trước nhiều tin đồn vô căn cứ nói xấu ông thầy, một số học trò của Thiền sư Nhất Hạnh,

khi chưa đủ vững chãi, đã yêu cầu ông thầy lên tiếng để giải tỏa thị phi, hóa giải những điều sai với sự thật; nhưng lần nào ông cũng chỉ khuyên học trò, "Đừng quan tâm tới dư luận của những người muốn phá phách. Người ta nói bậy vì không biết, vì họ không hiểu thôi. Cứ tu học đàng hoàng đi, hành xử của mình sẽ là câu trả lời tốt nhất. Đừng mất thì giờ và năng lực cho những chuyện đó!"

Theo một số học trò của thiền sư Nhất Hạnh, có lẽ lý do khiến cho ông thầy chưa bao giờ lên tiếng cải chính những lời nói xấu mình [có lẽ vì thầy đã sống theo đúng với bài kệ mà ông nhận được từ bổn sư là Thiền sư Thanh Quý, khi ông sắp rời Việt Nam đi Mỹ. Năm 1966, Hòa thượng Thanh Quý của tổ đình Từ Hiếu, đã truyền đăng phó pháp cho thượng tọa Trừng Quang, pháp hiệu Nhất Hạnh. Nguyên văn bài kệ như sau:

"Nhất hướng Phùng Xuân đắc kiện hành (Đi theo một hướng sẽ đi mạnh mẽ, sẽ gặp mùa Xuân - Phùng Xuân cũng là Pháp tự của thầy Nhất Hạnh)

Hành đương vô niệm diệc vô tranh (Hành động mà không bị kẹt vào các ý niệm, không vướng víu vào các tranh chấp)

Tâm đăng nhược chiếu kỳ nguyên thể (Ngọn đèn Tâm nếu tỏa chiếu được những chân lý nguyên sơ huyền diệu)

Diệu pháp đông tây khả tự thành" (Phật pháp nhiệm màu có thể thành tựu khắp Đông,Tây)

Bài kệ như những lời tiên tri, nay hầu như đã ứng nghiệm vào cuộc đời hoằng pháp của thiền sư Nhất Hạnh: Hòa bình là hướng đi duy nhất mà ông trì chí tiến bước, dù con đường ông đi không có mấy đồng hành. Ông cũng không bị vướng vào bất kỳ cuộc tranh chấp nào, kể cả những lần ông bị chụp mũ, vu khống hay mạ lỵ. Ngọn đèn hoằng pháp của thiền sư vẫn đang còn đang tỏa ra rực rỡ, qua phép tu tập chánh niệm đơn giản và thích hợp với nhiều loại người trong thế giới hiện tại. Thiền sư Nhất Hạnh được cả thế giới công nhận là khuôn mặt đại diện Phật giáo đáng kính nể cũng như đức Đạt Lai Lạt Ma của Phật giáo Tây Tạng.

"Nhất hướng Phùng Xuân" là con đường mà ông nhất tâm theo đuổi. Thiền sư thường giảng dạy đệ tử: Khi có Hòa bình trong tâm-thì một người có thể xây dựng được Hòa bình cho thế giới. Những cuộc hoằng pháp liên tục của vị sư già hiện nay trên 80 tuổi chứng tỏ ông có tâm lực mạnh mẽ đi trên một con đường ít người đi. Ông không quản ngại mệt mỏi, không lùi mà vẫn tiến bước mạnh mẽ dù gặp nhiều chướng duyên, trên con đường giúp chúng sinh bớt khổ.

Các đại trai đàn Chẩn tế giải oan tại ba miền Việt Nam mới đây có thể là những nỗ lực lớn nhất của thiền sư trong cuộc đời hành đạo - giúp mọi người tìm được hòa bình tự tâm. Trai đàn giúp nhiều ngàn người hóa giải bớt oan khiên, hận thù – sản phẩm của cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc. Theo tin từ những Phật tử tham dự các trai đàn đó, nhiều chuyện khó tin, khó hiểu đã xảy ra, khiến cho ai nay đều phải chú ý:

Trong ngày đầu Trai đàn chùa Vĩnh Nghiêm Sài Gòn, tại sông Rạch Chiếc, nơi quân sĩ hai miền Nam Bắc chết rất nhiều trong những ngày cuối tháng 4/1975; sau nghi thức thỉnh linh, tấm phướn (bằng vải mỏng) nhúng xuống sông để vớt vong đã trở nên trĩu nặng. Phải tới tám người dùng hết sức lực mới kéo được tấm phướn đó lên để mang về cúng trên bàn vong.

Tại Trai đàn chùa Diệu Đức (Huế), trong buổi rước đèn hoa sen từ chùa ra sông Hương, người ta thấy thiền sư Nhất Hạnh luôn luôn để cây đèn trước trán, thiền hành từng bước ra tới bờ sông. Người đi kế bên thuyền của Thiền sư cho biết "cây đèn của thầy, khi được thả xuống sông, đã quay vòng nhiều lần trước khi trôi theo giòng nước; khác hẳn với các cây đèn khác, chỉ quay một nửa hay một vòng là trôi đi ngay!" Người viết được nghe một vị thượng tọa giải thích sự kiện đó như sau: "Câu chuyện này chứng tỏ từ lực của Sư Ông rất lớn và rất thanh tịnh. Người sống mình còn muốn được gần, nữa là các vong linh đau khổ!"

Tại trai đàn chùa Non (Sóc Sơn, Bắc Việt), nhiều người dân nghèo đạp xe đạp vài ba chục cây số tới tham dự vì "mấy chục năm nay mới nằm mơ thấy thân nhân chết trận, họ dục phải đi cầu nguyện cho họ..." Tại đây, hơn năm ngàn người tham dự đã chú tâm đọc Ngũ giới theo thiền sư Nhất Hạnh khi ông cho tất cả các hương linh quy y theo Phật. Sau đó, có một số người còn viết giấy xin Pháp danh của thiền sư , vì "con đã đọc Ngũ giới, quy y với Thầy, cùng thân nhân (đã chết) của con rồi!"

THANH NAM

Hà Nội

Gửi Nguyễn Minh Lang
và Thy Thy Tống Ngọc

Hà Nội ơi, ta lại nhớ thương rồi
Tha thiết quá những thân tình vạn dặm
Một tà áo, màu son, sắc phấn
Dăm nụ cười dăm mái tóc xanh xanh
Ngày ta đi mưa phủ kín kinh thành
Rượu không uống cũng say lòng lãng tử
Bắt chước người xưa ngâm câu Nhất khứ
Học đòi thuở trước hát Độc hành ca
Rằng, đường dài mà có một mình ta
Thương nhớ lắm, ôi lũ người ở lại
Ai tiễn đưa ta một nụ cười tê tái
Ai viết cho ta những cánh thư buồn
Ở phương này, ta một bóng cô đơn
Năm tháng lạ với hai mùa mưa nắng
Một mớ hành trang ưu sầu chất nặng
Giữa Sài Gòn lạc lõng bước chân thơ...

Hà Nội ơi, ôi biết đến bao giờ
Ta lại thấy bóng Tây Hồ bát ngát
Gió Trúc Bạch hương sen nồng ngây ngất
Chiều Cổ Ngư phượng đỏ một khung trời
Tuổi học trò xe đạp lượn từng đôi
Những Chủ nhật trên đường vui mở hội
Trời xanh biếc đẹp như màu cốm mới
Yêu làm sao kỷ niệm tuổi hai mươi
Mới ngày nào nay đã quá xa xôi...
Hỡi cặp mắt và nụ cười phố Huế
Trong xa cách hãy giữ giùm ta nhé
Những sớm thu, chiều hạ hẹn hò xưa
Mộng vẫn còn thơm ngát những giòng thư
Nỗi thương nhớ tưởng cào da xé thịt
Ôi, Hà Nội của bao tình thắm thiết
Những đường quen ngõ thuộc lối đi về

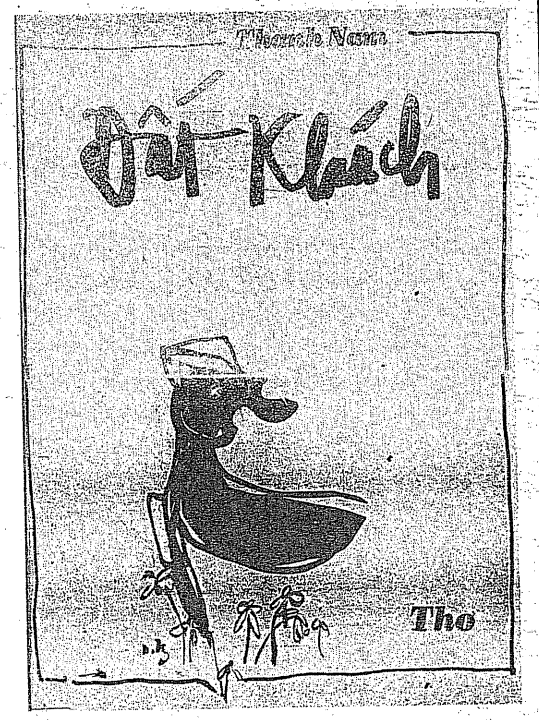

Của một thời chân thả bước đam mê
Làm một gã tình si ngoài cửa sổ
Vườn thơ dại đóa hoa đầu mới nở
Trong men nồng vừa chớm vị tương tư

Đêm Sài Gòn trở lạnh giữa mùa mưa
Thấy hiu hắt cơn gió thu Hà Nội
Đốt điếu thuốc thả hồn theo sợi khói
Mắt bỗng cay như buổi ấy lên đường...

Sài Gòn, tháng 9 - 1953

Buồn Ga Nhỏ

THANH NAM

Nếu một ngày nào, người ta sẽ bóc những con đường sắt này đi, những con tàu sẽ không qua lại nữa và ta vẫn phải sống ở đây...

Rất nhiều lần, Hảo nhìn lên cái chòi nước cao lênh khênh đứng ở cuối sân ga và nghĩ như vậy. Hảo không cần tìm hiểu xem tại sao mình đã có ý nghĩ đó cũng như chẳng bao giờ thắc mắc đến cái nếp sống tẻ nhạt của mình kéo dài từ ngày này qua ngày khác giữa một nơi hẻo hút. Cuộc đời của Hảo từ lúc bé dại cho đến khi trưởng thành đã bị gắn liền vào cái ga trạm nhỏ bé này, như những con tàu bám lấy những con đường sắt.

Hảo lên đây từ ngày nàng mới lên tám tuổi, sau khi đã theo học ở một trường quận miền xuôi, vừa đủ để biết đọc những pho truyện Tàu cho mẹ nghe và viết giúp mẹ những món tiền chi thu hàng ngày trên cuốn sổ chợ. Gia đình Hảo hồi đó gồm có một ông bố nghiện rượu, yêu những toa tàu và những chai rượu hơn yêu vợ con, một bà mẹ sống lầm lũi như một cái bóng và một người anh trai ngờ nghệch, thích làm phu khuân vác ở ngoài ga hơn là cắp sách đến trường.

Năm Hảo mười bốn tuổi thì mẹ nàng qua đời. Người anh trai của nàng cũng bỏ nhà ra đi sau đó ít lâu. Cha nàng càng uống rượu nhiều hơn để rồi cuối cùng tục huyền với một người đàn bà bán thức ăn trên xe lửa. Những sự thay đổi đó cũng chẳng khiến Hảo vui thêm hay buồn thêm. Mười bảy tuổi, Hảo lấy chồng. Người chồng của nàng cũng là một nhân viên trong nhà ga và uống rượu cũng không thua gì bố vợ. Cho tới bây giờ Hảo vẫn không hiểu được tại sao nàng lại trở thành vợ của người đàn ông già hơn nàng đến gần hai chục tuổi, đen đủi và xấu xí như một đầu tàu xe lửa cũ kỹ kia. Cái hình ảnh mà Hảo nhớ nhất trong ngày cưới của nàng là đêm tân hôn. Người ta dẫn nàng vào một căn phòng nhỏ và để nàng ở trong đó một mình. Nàng ngồi trên chiếc giường có trải chiếc chiếu hoa hãy còn mới. Trong khi đó ở nhà ngoài, người ta thi nhau uống rượu và nói đủ thứ chuyện nhảm. Mệt mỏi, Hảo ngã người xuống giường, mặt áp lên chiếc gối có thêu những đóa hoa lớn. Rồi nàng ngủ thiếp đi cho tới lúc cảm thấy có một hơi thở nặng nề ở bên cạnh thì giật mình tỉnh dậy. Cái cảm giác đầu tiên của nàng là sợ hãi và buồn nôn. Giữa đêm khuya im lặng ngọn đèn dầu nhỏ đặt trên bàn soi rõ nét mặt đần độn và đỏ nhừ của người chồng. Mắt y nhắm nghiền lại và cái miệng có những chiếc răng nửa vàng nửa đen hả ra. Hảo rùng mình, quay mặt vào tường. Một lát sau nàng lại tiếp tục giấc ngủ bỏ dở, cho đến khi bàn tay người đàn ông kia lay khẽ vai nàng...

Ấy thế rồi Hảo đã thành bác Tín gái, như tất cả mọi người chung quanh đã gọi. Cái tên Hảo mờ dần theo những ngày tháng làm vợ của nàng để rồi bị quên hẳn.

Như vậy đã ba năm. Những con tàu vẫn qua lại một ngày hai buổi. Những nét mặt chung quanh vẫn là những nét mặt cũ. Chỉ có những ngọn cây rừng ở chung quanh là Hảo nhận thấy hình như chúng mọc cao thêm và mỗi ngày che lấp thêm một khoảng chân trời.

Tiếng gọi của gã đàn ông khiến Hảo giật mình nhìn lên. Ánh nắng chói lòa. Nàng chưa kịp nhận ra nét mặt của người vừa gọi.

- Kiên đây mà... Kiên ngày xưa vẫn sang chơi anhTứ đó, Hảo nhớ không?

Hảo reo lên một tiếng nhỏ. Kiên là bạn với người anh trai của nàng hồi nhỏ. Y cũng bỏ nhà đi như anh nàng và bây giờ đã trở về, nhưng không còn là một gã thanh niên lông bông như ngày trước nữa. Hảo ngây người ra ngó Kiên. Mớ tôm đang nhặt dở nhảy lách tách dưới chân nàng. Kiên cười, đưa hai tay lên vuốt lại mái tóc bóng loáng:

- Cô Hảo trông tôi có lạ lắm không?

Hảo cũng cười gật đầu, lâu lắm nàng mới được nghe thấy một người gọi đến tên thật của nàng.

- Anh vào trong nhà chơi.

Vừa nói nàng vừa cúi xuống nhấc rổ tôm lên và bước vào nhà. Kiên đi theo, tiếng giày đế da nện lộp cộp trên sàn xi măng.

- Ông cụ đi đâu mà không thấy ở nhà?

Hảo dừng lại và có cảm giác là nét mặt của mình lúc đó đỏ lắm. Nàng ngờ rằng Kiên đang chế giễu mình vì đã lấy một người chồng già.

- Anh nói sao?

- Bác đâu?

Hảo thở dài nhẹ nhõm. Ra Kiên chưa hay tin nàng lấy chồng.

- Bây giờ tôi ở riêng rồi anh ạ.

Nói xong Hảo vội vã bước nhanh xuống bếp. Tiếng Kiên đuổi theo:

- Ở riêng rồi à? Ai thế?

Hảo làm như không nghe thấy những câu hỏi đó. Nàng cất vội mớ tôm lên chạn ăn rồi rửa sạch tay và bước lên nhà. Nàng rót nước mời Kiên:

- Nghe nói anh đã lập gia đình rồi phải không?

Kiên đỡ chén nước trên tay Hảo, cặp mắt nhìn thẳng vào người nàng:

- Làm gì có chuyện đó!

Và y hỏi lại Hảo:

- Cô ở riêng từ hồi nào, sao không nghe ai nói gì cả?

Hảo đứng dựa mình vào tường lơ đãng:

- Ba năm rồi...

- Ai thế?

- Người này chắc anh cũng biết.

- Ai?

Nàng nói rất khẽ:

- Tín.

Kiên tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Tín? Có phải bác Tín...

Kiên không nói hết câu, nhìn chằm chặp vào mắt Hảo. Nàng ngượng ngập gật đầu quay đi, tránh cái nhìn bạo dạn đó và nói lảng:

- Có lẽ nhà tôi cũng sắp về rồi đấy! Hay là trưa nay anh ở lại đây ăn cơm với chúng tôi cho vui.

Kiên khẽ vạch tay áo nhìn chiếc đồng hồ mạ vàng lóng lánh rồi đứng dậy:

- Thôi, tôi phải về đằng ông chủ tôi ăn cơm trưa nay. Lúc khác tôi sẽ lại thăm...

Kiên ngập ngừng. Hảo biết rằng y chưa muốn đổi cách xưng hô với nàng. Hai người vơ vẩn nhìn nhau rồi Kiên chậm chạp ra cửa. Câu nói sau cùng của y là một câu nói bâng quơ nhưng Hảo cho là ám chỉ nàng:

- Chóng thật. Mới ngày nào mà bây giờ đã bảy năm rồi. Về đây, trông cái gì cũng thấy khác...

Hảo nhìn theo gã đàn ông quen biết hồi nhỏ của mình. Y đi về phía nhà ga, chiếc bóng đổ xuống mặt đường. Hảo thở dài quay vào, sửa soạn cơm trưa.

Nàng uể oải làm cái công việc hàng ngày đó và lần đầu tiên nàng cảm thấy khó chịu. Những con tôm không còn nhảy lách tách nữa mà mềm nhũn dưới tay nàng. Hảo nghĩ tới bữa cơm sắp tới. Một chai rượu trắng ngất ngưởng đặt trên bàn. Vài ba món ăn khó nuốt. Hơi thở phì phì của anh chồng hôi mùi rượu. Tiếng húp canh xùm xụp. Những lời nói tục tằn, lỗ mãng. Những trận cười làm bắn tung tóe những món ăn. Hảo rùng mình không dám nghĩ tiếp nữa. Nàng rửa tay vội vã rồi đi nhóm bếp. Tiếng kẻng khua từ ngôi trường tiểu học gần đó rộn rã nổi lên. Tiếng trẻ con ào ào đổ ra đường. Chỉ còn nửa giờ nữa, Tín sẽ về. Y sẽ cởi trần ra và nằm xuống bộ ván hát ông ổng hai câu vọng cổ quen thuộc. Chỉ hai câu thôi và ngày nào y cũng hát tới, hát lui trong lúc đợi cơm.

Cái xóm ga nhỏ bé từ ngày Kiên trở về bỗng ồn ào hẳn lên. Ở một nơi mà ngày ngày người ta chỉ đợi có hai chuyến tàu đi về để được nhìn lên những bộ mặt mới lạ của hành khách thì sự có mặt của Kiên đã là một viên đá ném mạnh xuống một vũng nước phẳng lặng. Thằng bé lêu lổng ngày xưa bây giờ đã được người ta nhắc đến một cách trân trọng. Những tiếng đồn về Kiên làm ăn lớn ở Sài Gòn không ngày nào là không được truyền từ miệng người này sang miệng người khác. Sự thật thì chưa một ai biết rõ là Kiên làm nghề gì ở Sài Gòn cả. Họ chỉ nhìn Kiên qua những cách chi tiêu rộng rãi của y và nhất là cái lối nói chuyện có thêm nhiều danh từ mới lạ của y đã đem từ Sài Gòn về. Cố nhiên là Hảo không thể nào không để ý tới sự có mặt của người đàn ông đó. Cả một nếp sống bình lặng của nàng đã bị xáo trộn hẳn lên. Những giờ Tín đi làm, Hảo thường hay thơ thẩn đứng chơi ở trước cửa nhà mình. Nàng hiểu tại sao mình làm như vậy nhưng không sao đặt tên cho những ý nghĩ thầm kín đang dằn vặt trong lòng nàng. Một đôi khi gặp Kiên đi qua cửa, cúi chào mình, Hảo lại thấy lòng mình bâng khuâng, thao thức. Nàng muốn gọi y lại, để được nghe y nói một vài câu như hôm đầu tiên y đến thăm nàng nhưng cái tiếng gọi đó chẳng bao giờ thốt ra được. Những cặp mắt tò mò của những người chung quanh và những cái miệng nhàn rỗi lúc nào cũng như sẵn sàng để nói đến việc thiên hạ đã khiến Hảo lo ngại. Vì vậy Hảo chỉ còn mỗi một niềm an ủi cuối cùng là ngày ngày ra đứng ở cửa để chờ Kiên và để được nhìn thấy Kiên mỉm cười cúi đầu chào mình. Hảo gọi đó là những giờ vui trong một ngày. Và những giờ vui đó sẽ vụt tắt khi tiếng kẻng

khua rộn rã của trường học vẳng lên báo hiệu giờ sửa soạn hai bữa cơm buồn nản thường nhật.

Buổi chiều hôm đó, cũng như mọi bữa, Hảo đứng trước cửa, vơ vẩn nhìn những đám cây rừng xanh ngắt phía xa thì Kiên đi tới.

Sau khi chào nàng, Kiên đứng lại chứ không đi thẳng như những lần khác. Hảo ấp úng:

- Mời anh vào chơi trong nhà...

Và nàng đi nhanh vào nhà. Kiên chậm bước theo sau.

- Sao anh hẹn lại chơi mà từ bữa đó tới nay chẳng thấy anh tới?

Kiên ngước mắt nhìn lên mái nhà, không trả lời Hảo. Những tia nắng chiều lọt từ kẽ lá chiếu xuống chỗ hai người.

- Bao giờ anh đi về Sài Gòn?

- Tối nay.

Kiên chậm rãi trả lời, mắt vẫn nhìn lên mái nhà. Hảo nghe rõ một tiếng nấc ngắn ngủi trong cổ mình. Nàng nhắc lại câu trả lời của Kiên rồi hỏi khẽ:

- Sao anh về Sài Gòn sớm thế? Mới ở đây có ít ngày đã lại đi ngay, có việc gì vội hay sao?

- Không, chẳng có việc gì vội cả nhưng ở đây buồn quá, tôi không thể nào ở đây lâu thêm được nữa.

Hảo cười gượng gạo:

- Thế ngày xưa, anh sống ở đây thì sao?

- Ngày xưa khác. Bây giờ khác. Ngày xưa chị còn là... cô Hảo, bây giờ chị đã là...

Cặp mắt của Kiên từ từ cúi xuống nhìn những ngón tay của Hảo đang đặt trên thành ghế.

- Là gì đi nữa thì tôi với anh cũng là những người bạn thuở nhỏ, Hảo tiếp, và tôi mong rằng anh vẫn cứ gọi tôi bằng tên Hảo như ngày xưa...

Hảo nói câu đó một hơi dài và nói xong nàng mới giật mình không ngờ là đã nói được một câu như thế. Và, nàng đứng lặng trước mặt Kiên, đôi mắt chớp nhanh.

- Tôi đi Sài Gòn lần này, có lẽ lâu lắm mới trở về đây được. Nếu tối nay, Hảo không mắc công chuyện gì, Hảo hãy ra ga...

- Không được đâu, Hảo run giọng trả lời, tôi không thể nào tới đó được!

Kiên đứng dậy đi lại gần chỗ Hảo đứng:

- Nếu vậy, chúng ta hẹn nhau ở nơi khác trước giờ tàu chạy, được không?

Hảo giật mình, hai bàn tay nắm chặt lấy thành ghế:

- Không... không được đâu!

Kiên thở dài. Y nói bằng một giọng vô cùng tha thiết và Hảo có cảm tưởng như y đang đứng sát bên nàng:

- Hảo có biết không? Tôi về đây lần này chỉ mong gặp Hảo. Vì Hảo mà tôi trở về nơi này. Ngờ đâu, Hảo bây giờ không còn là Hảo ngày trước nữa. Tôi đi qua nhà Hảo, nhìn thấy Hảo đứng ở cửa hàng bao nhiêu lần mà không dám dừng lại để nói chuyện với Hảo. Tôi...

Kiên còn nói nhiều hơn nữa, những lời nói của y biến thành những ngọn gió mát rượi thổi vào tâm hồn Hảo. Trong một lúc, Hảo thấy khu rừng trước mặt xanh hơn lúc thường và ánh nắng chiều đã hết gay gắt. Chưa bao giờ Hảo được nghe những lời dịu ngọt như vậy từ miệng một người đàn ông thốt ra, ngay cả những lúc nàng được chồng âu yếm. Hảo rùng mình. Bàn tay nàng rời khỏi thành ghế và che lấy mặt. Khi Kiên vừa đặt tay lên người nàng, toàn thân nàng run bắn lên. Nàng vội vã gạt tay Kiên ra và chạy lại góc tường nép vào đó. Kiên vừa định bước tới thì một hồi kẻng vang lên. Những tiếng ồn ào của lũ trẻ nhỏ tràn ngập như thác nước ùa ra ngoài đường. Hảo kêu lên qua hơi thở dồn dập:

- Thôi, anh về đi. Về đi. Đã đến giờ, tôi...

Kiên dừng lại. Gã đàn ông hiểu ngay câu nói bỏ lửng của nàng. Y nhìn ra ngoài cửa. Một vài đứa bé đi học về, đang lớn vởn nhìn vào. Hảo giục thêm một lần nữa rồi úp mặt vào tường. Nàng nghe rõ tiếng giày của Kiên xa dần, xa dần...

Tiếng còi rú lên một lần cuối rồi cả đoàn tàu lừ lừ tiến vào bóng đêm. Đứng nấp vào một góc tối nhất của sân ga, Hảo nhìn theo đoàn tàu. Phía bên kia, Hảo thấy rõ chồng mình đang lắc lư chiếc đèn đỏ trên tay.

Khi đoàn tàu đã khuất hẳn và chiếc đèn đỏ trên tay chồng nàng không còn lắc nữa, Hảo mới men theo con đường cỏ trong sân ga, đi lối tắt về nhà. Những bước chân của Hảo dẫm lên đám cỏ rừng, lạnh buốt và nhói đau. Nhưng, Hảo không cảm thấy gì hết. Nàng chỉ nhìn lên cái chòi nước nằm cuối sân ga và nghĩ đến những ngày tháng sắp tới. Tiếng kẻng khua tan giờ học. Cái bếp lửa than hồng. Hai bữa cơm đều đặn trong một ngày. Những cơn say ngu độn của ông chồng với hai câu vọng cổ. Hảo muốn bật khóc nhưng không sao khóc được. Tất cả còn lại trong lòng nàng là một sự trống rỗng khủng khiếp, một sự tiếp nối những buồn nản thường xuyên, chạy dài như những con đường sắt.

Hồi ức về thi sĩ Hồ Dzếnh

Kỷ Niệm Còn Tươi

THANH NAM

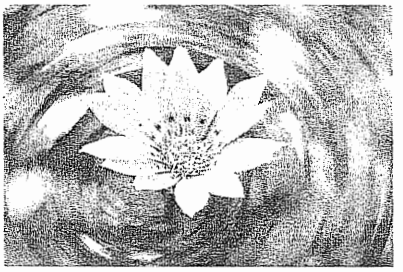

Một trong những tin nhận được từ Sài Gòn khiến tôi bâng khuâng cả tuần lễ, là tin những quán cóc bên đường của cái thành phố thân yêu đó đã bị chánh quyền mới dẹp bỏ: Nói ra điều đó chắc ít người tin, nhưng chính là sự thật. Hình ảnh sâu đậm nhất để trong tôi sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 không phải là hình ảnh những tòa buynh đinh sang trọng, không phải là những con đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ nườm nượp áo đỏ, áo xanh, mà chính là những cái quán bình dân mọc rải rác trên khắp đường phố Sài Gòn. Tôi cũng không hiểu tại sao người ta lại gọi đó là quán cóc. Có lẽ tại tính cách lưu động của nó chăng? Bởi đa số những quán cóc lề đường đều là những chiếc xe bán nước giải khát và bia phía trên che tạm một miếng tôn, một mảnh gỗ, hoặc khá hơn là một miếng vải bố mang hình thể một chiếc lều. Người dẫn tôi đến làm quen với quán cóc đầu tiên là anh Hồ Dzếnh, nhà thơ nổi tiếng tiền chiến với hai tác phẩm *Chân trời cũ* và *Quê ngoại*. Đó là vào đầu năm 1953, tôi mới từ Hà Nội vào Sài Gòn. Anh Hồ Dzếnh lúc đó đang viết cho báo Thần Chung của ông Nam Đình, vừa dịch tin vừa viết feuilleton cho báo đó dưới bút hiệu Lưu Thị Hạnh. Chân ướt chân ráo tới Sài Gòn, tôi tìm đến Hồ Dzếnh ngay, bởi tất cả nhà văn sống ở Sài Gòn hồi đó, tôi chỉ quen có mỗi mình Hồ Dzếnh, tôi đến tìm Hồ Dzếnh vào lúc trưa. Anh Dzếnh giới thiệu tôi với ông Nam Đình lúc đó đang bận rộn với mấy hàng tít lớn trên báo chí khẽ gật cái đầu chào lại tôi rồi lại cắm cúi xuống trang bài vở còn ướt mực trên bàn. Hồ Dzếnh kéo tôi ra khỏi tòa soạn:

- Cậu đã ăn gì chưa?

Tôi cười, thú thật là từ sáng đi lạc đường nên chưa có gì vào bụng hết. Tác giả *Chân trời cũ* gật đầu:

- Nếu vậy mình đi ăn luôn.

Và anh dẫn tôi vào một quán cóc bên lề đường lúc đó còn ở đường Nguyễn Văn Thịnh, góc đường nhỏ ăn thông sang đường Tự Do rồi về đường Nguyễn Huệ. Con đường Nguyễn Văn Thịnh này hồi đó đầy những quán cóc và tiệm cơm bình dân trên hè. Chai bia đầu tiên tôi uống ở Sài Gòn do Hồ Dzếnh mời ở trong một quán cóc vô danh nơi đó. Và cũng là lần đầu tiên gã Bắc Kỳ mới lạ, tôi ngơ ngác trước cụ Hồ Dzếnh, về cách kêu món ăn ở trong Nam. Hồ Dzếnh đã làm tôi ngạc nhiên với những danh từ "la ve" và "mì khô". Ở Hà Nội chỉ có *mì nước* với *mì xào* chứ không có *mì khô*. Hồ Dzếnh bảo tôi:

- Cậu định sống ở cái đất Nam Kỳ này thì phải tập ăn những món miền Nam. Mì khô, hủ tíu, giá sống và hột vịt lộn.

Thú thật lúc Hồ Dzếnh đưa tôi vào quán cóc, tôi đã thất vọng và hơi buồn vì cách xử của nhà thơ này. Tôi yêu Hồ Dzếnh, yêu thơ Hồ Dzếnh, yêu những truyện ngắn của Hồ Dzếnh trong *Chân trời cũ*, nhưng quả tình lúc đó không còn thấy yêu Hồ Dzếnh chút nào khi anh đưa tôi vào một quán cóc bên lề đường, mời mình ăn một bữa trưa với một chai lave với một tô mì khô hai vắt. Vừa từ Bắc vào, "máu Hà Nội" hãy còn đầy người, tôi chưa thể chấp nhận cái lối tiếp bạn tại một nơi... tạp nhạp như vậy.

Nhưng tôi cũng cạn hết chai lave và ăn hết tô mì khô do Hồ Dzếnh mời. Đợi tôi ăn hết tô mì, Hồ Dzếnh hỏi tôi:

- Cậu thấy thế nào?

- Anh nói cái món mì này hả?

Tôi hỏi lại Hồ Dzếnh. Anh gật đầu:

- Phải. Bắc Kỳ mình làm gì có thứ này? Cậu ăn có thấy lạ miệng không?

Tôi thành thật cho Hồ Dzếnh biết là cái thứ mì này thua xa mì Hà Nội. Đói thì ăn hết vậy thôi chứ không thấy ngon gì hết.

Hồ Dzếnh vẫn cười:

- Nếu vậy thì cậu nên ở chơi Sài Gòn vài bữa rồi về Hà Nội chứ đừng nên ở đây lâu.

Nghiêm mặt lại, anh tiếp:

- Sống ở trong Nam này cần phải dễ dãi một chút. Từ ăn đến mặc, cần ngon, cần tốt.

Sang vấn đề viết văn làm báo, anh khuyên tôi nếu muốn sống được với cái nghề viết ở trong Nam thì cần phải viết những tiểu thuyết có tình tiết hấp dẫn, văn phải cho sáng sủa, giản dị chứ không cầu kỳ, bóng bẩy, xa xôi v.v... Cả một bữa trưa hôm đó, Hồ Dzếnh giảng cho tôi những bí quyết viết cho ăn khách ở miền Nam qua kinh nghiệm của anh trên báo *Thần Chung*. Tôi nhìn bậc đàn anh của mình lúc đó nói về nghệ thuật viết feuilleton cho báo hàng ngày mà không thể nào nghĩ được rằng đó là một Hồ Dzếnh thi sĩ của những bài thơ: *"Trên đường về nhớ đầy, chiều chậm đưa chân ngày"* và *"Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé, nếu trót đi em hãy gắng quay về, đời hết vui khi đã vẹn câu thề, tình chỉ đẹp khi còn dang dở..."*

Tôi thất vọng, thất vọng hết sức và từ biệt Hồ Dzếnh ra về. Có lẽ mình phải trở về Bắc mất thôi. Trên đường về tôi đã tự nhủ như vậy khi nhớ lại buổi nói chuyện với Hồ Dzếnh trong quán cóc cạnh tòa soạn báo *Thần Chung*.

Nhưng rồi, tôi đã trở lại Sài Gòn, làm báo viết văn hăng hơn ai hết, trở thành một thứ ký giả miền Nam ngay cả trong lời hành văn và trong đời sống nghề nghiệp, khiến nhiều độc giả cũ đinh ninh tôi là người miền Nam viết văn. Trong khi đó, hiệp định Genève, Hồ Dzếnh lại trở về Bắc... lấy vợ. Nghe nói vợ anh là chủ một tiệm sách. Từ đó có nhiều dịp đọc báo chí miền Bắc nhưng tuyệt nhiên tôi không thấy một bài nào ký tên Hồ Dzếnh nữa. Hơn 20 năm, bao nhiêu biến đổi, giờ này nếu Hồ Dzếnh còn sống chắc cũng đã già yếu lắm, gần 60 tuổi rồi... không rõ anh có còn nhớ câu chuyện viết feuilleton làm sao cho ăn khách trong một quán cóc vô danh đường Nguyễn Văn Thịnh Sài Gòn?

Riêng tôi thì sau hơn hai chục năm lăn lóc trong làng báo miền Nam, những quán cóc lề đường của Sài Gòn đã trở thành một kỷ niệm không bao giờ có thể quên. Từ hồi còn làm thư ký tòa soạn cho tờ *Thẩm Mỹ* ở đường Phạm Ngũ Lão, bấy giờ còn gọi là đường Colonel Grimaud, cho đến những năm gần đây viết cho tờ *Tia Sáng* ở đường Phát Diệm, số thời gian la cà trong quán cóc của tôi có thể nói là ngang với thời gian ngồi trong các tòa soạn viết bài.

Sài Gòn đổi mới, Sài Gòn muốn làm đẹp nên Sài Gòn dẹp bỏ những quán cóc đó. Chuyện này đối với những người khác thì chẳng có ý nghĩa gì --nhiều người còn cho đó là điều hợp lý nữa-- nhưng với tôi đó là một trong số những tin buồn từ quê nhà đưa sang. Bởi từ hình ảnh những quán cóc đó, tôi nhớ lại những con đường quen thuộc Sài Gòn mà tôi đã qua lại nhiều lần trong một ngày, những con đường mang tên Phạm Ngũ Lão, Võ Tánh, Lê Thánh Tôn, Phát Diệm. Nhớ đến những bảng hiệu Tiếng Vang, Nghệ Thuật, Tia Sáng, Trắng Đen, Kịch Ảnh, những buổi trưa cùng một số anh em từ các tuần báo đổ về họp mặt. Mỗi buổi trưa trở thành một buổi hội khó quên. Biết bao nhiêu bộ biên tập đã được khai sinh từ những buổi trưa họp mặt đó, bên cạnh những đĩa tôm khô, củ kiệu, những đĩa xì oát, những tô mì khô, những trái soài tượng chấm mắm ruốc, những trái ổi xanh bên những chén muối ớt đỏ tươi, những con khô mực nằm kề bên chén tương pha trộn hai màu đen đỏ, những dãy vỏ chai 33 sắp hàng theo chiều dọc chiều ngang của từng chiếc bàn gỗ ọp ẹp...

Bây giờ, sống trên đất Mỹ, xa lộ thênh thang, đường phố sạch bóng, nhiều lúc thấy thương, thấy nhớ vô cùng những con hẻm tối tăm và nhất là những buổi chiều từ sở ra về, thấy thèm hết sức cái không khí quán cóc những buổi trưa nào ở Sài Gòn thuở xưa. Tôi nghĩ đến số bạn bè cũ hiện ở Sài Gòn, những gương mặt thân thuộc suốt 20 năm nghề nghiệp không hiểu bây giờ ra sao? Cơn bão lớn của thời thế vừa qua đã thổi những số phận đó đi đâu, về đâu? Và có lúc nào tình cờ đặt chân lên một thành phố cũ, nhìn lại dấu tích của một quán cóc ngày xưa, họ có còn đủ bâng khuâng nhớ lại một đôi chút kỷ niệm còn tươi như một vết thương chưa lành?

Ramsey, 18 tháng 3 năm 1979

Thiền sư THÍCH NHẤT HẠNH
và Tăng Thân Làng Mai

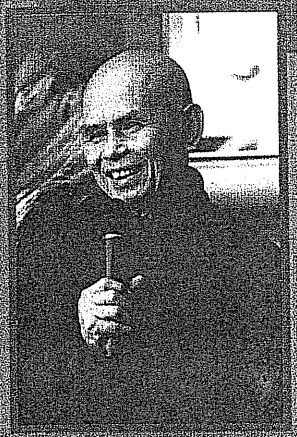

Khóa tu cho cư sĩ nói tiếng Việt

Từ ngày 13 đến 16 tháng 9, 2007
Tại Tu Viện Lộc Uyển, Escondido, CA

NGHỆ THUẬT SỐNG CHUNG HÀI HÒA VÀ AN LẠC

Nhận ghi danh từ bây giờ, điện thoại 1(800) 640-7448 hoặc vào www.locuyen.org. Thêm chi tiết, xin liên lạc: www.deerparknonastery.org hoặc ustour@plumvill.net Toll free 1(800) 331-2621 hoặc 1(760) 291-1003 (X100)

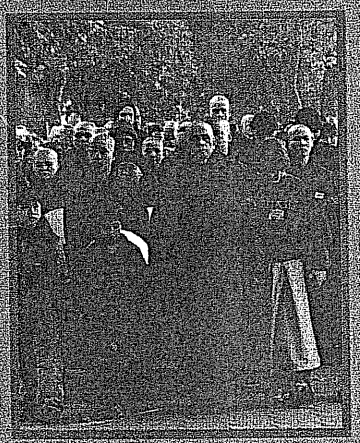

ý về muôn vạn nẻo
thiên lý tâm an nhiên
từng bước gió mát dâng
từng bước nở hoa sen

CÁC KHÓA TU KHÁC TẠI TU VIỆN LỘC UYỂN

- Từ 06 đến 09 tháng 9, 2007: Khóa tu dành cho người da màu: *Chúng Ta Sống Không Ngăn Cách* - **Chế Tạo Thương Yêu và Sự Truyền Thông**
- Từ 19 đến 23 tháng 9, 2007: Khóa tu bằng tiếng Anh- **Cùng Nhau Tu Tập Để Phục Hồi Tương Lai** (Trong khóa tu sẽ có chương trình cho các em thiếu niên và thiếu nhi)
- Ngày 29 tháng 9, 2007
  - 9:30 sáng: **Đi Cho Hòa Bình** -*Thiền hành với thiền sư Thích Nhất Hạnh tại Mac Arthur Park, Los Angeles*
  - *7:00 tối:* Pháp Thoại Công Cộng tại Pasadena Civic Auditorium: *Hạnh Phúc Với Niềm An Lạc Của Chúng Ta*- **Phòng Hộ và Chuyển Hóa Sự Sợ Hãi, Kỳ Thị**

MEKONG DÒNG SÔNG NGHẼN MẠCH

VĂN NGHỆ MỚI
P.O. Box 3123
Seal Beach, CA 90740
vannghemoi@gmail.com
www.ngothevinh.com

ISBN 978-0-9793097-0-0
Giá: **$16.00**

Tác phẩm mới nhất của Ngô Thế Vinh với những trang bút ký và nhiều hình ảnh sống động của tác giả qua những chuyến đi thăm các khúc sông thượng nguồn từ Vân Nam, Lào Thái, Cam Bốt xuống tới ĐBSCL; cũng để thấy rằng những bước suy thoái của dòng sông đã và đang diễn ra nhanh hơn dự kiến của nhiều người khi mà ngoài chuỗi đập thủy điện bậc thềm khổng lồ Vân Nam chắn ngang dòng chính, từ tháng 12 / 2006 sông Mekong đang là thủy lộ chở dầu hỏa từ Trung Đông vào Trung Quốc qua ngả Thái Lan thay vì phải đi qua eo biển Malacca.

Giá Bán 7 Mỹ Kim